

Năm Tháng Tĩnh Lặng Kiếp Này Bình Yên

Contents

Năm Tháng Tĩnh Lặng Kiếp Này Bình Yên	1
1. Chương 1: Lời Nói Đầu	2
2. Chương 2: Hoa Nở Gặp Phật	3
3. Chương 3: Bồ Đề Hoa Nở Hoa Lại Rụng	12
4. Chương 4: Lướt Qua Nhau Giữa Hồng Trần	16
5. Chương 5: Phong Tình Cổ Trấn	20
6. Chương 6: Thủy Mặc Huy Châu	25
7. Chương 7: Tương Phùng Huệ Sơn	29
8. Chương 8: (3) Ký Sướng Viên	32
9. Chương 9: Lệ Giang Phong Tình	35
10. Chương 10: Đạo Tràng Bồ Đề	38
11. Chương 11: Cảnh Thứ Nhất: Phật Quang Kim Đỉnh	41
12. Chương 12: Cảnh Thiền Cửu Hoa	45
13. Chương 13: Thánh Địa Ngũ Đài	48
14. Chương 14: Nước Hồ Xanh Biếc	49
15. Chương 15	51
16. Chương 16: Hồ Kanas Bốn Mùa	55
17. Chương 17: Namtso Thiêng Liêng, Thuần Khiết	59
18. Chương 18: Sóng Nước Trong Mộng	62
19. Chương 19	67
20. Chương 20: Tháng Năm Dung Thành	70
21. Chương 21: Tháng Năm Dung Thành	75
22. Chương 22: Mây Khói Thảo Đường	77
23. Chương 23: Hoàng Thành Bắc Bình	81
24. Chương 24: Di Hòa Viên - Non Nước Như Tranh	83
25. Chương 25: Sự Thất Truyền Của Viên Minh Viên	88
26. Chương 26: Trùng Phùng Trên Biển	94
27. Chương 27: Mùa Xuân Thượng Hải	96

Năm Tháng Tĩnh Lặng Kiếp Này Bình Yên



Giới thiệu

Đường như đã đi rất lâu, phong cách vốn xa xôi, giờ rõ ràng có thể chạm tay là tới, lại chần chừ cất

Đọc và tải ebook truyện tại: <http://truyenclub.com/nam-thang-tinh-lang-kiep-nay-binh-yen>

1. Chương 1: Lời Nói Đầu

Năm tháng tĩnh lặng, kiếp này bình yên.

Phong cảnh tươi đẹp dường như luôn ở phía xa. Thế nên, có bao người lựa chọn giữa mùa này an nhiên dạo bước ngắm cảnh hoa nở, lên thuyền thưởng ngoạn hồ nước sóng xuân? Dọc đường phong trần, để kịp ước hẹn với thời gian, có người sẽ gói ghém áng mây nhàn nhã vào tay nải, có người lại đặt nặng nơi đầu vai. Họ đều đang tìm kiếm chốn cố hương thuộc về tâm hồn đó, nhưng trong lúc vội vã, lại quên đi đường đến, lạc mất đường về.

Thưở niên thiếu ấy, một lòng chỉ muốn rời khỏi cây cầu đá của làng quê sông nước, từ đây làm một lữ khách dạo bước nơi góc bể chân trời. Sau này thực sự ra ngoài rồi, kinh qua gió mưa, lặn lội xuân thu, cũng đã ngắm hết núi sông tươi đẹp, thì trái tim non nớt thưở nào đã bị năm tháng mài mòn, cũng trải qua biết bao tình cảnh, bao tâm trạng thê lương. Có lẽ cũng từng nảy sinh tình cảm với non sông cây cỏ, ấp ủ dệt câu chuyện cùng vạn vật muôn loài, nhưng đến phút cuối cùng, rốt cuộc vẫn chỉ là những người lạ vô tình lướt qua nhau, người đến tới đi, ai yên mệnh này...

Có một ngày, tôi chèo con thuyền mỗi một quay về, tự nói với chính mình, không cần giả bộ trẻ trung, chờ đợi một cuộc tương phùng lê hoa trắng tựa tuyết. Quên mất rất nhiều lời đã từng thề ước, nói với người đã từng nắm tay đồng hành rằng, cùng nhau an nhiên tự tại, chớ nên buồn bã sầu lo. Và sau đó, bình yên sống trong căn nhà cũ nhỏ xinh, ngồi dưới khung cửa sổ an nhàn, lấy nước xuân hãm một bình trà mới, ngẫm hết thấy những thế sự thăng trầm trong đó. Rồi sau lại tin rằng, uống cạn ly trà này, một cuộc sống mới sẽ lại bắt đầu từ đây.

Dưới ánh nắng mặt trời, cực sách[1] pha trà, ngồi lặng nghỉ ngơi. Thi thoảng có khách lữ hành đi ngang qua hiên nhà, chỉ để mượn cớ hỏi một câu: Hoa mai bên đường đã nở hay chưa? Dương liễu ven hồ còn xanh chứ? Dưới tường xanh ngói đỏ, cuộc gặp gỡ ngắn ngủi này lại trở thành một phong cảnh tao nhã. Thời gian có hạn, lại khiến tôi nhớ mãi sự tiêu diêu tự tại của một người khách qua đường. Khoảnh khắc quay người, vẫn có thể cảm nhận được sự lưu luyến thoáng qua trong ánh mắt của đôi bên.

[1] Nguyên văn “Đổ thư bát trà”: Vợ chồng Lý Thanh Chiếu và Triệu Minh Thành đều thích đọc sách sưu tầm sách, Lý Thanh Chiếu có trí nhớ hơn người, cho nên mỗi lần ăn cơm xong, cùng nhau đun trà, lại dùng phương thức thi đấu để quyết định ai là người uống trà trước, một người hỏi điển cố nào đó lấy từ trong sách nào, quyển mấy, trang mấy, dòng thứ mấy, đối phương đáp trúng thì được uống nước, nhưng người thắng luôn vì quá vui, làm rót nước trà lên người. Vì thế trở thành một giai thoại đẹp, dùng để hình dung tình cảm vợ chồng hoà thuận, coi nhau như khách.

Sau này, cuối cùng tôi cũng hiểu, hoá ra tôi mãi cho rằng mình quay lại cố hương, nhưng không phải, thực tế đôi bàn chân này vẫn luôn hướng về phía trước. Điểm cuối của đời người, không phải là khi đi đến tận cùng non nước, cũng không phải sau khi kết thúc sinh mạng, mà là khoảnh khắc trút bỏ hành trang đó. Khi

bạn thực sự trút bỏ rồi, cho dù một đời lên đênh phiêu bạt, cũng có thể nhạt như gió lành, tự tại yên ổn. Nếu như trong tim có trắng sáng, hà cớ phải sợ ảo ảnh thế gian? Hồng trần khói lửa, vẫn có thể lặng nhìn hoa rơi, thành thời ngấm mây trắng đầy thời.

Dường như đã đi rất lâu, phong cách vốn xa xôi, giờ rõ ràng có thể chạm tay là tới, lại chần chừ cất bước. Chỉ bởi hẹn ước khó cất thành lời, bởi bất cứ sự chờ đợi nào đều thúc giục con người già đi, già đi nhanh hơn cả năm tháng. Những con người vội vã lướt qua nhau, đến như gió, đi như gió, vì vậy càng nên trân trọng. Thế gian phong cảnh muôn vàn, tôi chỉ nguyện, mỗi người đều có thể bước vào cuộc đời của chính mình. Một ngày nào đó, dù là người rẽ lối, dù là người không còn trong tầm mắt tôi, tôi chỉ mong rằng con đường đó luôn suôn sẻ.

Thời gian rất ngắn, chân trời rất xa. Mỗi non mỗi nước, mỗi sớm mỗi chiều về sau, hãy tự mình yên lặng đi hết. Nếu như không cẩn thận lạc đường, rơi xuống nước, cũng nên nhớ rằng, có một dòng chảy, gọi là trùng sinh. Thế gian này, bất cứ nơi nào, đều có sự sống, bất cứ điểm đến nào, đều có thể là chốn về.

Vậy thì, đừng đến tìm tôi, tôi cũng không đi tìm bạn. Giữ cho thời gian còn lại, năm tháng tĩnh lặng, kiếp này bình yên.

Bạch Lạc Mai

Thái Hồ, tháng Ba năm 2012

2. Chương 2: Hoa Nở Gặp Phật

Hoa nở gặp Phật. Phật ở nơi nao? Giữa chốn đông không mông quanh cỏ cây tàn tạ, một ngọn cỏ xanh non là Phật; giữa đêm tuyết im lìm không một tiếng động, một chậu than hồng là Phật; giữa sông bể mênh mang vô bờ, một chiếc thuyền con là Phật; giữa sắc màu đan xen rối rắm, đơn sơ là Phật; giữa tháng ngày loạn lạc huyền ảo, bình an là Phật. Gặp Phật khi nào? Trong năm tháng đợi chờ hoa nở, giữa phù hoa giữ sự đơn thuần, trong phần tạp tinh tâm dưỡng tính, sẽ có thể gặp Phật.

Nhân sinh như một bình thiền trà

Sau này mới biết, trong lòng chúng sinh, trà có mùi vị khác nhau. Thứ trà mới dùng nước tinh khiết đun sôi trong bình đó, quần quanh giữa rừng và môi của trà khách, uống xong, có người cảm thấy đắng như sinh mệnh, cũng có người thấy nhạt như gió lành.

Trà có đậm có nhạt, có nóng có lạnh, có buồn cũng có vui. Dùng một trái tim trần tục để thưởng trà, khó tránh khỏi chỉ chăm chăm vào sắc, hương, vị, mà thiếu đi một phần thanh đạm và chất phác. Trà có ngàn vạn vị, thậm chí hoà lẫn với thế sự và cảm tình. Dùng một trái tim siêu thoát để thưởng trà, thì có thể ung dung tận hưởng sự tĩnh lặng tuyệt mỹ của mây bay ngang trời, của nước biếc không gợn sóng.

Trà, bắt nguồn từ tự nhiên, trải tinh hoa năm tháng, tắm thử thách xuân thu, từ đó mà có linh tính như phách hồn non nước. Trà có thể dùng để gột bỏ bụi trần, gạn lọc tâm tình, kết nối thiện duyên. Cho nên, người biết cách thưởng trà, cũng là một người tình nguyện để bản thân sống một cách giản đơn và thuần khiết. Hãy tin rằng, thiền là một cảnh ý, có những người dùng cả đời cũng không thể rũ bỏ chấp niệm, ngộ được bồ đề. Mà có những người chỉ dùng thời khắc của một ly trà, cũng có thể bước ra từ vạn điều hỗn tạp, trở nên tinh khiết như hoa sen.

Đời người có bảy nỗi khổ[1], chúng sinh lưu lạc trong nhân gian, ném hết mọi đắng cay, đổi lấy vị ngọt ngào. Phần hoa ba ngàn, nhưng cuối cùng đậu lại trần ai, giống như màn đêm trút bỏ lớp trang sức của ban ngày, trầm tĩnh mà yên ắng. Thời gian trôi qua như một cái búng tay, năm nào còn quan tâm được mất, tính toán bại thành, giờ đều đã thành khói mây qua mắt. Bất cứ khi nào, bờ bên kia đều chỉ cách một bước chân, lạc lối biết quay lại, trời sẽ quang đất lại rộng dưới chân mình.

[1] Bảy nỗi khổ của đời người theo quan niệm của nhà Phật là: Sinh, lão, bệnh, tử, oán hận mà phải ở cạnh nhau, yêu nhau mà phải ly biệt, cầu mà không được.

“Tâm kinh[2]” viết: “Vô quải ngại cố, vô hữu khủng bố, viễn ly điên đảo mộng tưởng. Nhất thiết tùy duyên, nhất sinh tùy duyên, phương đắc tự tại.” (Tâm không uế chướng, nên không sợ hãi, vượt khỏi sai lầm. Tất cả tùy duyên, một đời tùy duyên, mới được tự tại) Một người ngoan cố nứ giữ cả đời không buông, không thích hợp tu hành. Một người si mê nhân quả, cũng không thích hợp tu hành. Trà có Phật tính, giống như mây in bóng nước, vài chén trôi xuống ruột, đầu óc liền thanh thoi. Cho nên người ta tu hành thường thích cả ngày chìm đắm trong trà, vứt bỏ tạp niệm, chứng ngộ tâm bồ đề.

[2] “Tâm kinh” tên đầy đủ là “Ma Ha Bát Nhã Ba La Mật Đa Tâm kinh” hay còn gọi là “Bát Nhã Tâm kinh”, đây là kinh ngắn nhất chỉ có khoảng 260 chữ của Phật giáo Đại Thừa và Thiền tông.

Trời đất mênh mông, chúng ta như cọng cỏ. Không khiến bản thân kinh động thế giới, cũng không để thế giới kinh động bản thân. Khi con người chào đời, vốn chẳng có hành lý, cứ đi thêm một đoạn đường, lại mang thêm một tay nải. Mà chúng ta gói ghém thế tục thế nào, để có thể chuyển thành hành lý Thiền? Chỉ có dùng một trái tim thanh tịnh, nhìn ngàn vạn thế thái nhân tình, mới có thể xóa bỏ định kiến, vui vẻ an nhiên.

Trà có bốn đức, từ bi hỉ xả. Cái gọi là “Vân Thủy Thiền Tâm”, tức là trong một ly trà trong, thường được chân ý có sinh ắt có tử, có tụ ắt có tán, có tươi ắt có héo. Nên biết trong bi thương sẽ có hạnh phúc, trong mất ắt có được. Một người từ bi với chính mình, mới có thể từ bi với vạn vật.

Thời gian như nước, phẳng lặng là tươi đẹp. Ngày tháng như sen, bình dị là tao nhã. Thường trà cũng là tu Thiền, cho dù là hồng trần huyên náo hay núi non tĩnh lặng, đều có thể trở thành đạo trang tu hành. Khắc chế dục vọng, đánh đuổi phiền nhiễu, không bị quan, không trốn tránh, đó là một cách sống giản đơn. Tự tại an nhiên, cho dù là một trái tim chật hẹp, cũng có thể chuyên chở vạn vật khởi diệt[3].

[3] Khởi diệt: Thuật ngữ Phật giáo, chỉ nhân duyên hoà hợp mà sinh ra, và vì duyên hết mà tiêu diệt.

Tất cả tình duyên trên thế gian đều có số kiếp cả. Kẻ có tình chưa chắc có duyên, kẻ có duyên chưa chắc có tình. Tùy duyên là an, có thể ngộ đạo. Nước trà rửa tâm, tâm như gương sáng, một người chỉ cần nhìn rõ bản thân là có thể nhận biết thế giới vô thường. Khi ý loạn tình mê, đừng để đến lúc hoảng loạn. Tĩnh tâm ngồi Thiền, ngày mai sẽ như hẹn mà đến. Hoa xuân vẫn đẹp như xưa, trăng thu vẫn tròn như thế.

“Kinh Kim Cương[4]” viết: “Quá khứ tâm bất khả đắc, hiện tại tâm bất khả đắc, vị lai tâm bất khả đắc.” (Tâm quá khứ không thể có, tâm hiện tại không thể có, tâm tương lai cũng không thể có) Chúng ta không nên vì một bị kịch định mệnh mà lựa chọn đau thương, nhưng cũng không thể vì sự việc viên mãn của tương lai mà bỏ việc tu hành. Thường trà, là để tu tâm, hiểu thấu thiền ý trong tĩnh thủy không bụi trần để chúng ta không bị mê hoặc, tránh khỏi sự trôi dạt vô nghĩa kia, kịp thời đến bến bờ thanh tịnh.

[4] “Kinh Kim Cương”: tức “Kim Cương Bát Nhã Ba La Mật Đa kinh”, một bộ kinh quan trọng thuộc hệ Bát Nhã Ba La Mật Đa kinh, được lưu truyền rộng rãi ở vùng Đông Á.

Thường trà có thể khiến người ta tha thứ lỗi lầm, có được sự thanh thản trong mỗi ly trà. Đời người thực sự hoàn mỹ khi chưa lại khoảng trống, khoảng trống tức là “không minh” mà Phật gia nhắc tới. Nhân gian là một sân khấu thể hiện cái tôi tốt nhất, nếu như có một ngày kịch đến hồi kết, một khi đã siêu thoát, hãy buông bỏ tất cả, đừng như bị đẩy vào ngõ cụt. Phải tin rằng, khi không có lựa chọn khác, sẽ có lựa chọn tốt nhất.

Vô pháp vô thường, duyên khởi tính không. Vạn vật vì duyên hoà hợp mà sinh, cũng vì duyên mà diệt. “Vân vân thu[5]” tức là lúc chim mỗi cánh quay về tổ. Phật nói bể khổ vô biên, quay đầu là bờ, mỗi một lần trở lại đều là quay đầu, mỗi một lần qua sông đều là chèo thuyền. Cho dù con đường phía trước có bao xa, xóa bỏ ngã chấp, sau đó ăn gió uống sương, biển trời mênh mông, đều là chốn về.

[5] Vân vân thu: Mây chiều ngưng lại.

Nước lặng chảy sâu, người đơn giản nội tâm thanh thản, càng dễ dàng thâm thấu Thiền lý. Tu Phật cũng như thưởng trà, uống một ly trà từ đắng đến không có vị, đó là cảnh giới của Thiền. Đời người cũng nên bỏ phức tạp lấy giản đơn, nương theo thế sự, tâm trước sau như sen, yên tĩnh hể nở, lại giống như ngàn vạn khe suối, cuối cùng đều đổ về một dòng sông, róc rách trong vắt, giản dị yên bình.

Uống trà, cần một trái tim thanh đạm. Cho dù ở chốn phố chợ ngựa xe sầm uất cũng có thể cảm nhận được

sự thanh nhã của gió xuân lướt qua tai, của nước thu gột bụi trần, của mây trôi ngoài cửa, của chim bay qua thềm. Hương khói xoay vòng, như có như không, giải nghĩa nhân sinh như hư như thực. Trên bàn, một chiếc mõ gỗ, vài quyển kinh thư nằm yên, còn có tràng hạt vương vãi, dưới ánh trăng nhàn nhạt, xa cách lạnh lẽo.

Mây gió thế gian biến ảo khôn lường. Phật gia chú trọng nhân quả luân hồi, cho dù là vật chuyển sao dời, cũng có một ngày đều khỏi tan mây tan, trở về cát bụi. Như trà, chất chứa tinh hồn của vạn vật, rót vào trong chén, trước sau một sắc, trong vắt thấu tỏ.

Siêu thoát không cần dừng khí và quyết tâm, mà cần thiện ý và thanh tĩnh. Ngày ngày những dòng chảy hối hả, vinh nhục phàm trần mà chúng ta nhìn thấy, kỳ thực đều chỉ là một vở kịch. Một nhà tu hành chỉ có đủ thiền định mới có thể bước ra khỏi con đường nhân sinh tù túng, ngắm mây tụ đồng xanh, nhận đậu cát bằng.

Phật nói, buông bỏ chính là đạt được, tàn khuyết chính là viên mãn. Chúng ta thường dùng vô số thời gian mà vẫn không thể thuộc được kinh văn, đến khi ngộ đạo, lại có thể đọc lướt không quên. Rất nhiều người cho rằng Thiền tĩnh thâm uyên bác, kỳ thực nó tồn tại trong thời gian một lần đọc, trong mỗi ngày đi qua, trong mỗi giọt nước, trong mỗi đoá hoa, trong thế giới Ta Bà[6].

[6] Thế giới Ta Bà: Theo kinh điển Phật giáo thì các loài chúng sinh hữu tình hiện sinh luân hồi trong thế giới Ta Bà (Sa Bà, Samsara) hay còn gọi là Tam Giới: Cõi dục giới, Cõi sắc giới và Cõi vô sắc giới.

Thưởng trà, có thể dùng đồ gốm, tách sứ, chén ngọc, cũng có thể dùng chung tre, bát gỗ. Chúng sinh thưởng trà, đa phần là để xua đi thời gian rảnh rỗi, tịch liêu. Mùi vị hay sự nóng lạnh của trà dường như không quan trọng. Còn thiền trà mà tăng giả uống, cũng không cần lễ tiết, chỉ uống một cách thoải mái, mùi vị chính là vị Bát Nhã.

Thời gian lãng đãng, mây nước ngàn năm. Trà thành thói quen trong cuộc sống, thành một tri âm không thể thiếu của người tu hành, chỉ là bao nhiêu người có thể đem năm tháng sôi sục bất an, uống đến mức nước lặng không gợn sóng? Bao nhiêu người có thể đem thế tục vẫn đục u minh, uống đến trong vắt tinh khiết? Có lẽ chúng ta có thể lựa chọn một ngày bất kỳ, cho dù mưa nắng, không quản xuân thu, uống hết một bình thiền trà nhân sinh, quay về bản ngã, tìm lại chính mình thuở ban đầu.

Có lẽ sẽ có một ngày nào đó, tôi sẽ uống cạn một ly trà cuối cùng của hồng trần, rời bỏ ba ngàn thế giới, đổi lấy một đời bình an. Là lạc lối quay lại hay thiền định ngộ đạo cũng không quan trọng. Sau đó, núi lạnh đường mòn, cưỡi ngựa trắng mà đi, uống hết nước ngàn sông, thưởng Thiền trà ngắm mây gió nhẹ bay.

Mỗi bông hoa, mỗi chiếc lá đều liên quan đến Thiền

Cực sách pha trà, tựa lầu nghe mưa. Tháng ngày của Thiền luôn tĩnh lặng vô thanh như thế. Bên ngoài khung cửa gió chuyển mây vùn, ngựa xe như nước, nội tâm lại an nhiên bình hoà, thanh khiết hư không. Đạm bạc như thế, không phải là xa cách trần thế, mà là giữa trần thế vẫn khiến bản thân thanh thản. Nhân sinh chính là một cuốn sách, chân lý được cất giấu trong mỗi sự việc bình thường. Trở về trạng thái ban đầu, tùy duyên mà an.

Hoa mai năm đó, không biết đã rụng dưới sân tường nhà ai, gạch xanh ngả màu, ngói đen dầm ứ. Không biết từ khi nào, những người theo đuổi giấc mộng tuổi xuân, ngưỡng mộ gió Đường trăng Tống, bắt đầu cuộc sống chỉ cần một ấm trà, một quyển sách. Thời gian vẫn trôi như cũ, chỉ là người đi trong thời gian ấy, chân chừ không chịu sai bước. Những thế sự biến động chẳng yên đó, đã hoá thành nước trôi khỏi nhạt. Ngày hôm qua của trăng gió tình hoài, cũng chỉ là hào sảng trong giấy lát.

Đối với thời gian, chúng ta không cần kinh sợ, nó đem đến sự sướng khổ cho chúng sinh, bản thân chúng ta cũng già đi trong sự vô tình. Trái tim của mỗi con người đều là một khung cửa sổ nhỏ nhỏ, mở ra là tục thế khói lửa, đóng lại là mây nước Thiền Tâm. Có người có dừng khí thể nguyên cùng sinh cùng tử với hồng trần, có người lại quyết tĩnh tọa Thiền tâm không oán hận. Đi khắp vạn dặm non sông, bỗng nhiên quay đầu, chuyện ân thù hoan lạc trong giang hồ đã thành nhẹ như mây trôi gió thoảng.

Đã biết như thế, lại tranh giành thắng thua với thời gian một cách vô ích. Làm một người chất phác giản đơn, để cho tâm sáng thấu triệt. Phật nói: “Chớ làm điều ác, hãy làm điều lành, giữ tâm trong sạch, đây là lời chư Phật dạy.” Nhìn thì đơn giản, nhưng để làm một người lương thiện, một người thuần khiết, lại chính

là tu vi lớn nhất của đời này. Bước đi trong hồng trần cuộn cuộn sóng gió, có được mấy người đạt cảnh giới tốt cùng như thế?

Thanh tịnh tâm ý, là Thiền ý cao thâm nhất. Sở dĩ phiền não của chúng sinh không dứt, là vì tâm bị phù vân vọng niệm che khuất, không thể sáng rõ. Làm thế nào để quét sạch trần ai, để tâm tinh khiết như hoa lê trong tuyết, sáng rõ như trăng tỏ giữa trời quang, thì lại phụ thuộc vào tu vi, vào mầm thiện trong mỗi người. Có lúc, chỉ một sát na[7], vọng niệm tiêu tan, giác ngộ thành Phật.

[7] Sát na là thuật ngữ nhà Phật hay sử dụng, chỉ đơn vị ngắn nhất của thời gian; hay nói cách khác, sát na chỉ thời gian chớp nhoáng của mỗi biến đổi. Một ngày hai mươi tư giờ được tính bằng sáu ngàn bốn trăm tỷ, chín vạn, chín ngàn, chín trăm tám mươi sát na.

“Hán thư[8]” viết: “Nước trong quá thì không có cá, người xét nét quá sẽ chẳng có bạn bè.” Cái gọi là “vật cực tất phản”, mạnh mẽ quá sẽ chuốc nhục, cũng là như thế. Ngọc đẹp vẫn còn có vết, người há lại có kẻ hoàn mỹ sao? Chỉ cần lòng độ lượng bao dung, lòng kiên nhẫn, đó chính là phẩm chất tốt đẹp. Nhưng trên thế gian này có một dòng sông mang tên Thiền, cho dù qua bao nhiêu năm tháng, trước sau vẫn trong vắt đến mức nhìn thấy đáy, mà chúng sinh lại như tảng đá bắc qua sông, có thể yên ổn dưới lòng nước.

[8] “Hán thư”: còn gọi là “Tiền Hán thư”, do sử gia thời Đông Hán là Ban Cố biên soạn, là bộ sử đoạn đại thế kỷ truyện đầu tiên của Trung Quốc, một trong “nhị thập tứ sử”.

Hoan lạc chốn nhân gian như giấc mộng không dấu vết. Vì đã mệt mỏi vãng lai giữa phàm trần, cho nên càng nhiều người nguyện làm một loài cây bình thường, cho dù nhỏ nhoi, nhưng lại được sống cuộc sống giản đơn, chất phác hơn loài người. Chỉ muốn yên ổn, tĩnh lặng cho qua ngày, không để tâm đến duyên kiếp khi xưa hay quả báo sau này. Trong con mắt của Phật, một ngọn cỏ, một nhánh cây đều có tình, một bông hoa, một phiến lá hết thảy đều liên quan đến Thiền niệm. Những nơi Phật đã đi qua, cho dù là nơi sơn cùng thủy tận, cỏ cây tuyệt diệt, nhưng vì có sự hiện diện của Phật mà đều có Thiền ý, đều có từ bi.

Có người hỏi, chặng đường tu Phật rốt cuộc xa đến nhường nào? Cần tiêu phí bao nhiêu thời gian? Phật Đà tu hành hằng trăm hằng nghìn năm, trải qua ngàn vạn kiếp số, ở bờ bên kia Phật quốc, vì chúng sinh trồng hoa sen khắp nơi. Mà chúng ta chỉ vì muốn rũ bỏ nghiệp chướng, sân si, tìm một con thuyền vượt sông, để có thể lên bờ. Phật độ người hữu duyên, quá trình này, có lẽ là một sát na, cũng có thể là cả một đời. Con thuyền vượt sông đó là gì? Là một con nhện trước thềm điện Phật, là một làn gió thơm ở hành lang tự viện, là một ngọn rong trên ao phóng sinh, hoặc là một hạt bụi thấp thoáng lưng trời.

Phật nói: “Nguyện giải thoát vô số chúng sinh, nguyện đoạn tuyệt vô số phiền não, nguyện tu học Phật pháp nhiều vô lượng, nguyện chứng đắc bồ đề vô thượng[9].” Con mắt thanh tịnh nhìn thấu cõi đời, gió cuộn mây vùn, cá rồng lẫn lộn, duy chỉ có tâm linh là mảnh đất lành. Tâm yên sẽ không bị thế sự làm kinh hãi, quấy rầy. Phật để chúng sinh sống tạm nơi hồng trần mệnh mang, hồng trần tức là đạo tràng, ở đây, chúng ta phải học được cách gặp sao vui vậy. Mù quáng chạy trốn sẽ chỉ đẩy chúng ta rơi vào cảnh khốn cùng hơn nữa mà thôi. Tâm loạn, dù mặc sức đi trên con đường lớn, cũng chỉ như đang đi giữa nơi chật hẹp bí bách. Tâm an, cho dù là nhà cũ giếng cạn, cũng vẫn như bay giữa trời cao vợi vợi.

[9] Là bốn câu “Tứ hoằng thệ nguyện độ” – bốn lời thề nguyện của những người tu hành theo Bồ tát đạo thuộc về các tông phái Đại thừa, tuy nhiên ở phiên bản này có sự khác biệt ở câu thứ tư, là “Bồ đề vô thượng thệ nguyện chứng” thay vì “Phật đạo vô thượng thệ nguyện thành” như thường thấy.

Hoa nở gặp Phật. Phật ở nơi nào? Giữa chốn đồng không mông quạnh cỏ cây tàn tạ, một ngọn cỏ xanh non là Phật; giữa đêm tuyết im lìm không tiếng động, một chậu than hồng là Phật; giữa sông bể mệnh mang vô bờ, một chiếc thuyền con là Phật; giữa sắc màu đan xen rối rắm, đơn sơ là Phật; giữa ngày tháng loạn lạc huyền ảo, bình an là Phật. Gặp Phật khi nào? Trong năm tháng đợi chờ hoa nở, giữa phù hoa giữ sự đơn thuần, trong phần tạp tinh tâm đường tính, sẽ có thể gặp Phật.

Phật luôn hiện hữu, độ hoá, quan tâm đến muôn vạn chúng sinh. Như mẹ hiền chong đèn vá áo, đau đau, dõi theo những đứa con đi xa; như danh tướng dõi trông sắc trời, nhớ nhung hồng nhan nơi quê cũ; như thôn phụ tựa cánh cửa gỗ, đợi chờ tiêu phu trở về. Mà những thế nhân say đắm trong hồng trần đó, có thể buông bỏ hay không? Đứa con đi xa liệu có thể buông bỏ phong cảnh non xanh nước biếc? Danh tướng có thể buông bỏ sự nghiệp non sông để trở về? Tiêu phu có thể buông bỏ cuộc sống rau cháo sinh nhai hay không? Chỉ có buông bỏ, mới có thể thành Phật.

Thiền tông thời Tống chia tu hành thành ba cảnh giới. Cảnh giới thứ nhất là “Lạc diệp mãn không sơn, hà xứ tầm phương tích” (Lá rụng đầy núi vắng, nơi nào tìm dấu thơm); cảnh giới thứ hai là “Không sơn vô nhân, thủy lưu hoa khai” (Núi trống không người, nước trôi hoa nở); cảnh giới thứ ba là “Vạn cổ trường không, nhất triều phong nguyệt” (vạn năm đằng đẳng, trăng gió mau trôi). Có lẽ chúng ta không cần hiểu thâm ý bên trong, chỉ biết cho dù thời gian có trôi qua bao lâu, Phật pháp sẽ trường tồn cùng trời đất. Chúng ta chỉ là một sinh linh thuộc về chính mình giữa vũ trụ vạn vật, yên tĩnh sinh trưởng, bình an qua ngày. Còn tu hành, thì trong những tháng ngày luân chuyển xuân hạ thu đông, tự khắc sẽ nhận được quả báo.

Thời gian vẫn vậy, chỉ tăng không giảm, cỏ cây vẫn xanh tốt như xưa, chỉ là chúng ta không còn trẻ nữa. Tháng năm đằng đẳng, mỗi chặng đường chúng ta đi qua luôn có cảm giác như từng quen biết, đó là vì các mùa trở lại, câu chuyện tái diễn, mà đời người cuối cùng cũng như vậy, chẳng có gì khác biệt. Rồi một ngày, thời gian sẽ thổi bay tất cả, tất cả hoài nghi, tất cả mê lầm, và tất cả bất an đều ẩn mình, cho đến khi không vương mảy may bụi trần. Mà những vò rượu cất ủ tồn tại theo tháng năm cũng sẽ được mở ra vào lúc thích hợp, vào một ngày trăng thanh gió mát, để từ khách bình thần thưởng thức.

Ngọc thô tự nhiên cần được thời gian mài giũa. Đời người hoa lệ, cần Thiền tâm nuôi dưỡng. Hãy đem hoà tấu rộn ràng gửi vào tiếng trúc tiếng tơ; dùng khói lửa phàm trần đối lấy một chén băng tâm trong bình ngọc. Tại thế gian vô thường, đối diện với ngày mai không thể đoán định, những gì ngày hôm nay có thể làm được, chính là tĩnh tâm ngồi Thiền, nuôi dưỡng tính tình. Để bản thân từ từ bước ra khỏi trần ai loạn thế, trở nên trong sạch tinh khôi.

“Lục Tổ đàn kinh[10]” viết: “Hết thấy chúng sinh, hết thấy cây cỏ, có tình vô tình, đều là tôi tớ, trăm sông cùng chảy, đổ về biển lớn, hợp thành một thể.” Trên đá tam sinh có khắc ghi nhân quả, mỗi nhánh hoa mỗi phiến lá đều liên quan đến Thiền. Chúng ta không cầu trăng sáng trong tay, không cầu hoa thơm đầm áo, chỉ nguyện năm tháng giản đơn hạnh phúc, bình lặng thanh tịnh. Sẽ có một ngày, Phật duyên tới, ấy chính là đích đến.

[10] “Lục Tổ đàn kinh”: Tên đầy đủ là “Lục Tổ đại sư pháp bảo đàn kinh”, hay còn gọi là “Pháp bảo đàn kinh”, “Đàn kinh”, do Lục Tổ Huệ Năng thuyết giảng vào đời Đường, đệ tử là Pháp Hải sớ tam chép lại, ngài Tông Bảo hiệu đính và ấn hành vào đời Nguyên, được xếp vào “Đại Chính Tạng”, tập 48.

Một khúc Vân Thủy tổ Thiền Tâm

Thời khắc đẹp như nước trôi, hăm một bình ánh trăng, trong sân nhỏ sâu khuất, gảy một khúc “Vân Thủy Thiền Tâm”. Những trần ai phiêu lãng của ban ngày, lúc này đã tiêu tán hết, khói mây thu lại, lãng quên sự đời. Sơn phần hồng trần đều hạ màn, chim tước về hết chốn sơn lâm. Nước chảy im lìm, một chiếc thuyền nhỏ chèo ngang, thế giới hư ảo đã chìm nơi sóng biếc, không thể tìm được bóng dáng của những chuyện đã qua.

Mây trôi hờ hững, nước róc rách chảy, tiếng đàn tinh tang vô tình, khiến ta quên đi nhân tình thế thái, chỉ nghĩ tới sự trong sạch vô trần chốn đài thiêng. Sự linh hoạt kỳ ảo và véo von của âm nhạc Giang Nam mang đến cho người ta một vẻ đẹp và sự dịu êm mông lung bất định. Những ngày tháng đi khắp giang hồ, tiêu cầm bầu bạn đó đã sớm lùi xa. Đi sau những tháng năm phong trần, tuế nguyệt không còn dịu dàng nữa, chẳng mấy chốc, khách lạ về cố hương, thanh xuân đổi sang đầu bạc.

Vân là gì? Mây tự nhiên tự tại bay trong vạn dặm không trung, không dấu không vết, không chốn đi về, cùng với cảnh trí bốn mùa, biến ảo khó lường, sớm chiều đổi khác. Lúc rực rỡ diễm lệ như cầu vồng, lúc trắng muốt như tuyết, lúc dày đặc như sương mù, lúc lại tàn mát như khói. Tên của nó là Vân, ngạo nghễ trên bầu trời, trăm ngàn tư thế, vạn phong tình. Tuỳ duyên mà tụ, tuỳ duyên mà tan, một đời sáng rõ, không hề có vết tích. Đến cũng như đi, đều không mang theo thứ gì, ba nghìn ảo cảnh, đều là mơ hồ.

Thủy là gì? Hướng thiện như nước, tự tại chảy trôi. Một đời của nước đều khiêm nhường, sáng tạo chúng sinh, nuôi dưỡng vạn vật. Không thấy hình của nó, nhưng lại nghe được âm của nó, biết được cốt của nó. Nước tuy yếu ớt, nhưng lại có cái mạnh mẽ của giọt nước xuyên đá tảng. Suối chảy róc rách, nhưng lại có cái khí thế trăm sông hội tụ. Sóng trong biêng biếc, nhưng lại sâu thẳm khó lường. Sóng cả ào ạt, nhưng lại có cái tinh tế uyển chuyển. Đây chính là nước, có thể rửa trôi vui buồn, cũng có thể xoa mọi phù hoa. Nó chảy qua ngày tháng, trang nhả ung dung, yên lặng vui vẻ, không cầu không ước.

Thiền tâm là gì? Thiền tâm là một bình trà trong dưới nắng chiều, là một cây bồ đề trong đồng nội xanh non, là một luồng sáng trong những tháng năm như nước, là một khúc nhạc nền trong vở kịch nhân sinh. Thiền tâm là giữa núi rừng hoang vắng nhặt nhạnh hết những cành cây lạnh lẽo khảnh khiêu, là buông câu giữa trời tuyết bên bờ sông trên chiếc thuyền nhỏ nhỏ; cũng là vội vã qua qua lại lại trên con đường nhân sinh, là nỗi niềm vui sướng ân oán hận thù trong giang hồ mưa gió. Trong lúc bạn toạ Thiền, tâm để ngoài trần thế. Trong lúc bạn ở trần thế, tâm vẫn có thể nhập Thiền.

Mỗi người duy chỉ có mài giũa hết sự sắc nhọn của bản thân, mới có thể thực sự tự tại bình thản. Khi đó, càng hiểu được cách bình tĩnh đối đãi với sự tụ tan ly hợp của đời người, đón nhận khổ nạn và tang thương mà năm tháng mang đến. Đã từng có những năm tháng rực rỡ, đến nay nhìn tường tịch liêu thưa vắng, lại có vài phần phong cốt, tăng thêm ý vị. Duy chỉ có như thế, mới có thể có được Thiền Tâm tĩnh táo và sáng suốt, dù khói mây biến ảo, nước trôi ào ào, cũng không thay đổi sắc màu non sông.

“Lục Tổ đàn kinh” viết: “Con người ta bản tính trong sạch thanh tịnh, vạn pháp đều sinh ra từ tự tính[11]; nghĩ đến hết thấy việc ác, thì sẽ làm chuyện ác; nghĩ đến hết thấy việc thiện, thì sẽ làm điều thiện. Chư pháp như thế, đều từ trong tự tính, như trời luôn trong xanh, mặt trăng mặt trời luôn toả sáng, vì mây nổi che khuất, mà trên sáng dưới tối, bỗng có gió thổi mây tan, trên dưới đều sáng tỏ, vạn tượng đều hiện rõ”.

[11] Tự tính (sa. Svabhāva, ja. Jishō) chỉ cái tính nằm sau mọi hiện tượng, cái ngã. Theo quan điểm Đại Thừa, tất cả mọi sự đều không có tự tính (sa. Svabhāva), vô ngã, tức là không có một cái gì chắc thật, riêng biệt đứng đẳng sau các trình hiện. Điều đó không có nghĩa sự vật không có thật, chúng hiện diện nhưng chúng chỉ là dạng xuất hiện của tính Không, tự tính là tính Không. Đây là quan điểm trung tâm của tư tưởng Bát Nhã Ba La Mật Đa (sa. Prāṇāparamitā) và Trung quán (sa. Madhyamaka). Tuy nhiên, trong Thiền tông và các tông phái của Đại Thừa tại Trung Quốc, danh từ “tự tính” được dùng để chỉ cho bản thể thật sự của chúng sinh, vạn vật, đồng nghĩa với Phật tính (sa. Buddhata, ja. Busshō) và nên phân biệt nó với cái tiểu ngã mà Phật đã bác bỏ.

Mỗi một con người khi sinh ra đều lương thiện, chỉ vì nhập thế quá lâu, trải qua quá nhiều chuyện, tiếp xúc với quá nhiều người, mới không còn từ bi nữa. Đây là một quá trình từ lạ lẫm đến quen thuộc, từ đơn giản đến phức tạp, cũng là con đường mà đời người buộc phải đi qua. Có những người, vòng qua mấy ngã rẽ, lại gặp lại bản thân lúc ban đầu, lại nhặt về sự giản đơn và trong sáng của quá khứ. Có những người, trăm chuyển nghìn hồi mới có thể giác ngộ tự nhận thức.

Có lẽ đợi đến ngày nào đó, thế sự như gió nhẹ mây nhàn, chúng ta sẽ không cần làm rõ ràng từng giấc mộng cũ. Mà toàn bộ quá trình, chúng ta đã từng có được có mất, đã từng trải qua biết bao hợp ly ly hợp, cũng đã từng có nhiều điều thiện ác, đều không cần tính toán nữa. Bởi vì trước sau chúng ta vẫn đánh mất bản ngã chân thực của chính mình, có thể sống bình thản, thoải mái trong đất trời bao la, thì đó chính là dũng sĩ của năm tháng. Có thể trong một đêm tĩnh mịch, ngắm vầng trăng sáng xa xôi lưng trời, chính là sự từ bi thực sự.

Mộng ảo phù sinh, đều là bèo bọt, như sương như sét, như mây như khói. Ngày hôm qua gió ầm bồ đề xanh, đêm nay sương nhuộm lá phong đỏ. Sinh mệnh chính là một cuộc viễn hành của loài hồng hạc, đợi đến khi sóng xuân lui xuống, đến ngày gió thu nổi lên, mới hiểu được phải quay về. Khi đó, bước qua hết vạn dặm giang sơn, thăm thú hết mọi miền quê đường dịch, sao lại không biết, sự thanh thản thực sự chính là từ bỏ tất cả, gặp đâu vui đó.

Giác mộng Nam Kha[12], núi trống rừng già. Chốn đào nguyên mà muôn ngàn chúng sinh lao tâm khổ tứ đi tìm, hoá ra không phải ở non cảnh tiên bồng, mà là nằm trong nhân gian sắc màu sắc sỡ. Ở đây, hoa rơi nước chảy không thành tiếng, sớm lạnh trong khói có lời mờ; ở đây, giữa rừng trúc chim hót véo von, chốn sơn tự tiếng chuông bằng lặng. Ba canh gió tuyết, đã có thể khiến núi xanh bạc đầu; một bàn cờ thế, đã có thể định rõ Hán Sở thắng thua; một chiếc thuyền nan, cũng đủ để đến được bờ bên kia của Thiền.

[12] Giác mộng Nam Kha: bắt nguồn từ tiểu thuyết “Tiểu sử Nam Kha thái thú” của tác giả Lý Công Tá đời Đường, kể về Thuần Vu Phần, say rượu nằm dưới gốc hòe, trong mơ Thuần đến nước Đại Hoè, giành ngôi trạng nguyên, được làm phò mã, rồi được cử làm thái thú đất Nam Kha. Rồi mấy chục năm trôi qua, xảy ra biến cố, Thuần Vu Phần bị nhà vua truất quyền cách chức, trở lại làm thường dân. Tỉnh mộng, thấy dưới gốc cây hòe có một tổ kiến, Thuần hiểu ra nước Đại Hoè chính là tổ kiến ở cây hòe. Về sau giác mộng Nam Kha được ví đời người như giấc mơ, vinh hoa phú quý đều như mộng ảo.

Thế sự biết bao sóng gió, chìm nổi chỉ trong khoảnh khắc, một suy nghĩ. Người đi nghìn non xa, đêm nay chung trăng sáng. Có một nơi như thế, cho dù chúng ta đi bao xa, lạc lối bao lâu, lún sâu đường nào, đều đợi chờ tôi và bạn. Khi đó chính là chim mỗi về tổ, giữ mái nhà xưa yên ổn. Không thổ lộ tâm sự ly biệt với ngọn gió xuân, chỉ từ khung cửa sổ cao cao, lặng lẽ ngắm nhìn hoa tàn hoa nở trong sân. Nơi này, chính là bồ đề của tâm linh.

Đào kép vào vai, không phân trên hay dưới sân khấu. Mà Thiền già nhập thế, cũng không chia trong hay ngoài trần thế. Bởi vì họ đều đã tu luyện đến một cảnh giới nhất định, sớm đã không chịu tác động của gió mây bên ngoài. Bất cứ lúc nào đều là vai chính, cũng đều không phải vai chính. Họ có đủ định lực, giữ được toà thành thuộc về mình, không cần hứa hẹn, không cần thề thốt, vẫn có thể trường tồn cùng trời đất.

Câu chuyện sinh diệt, tình cảm lên xuống của nhân thế, vốn tương thông với sự tươi tốt khô héo của thiên nhiên. Trong từ của Vương Quốc Duy có một câu như thế này: “Quân khán kim niên thụ thương hoa, bất thị khứ niên chi thương đoá.” (Bông hoa chàng thấy năm nay, nào phải đoá cũ cành này năm xưa) Chúng ta cho rằng hoa đã tàn, sẽ lại nở tiếp. Mà không biết, hoa nở trăm ngàn lần, nhưng đều không phải đoá hoa trước kia. Giống như một đời của cây cỏ, giống như một kiếp của con người. Cây cối xuân tươi thu héo, mà con người, khi tuổi tráng niên đã qua, sẽ không thể nào trở lại được nữa.

Tất cả chấp nhất đều chỉ là vọng niệm nhất thời, bước qua được, ảo tưởng tiêu tan, vĩnh viễn không phục hồi. Không bước qua được, hãy coi là kiếp số, trên con đường hồng trần gặp phải một lần trắc trở. Chỉ có trồng một cây bồ đề trong tâm, tự tính tự ngộ, đồn ngộ đồn tu, coi vô thường là bình thường, coi hữu tướng là vô thường, mới có thể được giải thoát thực sự, giống như mây tự do trôi ngang trời.

Không ai biết cảnh giới của Thiền rốt cuộc là gì, cũng không biết phải tu luyện bằng phương pháp gì. Mỗi một người, chỉ cần trong tâm có thiện niệm, bớt đi ham muốn, tự mình có thể giảm phiền nhiễu, tâm sáng tỏ tường. “Lục Tổ đàn kinh” viết: “Tự tính mà ngộ thì chúng sinh là Phật, tự tính mà mê thì Phật là chúng sinh. Tự tính mà bình đẳng thì chúng sinh là Phật. Tự tính mà ác hiểm thì Phật là chúng sinh.” Phật duyên đã đến, thì điều kiện chín muồi, nước chảy thành sông. Khi đó, cỏ cây là Phật, núi đá là Phật, phàm phu là Phật, tục tử là Phật, vạn vật chúng sinh đều là Phật.

Hoa rơi đậm bạc, nước chảy lặng thinh. Trong những ngày tháng trong treo giản đơn, khi nói về tâm tính, ngồi trong rừng trúc sâu hun hút, thưởng thức tịnh trà lỏng lánh ánh dương. Nhìn người con gái áo trắng hơn tuyết đó, hàng mi thanh tú, không hề phấn son, gảy một cây Thất Huyền Lục Y[13], hát một khúc Vân Thủy Thiền Tâm, mặc cho lá trúc xào xạc, mây trắng nhõn nhõn, đi đi đến đến, tụ tụ tan tan.

[13] Thất Huyền Lục Y: là cổ cầm, Lục Y cầm là một cây đàn của văn nhân nổi tiếng đời Hán Tư Mã Tương Như. Tương truyền, đàn Lục Y có thân màu đen, loáng thoáng sắc màu xanh thẫm, giống như dây leo bám trên cổ thụ, vì thế có tên là Lục Y.

Vân Thủy Thiền Tâm[14]

[14] Thời Bắc Tống, có một cổ khúc tên là “Vân Thủy Thiền Tâm”. Trong khung cảnh núi đá, có một thiếu nữ, tên là Thiền Tâm. Nàng có ngộ tính cao, bẩm sinh thông tuệ, không lâu sau, có một đạo sĩ từ phương xa tới, đạo hiệu gọi là “Vân Thủy chân nhân”. Nói là mượn nhà của Thiền Tâm để ở, nhưng ở liền hơn một năm mà không có ý trả nhà. Ngày ngày trau dồi cảm ngộ với Thiền Tâm, đêm đến lại cùng ngắm trăng sao. Lâu ngày, có người nói lời đàm tiếu, không còn cách nào khác, Vân Thủy chân nhân và Thiền Tâm phải từ biệt. Thiền Tâm đưa tiễn hơn mười cảnh dương liễu tặng, Vân Thủy gảy một khúc cáo từ. Trong khúc nhạc, ngoài tâm hồn trong sáng cao vời, tư tưởng Phật gia không gì chướng ngại ra, còn là tâm tình hai bên thấu tỏ lẫn nhau, tình ý thân thiết không nở từ biệt. Từ đây khúc nhạc có tên “Vân Thủy Thiền Tâm”. Truyền thuyết nói rằng, sau này Thiền Tâm u uất mà chết, tuổi trẻ kết thúc sớm. Lúc bệnh nguy cấp, trên cây đàn thất huyền, nàng đã gảy âm phù đầu tiên của khúc này.

“Không sơn điêu ngữ hề, nhân dữ bạch vân thê. Sần sần thanh tuyến trạc ngã tâm, đàm thâm ngư nhi hí. Phong xuy sơn lâm hề, nguyệt chiếu hoa ảnh di. Hồng trần như mộng tự hựu ly, đa tình đa bi thích. Vọng nhất phiến u minh hề, ngã dữ nguyệt tương tích. Phủ nhất khúc dao tương ký, nan chiết tương tư ý. Ngã tâm như yên vân, đương không vũ trường tự. Nhân tại thiên lý, hồn mộng thường tương y. Hồng nhan không tự hứa. Nam Kha nhất mộng tỉnh, không lão sơn lâm. Thính na thanh tuyến đình đồng đình đồng tự vô ý, ánh ngã trường dạ thanh tịch.

(Tạm dịch: Ký gửi Thiên Tâm vào mây nước.

Núi vắng chim véo von hề, người và mây trắng nương tựa lẫn nhau,

Suối trong róc rách tẩy sạch tâm ta, bầy cá nô đùa dưới đầm sâu.

Gió thổi núi rừng hề, trăng chiếu bóng hoa lay,

Hồng trần như mộng hợp lại tan, đa tình lắm đau thương.

Gảy một khúc đàn tặng người đi xa, khó tỏ hết nỗi lòng nhưng nhớ,

Người xa ngàn dặm, hồn vẫn vương, trong cõi mộng.

Uống công tự xưng hồng nhan,

Giấc mộng Nam Kha khó tỉnh, núi trống rừng già.

Nghe tiếng suối trong réo rắt như vô tình, soi tỏ mình ta tịch tịch giữa đêm thâu.)

Tất cả hữu tình đều sẽ trôi qua

Rất nhiều năm về trước, từng tưởng rằng Phật là vô tình. Bởi vì người xuất gia phải từ bỏ chấp niệm, cắt đứt trần duyên, mới có thể ở nơi núi non hẻo lánh, chẳng màng thế sự. Họ không còn qua lại với thế giới bên ngoài, thi thoảng có khách dâng hương, cũng chỉ là kết mối Phật duyên nhân nhạ. Thế nên, họ chỉ có thể hấp thu linh khí trời đất trong vạn vật tự nhiên, cảm nhận nhân gian ấm lạnh trong năm tháng đổi dời. Vậy là, họ coi cây tùng già trên vách đá cheo leo là tri kỷ, coi cỏ xanh trên giếng cổ là tâm giao, coi con kiến trên thềm đá là bạn vong niên.

Sau này mới hay, Phật là nặng tình, lấy thân thử kiếp, mới có được tịnh thổ liên hoa của Phật quốc Thuỷ Thiên[15]. Phật ban phát tình yêu cho khắp chúng sinh, để những kẻ rơi vào lưới trần như tôi và bạn, có thêm một lựa chọn lương thiện, được giải thoát một cách yên lặng giữa khổ đau. Còn Phật, chưa bao giờ tham luyến phần hoa khói lửa, luôn thanh đạm tự chủ, tĩnh toạ trên đài mây, ôn hoà an lành.

[15] Thuỷ Thiên Phật quốc: Thuỷ Thiên là tên của thiên thần, tiếng Phạn là Varuna, là một trong mười hai thiên Mật giáo, một trong Tám thiên hộ thế. Tức thần trấn giữ phương Tây, Phật quốc vừa là đất Phật, vừa chỉ chung chùa chiền. Ở đây Thuỷ Thiên Phật Quốc được hiểu là xứ Phật.

Tại sao Phật có thể buông bỏ oán tình cá nhân, bác ái hồng trần, mà thế nhân lại đắm chìm trong ái tình cón con của mình, luôn rơi vào cảnh ngộ không cách nào giải thoát nổi, là vì tu vi không đủ, hay là số mệnh đã định phải trải hết trần kiếp, mới có thể tránh được vòng luân hồi nhân quả? Đời đời kiếp kiếp, dòng Vong Xuyên của năm tháng chưa từng dừng lại mà vẫn hối hả đến và đi.

Nhân sinh hữu tình, cho nên mới có vương vấn, mới có phiền não. Phật nói, ngoái đầu nhìn nhau năm trăm lần mới đổi được cái lượt qua nhau của kiếp này. Cái gọi là duyên định ba kiếp, một vài cuộc gặp gỡ đường như đã được sắp xếp từ kiếp trước, cho nên, kiếp này tình vương không dứt. Phật khiến chúng sinh hiểu được thương tiếc duyên phận, trân trọng tình cảm, nhưng cũng khuyên răn chúng ta không nên mù quáng mê đắm, trên con đường năm tháng vô bờ, đánh mất bản chất chân thực của mình.

“Kinh Nghiêm Hoa[16]” viết: “Hết thấy chúng sinh đều có trí tuệ và đức tướng giống Như Lai, nhưng vì vọng tưởng và chấp trước, cho nên không thể chứng ngộ.” Không thể ung dung tự tại, là vì không thể dứt tình. Vì vậy mới gọi là bể khổ vô biên, quay đầu là bờ. Có tình là bể khổ, vô tình là bờ. Đại Thiên thế giới, mọi thứ đều là khổ, mà người ở ngoài cõi thế, coi mọi nỗi khổ thành niềm vui; coi hữu tình thành vô tình. Cho nên chúng ta luôn có thể cầu được yên tĩnh giữa chốn huyên náo; đạt được vui sướng giữa mọi niềm đau.

[16] “Kinh Nghiêm Hoa”: Tên đầy đủ là “Đại Phương Quảng Phật Nghiêm Hoa Kinh”, là một bộ kinh Đại Thiên, lập giáo lý căn bản của Nghiêm Hoa tông.

Trước khi buông bỏ, đều có một quá trình cố chấp. Quá trình này, có lẽ không phải là phượng hoàng Niết Bàn[17], nhưng cũng phải kinh qua vô số lần bãi biển hoá nương dâu. Trước khi Phật Đà A Nan xuất gia, từng gặp gỡ một thiếu nữ xinh đẹp trên đường, chỉ một lần như thế, từ đó mà đem lòng ngưỡng mộ lưu luyến không nguôi. Phật Tổ hỏi người: “Con thích cô gái đó đến nhường nào?” A Nan đáp: “Nguyện hoá

thành cây cầu đá, chịu năm trăm năm gió thốc, năm trăm năm nắng đổ, năm trăm năm mưa sa, chỉ mong người con gái đó đi qua cầu.”

[17] Theo truyền thuyết, khi phượng hoàng Niết bàn, tức là phượng hoàng nhảy vào lửa đỏ, rồi tái sinh từ tro tàn.

Nặng tình đến thế, bây giờ chỉ có thể coi là một thần thoại. Yêu đến nhường nào mới có thể chịu đựng được thời gian dài đằng đẳng? Đừng nói là năm trăm năm, cho dù là ba năm hay năm năm cũng khó mà giữ được. Khi yêu, cam tâm tình nguyện tồn tại vì một người. Đến ngày hết yêu, lại hy vọng xoá bỏ mọi ký ức liên quan, toàn thân thanh tịnh.

Có lẽ rất nhiều người đều muốn biết, sau khi A Nan quy y cửa Phật, có còn nhớ lời thề ước ban đầu hay không? Đợi đến khi thiếu nữ xinh đẹp đó thành một bà lão tóc trắng phau phau, người còn tình sâu không đổi như cũ chứ? Người có lẽ có thể hoá thành cầu đá vì nắng, hóa thành non xanh nước biếc, hoá thân ngàn vạn lần, người cũng có thể thanh tịnh không vướng bận gì. Nếu như A Nan và thiếu nữ ấy kết một đoạn nhân duyên, liệu có thể trải qua ngày tháng thanh đạm sớm chiều bên nhau, giữ cho tình sâu ý nặng như ban đầu hay không?

Không có nếu như, cũng như chúng ta không cách gì có được kết quả chính xác từ một lời dự báo. Trong những ngày đánh mất tình yêu, năm tháng vẫn yên ổn như xưa, tuế nguyệt tinh mịch như thuở ban đầu. Nhưng những chuyện cũ tưởng chừng có thể lãng quên đó, lại không thể quên nổi dù chỉ là một chuyện, nhưng không thể tính toán, đành thuận theo tự nhiên. Thế sự rối rắm, bạn coi một vở kịch là thật, vậy thì tất cả thành thật. Bạn coi cuộc sống là giả, vậy thì tất cả đúng là giả.

Thái độ sống của mỗi người khác nhau, cách thức đối đãi với tình cảm cũng mỗi người một vẻ. Phật dạy con người không nên có quá nhiều chấp niệm đối với tình yêu, nhưng Phật lại ban phát càng nhiều tình yêu cho chúng sinh, mà không cầu bất cứ đền đáp nào. Trên thế gian này luôn có những người phải đợi ngàn canh buồm qua hết, mới nhận ra phải quay đầu, phải đợi đến lúc chia ly thất tán, mới bắt đầu hiểu được trân trọng, đợi đến lúc vật còn người mất, mới bắt đầu nhớ nhung.

Ở cung Potala (Bồ Đạt La) xa xôi, từng có một vị tình tăng như thế, ngài tên gọi là Thương Ương Gia Thố, được vạn dân sùng bái. Cho dù Thiền Tâm thanh tịnh, thấu suốt, nhưng vì tình cảm mà không thể tự chủ. Năm đó ngài đã từng viết câu thơ khắc cốt ghi tâm: “Thế gian an đắc song toàn pháp, bất phụ Như Lai bất phụ khanh.” (tạm dịch: Thế gian sao thể vẹn đôi đường, không phụ Như Lai chẳng phụ nàng) Ngài chính là một vị Phật nghiêm trang tĩnh tọa trên đài sen, phổ độ chúng sinh, mà trong lòng không thể quên được cuộc sống lứa đôi hạnh phúc.

Ở Tây Tạng, nơi thần bí cao thâm vời vợi, truyền thuyết về ngài như một bản tình ca, truyền đi hết thảy những nơi có cỏ cây, hồ nước. Rất nhiều người băng núi vượt sông đi tìm, đi lễ bái, không chỉ vì tín ngưỡng, mà nguyên nhân sâu xa hơn là vị tình tăng lãng mạn này đã đem đến sự thần kỳ và tươi đẹp như mộng ảo, khiến thế nhân tin rằng. Ở vùng đất thần bí đó, hoa tình mọc khắp nơi, mỗi dòng sông, mỗi ngọn núi, mỗi chú dê nơi đó, đều được siêu độ.

Sau này lại có một vị tình tăng, người là chú nhận cô lẽ giữa hồng trần, phiêu lãng nửa đời, ném hết tình vị. Vị tăng già được tiên đoán số mệnh này, tên là Tô Mạn Thù. Cuộc đời của người, mấy lần trốn vào cửa Phật, nhưng trước sau chẳng quên nổi trần duyên. Khi người rời khỏi nhân gian, để lại tám chữ: Hết thấy hữu tình, đều không vương vấn. Nhưng người thực sự đã trốn ngộ, đã từ bỏ được chưa? Khi còn sống, người đã phụ biết bao hồng nhan, mỗi lần gây ra hoạ, lại quay người bỏ trốn. Không phải người vô tình, mà là thực sự không thể gánh vác trách nhiệm.

Chắc chắn còn rất nhiều vị tình tăng chúng ta đã biết, và cả những người chúng ta chưa biết, họ có phẩm chất như hoa sen, là một hạt cải giống trước Phật, lại là một đoá hoa sóng trong biển tình. Những người này cho dù là ngôi thiền trước Phật, hay là bôn tẩu nơi trần thế, sự tu hành của họ, đều là chữ Tình. Quý trên nệm bồ đoàn, dùng thời gian trăm nghìn năm, luân hồi mấy kiếp, đổi lấy nhân duyên một đời, hay một lần tương phùng. Đợi đến một ngày được như ý nguyện, là có thể triệt để cắt bỏ chấp niệm, tâm như pha lê, trong vắt như nước.

Phật nói: “Các hành đều vô thường, tất cả đều là khổ. Các pháp đều vô ngã, tịch diệt tức là vui[18].”[19] Trong quá trình tu luyện, không phải một lòng cố chấp vạch rõ giới hạn giữa bản thân với thế sự phiền tạp,

mà là thân ở giữa khói lửa xoay vòng, vẫn có thể trong sáng như tuyết trắng năm xưa. Đi khắp sơn hà mệnh mang, vạn vật phồn thịnh, ai vui nhân duyên thiên tính của người đó, ai cũng không thể thay thế được ai. Những con đường đã qua, những người đã gặp, những chuyện đã xảy ra, giống như nước sông dào dạt, không thể ngược dòng.

[18] Cùng với “Tịch tĩnh Niết Bàn là Tam pháp ẩn trong Phật giáo.

[19] Tức là diện mạo, chân tướng vốn có.

Rốt cuộc bạn còn cố chấp điều gì? Đã biết rõ, mỗi người đều là hạt bụi nhỏ nhoi giữa đất trời, có một ngày không biết sẽ về đâu. Phật Đà A Nan dù hoá thân thành cây cầu đá, chịu trăm ngàn năm gió thốc nắng đốt, há chẳng biết người thiếu nữ ấy đã chịu luân hồi cũng năm tháng hay không? Có lẽ nàng đã hoá thân thành bụi trần ở một kiếp nào đó, tan thành tro bụi, không hồn không phách. Có lẽ nàng hoá thành hoa sen ở một kiếp nào đó, tu thành chính quả trước Phật, cũng không cần chuyển thế đầu thai nữa.

Hết thấy hữu tình đều sẽ trôi qua. Trên ngã đường mây khói nghìn trùng, lời nào cũng không cần nói. Khi cáo biệt, cũng không cần ngoái nhìn. Sát na quay người, xin hãy khắc ghi quãng thời gian chúng ta đã từng đi qua đó.

3. Chương 3: Bồ Đề Hoa Nở Hoa Lại Rụng

Đều nói nhân gian là sân khấu, những chúng sinh đi xuyên qua hồng trần, mỗi ngày đều bận rộn diễn một vở kịch gọi là cuộc sống, đi qua biết bao cây cầu, nhìn qua vô số mây bay, kinh qua trăm ngàn lần tụ tán, rồi một ngày, liệu có cần gỡ bỏ trang sức đời người, trở lại với bản ngã thuần khiết thanh tịnh hay không? Dưới gốc bồ đề bình thản tu hành, ngắm núi xanh che mặt trời, nước biếc không gợn sóng.

Bốn mùa luân chuyển, những vách đá có cây đã trải qua ngàn vạn năm đó, cũng chẳng tránh nổi vòng luân hồi tháng năm. Kỳ thực, tất cả con người đều có lựa chọn của riêng mình, mỗi một bên đổ đều là bản thân cam tâm tình nguyện dừng lại, nhân quả chưa từng nợ chúng ta điều gì, chúng ta cũng không có lý do gì để oán trách. Tu hành là một vị thuốc, vị thuốc này có thể biến kẻ ngu muội thành người thông tuệ, khiến kẻ say sưa thành người tỉnh táo, khiến kẻ cuồng si sớm được giác ngộ. Vì vậy chúng sinh nên lập tức cắt bỏ trần duyên, đoạn tuyệt nợ nần, mang hành trang gọn nhẹ lên đường, đi tìm hoa bồ đề nở đã từng thấy trong giấc mộng.

Tất cả của ngày hôm qua đều là chuyện cũ xa xưa, trút bỏ mớ trang sức thời gian, ung dung bước ra khỏi thế giới phù hoa, tâm hồn trong vắt như nước. Từ đó về sau, thuyền chài xướng hoạ, thường trắng buồng cần, mặc kệ hoa lau như tuyết, mây khói bao trùm. Dưới gốc cây bồ đề, cỏ bồ vẫn như xưa, đây là một đạo tràng từ bi, vạn vật sinh linh trên thế gian đều có thể tu hành tại đây, chẳng hề phân biệt. Những câu chuyện đã từng mơ hồ, nay bắt đầu sáng tỏ, những tình cảm đã từng mộng lung vô định, nay cũng đã chấp nhận bỏ qua.

Tu hành là một sự siêu thoát tự do mà thanh cao. Cái gọi là đi đến nơi sơn cùng thuỷ tận, ngồi ngắm mây bay, chính là cảnh giới của tu Thiền. Cũng có nghĩa là tìm được vẻ đẹp giản đơn giữa thiên nhiên non nước trong lộ trình nhân sinh vốn quanh co gấp ghev. Chúng ngộ thực sự, không chỉ là có được sự yên ổn giữa lúc nóng vội, cũng có được sự giải thoát từ trong nỗi cô đơn; không chỉ là phóng thích sự nhiệt tình, mà còn làm bình ổn sự lạnh lùng. Điều chúng ta cần, không phải là khiến bản thân chuyên tâm tu luyện, lĩnh hội sâu sắc như thế nào, mà là phải loại bỏ phiền tạp giữ lại giản đơn, ung dung tự tại.

Năm đó Lục Tổ Huệ Năng từng có bài kệ rằng: “Bồ đề vốn không cây, gương sáng chẳng phải đài. Vốn không phải một vật, chỗ nào bám bụi bám?” Lục Tổ đang điểm hoá chúng sinh, tất cả sự vật trên thế gian đều là hư ảo. Có người nói, tu hành như thế nào mới có thể quên sạch mọi thứ của kiếp trước, thanh thản sống ở kiếp này. Vừa không phải tiêu cực trốn tránh, vừa không phải khó khăn chọn lựa, là đã có thể xoá sạch quá khứ rồi.

Uống một chén canh Mạnh Bà, như thế có thực sự xóa bỏ được mọi ký ức, lãng quên mọi yêu hận vui buồn hay không? Có lẽ bản nghĩa của canh Mạnh Bà không phải là khiến mỗi con người dứt khoát đoạn tuyệt với quá khứ, mà là hy vọng mỗi con người có thể tẩy rửa hành trang phù phiếm trên mình. Từ đây cáo biệt hoa cỏ tầm thường của hồng trần, được phục sinh dưới gốc cây bồ đề. Vậy hãy qua đò như Thế Âm đi, rời khỏi cây cầu đơn sóng nhỏ, mây biếc liễu xanh, ở bờ bên kia của mặt sông soi bóng bầu trời bao la, tìm được đóa hoa bồ đề thuần khiết.

Những điều đã nói đó, những người đồng sinh cộng tử chốn nhân gian đó, cuối cùng chỉ còn lại một nụ cười cáo biệt nhau, cùng lãng quên nhau trên chốn giang hồ. Có lẽ một ngày nào đó trên con đường cầu Phật, sẽ lần nữa trùng phùng, nhưng những lời thề non hẹn biển của ngày hôm qua đã sớm bị lãng quên, ai vui chuyện người nấy. Dưới gốc cây bồ đề, biết bao sinh mệnh ngu ngơ chậm chạp đều có thể được đón ngộ. Họ bắt đầu tôn trọng mỗi loại sinh linh, bắt đầu tin rằng hết thảy mọi thứ trên đời đều là tự nhiên, không một chút cưỡng cầu.

Lưng đeo hành trang Thiền là bước ra khỏi nơi phàm trần sâu thẳm nhất, núi xanh làm màn, nước chảy làm giường. Một mình buông câu trên sông Tuyết là ta, chặt củi ở núi Nam là ta, dạo bước trong mây là ta, gói đầu lên đá tảng cũng là ta. Chỉ có đồng hành cùng tự nhiên, mới có thể không bận tâm đến năm năm tháng tháng, để mặc bóng câu qua cửa, nội tâm như giếng cổ không gợn sóng. Nếu như lạc lối chốn đồng hoang hay say ngã trước rừng phong, chỉ cần tìm được một gốc bồ đề là tìm được chốn về. Giữ một khoảng trời tinh khiết, cảm nhận tự nhiên, ngắm nhìn vàng dương lặn, ngọn gió mát lạnh, núi sông tĩnh mịch.

Độ lấy nước là đường, sen là thuyền. Những người cùng bạn chung thuyền vượt sông năm đó, không ai có thể đi với bạn đến điểm cuối cùng. Một số người giữa đường từ biệt, một số người đi lướt qua nhau, một số người vô tình tụt lại. Nhưng chúng ta nên tin rằng, cho dù con đường có xa xôi bao nhiêu, chúng ta đều có thể tìm được một bến bờ thuộc về riêng mình. Cho nên, đừng bao giờ nghi ngờ sự thiện lương trong một con người, bởi vì đối diện với khổ cảnh, chúng sinh sớm đã học được lòng khoan dung và tha thứ.

Tất cả duyên phận trên thế gian vốn đều tầm thường và nhạt nhẽo. Vì có những câu chuyện lưu chuyển đến nghìn năm, có những sự đợi chờ xoay vần đến vạn kiếp, mới khiến người ta cảm thấy sự gấp gáp của kiếp này không dễ gì có được. Những hạnh phúc và đau thương mà chúng ta chứng kiến cùng trôi dạt trên một dòng chảy, đến cuối cùng đều không tách bạch nổi ý nghĩa của hai bên. Tháng năm trôi qua trong cảm lặng, những người những việc đã từng gặp, dần dần xa vời rồi trở nên nhạt nhòa. Chỉ có đóa hoa bồ đề vẫn vĩnh viễn còn đó, năm tháng không thể mài mòn. Vẫn tu luyện trong hồng trần, vẫn trong sáng thanh tịnh, vẫn an ổn vui vậy, bình yên hiền hoà như cũ.

Phật nói: “Đời người sống trên trần thế như sống giữa bụi gai, tâm không động, người cũng không làm bừa, không động thì không bị thương; nếu tâm động thì người sẽ làm bừa, tổn thương thân thể, đau đớn cốt tủy, thế nên lĩnh hội đủ mọi đau khổ trên thế gian.” Bất cứ lúc nào đều phải làm một bản ngã đơn giản, trong sạch, đối đãi một cách khoan dung với cuộc sống, trân trọng bản thân và mỗi người xung quanh mình. Chỉ có như thế, mới có thể có một trái tim sạch sẽ trong sáng như pha lê. Cho dù vô tình bị bụi bặm của thời gian che phủ, cũng trong đục rõ ràng. Ba ngàn thế giới, bóng hình thoáng qua, cái chúng ta nhìn thấy được chỉ là một hạt bụi nhỏ nhoi, một làn nước thu, một mảnh trăng khuyết.

Mơ một giấc mơ thanh khiết như nước, trong mộng không biết bồ đề đã mấy độ nở hoa. Giữa xứ Phật mệnh mộng vạn Phật, nghìn năm cũng chẳng qua là một sát na, mà sát na lại là vĩnh viễn. Luôn ngỡ rằng trên đời này không có ân oán nào là không thể xóa tan, không có lòng người nào là không thể lay động, những chuyện trắng gió cũ, những món nợ tiền duyên, qua thời gian đều có thể khuây khoả.

Đều nói đời người là một màn kịch vĩnh viễn không kết thúc, cho nên dù giang sơn đổi chủ, bãi bể nương dâu, đều chỉ là quy luật tự nhiên. Lá rụng núi vắng, đường nhỏ xanh rêu, dù cho đã từng cáo biệt thì vẫn sẽ không hẹn mà gặp. Đợi đến khi bụi bặm của tháng năm đều được gạn lọc, hãy coi mỗi ngày đều là một ngày đẹp, hãy coi mỗi người đều là lần đầu gặp gỡ trong cuộc đời, hãy đối mỗi đóa hoa thành muôn hồng ngàn tía.

Sau này mới biết một bài hát tên là “Hoa bồ đề”. Thanh âm trong trẻo uyển chuyển cất lên kể hết sự tình ngàn năm, khiến người ta quên mất tu hành, không kìm được mà nảy sinh trần niệm. Nhưng cũng chỉ là sự tập trung tinh thần trong thời gian ngắn ngủi, sau khi giai điệu rung động lòng người kết thúc, chúng ta

đều phải từ bỏ. Bất cứ lưu luyến nào đều bị đẩy vào vòng luân hồi của thời gian, tu luyện nhiều năm cũng sẽ uống hết công lao. Cảnh giới của tu Thiền, không phải nước lặng chảy sâu, chỉ là tùy duyên mà an.

Hoa bồ đề

Ta là hoa bồ đề trên cây bồ đề, lạnh lùng nhìn bụi trần ngàn năm chốn nhân thế.

Chàng lưu luyến dưới gốc cây, khoảnh khắc ngoái đầu nhìn nhau đó, khắp đất trời chỉ còn lại hàng mi như tranh vẽ của chàng.

Mặt hồ in bóng chiếc áo trắng tựa tuyết của chàng bên cạnh hoa sen, trần niệm nổi lên, hồng đậu vì ai mà nở.

Mặt hồ in ánh mắt như trăng soi bóng nước của chàng, từ đây khắc cốt ghi tâm, một đời vương vấn.

Ta quên mất sự tu hành nghìn năm, luân hồi thành người phạm trần.

Chỉ để tìm một người trong hồng trần, cùng đi đến chân trời góc bể.

Nhớ đến khi thêu rèm cửa sổ, bóng dáng thanh tú tĩnh lặng chìm khuất, ai người tiếp đón.

Giữa biển người mênh mông, nương dâu biển ảo, lại một mùa hạ trôi qua, bước chân ta đã loạn choạng, tóc bạc trắng như tơ.

Năm xưa dưới gốc cây bồ đề, ai đang uống công than thở, trên mặt hồ thấp thoáng một đoá hoa bồ đề.

Ta là hoa bồ đề trên cây bồ đề, lạnh lùng nhìn bụi trần ngàn năm chốn nhân thế.

Chàng lưu luyến dưới gốc cây, khoảnh khắc ngoái đầu nhìn nhau đó, khắp đất trời chỉ còn lại hàng mi như tranh vẽ của chàng.

Trường đình mười dặm nhớ áo choàng của chàng tung bay đón ráng bình minh, rượu trong một chén cơn say gầy gò.

Trường đình mười dặm nhớ áo mỏng của chàng buông trên tuần mã, mưa dầm một trận biết bao lời tương tư.

Ta đã quên mất tu hành ngàn năm, để đi tìm chàng.

Có biết bao nam thanh nữ tú tình sâu như biển, lại trở thành kẻ xa lạ giữa nhân gian. Biết bao nhiêu lời hẹn ước dài lâu như trời đất, lại trở thành tơ lả tả bay trong gió. Tất cả đều không quan trọng nữa, trước đức Phật từ bi, những chuyện vụn vặt hồng trần ấy đã sớm không là gì. Ngày sau còn dài, nếu như có duyên, nguyện cho thế gian, cho bạn cho tôi, đều có thể tụ hội dưới gốc cây bồ đề, uống vài chén Thiền trà, đọc vài chương kinh văn, ngắm hoa bồ đề rụng rồi lại nở.

Làm một đoá sen xanh trước Phật

Có lẽ chúng ta đều biết, trong vạn vật, thứ được chúng sinh coi là có Phật tính nhất, đó là hoa sen xanh trước Phật. Làm một đoá sen xanh trước Phật, mọc lên từ giữa dòng tịnh thủy, không chỉ là mơ ước của tín đồ, mà còn là tâm nguyện của chúng sinh.

Dường như bất cứ ai vào bất cứ lúc nào, chỉ cần làm một đoá sen xanh trước Phật, là có thể cất giữ mọi quá khứ trong toà thành tên gọi là kiếp trước. Bất luận đã từng ném biết bao khối lửa nhân gian, đều có thể trở về thuần khiết chỉ trong sát na. Chúng sinh mê đắm phong cốt của hoa sen, yêu sự thanh tịnh, mát lạnh, độc lập của nó.

Nhiều năm trước, Phật và hoa sen đã có tình cảm thâm thiết. Thắng cảnh Linh Sơn, vạn Phật ngồi nghiêm trên đài sen, chúng sinh cúi lạy. Chư Phật ban phát yêu thương, không khước từ những người thấp hèn, giảm nỗi khổ bị giày vò cho chúng sinh, tránh những luân hồi không cần thiết. Từng có lúc, Phật cũng đã du lịch chốn trần ai xa thẳm của nhân gian, đã từng trải qua buồn vui tan hợp. Nhờ độ hoá cho loài sinh vật nào đó trở nên lương thiện, mới từ bỏ vọng tưởng và chấp trước, có được sự bình thản và an nhàn như ngày nay.

Làm một đoá sen xanh trong nước, ở yên một góc trước Phật, mỗi ngày nghe tiếng gió vi vu khe khẽ thổi qua nơi góc thềm, nhìn ngắm bóng trăng mơ hồ thưa thớt. Cho dù ngày tháng bên ngoài lan can trôi qua chậm chạp bao lâu, hoặc là đi nhanh bao nhiêu, sen vẫn luôn như thế. Những người từ hồng trần đến trước Phật gỡ mọi hành trang thế tục xuống, trở về với bản nguyên, cùng một đoá sen bắt đầu cuộc đối thoại bằng tâm hồn, vừa kéo dài vừa thanh tịnh.

Sen dùng từ bi để thanh tịnh tự chủ, nghe quen tiếng trống chiều chuông sớm, đọc kỹ kinh kệ thi văn, sớm đã tịnh hoá thành vật thuần khiết, có linh tính. Sen trồng trong “nước Nhược ba ngàn[20]”, một đời thanh bạch, khiến sinh linh ly tán trong nhân gian không còn âm thầm đau thương nữa. Cây sen xanh đó cũng không biết mình đã tu luyện bao nhiêu năm trước Phật, ngâm sâu trong nước, đâm thẳng lên cao, từ đây luân hồi cũng thành tươi đẹp.

[20] Nước Nhược ba ngàn: Thời cổ có rất nhiều dòng sông nước nông mà chảy xiết, không thể dùng thuyền mà phải dùng bè để vượt qua, người cổ cho rằng vì nước sông quá yếu nên không chở nổi thuyền, vì thế gọi là Nhược Thủy. Dần dần, trong văn học cổ dùng Nhược Thủy để chỉ những dòng nước xiết mà xa xôi, trong “Hồng lâu mộng” lại dùng để ví với tình yêu sâu tựa biển.

Khi một người đối diện với trần thế bận rộn không cách nào thoát ra được, so với thoả hiệp để mình ngã sâu vào bể nhuộm, chẳng thà thấu hiểu mà buông tay. Giữa bốn mùa luân chuyển, ngắm nhìn mây phiêu du bên trời, trăng treo trên ngọn cây, một cảnh mai xanh như có như không ngã vào sân vắng. nếu như phàm trần thực sự có biết bao điều không nở từ bỏ như thế, có thể lựa chọn ở lại, chỉ cần không kháng kháng chuyện được mất. Từ đó về sau, mấy quyển kinh thư, một ly trà trong, tháng năm bình dị, đạm bạc, giản đơn tĩnh lặng qua ngày, không cầu gì khác.

Bắt đầu từ lúc nào, chúng sinh ngưỡng mộ sen xanh trước Phật, tuy ngâm mình giữa bùn, mà cách xa khói lửa, thanh khiết như băng như ngọc. Có lẽ trong những ngày tháng núi cao trăng khuyết đó, sen cũng sẽ cô đơn, nhưng trước sau vẫn giữ mình tĩnh táo tự chủ, không kinh sợ, không phiền não. Khi cô đơn thì tựa vào lan can, ngắm chim én bay về phương Nam tìm tổ ấm, hoặc quỳ trên nệm bồ đoàn, nghe Phật Đà giảng chuyện bồ đề năm xưa.

Bờ bên kia lửa đèn sáng rực, bờ bên này gió mát trăng thanh. Xưa nay hồng trần và cõi Phật đều chỉ cách nhau một bước chân, đành trông vào Phật duyên và tạo hoá của chúng sinh. Người giác ngộ sớm đã vượt sông lên bờ, dừng lại bên hoa sen mà sống. Còn kẻ u mê vẫn trôi nổi giữa dòng, không nơi neo đậu. Có người nói, đợi đến khi đoá hoa cuối cùng rơi rụng, ly trà cuối cùng lạnh ngắt, mối tình cuối cùng đứt đoạn, là siêu thoát. Nhưng sự chờ đợi ấy khiến tóc xanh biến thành tơ trắng. Thời gian trôi mãi trôi mãi, Phật duyên kiếp này cũng không trở lại.

Tuy nói siêu thoát càng sớm càng tốt nhưng vạn sự trong nhân gian rốt cuộc vẫn coi trọng duyên pháp. Không phải vào trong đèn miếu là có thể tâm tĩnh vô trần, dứt bỏ lo âu. Cũng không phải rơi vào lưới trần là vẫn đục nhiễm tục, không thể giải thoát. Chúng sinh bình đẳng, hoa sen trước Phật, hoa sen của hồng trần, không hề phân chia cao quý hay thấp hèn. Ai giác ngộ trước người đó có thể ra khỏi bờ bến nhân gian trước, đến cửa Niết Bàn, từ đó về sau không đến không đi, không buồn không vui.

“Kinh Nghiêm Hoa” viết: “Hết thấy chúng sinh đều có trí tuệ đức tướng của Như Lai, nhưng đều vì vọng tưởng chấp trước, nên không thể chứng ngộ.” Cùng là sen xanh, cùng nghe Phật Tổ giảng pháp, có đoá chỉ nghe một lần là giác ngộ, có đoá lại nghe ngàn vạn lần mà vẫn không thấu hiểu. Vì không chịu được sự tịch liêu lẽ bóng, hay vì tham luyện khói lửa phàm trần, mọi loại tiền duyên đều tự mình gánh vác. Thiền là gương sáng, có thể soi thấu ảo tượng mơ hồ của nhân gian, khiến cho cái gì nên ở lại thì ở lại, cái gì nên đi thì sẽ đi.

Siêu thoát, không cần nhét thêm hành lý, mà là bỏ tay nải xuống, gột tẩy tâm linh, bỏ qua tất cả. Siêu thoát là bước ra khỏi hoa rơi, không hỏi tới chuyện hồng trần, làm người đứng ngoài thế tục. Giác ngộ triệt để là không còn mê hoặc vì thế thái, bất cứ lúc nào cũng bộc lộ bản ngã chân thực. Cảnh giới của Thiền, quý giá nhất không gì hơn tự nhiên thấu tỏ. Cho dù bất đắc dĩ không thể siêu thoát, rơi vào giữa phố chợ cũng sẽ đứng ngoài cuộc, Thiền tâm như nước lặng.

Tâm như sen nở, từng lá từng hoa đều là Thiền. Mọi chúng sinh yêu hoa sen chính vì sự tự tại thản nhiên một nửa nhập trần, một nửa thoát tục của nó. Hoa sen chưa bao giờ cho chúng sinh bất cứ lời hứa nào,

không định bất cứ ước hẹn nào, bởi vì tất cả chờ đợi hư vô đều là vô tội. Có lẽ bởi vì hoa sen có Phật tính và sự thanh khiết đặc biệt, khiến chúng sinh vừa nhìn đã say mê, cho nên họ cầu nguyện, đời này có thể làm một đoá sen xanh trước Phật, cô độc đếm những ngày tháng tĩnh lặng tuyệt mỹ, trắng khuyết rồi trắng lại tròn.

Có lẽ chúng sinh không hiểu, tại sao cây sen xanh đỏ kinh qua bao bãi bể hoá nương dâu, vẫn có thể không hẹn mà gặp ở mùa hoa, hơn nữa vĩnh viễn gió nhạt mây nhàn như thế, không hề bận tâm. Người tu hành giống như hoa sen, rũ bỏ hết phù hoa, an nhiên mà nở, tự tại mà rụng. Ngồi trên nệm bồ đoàn, độ cho hết thấy những người có thể độ.

Lý Cao đời Đường viết một bài thơ hỏi về đạo[21] rằng: “Luyện đắc thân hình tự hạc hình, thiên chu từng hạ lưỡng hàm kinh. Ngã lai vấn đạo vô dư thuyết, vân tại thanh thiên thủy tại bình.” (Luyện được hình như thân hạc, dưới ngàn gốc từng hai hàm kinh. Tôi đến hỏi đạo ngài chỉ nói, mây ở trời xanh nước ở bình). Sự tồn tại của Thiền, chính là tự nhiên như thế, như mây trắng trên trời, như tịnh thủy trong bình, rõ ràng trong sáng, giản đơn thuần phác. Vạn vật nhân gian luôn hướng tới Thiền, người tư thiền, chẳng chia sang hèn, chẳng màng thâm sâu, chỉ cần có một trái tim thuần khiết hướng đạo.

[21] Bài “Tặng Được sơn cao tăng Duy Nghiễm”, bài số một.

Vàng trắng bỏ để treo ngoài cửa sổ, đoá sen diệu tâm tĩnh lặng trong nước. Năm tháng như tuyết, đun trên lửa lò, hết thấy bi hoan đều bị bốc hơi, chừa lại thứ nước tinh khiết trong vắt cho chúng sinh thưởng thức. Thiền có thể trị thương, có thể giải độc, có thể mang ngọn gió đến cho người ao ước sự mát lành, đem ánh nắng đến cho người chờ đợi sự ấm áp. Vĩnh viễn không cần thiền tâm của một người hoài nghi, cũng vĩnh viễn không cần hỏi nên tu thiền như thế nào, bởi vì thiền là nước chảy mây trôi, là tự tại an nhiên.

Phật nói, cực lạc của kiếp này chính là hoá sinh thành liên hoa trong Thất bảo trì[22]. Mỗi một người là một đoá tịnh liên, nếu tư chất tốt, sẽ nở sớm một chút, nếu ngộ tính kém cỏi, sẽ nở muộn một chút. Cùng trên con đường tu hành, cho dù là Thiền định sống cả chẳng kinh, hay là khổ hạnh dầm sương dãi gió, chốn về, cũng đều giống nhau. Dù hoá thân vạn triệu lần, cũng chìm đắm trong Công Đức thủy[23] đời một lần gặp duyên mà bừng nở.

[22] Thất Bảo trì: Thuật ngữ Phật giáo, chỉ đầm hoa sen do bảy bảo vật tạo thành ở tịnh thổ Tây phương, những người đầu sinh nơi tịnh thổ sẽ được hoá thành hoa sen trong đầm này.

[23] Công Đức Thủy: Tức bát nước Công Đức. Trong thế giới Tây phương cực lạc của Phật giáo, nơi nơi đều có Thất Diệu Bảo trì, Bát Công Đức thủy chảy đầy trong đó. Nước này tinh khiết, lạnh buốt, ngọt lịm, mềm dịu, trơn nhuận, an hoà, khi uống ngoài giải khát, còn có thể tăng thêm thiện lương.

“Kinh Kim Cương” viết: “Phàm sở hữu tướng, giai thị hư vọng, kiến chư tướng phi tướng, tắc kiến Như Lai.” (Phàm là cái gì có tướng, đều là hư dối, thấy mọi thứ có tướng mà lại không phải tướng, tức là thấy Phật). Có nghĩa là cảnh giới của Thiền, cho dù quá trình như thế nào, non nước trùng lặp hay là ngàn vách đá vạn khe sâu, đến cuối cùng, vạn đồng đồng tôn, vạn pháp quy nhất. Cho nên, trong mỗi một ngày tu hành, không cần trào dề lợi suối, chỉ cần hiện tại an ổn, an nhiên nhìn mưa phùn gió nhẹ, mây đến mây đi bên ngoài cửa sổ mà thôi.

Xuyên qua rừng cây nhân sinh gai góc dày đặc, phía trước đã là đồng bằng thẳng cánh, trời cao bể rộng. Buông bỏ chấp ngã, tùy duyên tự tại. Kiếp sau nguyện hoá thành đài sen, ngồi dưới thân Di Đà nghe kinh. Dùng tâm từ bi bồ đề, độ chúng sinh như hoa sen.

4. Chương 4: Lướt Qua Nhau Giữa Hồng Trần

Đời người có rất nhiều cuộc gặp gỡ, cho dù bạn lựa chọn đi trên con đường nào, đều có những người đi đường lướt qua nhau. Hồng trần như thế, đạo tràng bỏ để cũng như thế. Trong sự tụ tán ly hợp tất nhiên đó, những người này sẽ có một ngày bỏ bạn mà đi. Duyên sâu duyên mỏng, năm dài tháng ngắn, cũng chỉ giữa sự qua lại lại qua.

Nhân duyên lưu chuyển, khởi diệt đều không thể dự đoán. Thế gian này không ai có thể thực sự đi cùng bạn đến phút cuối của cuộc đời, vạn cổ bất biến, chỉ có non xanh nước biếc. Những sinh linh đã thấu hiểu Phật tính, trên chặng đường xa xôi chắc chắn sẽ không mê lạc, không cô đơn. Dòng người đi lướt qua nhau, có rất nhiều cơ duyên nhầm lẫn, mất mát đều trở thành thu hoạch. Bởi vì, cho dù chỉ còn lại một chiếc giường lạnh, một chiếc áo cũ, một bát cháo trắng, chúng ta vẫn có thể dựa vào chính mình.

Mỗi người đều là hòn đá bắc qua sông, đều là ngọn đèn soi sáng cho chúng ta hướng về. Gặp gỡ là mây tụ, ly biệt là mây tan, đều sẽ không ảnh hưởng đến vẻ đẹp của bầu trời. Chậm chậm thả bước trên đường nhỏ giao nhau giữa hồng trần, đi cùng ai cũng không quan trọng. Quan trọng là bản thân tìm thấy con đường sáng tỏ, thông suốt, sau đó, nước biếc bờ mây, trời cao đất rộng, nhân nhĩ vô cùng.

Tùy duyên tự tại, tự tại tùy duyên. Một hạt bụi chứa vạn tượng, một ý niệm chứa ba ngàn. Người đời luôn thích coi gặp gỡ là kiếp số, coi danh lợi là lưới trần không thể thoát khỏi. Nhưng lại không biết, một cái tâm thiền định có thể gánh vác được phong vân biến đổi, sóng cuộn dâng trào của hết thảy nhân gian. Những con người đã từng gặp nhau đường hẹp đó đi về đâu, vốn đã không cần câu trả lời nữa.

“Kinh Viên Giác[24]” viết: “Nhất thiết chúng sinh chủng chủng huyễn hoá, giai sinh Như Lai viên giác diệu tâm, do như không hoa, tông không nhi hữu. Huyền hoá tuy diệt, không tính bất bại, chúng sinh huyễn tâm, hoàn y huyễn diệt, chư huyễn tận diệt, giác tâm bất động,” (Tạm dịch: Tất cả chúng sinh và mọi vật huyễn hoá, đều sinh từ Viên giác diệu tâm Như Lai, ví như hoa ảo trong hư không, từ hư không mà có. Hoa ảo tuy diệt mà tính hư không không hoại, tâm ảo của chúng sinh lại y nơi pháp ảo mà diệt, pháp ảo tâm ảo diệt hết thì tính giác bất động) Đời người như ảo mộng, một người lướt qua, một người quay đầu, liền thành vật nay còn đó người đã khác xưa. Đối với quá khứ, chớ nên ngoái nhìn lưu luyến, mà hãy để nó sạch trơn như gió mát, thong thả như mây trời.

[24] “Kinh Viên Giác”, tên đầy đủ là “Đại Phương Viên Giác Tu Đa La Liễu Nghĩa Kinh”, còn gọi là “Đại Phương Quảng Viên Giác kinh”, “Viên Giác Tu Đa La Liễu Nghĩa kinh”, “Viên Giác Liễu Nghĩa kinh”, là một trong những kinh điển Phật giáo Đại Thừa.

Người tu hành, hết thấy pháp, đều là Phật pháp; hết thấy tâm, đều là Thiền tâm. Dùng đôi mắt Bát Nhã nhìn thế gian Ta Bà, mỗi một hạt bụi đều có định lực, mỗi một cọng cỏ đều là thuốc lành, mỗi một tác đất đều nở rộ hoa sen. Nhân gian là đạo tràng tu hành hoàn mỹ nhất, trong khói lửa vẫn đục có thể tìm thấy một chiếc gương trong sáng, thấy chân tính mà thành Phật[25]. Từ đó trăng thanh gió mát, vui vẻ bình an, trời nước một màu, sơn hà tự tại.

[25] Nguyên văn “kiến tính thành Phật”, trích trong bài kệ 4 câu, tương truyền là của Bồ Đề Đạt Ma, vị tổ đầu tiên của dòng thiền Trung Quốc. Bài kệ này là kim chỉ nam của Thiền tông Đại thừa: Bất lập văn tự/ Giáo ngoại biệt truyền/ Trực chỉ chân tâm/ Kiến tính thành Phật (dịch nghĩa: Không lập chữ nghĩa/ Truyền giáo pháp ngoài kinh điển/ Chỉ thẳng tâm thật/ Thấy tính thành Phật.)

Phật du hành giữa nhân gian, chúng sinh đều có cơ duyên gặp Phật. Có thể tại một ngõ mưa, đá xanh nào đó, một bến đò ly biệt nào đó, hoặc là một con đường núi lá rụng đầy nào đó. Lại hoặc là cùng uống một ấm trà, cùng hái một nhành hoa, ngồi cùng một tấm nệm. Những nơi Phật đi qua đều là quốc thổ thanh tịnh. Những nơi Phật đã ban phát tình yêu, đều là thế giới bồ đề.

Đối với Thiền giả, tất cả nhân duyên, tất cả vui buồn, đều có thể được hong khô dưới ánh nắng mặt trời. Một bậc Thiền giả, cái người đó truy cầu không phải là nội tâm sâu sắc thế nào, mà là làm thế nào để tâm trong như nước. Dù bước đi trên rừng đao núi kiếm, vẫn có thể ung dung kiên định; lạc giữa biển khói mây mù, vẫn có thể sáng lòng thấy được chân tính.

Hoa nở là hữu tình, hoa rơi là vô ý. Người đến là duyên khởi, người đi là duyên tàn. Ba ngàn thế giới, mỗi một ngày đều sẽ có lướt qua, mỗi một ngày đều sẽ có trùng phùng. Tu Thiền không cần dốc lòng, rất nhiều người vì một mối tình duyên, cam tâm quay ngược lại con đường luân hồi, cho dù phải trải qua đợi chờ hàng ngàn năm, đổi lại chỉ được một cái quay đầu ngăn ngủi, cũng không oán không hận. Nhưng có lẽ chính trong khoảnh khắc quay đầu đó, trong thời gian năm tháng, bỗng nhiên đồn ngộ. Bất cứ chấp ngã nào cũng đều là phiền não, duy chỉ có từ bỏ, mới có thể tự tại.

Duyên phận giữa người và người, tuy có thuyết định mệnh, nhưng trong cuộc đời, có rất nhiều sự an bài hoàn toàn là ngoài ý muốn, chúng ta không cần vì một vài điều ngoài ý muốn mà cố giữ gió trăng. Tu Thiền

cũng vậy, không cần dốc lòng, mà cốt quý ở tự nhiên. Vạn vật đều có Phật tính, tức là giữa một ngày rất đổi bình thường, bạn làm thế nào để tìm được một phong cảnh thuộc về bản thân mình.

Những quá khứ đã trôi đi thật xa đó không phải là để quay đầu luyến tiếc, cũng không phải là để quên lãng, chỉ coi nó là sự tồn tại đơn giản, coi nó là dòng suối cần phải băng qua khi muốn lên bờ. Không để tâm ai đã từng tới, ai đã từng đi, lướt qua nhau tuy chỉ khoảnh khắc, dừng lại cũng chẳng thể một đời. Thế sự mênh mang, giấc mộng năm xưa đã sớm hoá thành vô số hoa rơi. Chúng ta không cần thiết đi nhặt lại ngày hôm qua đã mất.

Thuyền buông sông hồ, gặp sóng cả hồng trần, không cần sợ hãi. Chỉ cần không bị tình cảm và danh lợi trói buộc, bất cứ lúc nào cũng có thể rẽ nước mà xuôi, cưỡi gió mà chạy. Hồng trần như chuyến đi ngược chiều, chúng ta đều là người đi đường, là khách vãng lai. Từ điểm xuất phát của sinh mệnh, dọc đường lặn lội, nếm hết phong trần, trong hành lý mang trên vai đều là quá khứ nhiều năm. Mà đường về, cuối cùng nằm ở đâu? Người trong thế tục cho rằng bỏ hành lý trên vai xuống là tìm được về cố hương của đời mình. Nhưng người tu hành, chỉ cần tâm như tịnh thủy, là có thể ngộ đạo.

Chúng sinh quay về, cho dù gặp phải kiếp số ra sao, bất cứ cuộc du hành nhân gian nào đều sẽ đột ngột dừng lại. Ngày ấy, thế sự như nước rút đá bày, sóng xô phẳng lặng. Người đời đi khắp vạn nước ngàn non, những gió sớm ngày tan, hoa thắm liễu xanh đó, trở thành phong cảnh dù có quay người cũng khó quên. Mà Phật Đà chỉ cần ngồi thiền dưới gốc bồ đề, không dựa vào ngoại vật, là có thể nhận biết tự nhiên, thu được chứng ngộ.

“Kinh Kim Cương” viết: “Nhất thiết hữu vi pháp, như mộng huyễn bào ảnh, như lộ diệc như điện, ứng tác như thị quán.” (Tạm dịch: Tất cả pháp hữu vi. Như mộng, huyễn, bọt, bóng. Như sương, như điện chớp. Nên quán tưởng như thế) Đời người như giấc mộng, hết thấy phàm trần đều là hư ảnh. Dùng tâm bồ đề dung nạp mọi nỗi khổ của chúng sinh, vạn vật đều thuần túy hoá thiện.

Thiền là mộc mạc, không cần trang sức mỹ lệ sinh động. Thiền cũng là tầm thường, không phải thần thoại xa xôi, huyền ảo. Thiền trong cuộc sống bình thường của chúng ta, trong mỗi khoảnh khắc của một cái lướt qua. Chỉ cần nội tâm sáng suốt bình hoà, mặc cho gió mây cuốn sạch, sao tàn mộng khuyết, cũng có thể hoa thắm trăng tròn. Châm một ly trà ngồi tĩnh lặng, thế sự non sông đều rơi trọn trong chén, khói lửa loạn thế đều trở thành thanh tịnh, tựa trăng sáng vàng vạc. Đây chính là cảnh giới của Thiền, là sen nở đẹp nhất ở bờ bên kia.

Có câu nói như thế này: “Kiếp sau, cho dù là yêu hay không yêu, đều sẽ không gặp lại.” Có những người thừa nhận câu nói này, cho nên học cách quý trọng nhân duyên. Cũng có người cho rằng tình yêu có sự qua lại, cho nên trên con đường tình cảm tiếp tục đi thật xa. Tình duyên trên thế gian trôi nổi bất định, đã từng tương phùng sâu sắc, đến phút cuối cùng chẳng qua lại chỉ là một khách đi bộ hành đi lướt qua nhau.

“Tâm kinh” viết: “Chư pháp không tướng. Bất sinh bất diệt, bất cấu bất tịnh, bất tăng bất giảm.” (Tạm dịch: Các pháp không tướng, không sinh không diệt, không bẩn không sạch, không tăng không giảm) Tâm không uế chướng, tinh khiết thuần nhất. Trên con đường tu Phật, không cần nắm tay bên nhau, bất cứ khi nào đều có thể cùng làm bạn trăng thanh gió mát. Những con người đã từng đi lướt qua nhau trên con đường hồng trần đó, có một ngày cuối cùng đã gặp nhau, khi ấy, chỉ cần dùng một trái tim lương thiện bình thường đối đãi nhau là được rồi.

Đời này chỉ là kiếp cuối cùng

Dựa vào một khung cửa sổ nhỏ, ngắm vài cổ vật bình thường, nhàn nhã nơi đình viện. Trên bàn, ngọn gió mát lật giở trang sách, dấu chữ chẳng nhận ra nổi là của triều đại nào. Thời gian cứ thế trôi đi, trôi đi. Đến nay mới hiểu, gió mây của thế giới bên ngoài chỉ là nhất thời, những sự vật đơn giản thuần khiết mà linh thiêng đó trải qua biến chuyển của năm tháng, trước sau trầm tĩnh, không bị quấy rầy.

Hết thấy chúng sinh hữu tình đều có Phật tính. Có thể thấy những cảnh, vật nhỏ nhoi trong ngày thường đó, tu hành trong một xóm vắng chẳng ai hỏi tới. Chỉ vì thiếu đi sự mài sắc đao quang kiếm ảnh của thế tục, thiếu đi sự nung nấu nước sôi lửa bỏng của hồng trần, cho nên không bộc lộ quá sắc sảo, ngược lại càng thấy từ tâm. Kiếp sau, những vật có linh tính sẽ hoá thành hoa sen, chắc chắn là cực phẩm. Mà tôi, bản thân ở giữa phàm trần bận bịu, lại phải tu luyện thêm vài kiếp, mới có thể công đức viên mãn.

Ngẫu nhiên đọc được một câu như thế này: “Đời này nên là kiếp cuối. Khi trở lại, chân bước trên hoa sen.” Người nói câu này là ai đã không thể biết được, nhưng có thể thấy rằng người đó đạo tâm kiên định, thể đoạn tuyệt qua lại với cõi trần. Trên con đường dưới ánh nắng ngọt ngào, chúng sinh đều sợ hãi phải chịu luân hồi vô thường, không muốn đi theo vết xe đổ. Chúng sinh vô số, có một ngày đều phải tan biến trong biển người mê mờ, họ thực sự có thể tùy theo tâm nguyện lựa chọn chốn về của mình hay không?

Thời gian càng dài, lòng người càng nhạt. Từng nói người cùng sống chết, đến cuối cùng già chết đi, không còn qua lại. Năm tháng là kẻ cướp, luôn vô tình đánh cắp rất nhiều dung nhan xinh đẹp, tình cảm chân thành và cuộc sống hạnh phúc. Có lẽ chúng ta không có cách nào để coi như không thấy, nhưng cũng không cần đối địch với nhau. Rốt cuộc ai cũng đều đã có những tháng năm như hoa tươi trăng tròn, khi đó nên chuẩn bị sẵn sàng, bởi sẽ có một ngày bị cướp sạch sành sanh.

Cuộc đời mỗi người đều có vài lần kiếp số, duy chỉ có trải hết trần kiếp, mới có thể rời xa Đại Thiên thể giới[26], tránh khỏi nỗi khổ trầm luân. Sinh mệnh là một hành trình không thể đoán định, cho dù tôi và bạn đi đến cảnh ngộ không thể thay đổi thì cũng nên bình tĩnh ung dung. Mỗi một lần không như ý, mỗi một việc trái với tâm nguyện, kỳ thực đều có kết cục không thể dự đoán. Gió cuốn theo mây, liễu tối hoa sáng[27], chính là như thế.

[26] Đại Thiên thể giới: Thuật ngữ nhà Phật, gấp một nghìn lần thế giới là Tiểu Thiên thể giới, gấp một nghìn lần Tiểu Thiên thể giới là Trung Thiên thể giới, gấp một nghìn lần Trung Thiên thể giới là Đại Thiên thể giới. Sau dùng chỉ thế gian rộng lớn vô bờ.

[27] Gió cuốn theo mây, liễu tối hoa sáng: So sánh với một việc trong khó khăn tìm được cơ hội xoay chuyển.

Hồng tự thêm hương[28], tình sâu chẳng bền. Sớm biết thế này, nhưng vẫn có kẻ trước người sau tiếp tục lũ lượt lao xuống biển tình cuộn cuộn, không hỏi về đầu. Là chúng ta muốn quá nhiều thứ, hay trong sinh mệnh mỗi người đều có một đoạn hoặc vài đoạn hành trình cần phải đi qua như thế? Nhìn quen trăng thu gió xuân, sao có thể để tâm chuyện đổi thay của tự nhiên hỗn tạp. Ném tận buồn vui ly hợp, sao có thể dễ dàng bị tình cảm nào đó làm lung lay.

[28] Hồng tự thêm hương: Chỉ việc thư sinh đọc sách có mỹ nữ bên cạnh.

Nhân sinh trăm vị, thế sự sâu xa. Kinh Phật dạy: “Giác tri đa dục bị khổ. Sinh tử bì lao, tông tham dục khởi, thiếu dục vô vi, thân tâm tự tại.” (Tạm dịch: Biết được nhiều ham muốn là khổ. Sinh tử mệt mỏi, ham muốn trỗi dậy cùng với lòng tham, bớt ham muốn vô vi, thì thân và tâm đều tự tại) Thân ở thế tục phồn hoa, quá nhiều mê hoặc khiến con người khó cự tuyệt. Có bao nhiêu người có thể vứt bỏ lụa là gấm vóc để mặc áo trắng vải thô; có thể vứt bỏ gạo ngọc rau vàng mà uống trà trong ăn cơm nhạt. Cùng đi giữa thế gian, có những người phải ném hết khối lửa phẫn nộ mới chịu thôi, có những người lòng đã sớm quay về chốn sơn lâm, nguyện vui cùng non nước.

Cổ nhân nói: “Nhân đáo vô cầu phẩm tự cao.” Vô cầu tức là không ham muốn, nếu con người mà có thể không ham muốn, nhân phẩm tự nhiên sẽ cao thượng, mà khổ não cũng sẽ tự tiêu tan. Nhưng có thể làm được một người “không ham không muốn”, há phải kẻ tầm thường sao? Tu luyện giữa nhân gian đầy gió bụi bao phủ, có người mê đắm phong cảnh hoa lệ tuyệt mỹ, có người chỉ yêu vật cổ như đã từng quen biết. Trái tim rộng lớn như bể, nên dùng gì để lấp đầy, những vật chất tầm thường hay là tinh thần, liệu có đủ không?

Phải nói, phiền não tức là bờ đề, sinh tử tức Niết Bàn. Mỗi con người đều có một hòn đá Tam Sinh thuộc về chính mình, ở đó có thể nhìn rõ đời này kiếp trước của mình. Những con người đã từng bôn tẩu trên con đường hồng trần vì Thế Âm tính ngộ, quyết ý tin vào nhân quả, không còn tranh danh đoạt lợi nữa. Họ nguyện ý hoá thành một thân cây, lặng lẽ tồn tại giữa núi sông ngàn kiếp, từ đó im hơi lặng tiếng.

Bắt đầu từ bây giờ, cùng tu luyện với sinh linh vạn vật. Cho dù quá trình dài đến bao lâu, cho dù thời gian có nhạt nhẽo vô vị hay không, đều kiên định giữ gìn, hững hờ trước buồn vui, trân trọng sinh mệnh, cảm tạ chúng sinh. Phật pháp không có nông sâu, nông sâu chính là lòng người. Phật Đà không có yêu hận, yêu hận chính là phàm nhân. Trang nghiêm xuất thế, tự nhiên lánh trần. Bất cứ tham niệm và nông nổi nào đều do tu vi của bản thân chưa đủ.

Quá trình là gì? Quá trình là uống hết nước của ngàn con sông, ném đủ trăng sáng của vạn cổ. Đọc một

cuốn sách ẩm hơi nước, ôn lại mấy câu chuyện xưa cũ, diễn dịch một hồi ly hợp định mệnh. Hành trình đơn sơ, đi giữa thế gian, ngắm cò trắng làm kinh động cành cây, hoa rơi đầy mình, duy có Linh Sơn là đường về. Một người khai ngộ không phải vì có gia sản giàu có, không phải vì có tư tưởng sâu sắc, cũng không phải vì có tài năng xuất chúng, mà vì có cơ duyên huyền diệu, có thiền tâm chất phác. Một người nhận biết tự nhiên, trân trọng sinh mệnh, tất sẽ được chứng ngộ trước tiên.

Vừa đi vừa ngâm vịnh non nước, một giấc tới tận ngàn năm. Từng ngắm muôn hồng ngàn tía, oanh liệt én chao, lại thấy gió trúc luồn sân, sen xanh thơm ngát; từng ngắm chiều buông cò lẻ bóng, nước thu sắc trời, lại thấy tuyết trắng tung bay, hàn mai cao ngạo. Trong đó có không ít khung cảnh thanh vắng cô quạnh, cũng không hiếm khoảnh khắc thân mật ấm nồng. Thời gian cứ già đi, già đi như thế. Tôi và bạn khi đó đã gạn lọc hết phù hoa, chỉ giữ lại một khung cửa sổ nho nhỏ, ngắm đình viện cũ xưa, mưa bay hoa rụng. Ngoài xa, tiếng chuông bằng lăng, quanh năm lánh đời.

Phật nói: “Dục đắc tịnh thổ, đương tịnh kỳ tâm, tùy kỳ tâm tịnh, tức Phật thổ tịnh, Thánh nhân cầu tâm bất cầu Phật, ngu nhân cầu Phật bất cầu tâm; trí giả điều tâm bất điều thân, ngu giả điều thân bất điều tâm.” (Tạm dịch: Muốn được tịnh thổ, phải tịnh tâm mình, tâm mình tịnh rồi, đó là Phật thổ tịnh. Thánh nhân cầu tâm chẳng cầu Phật, người ngu cầu Phật chẳng cầu tâm; người trí điều hoà tâm chẳng điều chỉnh thân, kẻ ngu điều chỉnh thân chẳng điều hoà tâm). Có thể thấy chỉ cần có một Thiền tâm bình hoà yên tĩnh, là có thể quét sạch hết thấy gió mây vẩn vù, chìm nổi lặn dạn của thế gian. Có thể thấu tỏ hết thấy sự vật nhay bén, cho dù thân ở giữa nơi đồng hoang mênh mang cũng không lằm vào đường rẽ, rơi vào mê hoặc. Khi chẳng có gì, chỉ giữ cho tâm của mình, tự vui vẻ bình an.

Thiền là cam lộ, nuôi dưỡng chúng sinh; là diệu dược, phổ độ vạn vật.

Vạn sự trong nhân gian đều là tâm thường, cũng đều là vô thường, chỉ có bỏ qua, mới có thể ung dung tự tại, mới có thể thể nghiệm huyền có mộng ảo như bong bóng. Năm tháng tựa sương, vầng dương như bay, nhìn núi xa đường đá, đom đóm loé sáng lập loè. Lúc trùng phùng, đã là lá rụng núi trống, hạc về tầm không, nhân sinh đã buổi xế chiều.

Một ly trà trong, uống đến khi nguội. Vỡ kịch một khi đã diễn, sẽ xem tận đến lúc hạ màn. Bài học cần tu cả đời, cũng sẽ viết nên kết cục, vào một thời khắc kết thúc nào đó. Phật tin: Không nói được[29]. Mây nước vô bờ, nhân gian an vui, trên thế gian đáng quý này, bạn đến, ở nơi này, bạn đi, vẫn ở nơi này. Sự tồn tại đó thật giản đơn, vạn vật hoá cát bụi, vui vẻ mà ngợi khen.

[29] Nguyên văn “bất khả thuyết” hay còn gọi là “bất khả ngôn thuyết”. hoặc “bất thuyết”; tiếng Phạn là “anabhila^pya”, tiếng Tạng là “brjod-du-med-pa”, nghĩa là chân lý có thể chứng ngộ, chứ không thể nói thành lời, là một thuật ngữ của Phật giáo.

Kiếp này, cho dù phía trước là bụi vàng lướt bay, hay là nước lặng yên sóng, thì vẫn cứ đi tiếp như thế. Kiếp sau, hẹn gặp trên đài hoa sen. Bạn rực rỡ vàng son, từ bi hiển hoá; tôi toàn thân trắng muốt, trang nghiêm tĩnh lặng.

5. Chương 5: Phong Tình Cổ Trấn

Có lẽ chúng ta đều là những người tin vào tiền duyên, cho nên, thân sống giữa phồn hoa, vẫn không quên kiếm tìm những tháng ngày xưa cũ đó. Chuyện xưa trôi qua như mây khói tản mát, giữa bóng đêm của năm tháng âm thầm đổi thay, vừa ban nãy vẫn còn phong trần cuộn sóng, bây giờ đã không còn lại dấu vết gì. Năm tháng không biết đã đổi dung nhan bao lần, chỉ có cổ trấn là vẫn giữ lời thề ước năm xưa, không dám thay đổi đáng về ban đầu. Tường viện xanh rêu âm ẩm, ngõ nhỏ sâu dài hun hút, lầu gỗ cổ kính, hành lang quanh co, sân khấu loang lổ, tuy đã phủ đầy bụi bặm của dĩ vãng, nhưng vẫn là mối tâm tình trong giấc mộng. Đẩy cánh cửa bị thời gian khép hờ, những tình cảm cảnh cũ người xưa còn lưu giữ nơi cổ trấn đó, vẫn bình yên êm ả như thế...

Tây Đường như mộng

Cho dù là người đã từng hay chưa từng đến Tây Đường đều sẽ cảm thấy, Tây Đường là một giấc mộng, một giấc mộng thuộc về Giang Nam. Nó nên thơ cổ kính, thuần phác tĩnh lặng, đã từng bị người đời quên lãng, đến nay lại được người ta tìm kiếm. Tôi luôn cho rằng những người đến Tây Đường là những người không từ bỏ được quá khứ hữu tình. Bởi vì mỗi phong cảnh nơi đây đều có thể dễ dàng, nhẹ nhàng lay động sự mềm yếu trong bạn. Giữa phong cảnh sự vật yên tĩnh của Tây Đường, có thể mơ một giấc mơ dài, khi tỉnh lại, cũng sẽ có những tháng ngày không lưu giữ được.

Trước khi đến Tây Đường, tôi cũng chỉ là một khách bộ hành ngẫu nhiên, mà không biết rằng từ ngàn năm trước đó, mình đã từng có duyên phận với nó. Thời Xuân Thu, Ngũ Tử Tư của nước Ngô đã khơi thông thủy lợi, vận hành chuyển muối, khai vét Ngũ Tử đường, dẫn nước từ phía Bắc núi Tư chảy về trong vùng, vì thế từ đó Tây Đường cũng được gọi là Tư Đường. Cũng chính là một chữ “Tư” này, khiến tôi cho rằng, mình và Tây Đường có nhân quả định mệnh[1]. Cho dù chỉ là cảm xúc đơn phương, nhưng vì trong lòng chất chứa cảm xúc này, nên trước mỗi cảnh mỗi vật ở Tây Đường, tôi đều không kìm được xiết bao lưu luyến.

[1] Tác giả Bạch Lạc Mai tên thật là Tư Trí Tuệ.

Tháng năm yên tĩnh, khe khẽ dập dềnh giữa sóng nước. Dưới ngói xanh tường xám, dường như chớp mắt đã có thể nhìn thấy lịch sử xa xăm của Tây Đường. Thực ra Tây Đường không có một chiều dài lịch sử lớn lao thâm trầm, cũng không có nhiều nhân vật hô mưa gọi gió. Năm tháng cũng như dòng sông nơi đây, cứ từ từ chảy miết, không có sóng to gió lớn hải hùng, chỉ bình dị yên ổn. Tòa cổ trấn ngàn năm này, từ khi bắt đầu đã có dáng vẻ cổ kính, đơn sơ như thế. Ung dung bước qua bốn mùa thay đổi, ung dung nhìn hợp hợp tan tan của đời người, cũng ung dung tiếp nhận những khách qua đường vắng lai và những tình cảm khác nhau mà họ đem tới.

Tây Đường ven sông, tựa như luôn có một làn sương mỏng như lụa bao bọc, chỉ cần như vậy đã có thể làm nổi bật được phong vận của miền sông nước Giang Nam. Nước chảy reo ca, khỏa chèo nhấm hát, những nhà dân cổ kính hai bên bờ là cảnh tượng nguyên sơ mà chân thực của tiểu trấn. Biết bao năm, con người nơi đây cũng đã kinh qua bao lần đổi thay, chỉ là lại thêm một lần luân hồi, chứ không thể làm thay đổi ký ức xanh thắm đó. Dưới bầu trời bao la, không nhìn thấy được lầu cao thành thị, chỉ có những ngôi nhà cũ điểm tô năm qua năm tới kể lại những câu chuyện na ná như nhau.

Lầu gỗ đơn sơ có mấy cánh cửa trên mái hiên đang hé mở, khiến tôi quên hết mệt mỏi của chuyến đi, thậm chí còn tự tưởng tượng rằng, có một cánh cửa đã mở vì mình, có một người đang đợi mình. Mà tôi không biết phong cảnh Tây Đường xưa nay không dễ dàng bị người ta làm kinh động. Đây là miền sông nước trong mộng của rất nhiều người, bạn có thể cảm nhận được hơi thở của nó từ rất xa, nhưng chẳng mấy người có thể lưu lại mãi mãi. Chỉ là có được trong khoảnh khắc, để đối lấy nhớ nhung một đời, Tây Đường cũng không phụ lòng bất cứ người nào đi ngang qua cuộc đời nó.

Những người đã từng đến Tây Đường nhất định sẽ không quên hành lang nghìn mét dài hun hút đó. Ở Giang Nam, những hành lang ven nước này đâu đâu cũng thấy, nhưng chỉ có hành lang ở Tây Đường mới khiến bạn cả đời khó quên. Bởi vì độ dài ấy như thể đi đến tận kiếp sau mới hết. Bạn có thể thoải mái mơ một giấc mơ ở nơi này, không cần lo lắng bị bất cứ cảnh tượng hiện thực nào đánh thức. Chỉ lắng lòng cảm nhận ngọn gió đang quét qua hành lang dài, lướt qua làm đầy lòng se se lạnh, mà bức tranh Giang Nam, câu chuyện đời người, cứ thế từ từ mở ra.

Có người nói với tôi, con phố dài dằng dặc này có những ngọn nguồn tươi đẹp. Mà tôi lại không muốn biết căn nguyên của những chuyện xưa đó, chỉ muốn bình an có được cuộc gặp gỡ này – cuộc gặp gỡ với Tây Đường trên hành lang sinh mệnh. Sau khi quay người, dù nó sẽ lãng quên tôi, tôi cũng sẽ hết sức trân trọng mỗi lưu luyến chẳng thể cắt rời này.

Tôi như một khách qua đường, đến bến đò Tây Đường, tôi đợi một chiếc thuyền, sắp xếp cuộc gặp gỡ trong cuộc đời. Ngay khoảnh khắc tương phùng này đã dự kiến một màn ly biệt, chỉ là cuộc đời của mỗi con người, đều vì quá trình này mà hối hả đuổi theo. Trong nhân quả đã định, không ai còn mãi mê tính toán được mất. Xuôi theo dòng nước, thử quên đi hành lý nặng nề trên vai, giữa dòng chảy cứ gặp đâu vui đấy. Cây cầu cổ ở Tây Đường giống như một cây cổ cầm bắc ngang sông nước, cùng một dây đàn nhưng mỗi người lại có thể gảy nên tiếng nhạc và thanh điệu khác nhau.

Ký ức liên quan đến những cây cầu luôn khiến người ta nhớ đến bài “Đoạn chương” của thi nhân Biện Chi Lâm: “Em đứng trên cầu ngắm phong cảnh. Người ngắm phong cảnh trên lầu ngắm em. Trăng sáng tô điểm khung cửa của em. Em tô điểm cho giấc mộng người khác.” Còn tôi luôn cho rằng, người đứng trên cầu chưa chắc biết mình đã trở thành phong cảnh của người khác, người ngồi trên thuyền, cũng không biết anh ta đã tô điểm cho giấc mộng của kẻ nào!

Kỳ thực, cuộc tương phùng xa lạ giữa người và người, đa phần chỉ là lướt qua nhau, cái họ có thể ghi nhớ là cây cầu kinh qua ngàn năm không đổi, chứ không phải là phong cảnh nơi họ đã dạo chân qua. Lại có lẽ, đa tình chỉ là những vị khách qua đường, vì mỗi cây cầu hàng ngày đưa tiễn biết bao vị khách, chúng chẳng có lòng nào lưu ý đến những phù hoa đó. Nước chảy róc rách chẳng ngừng, chở tôi đi về bờ bên kia, chỉ có cây cầu Tây Đường và những mái nhà miền sông nước lẳng lặng nhìn nhau mãi chẳng muợn phien.

Ở Tây Đường, còn một nơi có thể cất giữ linh hồn, đó là Thạch Bì lộng[2] được mệnh danh là “Giang Nam đệ nhất lộng[3]”. Trong một góc nhỏ khuất tầm mắt, viết ba chữ giản dị “Thạch Bì lộng”. Một ngõ nhỏ cũ kỹ chật hẹp, giống như một chuyện cũ lạc trong góc khuất của thời gian, giữa ẩn ẩn hiện hiện, tựa như không có điểm tận cùng. Người đến Tây Đường đều sẽ không từ bỏ cuộc tương phùng này, cho dù Thạch Bì lộng xưa nay chưa từng dành cho bất cứ người nào một lời hứa dù là giản đơn. Nhưng sự chất phác mang theo vẻ thần bí lại khiến người ta có thể thấy được quá khứ chân thực.

[2] Thạch Bì lộng: Là một ngõ nhỏ hình thành giữa hai phủ đệ của con cháu Vương gia, được lát bằng 168 viên đá, dài 68 mét, rộng 0,8 mét.

[3] Lộng, lộng đường tức là ngõ, ngách.

Những bức tường cũ kỹ ghi đầy dấu vết tháng năm bị thời gian đeo từng mảng, từng mảng một. Những ký ức rơi rụng này đã gom góp lại những lênh đènh sông nước tự cổ chí kim. Trên con đường lát đá mỏng, bước chân một số người âm thầm lại gần, bước chân một số người đã vội vã đi xa, chỉ có thời gian trầm mặc là còn lưu lại nơi đây, chưa từng hỏi nhân quả.

Theo dòng suy tư mênh mang, hoàng hôn càng lúc càng xa, Tây Đường mới thấp thoáng đèn hoa lại mang một vẻ đẹp khác. Hành lang dài ven sông treo một hàng đèn lồng đỏ, ánh đèn dịu mắt tựa như tơ lụa Giang Nam, mang theo biết bao đa tình và thương mến. Đêm Tây Đường rất tĩnh lặng, tĩnh lặng đến mức có thể nhìn thấy chiếc bóng trong giọt nước đậu trên hai bờ ngói xanh. Đêm Tây Đường, dưới ánh đèn mờ tối có một vẻ hoa lệ không thể che mờ.

Sân khấu nổi trên mặt nước là khung cảnh sinh động nhất trong màn đêm Tây Đường. Hý khúc Giang Nam truyền thống, khe hát tiếng Ngô uyển chuyển[4], tựa như một ly rượu nhàn nhạt dưới trăng thanh gió mát, chuốc say cả người trên, kẻ dưới sân khấu. Biết bao tháng năm đã bị sông nước nồng hậu nơi đây tưới ướt đẫm, mà họ cam tâm tình nguyện nhảy xuống nổi ưu thương của nước, chỉ vì một nổi xúc động dịu dàng trong tim. Mỗi người đều chất chứa trong mình một tình cảm tinh tế mà đẹp đẽ, trong phàm trần khói lửa, họ không dễ dàng bộc lộ bản thân. Là Tây Đường đã khiến họ dưng cảm bộc bạch, hơn nữa trong cuộc đời đầy gò bó, có thể có được niềm vui không thể nào quên như thế.

[4] Nguyên văn “Ngô nông nhuyển ngữ”, tức chỉ giọng địa phương vùng Giang Nam ngữ điệu uyển chuyển dễ nghe.

Ở một quán trà nào đó của Tây Đường, gọi một bình trà, lặng lẽ nhìn người đi qua lại, giữa hơi nước mờ mịt, lòng người bình thản hiền hòa. Tôi đem tất cả ký ức về Tây Đường ngâm trong bình trà này, đến khi trà nhạt, tôi liền rời đi. Hai bên chưa từng hứa hẹn, cho nên cũng không cần lưu lại dấu tích vẩn vương. Ở Tây Đường, tôi chỉ là một hạt bụi bay qua tháng năm như nước chảy, có lẽ quay người, nó sẽ quên mất tôi là ai. Nhưng tôi, trước sau sẽ lưu lại đôi mắt tâm hồn, cố giữ vẻ đẹp cổ kính của nó.

Tây Đường đẹp như một giấc mộng, nhưng thực sự không phải là mộng. Có lẽ vào một ngày nào đó của nhiều năm sau, tôi sẽ đội gió vượt mưa trở về, hai bên đều đã nhạt nhòa dung nhan theo năm tháng, nhưng nó vẫn là nó, tôi vẫn là tôi.

Vụ Nguyên sắc màu

Nhiều khi chúng ta có thể đến một nơi mà không cần bất cứ lý do nào. Sau khi đến hãy nguyện tin vào cái gọi là duyên phận. Như thế có thể dễ dàng vượt qua lịch sử xuân thu, ngắm nhìn phong cảnh đủ khiến bạn

cả đời nhưng nhớ. Vụ Nguyên được mệnh danh là “làng quê đẹp nhất Trung Quốc”, khoảnh khắc tương phùng, tôi và bạn rũ bỏ lớp áo hoa lệ của thành thị, sóng bước cùng cuộc sống chất phác nơi này. Cho dù rất nhiều người vừa gặp đã say Vụ Nguyên, nhưng không ai nghĩ phải cùng nó định lời thề ước nào đó, mà chỉ muốn dừng chân lại chốn non nước bình lặng này, cảm ơn cuộc gặp gỡ ấm áp, cùng chung hạnh phúc bình dị.

Giữa thẳm sâu mây trắng, những thôn làng tường trắng ngói đen đỏ nằm hiền hòa giữa những ngọn núi, yên ả tĩnh lặng biết bao, không đua tranh với đời. Như một bức tranh thủy mặc đã định hình, khói mây trong tranh sẽ không tan biến, thời gian trong tranh sẽ không lưu chuyển. Mà những người mến tiếng xưa nay sẽ không tìm được suy ngẫm, ở một nơi cách xa tiếng ngựa xe huyên náo này, có phải cũng ẩn chứa những câu chuyện bình dị nhất nhân gian? Vậy mà, chính ở nơi không vướng bụi trần này lại chứa đựng nhiều mây khói đời thường, cất giữ nhiều dân tình chất phác, cũng là nơi bậc đại Nho như Chu Hy đời Tống cư trú.

Từ xưa tới nay, vì sự yên ổn này, biết bao tao nhân mặc khách đã cam tâm tình nguyện vứt bỏ danh lợi, rời xa đô thành, cưỡi một chú ngựa còm, ẩn cư điền viên. Giữ cánh cửa đơn sơ, sửa mấy cành rào giậu, ngắm đôi hàng đào mạn đua sắc đơm bông. Hoặc ngồi im lặng dưới ánh mặt trời, pha một bình trà nhạt, nghe chim én trên xà nhà lách chách gọi nhau. Hoặc là trồng sen giữa ruộng, dắt một chú bò vàng, tha thẩn ngắm ráng chiều nơi chân trời. Sự yên bình của thôn xóm là an bài của thượng đế, tựa như một cái cây, một viên ngói xanh, một con kiến nhỏ, đều có số mệnh kỳ diệu của nó.

Nhất là mỗi độ tháng Tư, đầu thôn Vụ Nguyên tràn ngập sắc hoa cải dầu vàng rực. Những cánh hoa nở bung, không hề giấu giếm giữa ngày xuân, không khiếm sợ thiêu hoa[5] ngăn ngủi, đem sinh mệnh giao cho ánh nắng mùa xuân đơn sơ giữa thôn xóm. Mỗi vị khách từ xa đến đều phải vòng qua biển hoa thơm ngát này mới có thể vào được thôn trang trong mộng.

[5] Thiêu hoa, hay thiêu quang chỉ ngày xuân, mùa xuân.

Rất nhiều thân long não cổ thụ mọc thẳng tắp ở đầu thôn và cạnh tường sân, có lẽ chúng có thể quên đi tuổi đời của mình, nhưng lại không thể quên được mỗi cuộc gặp gỡ giữa khách qua đường với Vụ Nguyên, không thể quên được mỗi một câu chuyện như câu chuyện cũ bình hoa mai và cơn gió mát. Con đường dịch[6] lát đá xanh, biết bao người đã đi lướt qua nhau, ai cũng không thể nhớ nổi dung nhan của ai. Chỉ đứng giữa khói lửa của thế tục, để ngày tháng trôi qua nhàn nhạt như trà trong. Mùa ẩm ướt, giữa khe hở của đá mọc xanh rêu, tựa như cố ý cất giữ những phần không nên đánh mất. Có những tảng đá khắc chữ, giữ lại năm tháng mênh mông vô bờ của thôn trang, lặng lẽ kể lại chuyện trước đây của mưa gió Vụ Nguyên.

[6] Đường dịch: Đường chuyển công văn, thư ngày xưa.

Thôn xóm Vụ Nguyên có thể đội sơn đập thủy, trước thôn hầu hết đều là những bến nước cổ. Bến nước bị cổ thụ, trúc xanh che khuất, toát lên sự tĩnh lặng và trầm mặc của tháng năm, nhưng không một ai ghi nhớ nổi lịch sử của chúng. Chỉ là năm này qua năm khác, chúng vẫn đậu lại nơi đầu thôn trang, bình thản mà trầm mặc ngắm nhìn khách đến khách đi. Nước sông vẫn trong vắt như xưa, y như con người Vụ Nguyên, ngày tháng giản đơn, sóng gió chẳng kinh sợ. Những chiếc bè tre đậu ngay gần, những chiếc ghé tre đơn sơ, những người lái dò đầu đội mũ rơm, dùng một cây sào dài chống xuống nước sông xanh biêng biếc, giữa dòng chảy khói mây bao phủ đi tìm một bến đỗ. Những cô gái hái chè lưng đeo gùi tre, hát vang mấy khúc sơn ca, trên cổ tay đeo những chiếc vòng bạc mà bà nội để lại, vẻ đẹp độc đáo của chúng bỗng bình dưới ánh mặt trời.

Người trong thôn trang chèo bè tre đi lao động, đi họp chợ, giản dị đi ra ngoài, lại giản dị quay về. Nhưng sơn trang mộc mạc này không thay đổi đáng kể ban đầu, mấy mẫu ruộng ao, mấy thửa hoa màu, mấy ô giếng cổ, mấy gian nhà cũ, mấy làn khói bếp, tựa như một cuốn sách cổ ngàn năm, gió thổi khô dấu mực, gửi lại cho người đời sau tìm đọc. Bến nước không phải là nơi định mệnh ép con người ta phải quay về, mà chỉ là trạm nghỉ của linh hồn, cho dù tôi hay bạn đi qua mấy chặng sông nước, nó vẫn im hơi lặng tiếng.

Cầu mái ngói[7] ván gỗ cũng là một phong cảnh không thể thiếu ở Vụ Nguyên, biết bao năm tháng, nó dùng chiếc xà chiếc cột đã già nua của mình vắt ngang giữa non xanh nước biếc, không oán không hận. Nói đến cầu mái ngói, không thể quên được giấc mộng xưa trên cầu mái ngói ấy, thứ mà cầu mái ngói Vụ Nguyên cất giữ chính là giấc mộng bình thường giản dị của người Vụ Nguyên. Cầu mái ngói gửi gắm những tâm nguyện tốt đẹp của họ, cho nên mỗi một cây cầu đều có một cái tên đẹp. “Lưỡng thủy giáp minh kính, song

kiểu lạc thái hồng” (Hai dòng nước sáng gương soi. Cầu cây mộng đỏ rực ngời trên sông[8]) là hai câu thơ nói đến cầu Thái Hồng (cầu Cầu Vòng) của trấn Thanh Hoa, cây cầu được tôn vinh là “Cầu mái ngói đẹp nhất Trung Quốc”.

[7] Một loại cầu có mái ở trên để che chắn, bảo vệ thân cầu, là chỗ nghỉ ngơi, gặp gỡ của khách bộ hành.

[8] Hai câu thơ trong bài “Thu đăng Tuyên Thanh Tạ Dữu bắc lâu” của Lý Bạch (đời Đường), bản dịch Nhã Uyên.

Cầu mái ngói thân bằng gỗ, tạo hình tuyệt đẹp, phong cách cổ xưa mộc mạc, dài tít tắp như khiến người ta nhìn thấy thời Nam Tống xa xôi. Lịch sử tám trăm năm, vô số người đã dừng chân nghỉ ngơi ở đây, xây đắp nên những câu chuyện. Mưa gió tám trăm năm, từ kiếp trước đến đời này, cầu Thái Hồng vẫn như năm nào, trấn tĩnh bình thản, chỉ già nua đi đôi chút. Ngồi nghỉ ngơi trên cầu, ngắm nhìn thôn xóm trong tranh, non xanh nước biếc. Một bè gỗ lững lờ trôi qua, bám vào đời người, cứ như thế, không hồi đường về, không nói trở lại.

Chính ở miền quê đẹp nhất này, còn lưu giữ những kiến trúc Huy phái mộc mạc, trang nhã. Tường trắng ngói đen, mái cong góc lượn, nhà ở Vụ Nguyên đều có chung một bố cục này, tọa lạc trong sơn thôn sâu thẳm, đời đời nổi truyến. Giống như một tòa nhà cổ bị năm tháng bỏ quên, thu hút vô số người đến gõ cánh cửa nặng nề nơi đình viện sâu hun hút, xem lại một quãng chuyện cũ của Vụ Nguyên. Điều khắc gỗ, điều khắc đá tinh xảo, những hiên cửa sổ chạm trổ hoa, tuy kinh qua xuân thu năm tháng, nhưng vẫn giữ được hoàn chỉnh vẹn toàn. Trên cửa còn treo chiếc gương đồng kiểu cũ, trên mặt bàn bày những bình hoa sứ men xanh, còn có chiếc đồng hồ quả lắc đang gõ nhịp, cho dù thời gian trôi qua bao lâu, chúng đều trầm tĩnh như thuở ban đầu.

Người dân trong núi thuần phác, sống cuộc đời bình thường nhất trong những ngôi nhà giản đơn. Muối một vại dưa chua, ủ vài vò rượu gạo, phơi mấy cân trà xuân, trong nhà mùi cơm thơm ngát, mùi thơm ngậy của thịt sấn bốc lên. Tháng năm trôi qua như bóng câu, đời người như một vở kịch trên sân khấu cũ kỹ, từ khi bắt đầu đến khi hạ màn, có viên mãn và cũng có nuối tiếc. Vụ Nguyên, là nơi trú ngụ của sinh mệnh, chốn về của linh hồn, dù số phận an bài thế nào, họ cũng cam tâm tình nguyện chìm sâu ở đó, cả đời không hối hận.

Đi xuyên qua ngõ phố quanh co tĩnh mịch, không hẹn mà gặp một tòa từ đường nào đó. Ở Vụ Nguyên, từ đường là một bức tranh cổ phơi giữa thôn trang, toát lên mùi thơm nồng của lịch sử. Từ đường cũng là gốc rễ của người Vụ Nguyên, cho dù họ có đi đến đâu cũng biết, có một nơi đại diện cho nguồn cội của mình là từ đường ở cố hương, hết năm này qua tháng khác đang đợi chờ họ. Từ đường đối với những thương nhân Huy Châu xa quê đi làm ăn là một mảnh trăng sáng, treo ở nơi hút mắt nhất trong trái tim, khẽ chạm vào nó, liền cảm động đến mức lập tức rơi nước mắt.

Thôn Ưông Khẩu có một tòa từ đường của họ Du, được mệnh danh là “Nghệ thuật điện đường”, được dựng từ giữa những năm Càn Long thời Thanh với khí thế hùng vĩ, kỹ thuật tinh xảo, bố cục hoàn mỹ và phong cách độc đáo, đã làm rung động tâm hồn của ngàn vạn người ghé thăm. Môn lầu, xà cột, góc hiên đều dùng thủ pháp nông sâu đậm nhạt, hư thực tương ứng, điều khắc những hình vẽ tinh xảo như long phượng kỳ lân, nhân vật truyện kịch, chim bay thú chạy, hoa nở cỏ thơm... Từ đường nơi đây không chỉ là gốc rễ của người dân Vụ Nguyên, mà còn lắng kết văn hóa phong tục tập quán thâm hậu của chốn này. Đi xa tới tận chân trời, cuối cùng sẽ có một ngày phải quay về làng cũ, về từ đường, tưởng nhớ đức độ cha ông, ca ngợi công lao tổ tông.

Ở miền quê đẹp nhất Trung Quốc này có rất nhiều khung cảnh khiến người ta lưu luyến. Có thể chọn đến thác cao đệ nhất Hoa Hạ – thác Đại Chương Sơn, để dòng chảy trong vắt xả trôi, tẩy rửa chút phù hoa cuối cùng trong tâm tưởng. Cũng có thể đến hồ Uyên Ương lớn nhất thế giới, ngắm uyên ương thành đôi thành cặp đang quần quýt đùa vui giữa đồng xanh bèo nước, dùng tháng năm đổi lấy nét dịu dàng. Còn có thể ở vườn nhà trò chuyện với đại nhạn, ngậm làn khói bếp của thôn xóm, nằm mộng mà bay.

Thôn trang có tên gọi “làng sách”, “làng trà” này, giống như một thân cổ thụ, năm này qua năm khác, dùng mãi một tư thế để đợi chờ ở đây. Chẳng ai để ý đến tuổi tác của nó, cũng không so đo sao nó mãi không thay đổi, người đến đây đều nguyện ý trao bản thân cho ánh sáng giản dị nơi này.

Giống như đã từng nhuộm mây trắng gió lành của Vụ Nguyên, cho dù đời người trăm ngàn hồi chuyển cũng

không thể xóa được đoạn duyên phận này. Vậy thì, rồi đi trước khi trà nguội, cắt một chút ký ức ảm áp khôn xiết bỏ vào hành lý, hoặc là mua một nghìn mực cổ hình vuông đem về, vào một ngày hoài niệm chuyện cũ nào đó, viết nên câu chuyện sắc màu Vụ Nguyên. Non nước nhàn nhạt sắc màu, trong những nét chấm phá vẽ thôn trang, có một bóng hình, đó là chính chúng ta.

6. Chương 6: Thủy Mặc Huy Châu

Không có quá khứ nào lặp lại, chưa từng có tương lai nào được báo trước, lần đầu tiên bước tới Huy Châu, như có một hơi hướm hoài cổ phả thẳng vào tâm hồn. Trong lúc mơ màng, ta luôn cảm thấy đã từng đến đây, mà dường như nơi đây lại cũng rất xa xôi. Dưới ánh nắng nhàn nhạt, khơi gợi ký ức lịch sử, gạt lọc bụi trần thảng năm, nhỡn nhơ trong khung cảnh thi vị hiền hòa của Huy Châu. Những hàng dương liễu xinh đẹp thướt tha chia cắt đôi bờ, một bên là ngày hôm qua ủa vàng, một bên là ngày hôm nay tươi sáng. Huy Châu lúc này như một chiếc nghìn cổ trầm mặc, bị thời gian mài mòn, lại từ từ loang ra trong nước, làm sống động cả một vùng Giang Nam.

Thời gian trôi theo những bước chân vội vã kiếm tìm, men theo những hành lang vẽ tranh sơn thủy của Huy Châu cổ, bóc tách những bí mật chôn giấu trong nơi sâu thẳm của vòng quay năm tháng. Từng chiếc cổng tam quan khí thế khoáng đạt sừng sững giữa trời xanh biêng biếc, trầm lặng dưới khối tỏa bóng chiều. Những di tích mộc mạc cổ xưa của tiền triều giống như những đồ đồng thau, đồ gốm được khai quật, tích tụ sắc loang lổ lại trần ngập hương vị cũ kỹ của lịch sử. Có nơi túm tụm nguy nga, vẫn đứng đơn độc giữa trời xanh mây trắng; có nơi quanh co một dải, hợp thành quần thể, tụ tại phô diễn chốn hoang sơ.

Kiến trúc cổng tam quan của Huy Châu bắt đầu được xây dựng vào những thời đại khác nhau, những điều khắc tinh tế tuyệt luân và những hoa văn mang âm hưởng cổ điển tự nhiên thể hiện rõ rệt sự khí phái và huy hoàng mà nó đã từng có. Cổng tam quan tượng trưng cho nội hàm nhân văn Trung, Hiếu, Tiết, Nghĩa, kể lại quá khứ đã lưu lại nơi đây, cũng cất giữ những câu chuyện qua từng năm tháng. Ánh dương chói lọi mạ sáng lịch sử đã xa xôi, tẩy sạch nền văn minh đã bị hoen gỉ, từng cánh cổng tam quan thấm đẫm sự uy nghiêm, phản chiếu vinh quang, ẩn chứa tình cảm, kể với người đời sự tang thương mưa gió hàng trăm nghìn năm qua.

Đến nay, chỉ có thể tìm thấy bóng dáng thấp thoáng của những trung thần hiếu tử và liệt nữ tiết phụ đương thời trong những hiện vật còn lưu lại, lần gỡ những câu chuyện lay động lòng người về họ trong ký ức mơ hồ. Lội ngược dòng lịch sử, thả cho dòng suy tưởng bay cao đến tận tầng mây, mượn tháng năm làm bút, lấy phong cảnh làm mực, những cổng tam quan cổ kính đã chép lại một bộ sử Huy Châu dài lâu liên tiếp, rộng lớn sâu xa.

Ánh mắt xuyên qua những hàng dương liễu buông rủ thướt tha trong gió, mạch suy nghĩ ngổn ngang ngừng đọng trong khoảnh khắc. Những tòa nhà cổ chìm đắm dưới ánh tịch dương mang một vẻ say đắm mông lung, giống như thủy mặc, quần quanh vương vít trong làn khói mãi không tan. Hai màu đen trắng là linh hồn chất phác của những tòa nhà dân ở Huy Châu, một vùng quần thể kiến trúc cổ đó không tô vẽ lộng lẫy, mà đen đến lạnh lùng, trắng đến mức thấu triệt, dùng vẻ đẹp mộc mạc và thái độ ôn hòa, phẳng phất phong thái tự nhiên, hòa tan vào trong ngàn vạn sắc thái của cuộc sống, lặng lẽ nằm giữa non nước túm tụm linh thiêng tạo nhả như tranh.

Vào hai triều đại Thanh, Minh, nền kinh tế hàng hóa của Giang Nam phát triển cực thịnh, rất nhiều thương gia Huy Châu giàu có lừng lẫy một phương. Bọn họ áo gấm về làng, xây dựng nhà cửa, mang nét văn hóa đặc sắc của Huy Châu vào kiến trúc đình viện. Mỗi một bức tường đều có một sứ mệnh khó có thể vượt qua, chúng đôi nhìn cảnh tượng mênh mông mờ mịt phía xa, kiên trì giữ gìn quê nhà đã già cỗi.

Đẩy cánh cửa gỗ dày nặng trĩu, bước vào sảnh đường, không khí cổ kính bao trùm trước sảnh nhà khiến trái tim của người từ ngoài vào dần dần chìm lắng. Từng bức ngói khắc, đá khắc, gỗ khắc phác họa những hình thù hoa chim trùng cá, những nhân vật, những chuyện kể, một lần nữa hội tụ đầy đủ lịch sử văn hóa của những triều đại khác nhau. Điều khiến bạn kinh ngạc là một căn nhà nhỏ nhỏ lại có thể chứa đựng vạn

vật trong đất trời, bao gồm toàn bộ tinh túy dân tộc cổ xưa. Phút quay người rời đi, một chiếc bình hoa kiểu cũ bám đầy bụi đã đủ gợi cho bạn một đoạn hồi ức như có như không.

Luôn luôn có một tâm tình sâu nặng trong con tim không thể xóa nhòa, như nước suối nguồn không thể cạn khô, mỗi tâm tình ấy âm thầm chảy liên miên không dứt trong suốt cuộc đời. Người Huy Châu sống quần tụ bên những miệng giếng khơi, chỉ cần những nơi có giếng nước là có khói bếp lam chiều, có muôn vàn sắc thái huyền ảo sôi động. Dòng suối trong vắt đó chảy tràn qua mỗi tình quê trong suốt và cuộc sống ngọt ngào, từng giọt từng giọt đều thấm vào tận huyết mạch của người Huy Châu. Dưới ánh nắng mặt trời, mỗi miệng giếng cổ đều hồi tưởng lại công đức của những người đào giếng tạo phúc uôn dân, dùng phương thức đơn giản nhất để thể hiện nội hàm sinh dưỡng của cả một dân tộc. Rêu xanh thành giếng cũng chính là rêu xanh của đời người, tích lũy biết bao gió sương, càng lâu ngày lại càng dày lên thành lớp.

Cho đến ngày nay, cạnh một số giếng cổ vẫn còn bảo tồn những văn tự liên quan đến việc đào giếng và dùng nước năm nào, nội dung khắc trên đá đã bị bào mòn cùng với gió mưa năm tháng. Thế nhưng, từ những dấu tích xa xưa đã xuyên qua thời gian, vẫn còn nghe thấy thanh âm huyền ảo nơi phố chợ, những câu từ dung dị ấy cứ xoay vòng bên miệng giếng, đi cùng mỗi sớm sớm chiều chiều. Hàng trăm năm, nghìn năm trôi qua, có rất nhiều thương gia Huy Châu về quê uống một ly rượu sinh mệnh máu hòa lẫn rượu, tưởng nhớ ân tình của nước, nghĩa lớn của nước. Họ từng rũ bỏ một phần lớn thời gian ở quê nhà, nên phải tìm lại trong dòng nước mát của giếng xưa.

Những hạt bụi lướt qua ánh nắng mặt trời, khe khẽ rớt xuống, lại lần nữa khiến dòng suy tưởng lắng đọng đến mức trong vắt. Từ đường ở Huy Châu là thánh điện của tông tộc, nổi lên tình quê khó dứt của người Huy Châu với những quy ước làng xã trang nghiêm. Tòa kiến trúc thần thánh đó cất giấu lịch sử gia tộc của người Huy Châu, bảo tồn những lời dạy của thánh hiền đi trước. Nó cũng từng già nua trong lặng lẽ, nhưng mỗi một thịnh suy đã qua đều xứng đáng để trăm đời hậu thế học hỏi.

Ngước trông mái hiên chót vót cứng cỏi của từ đường, dường như ở đó chứa đựng một sức mạnh to lớn xiên thẳng tận trời cao, đo lường sự lâu dài và sức nặng của văn hóa gia tộc Huy Châu bằng một phương thức trầm lắng. Bước qua bậc cửa gỗ cao cao đó, và phải những môn thần uy vũ, khiến người ta không khỏi nghiêm trang kính cẩn. Những vòng khoen trên cánh cửa bị năm tháng làm hoen rỉ, dường như đang khóa chặt nhân quả của ai trong vô hình. Đứng giữa sảnh đường tĩnh mịch, nhìn người đời này và người xưa đối diện nhìn nhau, nghe những lời đối thoại bằng tâm linh của họ.

Khoảnh khắc đó bạn mới hiểu rằng, người xưa và người nay không hề có khoảng cách, cho dù thời gian đã qua lâu nhưng vẫn để lại dấu ấn, mà người Huy Châu lại phỏng theo những dấu ấn này để bảo tồn những phong tục tập quán cho đến ngày nay. Họ dùng các phương thức mộc mạc như giấy dán màu, bộ đèn đục lỗ, xiếc chông người, múa rồng... để cúng tế tổ tiên, giữ một lòng tôn kính với thánh hiền, một tình yêu nhiệt thành với gia tộc, tiễn đưa buổi tịch dương của thời viễn cổ, chào đón ánh bình minh của thời đại ngày nay.

Đi trên những con đường lát đá xanh nhỏ hẹp, ánh mặt trời rơi rớt trên góc thềm đã mài sáng những ký ức mơ hồ. Một sân khấu kịch nằm vắt qua làn khói xanh lượn lờ, lặng lẽ nói cho người đi đường biết nó đã từng hoa lệ ra sao. Đây là sân khấu kịch Huy Châu, sinh trưởng trong dân gian, lưu truyền trong dân gian, cũng tỏa sáng trong dân gian. Sân khấu của người Huy Châu được dựng lên vào dịp hội hè, dâng rượu lên thần linh, cúng tế và một số ngày lễ tết đặc biệt.

Kiến trúc của sân khấu đa phần đơn giản, khán đài làm bằng gỗ, ván sàn cũng bằng gỗ, thêm vài hình vẽ màu, gửi gắm sự đơn sơ giản dị của văn hóa Huy Châu. Chiêng trống và nhị hồ vang lên mở màn dạo đầu trang nhã đưa tình, trên sân khấu tiếng ca khe khẽ, điệu múa chậm chậm, dưới sân khấu biến người sục sôi. Những nghệ nhân đó mỗi khi lên sân khấu sắm vai công hầu khanh tướng đều tô vẽ kỹ lưỡng, diễn những màn bi hoan ly hợp của người khác. Mà khán giả dưới sân khấu cũng chăm chú tập trung, thưởng thức những buồn vui mừng giận của người đời.

Chẳng ai là vai chính, họ chỉ là nhân vật làm nền ột hí khúc, bày tỏ nỗi lòng thương cảm và hạnh phúc mà thôi. Và ai cũng đều là vai chính, trên sân khấu đời người hỗn tạp, diễn trăm vị cuộc sống, nhân tình âm lạnh. Huy kịch chất phác mà tròn trịa mang theo hương thơm của bùn đất núi sông, bằng nghệ thuật dân gian và phong tục thú vị độc đáo, hát trên khắp các cao lâu sơn thủy của Giang Nam, cũng diễn xướng trên mọi góc ngách đường phố của Huy Châu. Rất nhiều giai đoạn của đời người đều bắt đầu trong một màn kịch này và kết thúc trong một màn kịch khác.

Giữa tháng năm âm thầm mãi miết trôi, không hay là ai đã làm đổ nghiêng mực cổ, nhuộm cả một vùng Huy Châu rộng lớn, khiến non nước như thêu như gấm thắm đắm trong thủy mặc ẩm ướt. Men theo dòng chảy, ngược lại dòng lịch sử lâu đời của Huy Châu cổ kính, còn có vô vàn phong tục dân gian phong phú sắc màu của nơi đây, khiến ta thu hoạch được một niềm vui thực thụ trong cuộc đời rộng lớn này.

Khi dòng suy tưởng sáng suốt xuyên suốt lãnh địa tinh thần, bước chân của người khai phá càng lúc càng đến gần, Huy Châu cổ kính không còn là một bức tranh thủy mặc treo trên bức tường Giang Nam nữa. Nó phô bày phong thái thuần hậu tự nhiên với toàn thể giới bằng sự phồn vinh thịnh vượng của một dân tộc, để lại những gợn sóng lăn tăn mỹ lệ trong lòng muôn vàn chúng sinh.

Năm tháng Ô Trấn

Dường như có một khoảng thanh xuân ẩm ướt đã lãng quên ở Ô Trấn của Giang Nam, còn có những dĩ vãng đã qua cần dịu dàng nhớ lại. Thế là sẽ nhớ đến Giang Nam trong hoa hạnh mưa khói, nhớ đến miền sông nước xanh biêng biếc trong gió xuân. Nhiều năm về trước đã từng thông thả đợi chờ, nhiều năm về sau vẫn bình thản kiếm tìm. Chỉ một cái quay người vô tình, cô gái tay cầm chiếc ô giấy dầu, lòng nặng nỗi u sầu, nhẹ nhàng bước đi trên con ngõ nhỏ, đi đến cây cầu mơ mộng, bước vào trong câu chuyện của tháng năm trôi chảy, không biết có thể thoát ra hay không?

Sinh hoạt một ngày ở Ô Trấn bắt đầu trong tiếng mái chèo khỏa sóng ì oạp, một cây sào trúc thật dài như treu ghẹo thời gian tĩnh lặng ngưng đọng, nước sông trong veo lấp lánh thấm ướt những nhớ nhung dễ rung động đó. Còn có một chiếc thuyền đậu bên bờ, âm thầm bảo vệ những giấc mộng say nồng trong tiểu trấn. Chúng chăm chú nhìn cái bóng đen trắng của những căn nhà cổ xưa đó, suy ngẫm về tang thương ngàn năm chìm trong con nước.

Nước sông trầm lặng, nó cùng Ô Trấn lặng lẽ tiễn đưa xuân thu, lại vội vàng đón xuân hạ, từ khi hoa nở đến khi hoa tàn, từ khi duyên khởi đến khi duyên diệt. Rất nhiều năm sau, tất cả đều giống như trước, chỉ là hết thấy chuyện cũ theo định mệnh trôi đi, đã trở thành hồi ức. Những kiếp người bị ướt đầm nước sông, mang theo nét yếu điệu của Giang Nam, xen lẫn phong vận của miền sông nước, giữa năm tháng mơ màng lại một lần nhớ nhung như ngàn ngọn buồm lướt qua. Ô Trấn như xưa, dòng sông nhỏ vẫn như xưa, khi gió xuân hây hẩy đi vào giấc mộng, trắng sáng vắng vặc rớt vào trong chén, ai người còn bồi hồi nơi phương xa?

Xuyên qua phong cảnh thanh nhã và kín đáo, giữa ý thơ cảm nhận được cái mệnh mang của thời gian, mà ánh nắng ấm áp đã chứng thực sự chân thực của sinh mệnh. Cầu đôi Phùng Nguyên[9] đậu hờ hững giữa hiện thực và mộng cảnh, mang theo hơi thở hiện đại, lại hàm chứa ý vị truyền thống, khiến khắp Ô Trấn phồn hoa mà không xô bồ, lạc giữa hồng trần mà không già cỗi.

[9] Một cây cầu cổ ở Ô Trấn, tương truyền có tục nam đi bên cầu trái, nữ đi bên cầu phải.

Cây cầu cổ cũng mang nặng ký ức, nó vẫn nhớ đã từng có sự gặp gỡ trong trẻo thế nào, lại nhớ đã từng bỏ lỡ những đẹp đẽ ra sao. Nó cũng nhớ lại rất nhiều buồn đau tuổi trẻ, cũng cất giữ biết bao mộng tưởng thanh xuân. Nó lặng lẽ bắc ngang dòng nước, đợi chờ người có duyên đi đến ào ào như gió, rồi rũ bỏ tất cả.

Nơi này lưu giữ dấu chân của Văn và Anh[10], lưu giữ dấu chân của hàng nghìn hàng vạn khách đi đường, họ tay nắm tay đứng trên cầu, dựa vào lan can im lặng ngắm cảnh quan của tiểu trấn, chỉ cảm thấy năm tháng đã qua thành hư ảo, chỉ còn lại một nháy mắt, nhưng nhớ nhung lại là cả đời.

[10] Tên hai nhân vật chính trong bộ phim truyền hình “Năm tháng như nước” (Tự thủy niên hoa), do Hoàng Lỗi và Lưu Nhược Anh thủ vai chính, một phần bối cảnh là Ô Trấn.

Hơi hướm cổ kính toát ra từ trên ván cửa khô mực, từ trong bức tường loang lổ, từ những khe hở của đá xanh, lôi kéo vô số người đi xa dỗi về. Đường như chỉ cần khẽ sơ sẩy, là sẽ lạc vào trong một khung cảnh quen thuộc, khiến bạn mãi lâu sau mới có thể thoát ra. Dạo bước với tâm tình nhàn tản, chẳng màng đến lịch sử lâu đời ra sao, chẳng hỏi đến tang thương dấu tích, chỉ nhớ lại những nhung nhớ khó tả thành lời. Cho dù là phường rượu cũ kỹ hay là phường vải sáng ngời, đều có thể kích thích bạn tưởng tượng đến vô hạn.

Dưới làn nắng mỏng manh, hâm một bình rượu hoa hạnh, hưởng thụ cái nhàn nhã của tháng ngày thơ và rượu. Nhìn những mảnh chần in hoa màu lam phôi trên những cây sào cao cao đang phấp phới trong làn gió, ngày xuân ý vị bao phủ thời gian, mà dường như thanh xuân chưa từng rời khỏi. Chìm đắm trong những

cổ vật cũ kỹ và cảm xúc nhớ nhung đó, không sức mạnh thế tục nào có thể quấy rầy bạn, vì khi bạn còn đang mơ màng, Ô Trấn đã âm thầm lặn sâu trong trái tim bạn, từ đó tâm tư sâu lắng, khắc cốt ghi tâm.

Con ngõ nhỏ dài hun hút như khóc như than trong làn khói mù, cô gái mặc chiếc áo vải in hoa lam đỏ có thể là con gái Lâm gia[11] dưới ngòi bút của Mao Thuần[12], nàng từ trang bìa sách ẩm ướt khoan thai bước tới, từ trong cửa hàng Lâm gia cũ kỹ bước tới, bước vào nhà cũ của Mao Thuần, bước vào đình viện thâm sâu. Trong sảnh đường, Mao Thuần tiên sinh đang cầm bút trầm tư, ánh mắt chăm chú nhìn về phương xa đó, mang một vẻ tĩnh táo và khoáng đạt. Chính giữa thời đại đầy mây gió thét gào đó, ông đã gieo một tư tưởng tiên bộ, thấp một ngọn lửa tinh thần hừng hực, sinh động trong từng câu chữ, lưu lại giữa Ô Trấn.

[11] Một nhân vật trong truyện “Cửa hàng nhà họ Lâm” của nhà văn Mao Thuần, miêu tả đời sống của người Trung Quốc (ở đây là gia đình nhà họ Lâm) đã có nhiều thay đổi khi cuộc kháng chiến chống Nhật nổ ra.

[12] Mao Thuần (1896 – 1981): Nhà văn nổi tiếng Trung Quốc, người Gia Hưng, Chiết Giang, ông là nhà văn có nhiều cống hiến trong nền văn học cách mạng Trung Quốc. Hiện có giải thưởng văn học Mao Thuần, là một giải thưởng văn học cao quý.

Trong không gian thoáng thoảng một mùi thơm thanh khiết của hoa mai từ trong sân thoảng tới, giữa cơn mơ màng chuyện xưa như diễn lại, ngày hôm nay giống như ngày hôm qua. Rất nhiều hiện thực còn xa vời hơn mộng tưởng, giống như rất nhiều huyền ảo còn cô độc hơn yên tĩnh. Đứng dưới ánh mặt trời, nhìn hoa mai nở trong cô đơn, cánh hoa thơm tinh khiết khoáng đạt xuất chúng, cao ngạo lạnh lùng hơn bất cứ đóa hoa nào.

Ánh nắng ban chiều có một vẻ đẹp uể oải và buồn ngủ, làm đôi mắt díp lại mơ màng, cứ thế say giấc nồng trong một quán trà cổ kính. Đun một bình hoa cúc, nấu tâm sự thành hương thơm trang nhã. Dựa vào bậu cửa sổ, lắng nghe tiếng đàn sáo réo rắt, gảy lên giai điệu Giang Nam. Bình đàn[13] của Giang Nam đã tỏa sáng rạng rỡ ở Ô Trấn – vùng sông nước đầy văn hóa này, giọng Ngô mềm mại, thú vị vô cùng, những câu chuyện quen thuộc đó lại càng ý vị sâu xa hơn qua tiếng hát, lời kể uyển chuyển của nghệ nhân.

[13] Bình đàn: Một loại hình văn nghệ dân gian, lưu hành ở vùng Giang Tô, Chiết Giang, Trung Quốc.

Tiếng tơ tiếng trúc khi vút lên như vạn ngựa băng băng, khi bình lặng như trăng thanh gió mát, khi phiêu diêu như suối ngọc róc rách, khi trầm tĩnh như nước thu sắc trời. Khoảnh khắc này, chính ở Ô Trấn cổ kính mộc mạc, chính ở quán trà nhớ chuyện cũ người xưa, uống một bình trà trong, nghe một khúc bình đàn, vứt bỏ hết ngày tháng, làm một con người thanh thản tự tại. Có câu rằng người nhạt như cúc, mà thế sự cũng nhạt như cúc chẳng? Khi những ký ức sống động nay tan biến trong cuộc đời ngắn ngủi, ai còn nhớ đến một quãng thời gian ấm nồng trong dĩ vãng?

Con ngõ nhỏ dài hun hút trong khói sương, bị thời gian hoài niệm nhuộm màu; câu chuyện cô lẻ đằng sau cánh cửa gỗ, bị năm tháng ố vàng phủ bụi mờ. Rất nhiều người đã lướt qua những người bên cạnh, giữa hai người đời này kiếp này cũng không nhớ đã từng có lúc tương phùng đẹp đẽ nhường ấy. Từng tương phùng nơi cổ trấn Giang Nam, từng in lồng dấu chân nhau, thậm chí đã từng trao nhau ánh mắt.

Đến khi tháng năm già cỗi, nhớ lại dĩ vãng đã nhạt nhòa trước kia, chẳng ai hay biết ai, bởi vì cả hai đều là khách qua đường, là khách qua đường ở Giang Nam, là khách qua đường ở Ô Trấn. Cuộc gặp gỡ ấy như một vở rối bóng, bắt đầu và kết thúc trong hoa lệ và hư ảo. Ngồi trong hành lang tĩnh mịch, đợi một vở rối bóng mở màn, rồi dưới ánh đèn dịu dịu, đắm mình vào câu chuyện tuyệt mỹ trong vở rối.

Nữ: Hoa đại đón gió rung rinh, dường như đang lắng nghe tâm sự. Cỏ xanh nhè nhẹ lay động, lưu luyến triển miên vô tận. Cành liễu chớm xanh, la đà trên làn nước biêng biếc, khuấy động tấm lòng thiếu nữ dập dềnh như sóng nước. Tại sao mùa xuân mỗi năm đều đến đúng hẹn, còn phu quân đi xa của ta năm này qua năm khác lại bất tin?

Nam: Xa nhà rời nước, chẵn tròn ba năm, chỉ vì Trường An huy hoàng lộng lẫy trong mộng tưởng. Nơi đô thị đầy rẫy những hiểm nguy thần kỳ, thỏa mãn tâm nguyện hùng tráng của một tráng nam nhi. Giờ đây rốt cuộc đã áo gấm về làng, lại gặp tiết trời xuân chốn cũ, nhìn nơi này dòng nước xuân xanh, hoa đào ngập suối, nhìn núi xanh như mây ngài, hết thấy đều chẳng đổi thay, cũng không biết nương tử – tân nương một

đêm đã ly biệt liệu có còn xuân sắc như xưa không? Người bước đến là con gái nhà ai, dung nhan rạng rỡ, mỹ lệ phi phàm. Vị cô nương này, xin hãy dừng gót ngọc, nàng có biết mình đã phạm phải lỗi gì không?

Nữ: Vị tướng quân này, rõ ràng vó ngựa của chàng đã hất đổ làn trúc của ta, chàng nhìn xem con đường này rộng tới tận trời xanh, có sao chàng lại khiến con ngựa đáng ghét này vẩy bùn lên người ta, còn trách ngược, đổ lỗi lầm cho ta?

Nam: Lỗi của nàng chính là đẹp tựa tiên nữ, nàng thướt tha yếu điệu khiến tay ta chẳng nghe lời, lòng bỡ ngỡ của con ngựa đã che lấp mắt ta, không nhìn thấy đường sá núi sông, chỉ thấy đen sẫm một màu. Gương mặt kiều diễm của nàng khiến con ngựa dưới thân ta ảo đảo, quên mất rằng chủ nhân của nó uy phong nhường nào.

Một đoạn đối thoại khiến lòng người ngả nghiêng như ngọn cờ trước gió, khiến ánh nắng Ô Trấn cũng lóng lánh ánh lên thân tình thấm thiết. Trong tiết xuân muôn hồng nghìn tía gặp gỡ thiếu nữ như hoa, lại cảm thán thán năm như nước chảy. Cô nương tay xách chiếc làn trúc đó là con gái Lâm gia trong cửa hàng nhà họ Lâm, hay là Mặc Mặc trong “Tháng năm như nước”, hoặc là con gái nhà nông nào ở Ô Trấn? Họ ôm ấp niềm vui đơn thuần, nâng niu hương thơm xanh ngát, bước đi dưới sóng liễu trên con đường cổ kính. Họ là phong cảnh của Ô Trấn, đợi người bước vào giấc mộng, mà Ô Trấn lại là phong cảnh người qua đường, tô điểm cho giấc mộng của người khác. Giữa những ngày thi ý nhân tản, đôi bên lưu lại nhân quả không tên, chỉ nhớ rằng đã từng tương phùng khi ngoái nhìn, còn có lý biệt phút quay người.

Ô Trấn trong sắc hoàng hôn, giống như một cụ già bình thường, cất giữ hết thấy những câu chuyện có thể cất giữ, lại quên đi hết thấy những người cần phải lãng quên. Bước đi trên con đường hồng trần, giữa giấc mộng thời gian, mây khói chuyện xưa, mơ xanh quá khứ trong lịch trình nhớ lại kiếp người, tất đều được về âm nồng và thanh nhã tựa như ngọc cổ.

Ô Trấn cũng là một viên ngọc cổ đã nhuộm sắc hoa xuân trắng thu, để những người qua lại quý trọng bằng cả tâm hồn. Tới với giấc mộng trong vắt, rời xa giấc mộng chưa tàn. Chỉ là ngày tháng bình thường, chỉ là ký ức bình dị đã trôi đi trong ánh nắng lấp lánh lay động. Những năm về sau, thấy hoa rơi lại hoài niệm Giang Nam trải bao xuân thu tươi đẹp, nhớ lại Ô Trấn một thời năm tháng như nước chảy triền miên.

7. Chương 7: Tương Phùng Huệ Sơn

Khi đến, đã biết số phận định là cô độc. Không có dáng vẻ vội vã, không có tâm tình buồn vui, trong ban mai của buổi chớm thu, chỉ bình thản đi lại như thế. Là duyên phận dẫn dắt, hay là số mệnh an bài, đều không quan trọng. Đến Huệ Sơn, sẽ tìm kiếm những gì? Là bóng dáng dần nhạt nhòa của vương triều thời cổ, thiên hạ đệ nhị tuyên nức danh trong trường đình biệt viện, cổ sát Giang Nam giữa chốn non xanh thâm u, hay là vườn cảnh cổ xưa quanh co lắt léo? Non nước tú lệ của vùng Huệ Sơn Vô Tích có thể nói cho chúng ta những điều gì?

(1) Thiên hạ đệ nhị tuyên

Cơn gió thuở chớm thu đã se sắt hơi lạnh, thỉnh thoảng lá rụng lác đác bay lả tả, người đi chậm chậm thả bước trên đường, nhưng không hề cảm thấy tiêu điều.

Một tia nắng đã khiến tâm tình dễ chịu hơn, thử đi tìm một nơi có nước chảy, đi tìm tiên sinh mù kéo nhị hồ A Bình^[14] năm xưa.

[14] A Bình tiên sinh: tên thật là Hoa Ngạn Quân, nhạc sĩ dân gian, đồng thời là đạo sĩ. Vì mắc bệnh nên mất bị mù, ông khổ công nghiên cứu âm nhạc Đạo giáo, không ngừng nâng cao, và hấp thu rộng rãi các làn điệu âm nhạc dân gian, cả đời tổng cộng sáng tác và diễn tấu hơn 270 khúc nhạc dân gian. Hiện còn bảo tồn được sáu bài, gồm: “Nhị Tuyên ánh nguyệt”, “Thỉnh tụng”, “Xuân hàn phong khúc” (nhị hồ) và “Đại Lăng đào sa”, “Long thuyền”, “Chiêu Quân xuất tái” (tì bà).

Nhị Tuyên, dường như mọi thứ ở nơi đây đều liên quan đến tuổi mất trong lành.

Con đường nhỏ lát đá xanh, cho dù đã in dấu chân của biết bao người đi, vẫn cổ kính rêu xanh. Sàn đá nơi này dường như vĩnh viễn mang dấu ấn ẩm ướt, những quá khứ không thể xóa nhòa đó vẫn trong trẻo như xưa giữa dòng năm tháng già nua.

Hành lang dài quanh co tọa lạc giữa đầm, một cơn gió nhẹ thổi qua. Dưa lan can ngắm hoa sen, những cánh hoa tàn tạ, đài sen căng đầy nuôi những hạt sen non, khiến người ta cảm nhận được một niềm vui sướng của sự thu hoạch. Nhà thơ thời Đường Lý Thương Ẩn có thơ rằng: “Lưu đắc tàn hà thính vũ thanh.” (Giữ được sen tàn nghe tiếng mưa) Cỏ cây chốn nhân gian, khô héo là chuyện thường. Ngàn vạn sự vật nơi thế gian đều là phong cảnh, chỉ là tâm trạng khi ngắm cảnh khác nhau mà thôi.

Hai cánh cửa lớn màu vàng sẫm mở ra chào du khách, dường như vô tình nhắc nhở người ta, nơi đây đã từng phồn hoa và đầy thi vị. Khẽ chạm vào khóa đồng trên khoen cửa, mong sao có thể trùng với dấu tay của một văn nhân hoặc một trí giả thời cổ nào đó. Có lẽ như Thế Âm mới có thể xuyên qua thời gian không gian mưa gió, cùng người ấy có một mối tâm ý tương thông thoáng qua.

Bước vào bậc cửa, lọt vào tầm mắt là năm chữ lớn: Thiên Hạ Đệ Nhị Tuyền. Trắng đen đan xen hút mắt, những điêu khắc im lìm trên vách đá, cho thấy danh hiệu đẹp hết sức đặc sắc của chúng. Mái hiên trên tường đá dây leo phủ kín, một vài cành cây xanh mướt tự do vươn dài ra những hướng khác nhau, cho đến nơi mà chúng muốn dừng lại – chốn về của đời người.

Trường đình cách đó không xa vang lên khúc cổ cầm dịu dặt réo rắt, ở đó có một cụ già diễn tấu bản “Nhị Tuyền ánh nguyệt” cho người khác nghe. Một thân áo dài màu xanh, đôi tay đầy nếp nhăn, khung cảnh mơ hồ, luôn khiến người ta ngộ nhận rằng ông chính là tiên sinh A Bình năm nào. Mà những ngày trăng sáng sao thừa của năm xưa đó, khi A Bình đến nơi non xanh suối biếc diễn tấu nhị hồ, liệu có diễn ra một cuộc tương phùng rượu trắng một bầu hay không?

Tháng năm như nước, vẫn luôn tham luyện cuộc vui. Những câu chuyện được cất giấu nơi sâu thẳm của thời gian, hoặc phồn hoa, hoặc lạnh lẽo, đến nay đều không còn tồn tại. Mà người đời sau đi xuyên qua những hành lang thông tới quá khứ, rốt cuộc có thể tìm được những gì?

Khi chúng ta cúi xuống nhìn Nhị Tuyền danh chấn thiên hạ đó, trong lòng khó tránh nảy sinh cảm giác hụt hẫng khôn xiết. Hàng lan can sắt ngăn du khách ở bên ngoài giếng cổ, năm đó mạch suối có hai nguồn chảy sống động biết bao, đến nay đã thành dòng nước chết. Không còn nhìn thấy nước trong vắn vắt chảy róc rách sỏi bọt trắng, còn đâu thảm rêu xanh rì ẩm ướt ven bờ. Chiếc giếng cổ có thành giếng bằng xi măng bị hàng rào bao quanh, trở thành một phong cảnh cho du khách thưởng lãm.

Năm ấy, đặc sứ từ kinh thành tới, đường dài rong ruổi chỉ vì muốn lấy nước Nhị Tuyền, đem dâng cho đế vương đun trà nấu nước. Nhưng nước suối đã khô cạn, niên đại tinh tế phong nhã ấy đã dần dần lùi xa. Một ly trà thơm, vài quyển thi thư, ngày tháng mộng sâu thăm thẳm bên ô cửa sổ nhỏ không biết đã đi về đâu, mà lịch sử thì chưa từng kể lại.

Đi men theo con đường lát đá có mấy phường trà cổ kính, trang nhã mở gần hành lang, dăm du khách ngồi xuống nghỉ chân thưởng trà. Cho dù nước không phải là nước của Nhị Tuyền, trà cũng không pha ra được mùi vị năm xưa, chỉ là thân ở chốn cổ tích non ngàn, đã tự nhiên có một tâm tình nhàn tản khác biệt rồi.

Gió lười biếng thổi, mây trôi tự tại. Ngồi trên ghế trúc, uống một bình nhàn trà, từ khi vị đặc đến khi vị nhạt, từ ấm sang nguội. Trà của Nhị Tuyền thích hợp cho những người hoài cổ thường thức; trăng của Nhị Tuyền thích hợp cho những người ưa nằm mộng ngắm trông.

Thiều quang đến đi lặng lẽ, cũng như rất nhiều duyên phận không thể nói thành lời, khởi diệt bất định. Rồi Thiên hạ đệ nhị tuyền, những người đó lại vội vã bước đi, và sẽ đến một cuộc hẹn chưa từng gặp gỡ khác.

(2) Huệ Sơn cổ sát^[15]

[15] Cổ sát: chữ Phạn, “sát sắc” là chùa Phật, “cổ sát” là cảnh chùa xưa.

Chùa miếu còn chưa thấy, đã nghe thấy tiếng chuông vang vắng thình không, dường như đang chiêu gọi những linh hồn tìm kiếm thắng cảnh chốn thâm u. Giang Nam có rất nhiều chùa cổ, chùa Huệ Sơn chỉ là một trong hàng vạn số đó. Gặp gỡ nơi này, chính là túc duyên mà Phật nói tới.

Men theo bậc thang đi lên trên, đi qua mấy tầng cửa cổ, xuyên qua cổ thụ um tùm. Ngược mắt nhìn bốn chữ khiến người ta chăm chú dán mắt: Bất Nhị Pháp Môn[16]. Đây có phải là tượng trưng ột loại chấp trước hay không? Có lẽ người bước vào cửa Phật, tin nghe nhân quả, là thực sự không còn nảy sinh trần niệm. Có người nói, đây là một loại lánh đời, cũng có người nói, đây là tu hành. Tóm lại, tại bồ đề đạo tràng này, nghe chuông trống Phạn âm là có thể trải qua cuộc sống thanh tịnh vô cầu một bát thiền trà, một chiếc mõ như thế.

[16] Bất Nhị Pháp Môn: Còn gọi là Pháp Không Hai, là một pháp môn trong đạo Phật, dành cho các hành giả ở cõi Ta Bà đi khỏi lạc đường. Cốt yếu của pháp môn này là để chứng minh rằng: “Những sự vật, sự việc ở cõi Ta Bà này là có thật”, cốt để đưa chúng sinh thoát khỏi chấp trước, trở về với chân như, Phật tính.

Trong đại diện, các tăng nhân đang làm pháp sự, họ đọc tiếng Phạn, khiến khách dâng hương thoát ly phàm trần, bước vào thiền cảnh xa xăm. Rất nhiều người không thể thực sự thấu hiểu Thiền ý, không hiểu bồ đề nở hoa, nhưng lại cam tâm tình nguyện giam mình trong một quyển kinh thư, tự tại đến đi trong biển Phật mệnh mông. Còn đức Phật vẫn dùng đôi mắt từ bi hiền hòa như cũ cúi nhìn chúng sinh mờ mịt, độ cho hết thấy những người có thể độ trên thế gian.

Đi qua Bất Nhị Pháp Môn lại là một thắng cảnh khác. Trên thềm đá là một tòa điện đường cổ kính tọa lạc, tên gọi là Đại Bi. Mà đằng sau của Đại Bi các chính là Huệ Sơn ẩn hiện. Ngược mắt dõi trông, trên tường đá còn khắc bốn chữ lớn “Tây Trúc Lưu Ngân”. (Tây Trúc lưu dấu) Nó đã dẫn chúng sinh đến Thủy Thiên Phật quốc xa xôi chỉ trong một sát na ngắn ngủi. Đứng sững dưới trời xanh mây trắng, ngẩng nhìn vách núi miếu đài, ta thấy sinh mệnh nhỏ nhoi mà mệnh mang biết mấy.

Sáng sửa sạch sẽ, tự viện dường như vĩnh viễn không vương bụi trần, đến mái ngói xanh cũng sạch lau sáng bóng. Mái hiên cong cong, cô độc ngạo nghễ dõi nhìn phương xa, không phải chờ đợi ai, cũng không phải tiễn biệt ai. Từng cánh cửa sổ cũ kỹ hoặc đóng hoặc mở, trên đó chạm trổ những hoa văn muôn hình vạn trạng, tinh xảo đẹp mắt, mà cũng không kém phần trang nhã thanh tịnh. Những người đến nơi này đều không kiểm lòng mà mơ một giấc mộng về Giang Nam.

Buổi hoàng hôn mưa gõ nhịp trên lá chuối, các tăng giả đẩy cửa nghe mưa với tâm trạng gì? Trong đêm trăng sáng như sương, họ đứng trước cửa sổ ngắm trúc với tâm thái gì? Những cảnh tượng phong nhã trữ tình ấy luôn luôn tồn tại và kéo dài cho đến ngày hôm nay. Thời gian vô tình, sẽ tước bỏ rất nhiều ký ức tươi đẹp; thời gian cũng hữu tình, sẽ lưu lại rất nhiều quá vãng sáng trong.

Phật nói, quay đầu là bờ, không biết có phải tất cả trường hợp quay đầu đều có thuyền bè đợi chờ, chuyên chở chúng sinh sang bờ bên kia sen nở hay không? Lăn tìm theo con đường cũ, lại qua một tầng cửa đá nữa. Một cây ngân hạnh cổ thụ có niên đại hơn sáu trăm năm tọa lạc trước miếu, kể cho khách đến chuyện cũ tang thương của nó. Nghe nói năm xưa, được một tiểu sa di trong chùa trồng, tên của người ấy đã bị xóa nhòa theo năm tháng thời gian, không ai hay biết. Mà cây ngân hạnh này lại trường tồn ngàn năm, lá vàng rụng xuống lá xanh mọc chồi, không màng đến ngày hôm qua.

Trên thế gian thực sự có cuộc sống vĩnh hằng không? Thế nhân biến chuyển, sớm đã thay đổi hoàn toàn, nhưng núi đá cổ cây dường như vẫn giữ nguyên hiện trạng. Thế sự vô thường, không biết tòa cổ sát nghìn năm này có thể gánh được sương gió của bao nhiêu năm? Phật nói, tùy duyên tự tại, cho dù có một ngày trùng phùng hay không, đều không quan trọng.

Một tấm ngự bi[17] cao chót vót, trên đó khắc câu thơ năm xưa Càn Long ngâm vịnh khi du ngoạn chùa Huệ Sơn. Vị hoàng đế nhân nhĩa đa tình này đã từng nhiều lần xuống Giang Nam, quyền luyến vùng bảo địa non nước linh thiêng này, không nở rời xa. Bỗng nhiên, tựa như nhìn thấy bóng dáng của vị đế vương ung dung tài hoa tôn quý này. Tài tử áo gấm xòe quạt, phong lưu phóng khoáng ấy là Càn Long sao? Ngài ra khỏi cung điện dát vàng khảm ngọc, tới Giang Nam, đây có phải giấc mộng mà ngài lạc mất hay không?

[17] Ngự bi: Bia đá do hoàng đế ban tặng.

Chúng sinh bình đẳng trước Phật, cho dù là đế vương khanh tướng hay là bình dân phố chợ, ly hoan bi hợp đều như nhau. Có một ngày, nguyện cho chúng sinh đều có thể hóa thân thành hoa sen, ngồi dưới núi Tu Di[18], nghe thiền đọc kinh, bình hòa yên ổn.

[5] Tu Di là tên của một ngọn núi trong truyền thuyết cổ Ấn Độ, còn gọi là Tu Di Lô, Mạn Đà La. Theo quan niệm Phật giáo, núi Tu Di là vua của các ngọn núi, là trung tâm của thế giới, là vũ trụ quan của Phật giáo.

8. Chương 8: (3) Ký Sướng Viên

Lại là một tầng cửa, đời người phải chăng có một tầng cửa như thế này, bước vào trong là không thể đi ra? Có cách nghĩ như thế thì vẫn chưa thể buông bỏ chấp niệm. Thế sự non sông chìm nổi bất định, đợi đến khi sinh mệnh kết thúc, tất cả đều hạ màn, quay về với tự nhiên.

Ký Sướng viên vốn là gia viên của họ Tần, chủ khu vườn này chắc chắn phải có một gia tài đồ sộ, mới có thể gửi gắm tình cảm một cách khoáng đạt sảng khoái vào non nước nơi đây. Phong cách của khu vườn cảnh này thuộc thời đại Minh, Thanh, tuy đã trải qua mưa gió mấy trăm năm nhưng vẫn bảo tồn được nguyên vẹn hiện trạng. Thủy tạ ca đài, lầu khắc thuyền hoa, vẫn là cảnh trí Giang Nam thuở nào.

Hành lang quanh co, gió mát thông thoáng, chậm chậm dạo bước, không có mục đích. Hai bên hành lang trồng đầy trúc xanh, ánh nắng xuyên qua ngói xanh, chiếu những vệt nắng loang lổ trên con đường đá, không ai có thể giẫm lên chiếc bóng của chính mình.

Mấy gian thư viện nho nhỏ, trên tường treo vài bức cổ họa tả ý. Cảnh trí trong tranh đều là sông nước Giang Nam, những dãy nhà dân trù trù điệp điệp, xây bên dòng nước, dựng bao quanh núi. Vài cây cầu nhỏ như ẩn như hiện, trải dài về phía vùng đất không rõ tên. Mấy chiếc thuyền chèo xuôi dòng, không biết sẽ đi về hướng nào, và sẽ cập bến nơi đâu?

Cổ tháp tọa lạc trên đỉnh Tích Sơn, im lặng cúi nhìn dòng kênh chảy suốt nghìn năm đó và khung cảnh phồn hoa của thành cổ Vô Tích. Nhìn thời mực quý của tiền nhân để lại, dạo chơi giữa ranh giới xưa và nay, những dấu ấn của nền văn minh xa xưa đó nay đã thương tích chất chồng, dường như tất cả trước mắt đều là sự bình tĩnh đã được ngưng trệ. Nhưng chúng ta không có cách nào xé bỏ cảnh tượng này, để cho sự phi thường của năm tháng được phơi bày ra trước mặt.

Tiếp tục đi về phía trước theo tiếng nước chảy, bạn sẽ thấy những bức tường đá chất tầng tầng lớp lớp thành muôn hình vạn trạng. Những bức tường đá này không biết là do tự nhiên tạo thành, hay là do con người cố ý tu chỉnh? Tuy cái đẹp của sinh mệnh bắt nguồn từ tự nhiên, nhưng nếu không trải qua sự nhào nặn của năm tháng, tự nhiên cũng sẽ biến thành đơn điệu và vô vị. Duy chỉ có dùng cái tâm thuần túy để thưởng thức, mới có thể phát hiện được chân ý của cái đẹp.

Chọn một chiếc ghế đá sạch mát để ngồi, ngắm đàn cá lượn lờ đùa trong nước. Chúng luôn được hưởng thụ những đồ ăn ngon của du khách cho, không cần lo lắng bị bắt bởi lưới của người đời. Chỉ là có lẽ chúng sẽ thấy chán chường vùng tịnh thổ nhỏ bé này, thả vẫy vùng trong sông hồ biển lớn, sống cuộc sống bình thường nhất từ xưa tới nay còn hơn. Cá đã như thế, huống chi là người, vạn vật trên thế gian đều phải tuân theo quy luật của tự nhiên mới có thể lâu dài vĩnh viễn.

Đường nhỏ vòng vèo, trên tường đá khắc rất nhiều bức thư pháp của danh gia thời cổ, những thể chữ khác nhau ngụ chứa tâm tính khác nhau của họ. Những vết khắc sâu có nông có đó không che giấu nổi cuộc đời chìm nổi và cả vận mệnh phóng khoáng của họ. Mỗi một hàng văn tự dường như đều có thể cho thấy hình bóng thu nhỏ của cuộc đời những con người ấy. Có lẽ người xưa cũng chưa từng nghĩ rằng, sau vài năm, ở nơi này sẽ lại có một lần tụ hội.

Cổ thụ um tùm, nơi sâu nhất của khu vườn cảnh lại càng thanh vắng. Đi qua hành lang, đi qua cầu đá, trên mặt đầm có mấy chiếc lá đỏ rụng, trôi dập dềnh trên mặt nước. Lá đỏ dường như luôn có mối liên quan đến mùa thu, giữa cái se se lạnh của mùa thu luôn mang theo chút buồn man mác. Mà những người dạo chơi trong khu vườn không biết là sẽ làm kinh động giấc mộng của ai.

Lòng vòng quanh hang núi suối khe, khi đi ra, lại về con đường lúc mới đến. Đời người tựa như một vòng luân hồi, bốn mùa luân chuyển, triều đại đổi thay, cho dù phong vân biến ảo như thế nào, đến một ngày

nào đó, đều quay trở về phẳng lặng. Ký Sướng viên cũng như vậy, trải qua phồn thịnh và suy thoái, kể đó lại được những người của các triều đại khác nhau tu sửa và phá hỏng, làm sao còn có thể như lúc ban đầu? Khi chúng ta nhìn thấy những kiến trúc cổ được tân trang đó, rất nhiều thợ thuyền đương nhiệt tình ra sức tu sửa trang trí. Vài năm sau, gạch xanh ngói đen dần dần thay đổi, lại không nhìn ra nổi những vật cũ của năm nào. Những người đến tìm mộng năm đó, còn có thể tìm được những gì?

Đường đến là đường về, có lẽ Ký Sướng viên vẫn còn rất nhiều phong cảnh, đợi chúng ta đến khám phá; và còn có rất nhiều câu chuyện, chờ được chúng ta phát giác. Nhưng đời người khó tránh khỏi lầm lỡ, chúng ta không cần phải cố ý kiếm tìm.

Đều là khách qua đường, nên chẳng thể là người trở về của chốn này, cũng không cần quyến luyến với cây cỏ nơi đây. Cho dù tương lai có thể trùng phùng hay không, chỉ cần lưu giữ lại ký ức về non nước lầu gác, ung dung qua ngày, thưởng thức niềm vui của đời người là tốt rồi.

Đi ra khỏi khu vườn Giang Nam, trong con ngõ nhỏ lát đá xanh kéo dài tít tắp là những ngôi nhà vùng sông nước. Ở cửa ra vào bày những chiếc ghế tre cao thấp khác nhau, các cụ già túm tụm uống trà trò chuyện. Không biết trên chiếc sào phơi áo vắt trên cửa sổ gỗ kia treo chiếc váy hoa của nhà ai, đang phất phơ bay bay trong làn gió nhẹ. Không hay những người khách qua đường lưng đeo tay nải ấy, bèn tiếp theo sẽ đi về đâu?

Tháng năm như nước, sẽ có một ngày chúng ta đặt hành trang của thế tục xuống, trở về thị trấn nhỏ có ngói đen tường trắng này. Khi ấy, uống một ly trà nhàn nhã từ sớm hôm tới hoàng hôn, cùng bầy én bay về hồi tưởng lại đoạn quá khứ mây nước đó.

Thành cổ Đại Lý

Mỗi con người đều có một tòa thành thuộc về chính mình, cho dù tòa thành đó rộng rãi hay nhỏ hẹp, phồn hoa hay lạnh lẽo. Chỉ cần trong thành có một người, một ký ức, một phong cảnh mà mình nhung nhớ, thì đều nguyện một đời ở lại nơi đó. Đại Lý, từng là một tòa hoàng thành, và cũng là một tòa Phật quốc, đã từng có phong hoa tuyết nguyệt, lại ẩn chứa Vân Thủy Thiền Tâm. Biết bao người bước vào tòa thành này liền không tìm được yêu mến nó. Có lẽ nó không phải tòa thành định mệnh của bạn, nhưng chắc chắn rằng, tất cả mọi người đến đây đều không thể quên được nó. Đến Đại Lý là vì mối duyên tình không dứt từ kiếp trước.

(1) Thương Sơn Nhĩ Hải

Đây là một thành thị nổi danh nhờ phong hoa tuyết nguyệt, chỉ cần bước vào Đại Lý, giơ tay ra là có thể sờ được vào sự lãng mạn, cúi mày là có thể chạm tới sự dịu dàng. Nói đến Đại Lý, rất nhiều người đều nhớ đến “Thiên Long Bát Bộ[19]”, nhớ đến Lục Mạch thần kiếm, nhớ đến hoa trà của Đại Lý, nhớ đến Đoàn Dự văn nhã đa tình. Một tiểu quốc phía Nam, cho dù là giang hồ mưa máu gió tanh cũng chưa từng can quét nơi này. Dường như nó luôn là một vương giả vô tâm, không thích phân tranh chiến loạn. Cho nên từ rất nhiều năm về trước, nó đã trút bỏ sự uy nghiêm của đế vương, đóng cổ thành thành một cuốn sách năm tháng êm dịu, để muôn vàn bách tính cùng chiêm tỉnh ngời đọc.

[19] Thiên Long Bát Bộ: Tiểu thuyết võ hiệp nổi tiếng của Kim Dung.

Thương Sơn Nhĩ Hải (núi Thương biển Nhĩ), là phong cảnh tự nhiên của Đại Lý, chỉ riêng chúng đã đủ sức để mang lại sự lãng mạn tuyệt đẹp cho thành phố này. Tuyết Thương Sơn ngàn năm không tan, trăng Nhĩ Hải vạn cổ trường tồn, còn có suối Hồ Điệp trong vắt mát rượi, chúng đồng hành với thời gian của Đại Lý, nuôi dưỡng tinh thần của cổ thành, khi rất nhiều thành thị trong lịch sử dần dần đánh mất dung mạo thuở xưa, Đại Lý vẫn giữ được khuôn trang thanh tân như thuở ban đầu. Những chúng sinh mê đắm trong phồn hoa đó, trong những tháng ngày hối hả, đến cả vui buồn cũng đều vội vã. Khi họ bước chân vào Đại Lý, liền cảm thấy yêu sự đơn giản và yên bình, tĩnh lặng nơi này. Mới biết rằng, hóa ra cuộc sống cũng có thể chậm lại như thế, dạo bước sân vắng chính là trạng thái nhân sinh hoàn mỹ.

Tuyết Thương Sơn óng ánh nhuần nhã; mây Thương Sơn biến ảo đa dạng; suối Thương Sơn ngọt ngào tinh khiết. Chỉ cần vô tình tới thăm, không cần một lời hẹn ước, mỗi du khách đều có thể tan vào Thương Sơn. Để bản thân ngọc khiết băng thanh như tuyết, yếu diệu rung động như mây, tâm sáng kiên tịnh như suối. Nước Nhĩ Hải phẳng lặng xanh biếc; gió Nhĩ Hải ôn tồn êm ái; trăng Nhĩ Hải trong vắt sáng soi. Nước nơi

này cũng từng sóng lớn ập bờ, nhưng càng lâu về sau, lại càng phẳng lặng không gợn. Gió nơi này có thể trị thương, ngồi trên thuyền, những nỗi buồn thương của mặt hồ xanh thẳm của quá khứ, dần dần được xoa dịu trong gió. Trăng nơi này trong sáng đến mức có thể cầm sách ngồi đọc, nhóm lò nấu trà. Lúc yên ả, cũng có thể thưởng thức hương trà, gối đầu lên ánh trăng mà ngủ thiếp đi.

Ở Đại Lý, Thương Sơn Nhĩ Hải, có thể nấu thế vị nồng đậm thành một bát trà nhạt. Người đến Đại Lý, từ ngày đầu tiên sẽ yêu ngay bát trà này. Trà này, giống như cuộc sống ở Đại Lý, thanh đạm, yên ả, êm đềm.

(2) Ba tháp chùa Sùng Thánh

Đại Lý, nhờ có chùa Sùng Thánh, nên mới có danh hiệu Diệu Hương Phật Quốc. Mà ba ngọn tháp ở chùa Sùng Thánh sừng sững tọa lạc trong thành cổ với một khí thế vững vàng phi thường, lưng dựa Thương Sơn, mặt đối Nhĩ Hải, chứng kiến văn hóa Phật giáo của Đại Lý, phong tình nghìn năm của Vân Nam.

Đây thực sự là một tòa Phật đô, nằm đó phong trào sùng Phật hưng khởi, chùa Phật lớn nhỏ có đến hơn ba ngàn ngôi, phân bố khắp trong nội cảnh Vân Nam. Phật gia chú trọng duyên pháp, tin vào nhân quả, trong thành Đại Lý trên từ đế vương khanh tướng, dưới xuống bình dân bách tính, đều kết túc duyên sâu đậm với Phật. Trong hai mươi hai đời quốc vương Đoàn thị của nước Đại Lý, có chín vị hoàng đế từ bỏ hoàng vị, đến chùa Sùng Thánh xuất gia. Chúng ta cơ hồ có thể tưởng tượng được, Đại Lý khi đó gần như bị khói hương bao trùm, khắp nơi là Thiên vị từ bi thấm đẫm.

Tâm có bồ đề mới có thể giác ngộ nhân sinh. Tu Phật, tức tại tu tâm, không phải là tránh đời, không phải né trần, mà là vì siêu thoát cho bản thân, độ hóa uôn vùn chúng sinh. Ngược trông ba tháp, dưới bầu trời xanh, trong làn nước biếc, khiến lòng người chợt nảy sinh một cảm giác thanh tĩnh xa xôi và đầy sức sống. Đường như Đại Thiên thế giới, vạn vật ảo diệu, đều dung nạp trong đó. Trên thế gian này, không một độ cao nào có thể vượt qua nó; không một loại tâm tình nào có thể đuổi kịp nó.

Tháp chính của ba tòa tháp có một cái tên rất nặng tình, gọi là Thiên Tầm (nghĩa là: nghìn lần tìm kiếm). Không biết năm đó ai đã đặt một cái tên sinh động đến vậy cho bảo tháp, có thể là một vị cao tăng, có thể là một vị đế vương, hoặc có thể chỉ là một kiến trúc sư bình thường. Thiên Tầm, Thiên Tầm, không ai biết nội dung sâu sắc ký gửi đằng sau hai chữ Thiên Tầm là gì, có lẽ phải là một câu chuyện đầy xúc động. Chỉ là, qua mây nước nghìn năm, tên ngọn tháp này vẫn làm cảm động vô số người.

Ba tòa tháp của chùa Sùng Thánh có tạo hình tương tự với Đại Nhạn tháp, Tiểu Nhạn tháp ở Tây An, là kiến trúc mang phong cách đời Đường, dát vàng đỉnh tháp, thể hiện sự tôn quý và hoa lệ một cách rõ ràng. Ba ngọn tháp mạnh mẽ, vươn thẳng vào trời xanh, khí thế hùng hồn. Trên tầng mây, dường như đang có nghìn Phật tinh tọa đài sen, lặng ngắm phàm trần suy thịnh. Những người ngồi nhìn hai bờ của thời gian đó, năm năm tháng tháng, đã không biết đổi thay bao lần. Mà ba tòa bảo tháp trải qua ngàn năm mưa gió, vẫn nguy nga sừng sững. Không tìm kiếm nữa, không đợi chờ nữa, chỉ vì ở Phật quốc này, tu một đoạn duyên phận, độ một người qua đường, đổi lấy một khoảng mát lành.

(3) Nhà ở của dân tộc Bạch ở Hỷ Châu

Nói đến dân tộc Bạch, rất nhiều người sẽ nghĩ tới bộ phim “Năm đóa kim hoa” nổi tiếng trong và ngoài nước, bộ phim này đã phô bày cho khán giả xem phong tục nhân tình của dân tộc Bạch giỏi ca múa, khiến những người chưa từng tới Đại Lý càng thêm phần ngưỡng mộ đối với văn hóa lịch sử mê hồn của tòa thành này. Những người đến đây càng nguyện ý trồng ươm một cái cây, nhuộm một tấm vải, hái một cành hoa, chỉ vì muốn một ngày nào đó trong tương lai, có một lý do để mà nhung nhớ.

Hỷ Châu, một tiểu trấn tọa lạc giữa vùng non nước, giống như chốn đào nguyên thế ngoại, người biết đến nó có lẽ không nhiều. Nhưng dân cư Hỷ Châu lại đặc trưng cho phong cách của dân tộc Bạch ở thành Đại Lý, người đến Đại Lý nhất định sẽ tìm đến nơi này. Nó im lặng giữ gìn thời gian xa xưa của thị trấn, đợi chờ tri kỷ một đời trong duyên phận của mình.

Trời Hỷ Châu xanh ngắt, mây bay la đà, hễ bạn vươn tay ra là có thể hái được một áng mây bạn muốn. Nhà nhà ở Hỷ Châu đều có đình viện, họ trồng hy vọng trong sân, cày xới xuân thu, truyền ngày tháng thu hoạch lại cho đời sau. Đình viện nơi đây rất xưa cũ, gạch xanh ngói đen, và còn những bình phong, cửa sổ điêu khắc hoa văn tinh xảo, cho dù trầm lặng, nhưng không phút nào giây nào quên nói cho khách đến biết quá khứ xa xăm của tiểu trấn Hỷ Châu.

Phổ cổ Hỷ Châu là một người già biết bao câu chuyện, đi ngang qua đó, những năm tháng lịch sử xa xôi ấy sẽ chậm rãi xuất hiện, dường như không cần xét đoán, cũng biết được câu chuyện đời này kiếp trước của Hỷ Châu. Cổ cây, tường núi, lầu cửa, phường nhuộm nơi này, sẽ không hề một mỗi đêm những ký ức đã cất giấu giao phó ối người đi tìm nó.

Người dân tộc Bạch chất phác, sống cuộc đời hạnh phúc nơi cổ trấn Hỷ Châu. Sự yên tĩnh, bình yên và cổ kính nơi đây khiến người ta cảm thấy thân thiết và yêu thích tự đáy lòng. Thời gian thật có tình, sẽ không vội vã trôi qua. Chúng ta có thể thông thả ngắm nhìn những người già trồng hoa chăm cỏ trong những khoảnh sân vườn, những bà mẹ rửa rau bên khe suối, những cô gái nhuộm vải trong phường vải, những đứa trẻ nô đùa bên góc tường. Cho đến khi sự xúc động trong trái tim dâng đầy đôi mắt, khoảnh khắc này, bạn cũng đã chìm vào những câu chuyện trăm năm của Hỷ Châu. Từ đây về sau, chỉ cần nhắc đến kỷ ức này, cho dù mê lạc nơi nào, đều có một bến đỗ dẫn dắt bạn lên bờ.

Có lẽ, chúng ta đều không phải là chủ nhân của nơi này, nhưng đời này đã định rằng sẽ có một đoạn tình duyên như bèo tụ. Ngỡ rằng năm tháng âm thầm thay đổi, quay người, hóa ra năm tháng vẫn nơi đây.

(4) Thành cổ Đại Lý

Ai cũng nói nói thành Đại Lý bốn mùa như xuân, có gió dịu nhẹ, có mây bảy màu, hoa cỏ xinh tươi và ánh dương trong sáng. Đến nơi này là có thể lãng quên giang hồ, vứt bỏ quá khứ rối rắm, chuyên tâm làm một người cuồng nhiệt yêu mến cuộc sống.

Đi qua tường thành cổ kính của Đại Lý, lịch sử của cả vương quốc Đại Lý như một cuốn sách không có chữ, khắc hết thảy nền văn hóa lâu dài vào bức tường cổ này. Đứng ở phía bên trong tường thành có thể thực sự chạm được vào mây khói yên tĩnh, sự mềm dịu tinh tế và cả sự dịu dàng ngày hôm qua của tòa thành này. Thành cổ Đại Lý mộc mạc cổ kính mà u tĩnh, hoa cỏ phủ kín khắp thành, nước suối trong vắt chảy róc rách. Người Đại Lý trồng rất nhiều loại hoa trong sân vườn nhà mình, sống cuộc sống chậm rãi. Hàng ngày, trên gương mặt mỗi người đều ánh lên nụ cười bình thản, thật lòng yêu mến cuộc sống của mình.

Đây là tòa thành mà người ta không nhẫn tâm phụ bạc, cũng không thể phụ bạc. Từ khi tỉnh dậy ban sớm, đón nhận tia nắng đầu tiên của thành cổ, là đã định trước bị tòa thành này cảm nhiễm. Nó không cần nghiêng thành vì bạn, chỉ cần dưới bầu trời Đại Lý, nói chuyện với một đóa mây trắng, uống một chén sương trong lành của trà hoa núi, đánh một ván cờ với một cụ già dưới bóng cây, hay nhặt một lần rau cùng cụ bà trong một khoảnh sân. Một ngày bình dị được người Đại Lý ngâm trong ly trà, vẽ lên cửa sổ, nhuộm màu trong vải. Lúc hoàng hôn, tiểu thành thông thả lại càng yên tĩnh hơn trong sắc chiều. Những dây leo xanh thẫm leo trên tường luôn nhắc nhở chúng ta nhớ về một cuộc gặp gỡ không thể nào quên của nhiều năm về trước. Người trở về, ngửi thấy hương hoa, giẫm lên ánh tà dương như dát vàng, là đang tiễn biệt hoàng hôn, nghênh đón ánh trăng.

Đây là một tòa tiểu thành đắm chìm trong hồi ức, mỗi một phong cảnh của nó đều khiến thời gian muốn dừng bước, hoài cổ một cách dịu dàng với nó. Đã thấy phong hoa tuyết nguyệt, lại thấy Thiên Tâm Vân Thủy, hành trang của năm tháng đã tích lũy đầy. Sân khấu của lịch sử, mỗi ngày đều đổi thay nhân vật, Đại Lý, nhất định còn có rất nhiều truyền kỳ mà người ta không biết. Những câu chuyện đó được cất giấu trong đóa mây bảy sắc, cất giấu trong đời sống vụn vặt, hết thảy đều gửi gắm cho ngày tháng, thưởng thức từng chút từng chút một.

Nếu như có thể, hãy để bản thân biến thành một chú bướm màu bay lượn bên Hồ Điệp, hoặc là một đóa mây trắng lướt qua tường thành, chuyên chở cuộc gặp gỡ và ly biệt này. Chỉ cần không bay qua Thương Sơn Nhĩ Hải, lúc vươn tay, chúng ta có thể chạm vào tòa thành tên là Đại Lý này, tòa thành cả đời chẳng thể nào quên.

9. Chương 9: Lệ Giang Phong Tình

Tôi không biết, Lệ Giang mà tôi đã tương ngộ trăm ngàn lần trong mộng, đến nay mới thấy rõ dung nhan thì nên coi là lần đầu gặp gỡ hay là trùng phùng. Non nước tao nhã, phong tục nồng đậm, còn mang một

vẻ đẹp trước đây chưa từng thấy, dần dần thấm sắc rực rỡ trong sinh mạng. Đi trên những cây cầu nhỏ và những con phố đan xen nối liền, bạn sẽ cảm thấy bụi bặm của Lệ Giang đều là phong tình ý vị cả.

Cho dù bạn mang một cõi lòng bình tĩnh phẳng lặng thế nào, cũng sẽ bị cảm nhiễm bởi sự phong tình tràn ngập trong không khí, hương thơm chưng cất từ phong tục ngàn năm có thể thanh tẩy bạn thành “phong tư vạn chủng”. Khi tôi mang theo hành lý, một mình đặt chân tới Lệ Giang, tôi đã biết, suốt chặng đường sẽ có biết bao tình cảm quyến luyến với tôi như thế.

Có người nói, thời gian ở Lệ Giang là êm dịu nhất, nó có thể khiến thế tục cứng nhắc biến thành uyển chuyển nhẹ nhàng. Có người nói câu chuyện ở Lệ Giang là phong tình nhất, nó có thể khiến cuộc sống phẳng lặng thành rực rỡ tươi sáng. Thậm chí, có người nói non nước Lệ Giang có thể trị thương, nó có thể chữa lành vết sẹo của quá khứ, khiến trái tim bạn thấu triệt sáng rõ. Lệ Giang đúng là một nơi độc đáo đặc biệt của thiên nhiên, nằm trên cao nguyên Vân Quý xa xôi, coi sự dâu bể của Trà Mã cổ đại là nội dung chi tiết, lại lấy sự thanh khiết của Ngọc Long Tuyết Sơn làm bối cảnh, vừa chất phác lại vừa ý vị, phong tình mà không diễm lệ.

Năm tháng ở nơi này, chẳng qua chỉ như nước chảy, không một chút đổi thay. Vẻ đẹp rơi rớt lại nơi này từ trăm nghìn năm trước, trăm nghìn năm sau vẫn có thể tìm được. Dạo chơi giữa phong cảnh thiên nhiên của Lệ Giang, bất cứ một giây phút vô tình nào cũng sẽ khiến bạn lạc vào ký ức xa xôi, chìm đắm trong những chuyện cũ xa xưa và những tình cảm hoài niệm. Đây chính là Lệ Giang, khắc ghi trong trái tim mỗi người bằng phong thái thần kỳ và ý vị đặc biệt của mình, để những người đánh mất ngày hôm qua tìm được ngày hôm nay, lại khiến những người có được ngày hôm nay hướng về ngày mai.

Thành cổ giống như một câu chuyện chưa từng được mở ra, âm thầm đóng kín ở Lệ Giang bằng một gam màu và phong cách riêng. Trên tầng tầng lớp lớp ngói xanh lưu cữu bụi bặm của bao triều đại khác nhau, trong sự sâu lắng mang theo sự thuần túy, trong sự thuần túy lại hàm chứa sự nguyên thủy. Nơi đây chưa từng bị những tâm sự không tên xâm lấn, cũng chưa từng bị những tình cảm vô cơ lấn quấn, chỉ là giữa phong cảnh thuần phác vẫn giữ được một sự tùy ý mà tự nhiên, khoáng đạt mà cổ chấp.

Đối với Lệ Giang, tôi cũng giống như tất cả mọi người, vừa lạ lẫm vừa quen thuộc tiến vào, đi tìm sự trầm tĩnh an nhiên giữa năm tháng phù hoa, theo đuổi sự thanh tao thoát tục giữa tục thế xô bồ. Trong những ngày đơn sơ nhàn nhã ở Lệ Giang, đến nỗi buồn rầu cũng trong sáng, bạn có thể xuyên qua sự mệnh mông của thời gian để tìm lại bản thân chân thực của mình. Nơi đây sẽ khiến bạn quên đi những dĩ vãng mệt mỏi đó, cũng không cần lo lắng ngày tháng sẽ lặng lẽ trôi đi, bởi vì Lệ Giang bình lặng vĩnh hằng, cho dù mười năm nữa trôi qua, bạn vẫn có thể có được sự thuần túy và tươi đẹp của nó.

Phong cảnh sinh ra vì hiểu lòng người, nhưng phong cảnh của đường Tứ Phương lại sinh ra vì mỗi người khách qua đường bình thường. Cho dù bạn có thực sự hiểu được không, hay không hề biết gì, đều không quan trọng, nó sẽ dùng một tình ý giống nhau để lọt vào mắt bạn, mang lại cho bạn sự dịu dàng của ánh dương. Những con đường lát đá ngũ sắc bị năm tháng mài giũa trở nên sáng bóng, cho là ngày nắng hay là ngày mưa, đều mang lại cho người đi được một cảm giác mát rượi, yên bình. Những cửa tiệm tạp hóa hai bên đường bày đủ các sản vật của dân tộc Nạp Tây, cho dù là gỗ khắc hay vải nhuộm, chuông lạc đà hay trang sức bạc, đều mang lại cho bạn muôn vàn bất ngờ, vui sướng.

Mỗi một đồ vật đều níu giữ một tình cảm khó nói thành lời, dù bạn có dần dần đi xa, nhưng cũng đã từng có một cuộc tương phùng dịu dàng, gặp gỡ ở phía nam của mây màu, gặp gỡ ở Lệ Giang của thành cổ. Cất một khoảng phong cảnh Nạp Tây đưa vào ký ức tuổi trẻ, hoặc hái vài đóa mây màu của Lệ Giang nhét vào hành lý của khách qua đường, nhiều năm về sau, bạn sẽ nhiều lần nhớ lại khoảnh khắc đẹp nhất cuộc đời đã từng có ở nơi đây. Khoảnh khắc này sẽ nhốt bạn trong chiếc gương của thời gian, nhìn thấy tất cả mọi vật bên ngoài thời gian, nhưng không thể bước ra ngoài.

Đi xuyên qua ngõ đá, bạn không cần đoán xem con đường nào sẽ dẫn đến phong cảnh tuyệt mỹ hơn, bởi vì bất cứ nơi nào cũng đều lưu giữ phong vận xưa cũ của Lệ Giang. Chỉ cần nhẹ nhàng bước vào, là sẽ phải bất ngờ, ngạc nhiên. Mà cổ nhạc Nạp Tây chính là khúc tiền nhạc giữa chốn nhân gian, nó lạc trong giấc mộng của thành cổ, làm run rẩy sợi dây đàn trong trái tim mềm yếu của người qua đường. Văn hóa Nạp Tây đã khắc sâu phong cách cổ xưa mộc mạc vào từng mái ngói, khung cửa sổ của Lệ Giang, và từng ngõ ngách, cây cầu nơi đây.

Những bức bích họa thuần phác đơn sơ, đậm phong vận độc đáo và chữ viết Đông Ba[20], mang chút gì đó hoặc hào phóng, hoặc uyển chuyển, bộc lộ tính tình tự nhiên, ôn hòa của người Nạp Tây, cũng phô bày nền văn hóa nghệ thuật đa dạng phong phú, muôn hình vạn trạng của dân tộc này. Những chữ viết hình tượng nhìn tưởng chừng đơn giản tầm thường nhưng lại phức tạp hàm súc đó, khiến cho bạn nảy sinh một ảo tưởng vô hạn đối với phong tình tập quán của Nạp Tây. Mỗi một ký tự đều cần sự trầm tĩnh của tâm hồn, múa may theo những tư thế lả lướt của chúng, quay về với thời gian cổ xưa lúc ban đầu, vậy gọi những tình tiết nồng đậm tận đáy sâu của lịch sử. Mỗi một hình ảnh đều giải thích cho những ý nghĩa sinh mệnh khác nhau, nếu bạn không thể tìm hiểu sâu, thì hãy coi nó là phong cảnh của Giang Nam, còn bạn chính là người ngắm cảnh đến từ phương xa đó. Quay người rời đi trong phút chốc, biết bao tình cảm quyến luyến mà bạn để lại, sẽ mang theo một đoạn ký ức không lời.

[20] Chữ viết Đông Ba: Một loại chữ viết tượng hình cổ, chủ yếu được sử dụng trong giáo phái Đông Ba, dùng để viết kinh văn, vì thế còn được gọi là Đông Ba văn. Sở dĩ có đoạn miêu tả, so sánh chữ Đông Ba với những điệu múa lả lướt ở phía sau là do tự dạng chữ Đông Ba không phải khối vuông, nhiều các nét tròn, cong, uốn lượn.

Mộng như chuông lạc đà kinh động trăng sáng, tâm như lá thu nhuộm đỏ núi xanh. Trong con ngõ cổ đang ngả bóng về chiều đó, loáng thoáng nghe thấy tiếng chuông ngựa tinh tang như gần như xa vắng tới, đánh thức lòng ngưỡng mộ trăm mối chẳng dứt đối với con đường cổ Trà Mã[21] của tôi. Đó là một con đường cổ – nơi ngưng tụ của văn minh Trà và Ngựa, những bầy ngựa lớn bốn ba trên cao nguyên đầy tuyết, tìm một con đường sinh tồn và con đường nhân sinh bằng tinh thần cương nghị quả cảm của chúng. Chúng đã từng vô số lần dừng chân ở tòa thành cổ Lệ Giang này, mang theo bụi trần xa lắc, lại lưu những dấu ấn của cuộc trường chinh.

[21] Đường cổ Trà Mã: Chỉ con đường lưu thông thương mại quốc tế dân gian, nằm ở khu vực Tây Nam Trung Quốc, dùng bầy ngựa làm phương tiện giao thông chủ yếu, là hành lang giao lưu văn hóa kinh tế dân tộc Tây Nam Trung Quốc.

Đứng trên ngã rẽ của ngõ cổ, nhìn về làn khói xanh mờ hồ phía xa xa, sàn đá trơn bóng đó không biết đã bị bao nhiêu dấu chân mài nhẵn mịn. Nơi đây như một con ngõ luân hồi, đi xuyên qua nó có thể tìm thấy kiếp trước, mà đi ra khỏi, lại có thể tìm về kiếp này. Đời này kiếp trước của Lệ Giang được rất nhiều người tìm kiếm không biết mệt mỏi, họ mang những câu chuyện buồn vui của bản thân đến đây, thanh thản rũ bỏ quá khứ, chỉ giữ lại một đoạn thời gian lặng lẽ này. Cho dù tương lai là dừng lại hay là cách xa, đều không còn quan trọng, chỉ vì ta đã từng có điều này.

Rêu phong của năm tháng vẫn xanh thắm như thuở ban đầu, Lệ Giang đêm nay có thể vẫn còn mộng ước. Tiếng tiêu hồ lô nhẹ nhàng bay bổng thổi đi thổi lại khúc “Trúc Quan Âm dưới ánh trăng[22]”, cùng ánh đèn dịu dàng trong sắc đêm hòa quyện, quán quýt suy tư của bạn, làm si mê ý niệm của bạn, mê hoặc tình cảm của bạn. Cho dù vẫn còn những tâm sự khó có thể gác sang bên, nhưng ngắm dòng suối mát lành trong trẻo đã khiến bạn bình tĩnh trở lại.

[22] “Trúc Quan Âm dưới ánh trăng”: Một nhạc khúc của dân tộc Thái, tiêu hồ lô cũng là một nhạc cụ của dân tộc này.

Từng chiếc đèn hoa sen trong nước trôi dập dềnh giữa năm tháng tươi đẹp, kể lại từng câu chuyện cũ của thành Nam năm nào. Cây cầu nhỏ cổ kính, dòng nước cổ kính, phường trà cổ kính, đến quán bar cũng cổ kính, biết bao thứ cổ kính ấy xâu chuỗi với nhau, tạo thành một phong cảnh giữa màn đêm, thêu dệt nên những giấc mộng khác nhau trong lòng những người khác nhau. Chính những chiếc bóng của thời gian nhìn tưởng chừng đơn giản cổ lỗ này, lại mang đến sự phong tình thú vị vô tận cho những người tìm mộng. Tôi không biết kiếp trước mình đã đến đây hay chưa, mà sao hết thấy đều quen thuộc đến thế, quen thuộc đến mức giống như một cố nhân lâu ngày không gặp, không cần nói gì đã hiểu hết thấy chuyện cũ ngày qua của nàng, hiểu cả dung nhan ngày nay của nàng, và cũng hiểu cả hoài ức ngày mai của nàng.

Chắc chắn ở Lệ Giang còn có phong cảnh mà tôi chưa từng đến, nhưng thể nào vẫn có biết bao ánh mắt lưu luyến khiến tôi đau lòng, thể nào vẫn có những nụ cười mỉm ngọt ngào khiến tôi cảm động. Ở Lệ Giang, tôi không phải là người lần đầu mới tới, cũng không phải là người cuối cùng đặt chân đến. Rất nhiều năm về trước, có rất nhiều người trèo đèo lội suối kiếm tìm nó, và càng có nhiều người hơn nữa luôn nâng niu cất giữ nó bằng một thứ tình cảm sâu nặng.

Tôi từng nghĩ rằng sẽ dùng cuộc đời để khắc ghi, từ đây quên lãng giang hồ, già đi ở Lệ Giang. Nhưng hồng trần muôn vàn vẻ đẹp, rồi cuộc vẫn không có cách gì từ bỏ, đành lựa chọn ra đi như thế, ra đi trong bụi trần lơ lửng giữa ánh dương. Loáng thoáng nhớ rằng, Lệ Giang đã cầm một chén sương trong trong đóa sơn trà man mác tiễn biệt tôi lúc phân ly. Thế nhưng, đợi đến lúc tháng năm già đi, tôi nên lấy điều gì để nhớ về Lệ Giang của ngày hôm qua? Khung cảnh Nạp Tây đó, đóa mây trắng Lệ Giang đó, hoặc là những thứ khác, hay là điều gì cũng không phải?

10. Chương 10: Đạo Tràng Bồ Đề

Chúng ta bước ra từ nơi hồng trần sâu thẳm nhất, băng qua ngàn non vạn nước; chỉ vì muốn đến kịp một cuộc ước hẹn của Thiên Phật. Chỉ vì ở bờ bên kia của cảnh xuân, ước chừng là phong cảnh hoa sen bùng nổ. Núi xanh vạn dặm, nằm ngủ như Phật, vách đá giữ lời hẹn ước, cỏ cây có linh tính, thú điều hiểu từ bi, vạn vật thế gian đều có Phật tính không thể nói ra. Cổ sát lâu đài ở chốn sâu rừng Thiên, là chốn về yên tĩnh cho những mây trôi chân trời, khách qua đường giữa nhân gian. Tại nơi này, có thể nhìn thấy những cao tăng tay chống thiền trượng, thông thả đến đi trong mây. Có thể nhìn thấy những khách dâng hương lưng đeo tay nải, dạo bước chậm chậm trên cổ đạo. Những biến biết của ngày hôm qua, là nương dâu của ngày hôm nay; những ly tán của phút này, là tương phùng của ngày mai. Đạo Phật từ bi dạy chúng ta học cách buông bỏ, hiểu lòng cảm ân.

Phật quốc Phổ Đà

Sinh mệnh là một chuyến viễn hành mệnh mang trong vắt, nhét những văn nhân và lịch sử vào tay nải, mang theo những tư tưởng và tình cảm ôn hòa, suốt dọc đường vừa vội vã hối hả rong ruổi, lại vừa nhàn nhã dạo bước, bốn mùa lưu chuyển, sương gió không hối hận. Khi lạnh lẽo đi tìm phồn hoa, trong hào quang đi tìm thanh đạm. Khi xa cách mong ước cuồng nhiệt, trong huyền ảo ngưỡng mộ tĩnh lặng.

Ngày tháng bốn mùa, cảnh vật nhân gian đều chuyển tải khí vị tự nhiên của non nước, chứa đựng chân ý vô cùng của tuế nguyệt. Phong cảnh như một trạm dịch trên con đường nhân sinh, mỗi chuyển lưu đây đều giúp bạn đi từ tuổi trẻ tới trưởng thành, từ nông nổi tới sâu sắc, từ nóng vội tới trầm tĩnh. Một trạm này, đích đến là đạo tràng Quan Âm – núi Phổ Đà, nơi có Thiên cảnh bồ đề, được xưng tụng là Hải Thiên Phật Quốc.

Khi đến, không cần mang theo một trái tim tham Thiên ngộ đạo, gió nơi này sẽ tẩy sạch bụi trần cho bạn, cho dù bạn chỉ là xương cốt phàm tục, linh hồn cũng có thể trong sạch như hoa sen. Phóng tầm mắt ngắm nước xanh núi xa, đưa lại gần nhìn rừng Thiên bóng Phật, chỉ trong khoảnh khắc ngắn ngủi, nỗi buồn đau của ngày hôm qua đổi thành sự thông suốt của ngày hôm nay, những mê đắm của quá khứ đổi thành sự thức tỉnh của giờ khắc này. Đây chính là Phật quốc, là Thiên cảnh, bạn không cần thực sự truy tìm sự yên tĩnh, mà vẫn có thể cảm nhận được sự siêu phàm thoát tục của chùa miếu, bạn không cần cố ý học lòng khoan dung, mà vẫn có thể lĩnh ngộ sâu sắc sự từ bi của hoa sen.

Đi qua những con đường nhỏ của núi rừng, hàng tùng bách cổ thụ xanh biếc hai bên đường, vì đã nhuộm hương khói của Phật Đà nên cũng trầm ngâm như mang đầy Thiền ý. Tiếng chuông trống vang vọng, đánh thức những linh hồn còn đang lạc lối, Phạn âm chuốc say những tư tưởng vốn nóng vội, lúc này Phổ Tề thiên tự đã mở cánh cửa thâm nghiêm trang trọng chờ bạn, bày ra phong cảnh thanh tịnh vô trần, cũng kể cho bạn nghe câu chuyện gió mưa của trăm ngàn năm. Hoa sen trong đầm Hải Ấn mơ màng hé nở, dù là cô độc như nước, cũng mỉm cười mọc giữa lòng nước. Làm một đóa sen ngủ trước Phật là mong ước đời này của biết bao chúng sinh, ướp đắm đàn hương cổ mộc, lắng nghe kinh kệ Phạn âm, bầu bạn với chuông sớm trống chiều, không cần nhập thế, không cầu danh vọng.

Bước vào điện Đại Viên Thông, khi bạn ngẩng đầu đối mặt với Quan Âm Bồ Tát trong điện, chỉ trong sát na, đã có thể khiến bạn tự tưởng tượng rằng, ngài kiên trì ngồi trên đài sen là để đợi bạn đến, đây là duyên phận không hẹn ước nhưng lại tương phùng, nên càng ghi nhớ khắc sâu. Trên hai vách tường đông tây có Bồ Tát đủ mọi hình dạng, được gọi là Quan Âm, dùng những thân phận khác nhau để giáo hóa thế nhân.

Cho dù là một hạt bụi trần nhỏ nhoi, ngài cũng sẽ ban cho bạn sự thương xót và từ bi như thế, khiến cho Phật quang phổ chiếu đến sinh mệnh và linh hồn bé mọn của bạn.

Nếu nói vì muốn thấp nén nhang trên chùa Tuệ Tề nên mới leo lên núi Phật Đỉnh, chẳng thà nói là bị mê hoặc bởi mây mù trùng trùng trước mặt còn hơn. Ngọn núi Phật Đỉnh như ảo như mộng chìm trong biển mây mù khói, phẳng phất như chốn non bồng tiên cảnh, sẽ khiến bạn không kìm được ham muốn đi xuyên qua biểu tượng của tầng mây đó, đến với chân thân của nó. Tự do giữa tầng mây, bước đi nhẹ nhàng, ảo cảnh thần kỳ như thế đủ để khiến bạn vứt bỏ hết thấy công lao và những thứ quý giá trên thế gian, cam tâm tình nguyện trả trước một đời để chìm đắm nơi này. Cho dù khi tỉnh lại, thế nhân đã đổi khác, biển biếc hóa nương dâu, cũng không hề hối hận.

Trong gió nhẹ mưa bụi, vừa hay trước mắt xuất hiện một họa quyền ngàn năm, tên của bức họa là: Đa thiếu lâu đài yên vũ trung (Biết bao lâu đài trong mưa khói). Đi qua núi rừng và biển mây trong bức họa, vô số lâu đài chùa miếu sẽ giải phóng hoàn toàn những kỳ ảo và Thiền ý, một cảm giác tinh khiết và ung dung hiện hữu khiến cho ta và sự vật cùng quên nhau. Mà lúc này, bạn sẽ tưởng tượng mình là một cao tăng đắc đạo, tay nắm thiền trượng, đi đi lại lại xuyên qua mây. Trong khoảnh khắc, bờ bên này là hoa sen tịnh thổ, bờ bên kia là hồng trần vạn tượng.

Đi trên đường vòng quanh co trong rừng, lắng nghe tiếng tiếng sóng lô xô, cảm tạ trời đất thuần túy, trong lúc hữu ý vô ý, không biết một phong cảnh nào đó lại có liên quan đến sinh mệnh. Cuộc gặp gỡ ở chùa Pháp Vũ chẳng phải là ngẫu nhiên, cũng không phải là tất nhiên, có lẽ bạn sẽ không dừng bước lại một cách nặng tình, nhưng nhất định không thể bỏ lỡ một cách hờ hững. Lầu gác trập trùng tọa lạc sâu tít trong mây, cảnh tượng cao xa, khí tượng phi phàm, bên trong đó chứa đựng muôn vàn tượng Phật, nghiêm trang diệu pháp.

Vân Thủy Thiền Tâm, nghìn năm lưu chuyển, có thuyết nói nơi này Quan Âm đã từng hiện thân, nơi này cao tăng Từ Hàng[1] đã từng phổ độ. Có người đến, rồi lại đi, chỉ là khách qua đường nơi chân trời. Có người đi, rồi lại về, làm người ở lại tự viện này. Gió nhẹ như nước, nơi đây không thích hợp để đối tửu trường ca, trăng sáng vô trần, nơi đây chỉ cho phép tĩnh tọa nghe Thiền. Rồi đi theo con đường đã đến, kiếm tìm phong cảnh tươi sáng hơn ở phía trước, quá trình ngoạn nhìn hàm chứa một phần của sự thức tỉnh, khiến bạn cảm thấy đời người như Thiền, càng dần sâu càng cô độc, thế vị như trà, càng uống càng nhạt nhẽo.

[1] Cao tăng Từ Hàng hay đạo nhân Từ Hàng là một cách gọi khác của Quan Âm Bồ Tát.

Phong cảnh dừng lại, nhưng suy nghĩ vẫn chuyển động, cùng sóng bước với nó còn có đôi mắt, cả hai đều đang dò tìm ở phía xa. Tượng đồng Nam Hải Quán Thế Âm dùng hào quang muôn tượng của người để lôi kéo và giữ lại linh hồn của chúng sinh, để bạn tiến lại gần ngài, với một lòng thành kính khôn xiết từ bấy lâu nay. Khoảng cách xa đến gần này, khiến bạn không dám lơ là chút nào, chỉ sợ chớp mi một cái, ngài sẽ quay người, đi lướt qua bạn. Cho đến khi bạn đứng dưới đài sen của ngài, ngược mắt nhìn ngài, cùng nghe thấy hơi thở của nhau, mới có thể thực sự an nhiên thanh thản.

Quá trình không lời ấy như mây trắng nhô trên đầu núi, tựa như hoa nở gặp Phật, khiến vạn vật thư thái, hương thâm lan tỏa. Không cần chùa miếu che chắn, không cần lầu gác trang hoàng, Nam Hải Quan Âm đứng giữa trời đất bao la, bình thản ung dung nhìn vạn vật phồn hoa, độ hóa cho hết thấy chúng sinh của Đại Thiên thế giới. Một lần gặp gỡ vậy thôi, dù tương lai vật đổi sao dời, cũng không thể quên ngài, dù sau này cách trở vạn nước ngàn non, bạn cũng chưa hề xa ngài. Cho dù nhân thế hỗn loạn khiến bạn xa rời yêu hận, xóa nhòa buồn vui, cái liếc mắt đầy thiện ý hiện từ của ngài, cũng đủ khiến bạn từ đây chỉ muốn tồn tại một cách thuần khiết, sống một cách từ bi.

Có cơn gió nhẹ thoảng qua thổi tà áo của người khách qua đường phơ phất, đó là một kiểu lôi kéo không lời. Chỉ nghe thấy tiếng lá tre xào xạc, dường như đang nhắc nhở bạn nơi này còn có một chốn thâm u không thể bỏ lỡ. Rừng Tử Trúc là nơi Quan Âm ngồi thiền tu luyện, mặc dù không thể tìm thấy tiên cốt thanh cao của ngài trong rừng trúc vì vu tiếng gió, nhưng lại có thể cảm nhận được bóng dáng vô hình huyền ảo của ngài tồn tại ở khắp mọi nơi trong bầu không khí. Ngẩng đầu nhìn tâm biển gỗ bên trên viết “Bất khảng khứ Quan Âm viện”, danh xưng khác biệt này gợi người ta nhớ đến nguồn gốc của nó.

Năm thứ hai niên hiệu Trinh Minh đời Hậu Lương, nhà sư người Nhật – Tuệ Ngạc rước tượng Quan Âm từ

Ngũ Đài Sơn về nước, đi thuyền qua biển Phổ Đà gặp phải cản trở, cho rằng Bồ Tát không muốn đi về phía Đông bèn để lại pho tượng Phật bên bờ, sau có một cư dân họ Trương tiến cúng, xây dựng nên tòa “Bất khăng khứ Quan Âm viện”. (Viện Quan Âm không chịu đi) Đạo quanh trong thiền viện vô trần, tâm cũng theo đó mà tĩnh tại, dường như một cây nhang cũng có thể thiêu đốt những năm tháng trôi xa, một chiếc mõ cũng có thể đánh thức thời gian tịch tịch, một quyển kinh cũng có thể thay đổi số mệnh đã định, một ống sáo trúc cũng có thể thổi tan lời thề hẹn non nước.

Tiếng chuông là một kiểu kêu gọi, cũng là một kiểu vẫy tay từ biệt, thời gian lúc này dường như không cho phép bạn dừng lại quá lâu, bất cứ sự lưu luyến nào cũng đều bị coi là phiền nhiễu. Đều nói năm tháng ngắn ngủi, nhìn lại quá khứ, rốt cuộc là thời gian đuổi bạn đi xa, hay bạn đã lướt qua ngày tháng? Có lẽ đức Phật cũng không thể cho bạn một đáp án chính xác, nếu quá khứ đã thành hồi ức, vậy hãy trân trọng tương lai, bởi vì tương lai ẩn chứa những thiền cơ sâu sắc hơn nữa. Núi Phổ Đà, bao nhiêu người từng đến nơi này, không tìm được ham muốn vứt bỏ hết ngày tháng của thế tục, lại có biết bao nhiêu người đến nơi này, vô tình quên lãng mọi phồn hoa của chốn đô thành. Mà hết thủy, đều có nhân quả, đều là số mệnh.

Duyên đến duyên đi như thủy triều lên xuống, lúc đến sóng xô trùng trùng, dào dạt vỗ bờ, khi đi biển biếc sóng xanh, trấn tĩnh ung dung. Một chuyến đi để chứng ngộ ột lần vượt qua thử thách, một lần tìm kiếm trở thành một phần hoàn mỹ. Nhiều năm về sau, Phổ Đà trong ký ức là một bình rượu ngon được nút kín, không màu cũng không vị; là một khúc huyền ca lâm ly, không điệu cũng không âm; là một hạt bụi trần phiêu lãng, không đến cũng không về.

Nga My tươi đẹp

Chặng đường nhân sinh của mỗi con người, đều là đi vào và ra khỏi trần thế, trong suốt chặng đường đó, người ta cảm nhận được sự ý vị nên thơ giữa trong và ngoài giấc mộng. Đi qua những ngõ ngách nhỏ hẹp của cuộc sống, vươn tới những không gian xa hơn, non xanh vạn dặm, sông dài trăm đời, gió mây vô cùng vô tận thu trọn trong

tâm mắt. Cảnh tượng của hiện tại hết thấy đều đổ bộ xuống núi Nga My – ngọn núi có danh xưng “Nga My thiên hạ tú”. Nga My[2], chỉ đọc hai từ này, ta đã cảm thấy như một nàng thiếu nữ thanh tao không vướng bụi trần, có hàng lông mày mềm mại, phong thái uyển chuyển, tự tại vút qua trên ảo cảnh mênh mang sương khói, giữa đỉnh non cao trắng sáng như gương.

[2] Nga My: Lòng mày của người đẹp.

Thời gian giống như một dòng chảy trong vắt, cuộn cuộn không ngừng; cảnh vật hưng thịnh một cách hân hoan, sinh sôi bất tận. Núi Nga My xa xôi, tựa như một miếng mỹ ngọc không tì vết khảm vào trời đất, tư thế tựa sen, tinh thần tựa Phật, xuyên qua lớp áo khăn mỏng mảnh của khách vãng lai, tới thẳng nơi sâu thẳm của linh hồn. Nhìn tầng không cao xa, sông núi vạn cổ, bạn sẽ thấu hiểu một cách sâu sắc, nhân sinh là một kiểu “xả thủ” (giữ lấy và từ bỏ), muốn có một thế gian thuần túy, tĩnh lặng như nước, thì phải từ bỏ ngũ vị[3] hồng trần, khói lửa nhân gian.

[3] Ngũ vị là cay, đắng, ngọt, mặn, chua, ngũ vị hồng trần để chỉ mọi trạng thái sướng khổ vui buồn của đời người.

Có người lưng đeo túi thơ, có người tay chống thiền杖, có người vác cây cổ cầm, có người cầm thanh kiếm lê, bọn họ đi qua gió Đường mưa Tống, mang theo trần ai của trời Nam đất Bắc, cùng với hoàng hôn của mỗi ngày, trải hết gió sương mưa tuyết của mỗi mùa. Có sự sáng tỏ như Dương Xuân Bạch Tuyết, thấu triệt như Vân Thủy Thiền Tâm, cũng có sự lạnh mát như nước chảy hoa trôi, khoáng đạt như ân oán sông phẳng. Tháng ngày đã qua đậu lại trên cơ thể, đến đến đi đi, đều là khách qua đường chốn nhân gian, chỉ có tiên cảnh Nga My này, Phật quang trên Kim Đỉnh, trước sau vẫn chưa từng thay đổi dung nhan của ngày hôm qua.

11. Chương 11: Cảnh Thứ Nhất: Phật Quang Kim Đỉnh

[Mặt trời mọc]

Ngắm mặt trời mọc, cũng như trong đêm đen đợi bình minh, khi hoa rụng chờ hoa nở, như sự lột xác của sâu bướm, từ thô mộc đi tới hoàn mỹ. Đứng trên bờ rộng rãi của cuộc đời, gió mát thổi bay những suy nghĩ mơ hồ trước đó, ngày tháng cũng vì Thế Âm mà trở nên lâu dài, tĩnh mịch hơn. Mặt trời mọc đằng Đông, trời đất giao thoa, mây rắng đỏ xen lẫn mây đám mây màu viền vàng, lững lờ trôi trên màn trời màu xanh tím.

Trên đỉnh núi, một vầng mặt trời đỏ từ từ nhô cao, dần dần chuyển thành một mảnh khuyết nhỏ, rồi sang hình bán nguyệt, cuối cùng là tròn đầy, một cung độ hoàn mỹ, giống như một sự lãng mạn không lời lướt qua tâm hồn mềm yếu. Vọt lên cao trong khoảnh khắc, mang theo một vệt sáng rồi biến mất trong chớp mắt, vầng mặt trời đỏ chói lọi như khảm nơi chân trời, mộng ảo ban này cũng bị thức tỉnh hoàn toàn.

Ráng trời vạn tượng, toàn bộ núi Nga My tắm mình trong sắc vàng, hai dòng sông Thanh Y và Đại Độ phía xa trông như hai dải lụa trắng, bao quanh ngàn núi vạn non, là nơi phong cảnh hội tụ, cảm xúc giao thoa. Còn có Đại Tuyết sơn chập chùng liên miên, nằm nghiêng nghiêng trên đỉnh ngọn núi, bị ráng trời gọt giữa thành ngọc trắng khắc hoa, khí chất lóng lánh như ảo như mộng.

Mặt trời mọc trên Kim Đỉnh, mỗi ngày đều khác nhau, dù bạn có ngóng chờ đến mức hóa thành một pho tượng, cũng không thể nào bắt gặp những cảnh sắc giống nhau, vẻ đẹp của nó chính là vẻ đẹp muôn hình vạn trạng. Thực ra mặt trời mọc cũng giống như mặt trời lặn, chỉ vì sự khác biệt giữa ráng trời sớm ló dạng phương Đông và tịch dương chìm trong hoàng hôn, đã đem đến cho người ta một cảm giác đổi thay biến hóa nung nấu. Tuy nói đời người ngắn ngủi, nếu bạn đánh mất ngày hôm qua, vẫn còn ngày hôm nay mới mẻ, cho dù bạn bỏ lỡ sớm nay, thì vẫn còn ngày mai tươi đẹp. Mặt trời mọc trên Kim Đỉnh vẫn bình tĩnh chờ đợi từng người, dù qua năm này tháng khác.

[Biển mây]

Đuổi theo biển mây cũng như đuổi theo một đoạn thời gian kiếp trước, chỉ cầu ý niệm, không hỏi nhân quả. Biển mây như sóng cả cuộn trào dần dần che lấp núi sông không còn dấu vết, vạn sự nhân gian cũng theo đó mà trở nên mơ hồ mờ lung. Biển mây mênh mông phô bày cảnh tượng vô bờ vô bến, khi mờ mịt như chốn bồng lai tiên cảnh, khi sáng rõ lại như nước thu gió lạnh, khi cuộn cuộn tựa như vạn ngựa tung vó, khi rộng khắp tựa trời xanh biển biếc.

Đại Hùng bảo điện cũng bị bao trùm trong sương mù màu trắng, tuy không nhìn ra được sự trang nghiêm hùng vĩ của nó, nhưng có thể nghe thấy Phạn âm mà các Thiền sư ngâm tụng, tiếng ngâm xướng khe khẽ ngân vang theo một sức mạnh vô hình, nó xuyên qua mây mù mờ mịt, đánh thức bạn giữa làn mây khói, để lại bước vào một Thiên cảnh khác. Còn có pho tượng Phật Thập Điện (Phật mười mặt) trước bảo điện, Phổ Hiền Bồ Tát cưỡi voi thần, như thể cưỡi mây trời giáng phàm, khi mây mù tan đi mới có thể nhìn thấy kim quang sáng lòa tỏa chiếu từ thân ngài, vô tư chiếu rọi khắp nẻo sơn hà.

Mây bóng lồng nhau, như thế giới huyền ảo Đại Thiên Như Lai, ngàn vạn vách đá hang đá ẩn hiện trong biển mây tựa như Phật Đà thiên tọa, Phật pháp mênh mông, bao la vô hạn. Chỉ khi bạn leo lên đỉnh Nga My tuyệt sắc này, nhìn hết vạn trạng mây khói, bạn mới hiểu rằng, hàng trăm nghìn năm qua, tại sao lại có biết bao nhiêu người cam tâm tình nguyện bỏ thân dưới vách đá, có lẽ họ không muốn thành tiên thành Phật mà chỉ không kìm nổi trước sự mê hoặc của sóng tuyết sóng mây, liền quả quyết bay qua mê cảnh của biển mây.

Biết rõ rằng một cú tung thân nhảy qua đó là kết thúc một đời người, nhưng vẫn lao đi không hề luyến tiếc, quyết liệt dứt bỏ chốn phù dung hoa lệ của thế gian, để đánh đổi lấy số phận dứt mộng trần ai. Không cần hỏi đây là đường mê hay lối về, bất cứ sự giải thích nào cũng đều trở nên nhỏ nhoi trước biển mây này. Trút bỏ hết thấy trang sức sẽ hiểu được rằng, có một loại vạn vật gọi là mệnh mang, có một loại Phật pháp gọi là vô biên.

[Phật quang]

Yên lặng đợi Phật quang cũng như yên lặng chờ đợi một kỳ tích tươi sáng nhất của cuộc đời, không cần hẹn ước, cuối cùng vẫn tương phùng. Trên đỉnh Nga My, trên Kim Đỉnh, khi ánh dương và mây mù giao nhau,

thường xuất hiện Phật quang lung linh bảy sắc cầu vồng. Trong kinh Phật có nói, Phật quang là ánh sáng phát ra từ giữa hai hàng lông mày của Phật Thích Ca Mâu Ni, giống như một đóa sen vàng, thanh khiết vô tư chiếu rọi vạn dặm càn khôn.

Vì thế, có khách hành hương như mây đi qua vạn nước nghìn non, mang theo tín ngưỡng mãnh liệt trèo núi cao, chỉ vì bị lây nhiễm sự huyền ảo rực rỡ của Phật quang vô biên đó. Trèo lên Kim Đỉnh, xuyên qua ánh dương lung linh và khói mù mờ mịt, nhìn thấy Phật quang bảy sắc, rực rỡ tỏa sáng, lại trong vắt như gương. Bóng sáng kỳ diệu khôn xiết đó phản chiếu lên người, ta đưa tay nhắc chân, bóng luôn theo hình. Càng thần kỳ hơn nữa là dù có hàng vạn người cùng chiêm ngưỡng, nhưng người xem cũng chỉ có thể nhìn thấy chiếc bóng của chính mình, mà không thấy bóng của người bên cạnh. Là sự huyền ảo mà tự nhiên ban tặng, nên mới có thể có được cảnh sắc mỹ lệ nhường này, những thước phim quyến rũ về non sông vô hạn ấy, khiến cho du khách đắm chìm trong chiếc bóng của chính mình, say đắm không thôi.

Phật quang treo lơ lửng trên Kim Đỉnh Nga Mv, nhẹ tựa dây leo, mỏng như Nam Kha, mang ánh sáng đến cho người đang hoang mang, mang lại sự ấm áp cho người cô lẻ. Đây là ánh sáng của từ bi, là ánh sáng cứu vớt thế giới, cũng là ánh sáng may mắn, nó cười ngạo biển xanh, cứu độ hết thảy chúng sinh, kinh qua trăm đời, hóa thành nương dâu. Người ta nói, những người có duyên với Phật mới có thể nhìn thấy Phật quang, thực ra đức Phật nhân từ, Phật quang mang lại ánh sáng, hơi ấm cho tất cả vạn vật sinh linh, duyên sâu hay duyên mỏng, đều là ngộ tính của mỗi người.

Hồng trần ở bờ bên này, Phật giới ở bờ bên kia, giữa bờ bên này và bờ bên kia, chỉ cách nhau năm tháng như khói mây. Hai bên nhìn nhau, cùng trân trọng nhau, nhưng vĩnh viễn không thể bên cạnh nhau. Mà khoảng cách trở thành vẻ đẹp thiên cổ, khiến cho vô số thế nhân tới Nga My cũng chỉ vì sự từ bi của đài sen này. Đến đến đi đi, giống như Phật quang cảnh ảo, không cần chờ đợi gặp gỡ, cũng không cần sợ hãi ly biệt. Quay đầu nhìn lại đỉnh núi mênh mông, ánh Phật quang sáng lòa trên Kim Đỉnh đó, vẫn còn vì ai chiếu rọi một quãng thời gian như nước?

[Thánh đăng]

Truy tìm Thánh đăng (đèn Thánh) cũng như trong đêm tối tìm một con đom đóm, như ẩn như hiện, mù mịt khó nắm bắt. Thánh đăng và Phật quang tựa như sự thay đổi giữa ban ngày và ban đêm, nó mang theo sự thần thánh và thanh tịnh của Phật khiến cho khách qua đường chốn hồng trần phải truy tìm, nhưng nó lại chưa từng phụ bạc ai. Trong đêm đen gió lạnh, xả thân dưới vách đá của Kim Đỉnh, bỗng thấy ánh sáng như đom đóm, từ vài đốm dần dần biến thành vô số, bỗng bành giữa sơn cốc thâm u tĩnh mịch, lập lòe bất định. Đó chính là Thánh đăng, nó trôi nổi giữa những vách đá, uốn lượn không để lại bóng dáng, từng đốm sáng huỳnh quang mang lại cho người gặp cảm giác được tái sinh trong khốn cùng. Nó không giống như trăng sáng sao sớm, lừng lơ trên bầu trời thanh thanh, cho dù bạn ở bất cứ đâu đều có thể nhìn thấy. Sự kỳ diệu của Thánh đăng nằm ở chỗ, nó như một giai nhân tuyệt sắc, thoát ẩn thoát hiện trong u cốc, duy chỉ có trên núi cao cheo leo hiểm trở, mới có thể tìm thấy dấu tiên, gặp được giai nhân.

Kim Đỉnh trên Nga My là nơi ngắm Thánh đăng đẹp nhất, từng đốm từng đốm lửa như sao băng vụt qua, xưa đi nay đến, lưu giữ biết bao linh hồn khi mờ khi tỏ của biết bao người xem. Chính vòng sáng của Thánh đăng, đã chiếu sáng sự u ám của bốn bề, khiến cho người đến thông suốt, người đi sáng tỏ; khiến người tụ lại trấn tĩnh, người ly tán ung dung. Có những người rong chơi giữa phong cảnh ban ngày, có những người say sưa giữa mộng cảnh ban đêm, cho dù là trong sáng hay là sâu sắc, đều có lý do để đắm mê. Khi người tìm kiếm vội vã đi xa, dải thánh đăng sáng lập lòe ấy chờ đợi bình minh là vì ai?

Cảnh thứ hai: Chùa Vạn Niên

Cảnh ảo mây khói giăng tỏa được vén ra, một vùng trong sáng, cao xa của mùa thu nước trong leo lẻo gió mát hiu hiu hiện lên trong tâm mắt. Trước trời âm thu, nước trắn bên hồ, chùa Vạn Niên đã trải qua nghìn năm, không màng nhân quả, chẳng can số mệnh. Đi qua ngày hôm qua đây ập tiếng suối chảy róc rách, theo từng câu chuyện cũ lá phong nhuộm đỏ, đứng trước cánh cửa trang nghiêm của ngôi chùa cổ, ngắm màn khói lửa thời Tần, nghe Phạn âm triều Tống, tìm bóng dáng thời Minh.

Bước vào tòa minh điện xây bằng gạch không có cột kèo, quan sát tòa kiến trúc thần kỳ này, những lớp hoa văn trang trí trang nhã trên tường làm tôn lên vẻ tĩnh mịch, trang nghiêm của Phật điện. Không cần tìm kiếm, đã thấy ngay tượng Phổ Hiền Bồ Tát cưỡi voi trắng đang nghiêm trang nhìn bạn, trên đầu ngài đội

mũ vàng Ngũ Phật, tay cầm như ý, tư thế tròn vẹn, thần thái sinh động. Con voi trắng sáu ngà mà ngài cười khì thế hùng hồn, gánh vác sứ mệnh, đứng trên đài sen, đã trở thành tượng trưng cho Phổ Hiền Bồ Tát. Họ (tượng bồ tát và voi trắng) bảo vệ cho lầu gác điện đài của chùa Vạn Niên, bảo vệ cho cảnh non xanh nước biếc của Nga My, có lẽ họ dễ dàng bị người đời quên lãng, nhưng cũng dễ dàng được người đời nhớ ra.

Mây trắng nhẹ bay, nước thu trong vắt, nơi đây từng có tăng nhân đời Đường gảy đàn cho thi tiên Lý Bạch nghe, Lý Bạch cũng từng làm bài thơ “Thính Thực tăng Tuấn đàn cầm” (Nghe nhà sư Tuấn của đất Thực gảy đàn), thơ rằng: “Thực tăng bảo lục y, tứ hạ Nga My phong. Vị ngã nhất huy thủ, như thính vạn hác tùng. Khách tâm tẩy lưu thủy, dư hướng nhập sương chung. Bất giác bách hải mộ, thu vân ám kỷ trùng.” (Trần Trọng Kim dịch thơ: Nhà sư ôm một cây đàn, từ Nga My xuống đi sang nơi này. Vì ta một bận vẩy tay, dường như muôn suối vang đầy tiếng thông. Nước tôi rửa sạch cõi lòng, dư âm hòa lẫn tiếng chuông sương mờ. Núi xanh chiều xuống không ngờ, tối tăm bốn phía mây thu trập trùng) Nghe nói trong đầm Bạch Thủy còn sinh ra một loại ếch tinh khôn biết chơi đàn, khi du khách tới, chúng thường phát ra những tiếng kêu vui tai, tựa như tiếng đàn réo rắt du dương, tuyệt diệu không thể nào tả xiết. Chuông đồng treo trên góc thềm đưa vang lên những tiếng tính tang trong trẻo tựa thời gian trôi, luôn có những người đứng trước lò hương đồng lõm dóm vết hằn ghi nhớ lại sự phồn thịnh của những ngày đã qua. Lúc ấy không nghe thấy tiếng đàn, mà dường như nghe thấy tiếng ếch kêu, âm điệu như nước chảy mây thu ấy liệu có đang vang lên ở một nơi khác, hoặc chỉ có người phong nhã mới có thể nghe thấy âm thanh tuyệt diệu nằm đó?

Do nhuộm màu hương khói, nên ngôi lợp ngả sang màu đen sẫm; do Phạn âm ngâm nga, nên lầu gác thanh đạm như được tẩy rửa. Một tầng cửa lớn, mấy cánh cửa sổ, thấp thoáng bóng dáng người xưa, chỉ có tiếng thở dài của người nay là hiện hữu. Dường như những người đến đến đi đi đều thích tìm kiếm những được mất của bản thân, thực ra giữa được và mất, giữa đến và đi, có quá nhiều vướng mắc không thể giải thích rõ. Đi vào trong ngưỡng cửa, vướng mắc cũng kết thành một kiểu Thiền ý giác ngộ, nhưng ra khỏi ngưỡng cửa, vướng mắc đã trở thành một kiểu truy tìm vô nghĩa.

Cảnh thứ ba: Gác Thanh m

Nếu như nói Thanh Sơn là một chiếc áo xanh vắt ngang núi Nga My, vậy thì Bích Thủy là viên ngọc phỉ thúy treo lơ lửng trước ngực Nga My. Vào trong gác Thanh m, khi bạn vẫn chưa hết nỗi mệt mỏi trong chặng hành trình, thì gió nhẹ trên đường núi, nước chảy giữa suối khe đã âm thầm xâm lấn trái tim bạn, thời khắc ấy, đến gió bụi phong trần cũng trở nên tinh khiết.

“Hà tất ti dĩ trúc, sơn thủy hữu thanh âm.” (Dịch nghĩa: Hà tất cần đến tơ và trúc, non nước vốn cũng có thanh âm) Gác Thanh âm được đặt tên theo câu thơ này, âm thanh thiên nhiên của non và nước còn tuyệt diệu hơn cả âm điệu réo rắt của đàn sáo. Phong cảnh nơi này sáng sủa như đã từng được gió núi tẩy rửa, thanh tịnh như đã được nước suối ngâm sâu. Nó không vì bạn vô tình lạc bước mà nảy sinh những trần ai buồn thảm, nó có thể tô điểm cho vô số mộng cảnh Thiền ý của khách qua đường, mà những du khách đến đây đều không thể nào cất giữ nổi khoảnh khắc nó trôi qua.

Gác Thanh âm cũng được gọi là chùa Ngọa Vân, cái tên này liên quan đến sự tích Thiền sư Thông Tuệ xây dựng chùa vào năm Càn Phù thứ tư đời Đường Hy Tông. Dưới gác có hai cây cầu, giữa hai cây cầu là một ngôi phi đình sừng sững tọa lạc, hai dòng suối Hắc – Bạch trong vắt chảy qua dưới chân cầu, sóng trắng tuôn trào, vỗ ủa vào những tảng đá lớn hình dáng như tim trâu trong đầm Bích Đàm. Đá tim trâu bị dòng nước mài mòn bóng loáng như gương, dường như soi thấy cả ngày tháng của hàng triệu năm về trước, nó đứng đó trải qua những tụ tan của bèo trôi, nhìn quen những cảnh quan lướt qua, tâm trạng vẫn ung dung bình thản như dòng nước suối.

Sóng cả xô đá, hắt tung bọt sóng như ngọc vỡ, thanh âm róc rách, tựa như cổ cầm tấu khúc, lúc thì trong trẻo, lúc thì trầm ngâm, lúc lại du dương, lúc lại sang sảng. Vào đêm trăng thanh gió mát, vào lúc vạn vật tĩnh lặng, tiếng nước trong trẻo vắng vắng giữa rừng sâu sơn cốc, toàn bộ gác Thanh âm chìm trong khung cảnh siêu trần thoát tục. Cao tăng các đời và vô số lữ khách từng ngồi trên đài Tẩy Tâm trước đầm nước, lắng nghe thanh âm trong trẻo của nước chảy, tâm như hoa sen, kiên trì gìn giữ vẻ đẹp thuần túy thanh tịnh.

Phật Tổ vô cùng sáng suốt, khi bạn muốn bước hẳn vào trong, người sẽ cách xa bạn một khoảng vừa phải. Khi bạn định đi ra ngoài, người lại nhẹ nhàng giữ chân bạn lại. Gác Thanh âm là nơi lưu giấu linh hồn, mỗi

một người đến đây đều nguyện ý gửi những năm tháng tuổi trẻ vào trong tháng ngày tĩnh lặng này, cho dù phải để lại một nửa thời thanh xuân, cũng không thay lòng đổi ý.

Khi bước chân truy tìm dừng lại ở điểm khởi đầu mới, điều không thể quên được chính là tình cảm của quá khứ. Nhìn lại gác Thanh m, nhớ lại phong cảnh sắp nhạt nhòa, tháng năm rồi sẽ già đi, ai sẽ là người hối hận, vì đã từng có một khoảng đời được bỏ để thanh tẩy như thế?

Cảnh thứ tư: Nhất Tuyền Thiên

Đi qua khung cảnh non nước trập trùng, có một đoạn đường khói bụi, chính là con đường thông với khe Bạch Vân (Bạch Vân giáp). Bên ngoài khe núi quang đảnh sáng sủa, tầm nhìn hút mắt, bên trong khe núi mát mẻ thâm u, khúc khuỷu quanh co. Bước vào trong khe, ngẩng đầu nhìn Nhất Tuyền Thiên (một dải trời) trên đỉnh núi cheo leo, cảnh tượng ấy giống như một tòa núi lớn nguy nga chọc trời, lại bị năm tháng sắc bén như dao chém xuống, cắt thành những bức tường vỡ vụn, thưa thớt xiêu vẹo, mới để lộ một dải trời xanh biếc. Khung cảnh đặc biệt do thiên nhiên tạo nên ấy mang tới cho con người một đoạn đường nguy hiểm cùng một luồng tư tưởng khoáng đạt vô biên.

Thời gian vụt qua, mở ra những nội dung mà núi non đã đóng kín, giải phóng sự hoa lệ của ngàn đời. Để người lữ hành bước vào không gian nhỏ hẹp này cảm nhận được sự kỳ diệu của thế giới trong cốc, cho dù đây là một hành trình cực kỳ nguy hiểm, nhưng vẫn có rất nhiều người tình nguyện đi từ chốn trời cao đất rộng đến chỗ đường hẹp quanh co, để lưu lại những ấn tượng hoành tráng, hoàn mỹ trong cuộc đời.

Bước qua con đường núi vòng vèo, gió mát rười rượi như từ thời viễn cổ thổi về, khe khe kéo tay nải của bạn, làm lay động vạt áo bạn. Dòng suối ào ạt chẳng dứt, chảy men theo sơn đạo quanh co, lượn lờ xoáy vòng, một dòng nước nhỏ chảy theo hai bờ vách núi, uốn cong linh hoạt, cảnh tượng thanh tĩnh u nghiêm. Những hòn đá cuội như châu như ngọc nằm im dưới lòng hồ sâu, xanh đỏ trắng đen, đẹp lung linh trong ánh sáng vỡ vụn dưới lòng nước.

Ở nơi này, ánh sáng mặt trời chỉ nhàn nhạt, nó chiếu xuyên qua giếng trời Nhất Tuyền Thiên, rọi tới tận những góc nhỏ ẩm ướt xanh rêu, nhưng nó không biết cử động đa tình ấy lại khiến sự tĩnh lặng và mát mẻ chỉ có trong sơn cốc lặng lẽ bốc hơi. Gặp nghịch cảnh mới tỏ rõ bản sắc anh hùng, ở trong khe cốc mới biết cần khôn rộng lớn, mọi tranh giành danh lợi chốn thế gian chẳng qua cũng chỉ là một đoạn nhạc nền trong cuộc phong vân biến ảo lớn lao mà thôi.

Hy vọng sẽ được tái sinh sau khi tuyệt diệt, khi bạn vượt qua cảnh ngộ khốn khó, tư tưởng của bạn sẽ phá vỡ mọi xiềng xích giam cầm của số mệnh, kỳ tích trong mơ há phải đâu là xa xôi? Ở nơi sơn cốc không thấy bầu trời này, ở chốn thâm u ẩn chứa gió mây này, sau cơn im ắng, nhờ có đôi cánh tinh thần, những người tìm kiếm sẽ xuyên thủng tầng mây, lần nữa thưởng thức muôn vàn khí tượng, sự lãng mạn của núi sông trên thế gian.

Dù bạn có muốn cất giữ mỗi một hình bóng sinh động của Nga My đến đâu, nhưng đời người luôn có rất nhiều phong cảnh mà bạn không thể nào ngắm hết. Hiện thực sẽ dẫn bạn ra khỏi mộng cảnh mơ hồ, hoa sen trong tâm bùng nổ cánh hoa cuối cùng, những kẻ hở của tư duy cũng nhân đó nuốt trọn mùi hương thoảng thoảng còn sót lại. Và tay nải nặng trĩu trên vai đang nhìn bạn khoan thai đi khỏi thánh cảnh Phật quốc.

Có nhiều khi, bạn ngỡ rằng mình đang đến rất gần Phật, nhưng thực ra bạn vẫn chỉ là một khách qua đường của hồng trần đứng bên ngoài ngưỡng cửa, mà khoảnh khắc đi lướt qua đó đã ngoái lại nhìn. Khi bạn thực sự giác ngộ được Thiên, sinh mệnh cũng thấu triệt, cho dù chỉ là một đóa sen trước Phật cũng có phong vận riêng của nó, bởi vì nó đã hấp thu được sự từ bi mệnh mông của Phật giới.

Khói bụi phiêu lãng, gió mây cuộn trào, bước chân vội vã của người tìm kiếm nay đã khoan thai chậm rãi bên rìa Nga My. Rốt cuộc là tháng ngày của nơi đây đã ghìm chân bạn lại, hay là bạn bị kẹt trong ngày tháng này? Nếu không phải thế, tại sao cảnh non xanh nước biếc xa dần vẫn còn quần quanh trước mắt; nếu không phải thế, tại sao tiếng tụng kinh gõ mõ sớm đã tan đi vẫn còn văng vẳng bên tai?

Núi Nga My, người trao cảnh sắc tuyệt mỹ nhất thiên hạ cho người khách qua đường vội vã, mà người khách qua đường như nước chảy mây trôi ấy, sẽ để lại những gì cho người? Đây đức Phật từ bi, khi người đối mặt với xiết bao buồn vui tan hợp, tại sao vẫn có thể bình thản trấn định đến thế? Có lẽ, những người khách qua đường ly biệt trong bối cảnh không lời ấy, có một ngày bỗng nhớ ra, đã có một cây bồ đề trong

quá khứ, gọi là Nga My.

12. Chương 12: Cảnh Thiền Cửu Hoa

Vẫn nói rằng núi Cửu Hoa có chín ngọn núi hình dáng như hoa sen, mang một vẻ kỳ vĩ tú lệ bẩm sinh, trường tồn cùng thời gian, có một linh hồn bất diệt. Rất nhiều người đến nơi này nảy sinh những tưởng tượng ảo mộng trong không khí Thiền của hoa sen, họ thường xuyên quên mất nỗi mơ hồ của kẻ qua đường là chính bản thân mình.

Phong cảnh núi Cửu Hoa là một bức tranh sơn thủy thiên nhiên, treo lơ lửng giữa tầng mây, dòng thủy mặc trôi chảy nói cho chúng ta hay sự sáng suốt trí tuệ của Phật, Thiền. Ánh mặt trời nơi đây rất huyền ảo mơ hồ, khi bạn đến, sinh mệnh điểm tô dung nhan thanh xuân, khi bạn quay mình, năm tháng đã già đi, đánh mất vẻ ban đầu. Phật nói, kiếp phù sinh như cát bụi, chín đóa hoa sen ấy, đã nhìn thấu hết mọi bèo tụ bèo tan của đời người, sẽ không vì ai mà đợi chờ ngày mai định mệnh, cũng không vì ai mà thay đổi câu chuyện đã hoàn thành.

(1) Nguồn gốc Cửu Hoa

Khởi hành với một tâm thế như hoa sen, núi Cửu Hoa đã mở rộng cánh cửa lòng với chúng sinh, Thiền lý của núi Cửu Hoa cũng cảm nhiễm cả vùng Huy Châu rộng lớn, khiến cho hoa sen như nước nở rộ trong từng góc ngách cổ kính, thê lương.

Nơi đây là đạo tràng của Đại Nguyên Địa Tạng Vương Bồ Tát, cao tăng Kim Kiều Giác[4] đã từng du ngoạn Cửu Hoa, tìm tòi những điều huyền bí, vất vả tu luyện những mấy chục năm, đến năm chín mươi chín tuổi thì viên tịch. Qua ba năm, nhục thể của ngài vẫn tươi tắn như còn sống, chúng tăng lữ bèn căn cứ theo đạo hạnh của ngài lúc sinh thời và rất nhiều dấu hiệu khác, cho rằng ngài là hóa thân của Địa Tạng Bồ Tát. Và họ đã xây dựng tháp đá, lưu giữ và thờ cúng nhục thân của ngài trong đó, đồng thời tôn ngài thành “Kim Địa Tạng” Bồ Tát, còn núi Cửu Hoa dần dần trở thành đạo tràng Địa Tạng Bồ Tát, trăm ngàn năm qua, khói hương không dứt, hưng thịnh chẳng suy.

[4] Kim Kiều Giác/ Kim Kyo-gak (696 – 794), tu sĩ Tân La (Silla), tục gọi là Kim Địa Tạng, là họ hàng của quốc vương nước Tân La cổ (nay là phía Đông Nam bán đảo Triều Tiên).

Cho dù là vào mùa nào, hoặc là bạn từ đâu tới, tiếng kinh kệ ở Cửu Hoa sơn vẫn vang khắp nơi. Bạn vội vã hay nhàn tản đi tới, thì gió trong sơn miếu đều thổi bay bụi trần vương trên người bạn, để trái tim tinh khiết chảy trôi theo Thiền ý.

Phóng hết tầm mắt nhìn ra xa, những lầu gác đền đài ẩn sau rừng cây, tựa đời người như tụ như tan. Chín ngọn núi Cửu Hoa được xây dựng theo phong cách kiến trúc Huy phái, những bức tường lợp ngói đen, những giềng trời bằng gỗ chạm trổ, kết hợp một cách khéo léo tinh xảo giữa sự lãng mạn nên thơ của dân gian và văn hóa chùa chiền, thể hiện rõ ràng một vẻ đẹp khác biệt. Cho dù bạn mang theo tâm tình thế nào bước vào khung cảnh này, thì cũng có thể tìm được những vết tích mà thủy mặc đã từng thấm đẫm ở bất cứ chỗ nào nơi đây, cũng có thể ngửi hương thơm tràn ngập của tháng năm. Đây không phải mộng cảnh, ở Phật quốc thanh tịnh, sáng rõ như nước này, bạn sẽ cảm thấy linh hồn mỏng manh của bản thân dần dần được lấp đầy, sẽ nhìn thấy phong cảnh nhân gian phức tạp dần dần trở nên thuần túy thanh tịnh.

Khi bạn đi ngược dòng tìm nguồn gốc của núi Cửu Hoa, cũng là đang đi ngược dòng tìm nguồn gốc của đời người. Khi những năm tháng của quá vãng chảy theo mạch nước, dập dềnh trôi tới, những gì bạn thấy là tàn khuyết hay là viên mãn? Tham ngộ Phật pháp bằng những tâm trạng và cuộc đời khác nhau, thì chân lý mà bạn ngộ ra cũng hoàn toàn khác biệt.

Bạn đứng giữa thắng cảnh Phật quốc yên tĩnh và hiền hòa ấy, có biết được nơi này đã từng mù mịt khói lửa chiến tranh, cũng từng gặp phải cảnh ngộ điêu linh tàn phá, chỉ là cho dù trải qua trăm ngàn chìm nổi, kinh qua biết bao vui buồn ly hợp, cuối cùng vẫn có thể gấm hoa rực rỡ, trắng sáng sao tỏ. Mà Phật tổ ngồi

trên đài sen, mặc dầu trải qua biến thiên của năm tháng, phủ đầy bụi bặm của thời gian, vẫn có thể bình thản, an nhàn trước hoa xuân rơi rụng, ngắm quen trăng thu tàn khuyết.

(2) Chân thân bảo điện

Như nước chảy trong núi Cửu Hoa, không cần vội vã truy đuổi, chỉ cần thông thả dạo bước là sẽ có một cảnh tượng tươi đẹp đợi chờ bạn. Núi Thần Quang một mình thanh tịnh giữa sương mù rừng núi, người đời sau đã xây dựng điện tháp Địa Tạng trên mảnh tịnh thổ này, đặt nhục thân tiên cốt của Kim Địa Tạng Bồ Tát trong đó. Từ đây, bảo điện Nhục Thân giống như một ngọn đèn Phật đầy trí tuệ, thấp sáng thánh địa Cửu Hoa suốt cả ngày đêm.

Qua bậc thang, đến điện tháp, nhìn điện gác nguy nga, ngấm Phật tổ trang nghiêm. Trên mi cửa có treo bức hoành phi “Đông Nam đệ nhất sơn”, lại là một cảnh quan tự nhiên hùng vĩ. Trên hành lang của đại điện có khắc đủ mọi loại dị thú trân quý, kỳ hoa dị thảo, chúng được thời gian rửa sạch, nhưng vẫn sống động như xưa, tươi mới hút mắt. Những tác phẩm nghệ thuật dân gian khảm vàng nạm bạc ấy bảo tồn lịch sử nghìn năm của bảo điện, vẽ nên cảnh quan văn hóa của Cửu Hoa, đến ngày nay, bãi bể nương dâu đã từng trải qua hết chúng sẽ tô điểm cho giấc mộng của ai?

Điện tháp được lát bằng đá cẩm thạch trắng, khám thờ Phật trùng trùng điệp điệp, giống như số mệnh duyên sâu duyên mỏng nhìn thấu hết luân hồi của trăng thu gió xuân chốn nhân gian. Trong tháp cúng bái nhục thân của Kim Địa Tạng, chân thân bất hoại mạ ánh vàng, ngài cam lòng bị vận mệnh giam cầm trong thời gian nghìn năm, chỉ vì muốn đến cái đích phúc tuệ viên mãn trong pháp giới Từ Hàng. Từ đây, thiên tọa trên đài sen, dùng sự từ bi của Phật để phổ độ cho hết thấy chúng sinh.

Là bảo địa phong thủy của núi Cửu Hoa, đã khiến cho cao tăng các đời trải hết cuộc đời, là Phật pháp tinh thâm mệnh mông, khiến cho họ thấu ngộ Thiền lý, đắc đạo ở Cửu Hoa mới có được chân thân bất hoại và được lưu giữ trong điện tháp theo cách ấy. Ngài đã đem chân lý và tinh túy của Phật giáo cô đặc và đúc kết trong nhục thân, dùng sự từ bi để đổi thay nhan sắc của non nước núi Cửu Hoa, dùng sự thiên định để làm thanh tịnh linh hồn du khách.

Ra khỏi tòa điện, gặp gỡ người đến, mà sau phút giây lướt qua nhau, người khách qua đường dáng điệu vội vã ấy, ai sẽ nhớ đã từng có với ai một cuộc tương phùng trước Phật? Dù cho nhiều năm về sau, lại trùng phùng chốn này mà vẫn không hay biết sự tồn tại của nhau. Có lẽ không từng quen biết so với việc biết nhau rồi lại quên nhau sẽ ám áp hơn, bạn đã từng ngóng đợi được quen biết nhau như thế, có một ngày cũng sẽ mong chờ quên nhau như vậy. Phật gia coi đây là luân hồi, nếu bạn giác ngộ được mỗi duyên pháp này, có lẽ bạn sẽ dùng một phương thức khác để đánh giá những tụ tan ly hợp của đời người.

Rời đi với Thiền ý nửa tỉnh nửa mê, lá phướn ngũ sắc bay phấp phới trong gió, đã không phân biệt được rõ ai là khách qua đường, ai là người quay về. Cờ phướn vẫy gọi trong khoảnh khắc này, là đang cáo biệt hay là đang mời gọi đây?

(3) Pháp hội Địa Tạng

Kinh Phật chép rằng, ngày ba mươi tháng bảy âm lịch hàng năm là ngày đản sinh của Địa Tạng Bồ Tát, truyền thuyết nói rằng đây cũng là ngày Kim Địa Tạng đắc đạo, ngày này, núi Cửu Hoa cử hành điển lễ long trọng ở Nhục Thân điện. Có rất nhiều khách dâng hương sẽ từ trời nam đất bắc hối hả tụ hội đến đây, trong những tay nải nặng trĩu chứa đầy lòng thành kính và ước nguyện, mang theo hương khói và kinh kệ, chỉ để chiêm bái lần pháp hội Địa Tạng trang nghiêm này.

Trong ngày này, núi Cửu Hoa phô bày trước mắt mọi cảnh tượng phần hoa vô tiền khoáng hậu. Người đổ về như thác lũ, vứt bỏ mọi khói bụi của nhân gian, thông thả dạo bước ở Cửu Hoa, dưới chân vạn Phật, cầu ước siêu độ vong linh, tiêu trừ tai ương. Trên những con đường bằng phẳng, không phải vì người đến quá nhiều, ngày tháng quá lâu, mà cảnh quan núi Cửu Hoa trở nên cũ kỹ tàn úa, nhạt nhòa dung nhan.

Bao nhiêu người khách qua đường đi trên phố Cửu Hoa, cảm nhận thánh địa được gọi là “Phật quốc liên hoa” này, trong thời gian mơ hồ, bỗng tưởng rằng mình là một vị tăng giả vân du trở về, chìm đắm trong nó, không thể nào rời đi lần nữa. Từ đây, tháng ngày hương khói không ngớt, và ngàn vạn du khách đều trở thành một vẻ đẹp không thể thiếu trong khung cảnh Cửu Hoa.

Tòa điện đường được xây dựng trên lưng chừng núi chính là “Bách Tuế cung” nổi tiếng của núi Cửu Hoa, ánh nắng vỡ vụn xiên xiên rải trên bức đại tự sơn son thiếp vàng, nhưng không thể đánh thức nổi những linh hồn ngủ say trong điện. Trên mảnh đất tịnh thổ không vương bụi trần này, buồn đau sẽ được thanh thản, tội ác sẽ thành thiện lương. Có lẽ bạn từng hô mưa gọi gió, cũng từng kêu ngạo phóng túng, nếu bạn đến đây, cho dù là với bất cứ thân phận nào, trong tuệ nhãn trong suốt như nước của Phật tổ, tất thấy chúng sinh đều bình đẳng.

Đúng thế, tất cả những người đến núi Cửu Hoa dự Pháp hội lớn này đều được gọi là khách hành hương. Họ cam tâm tình nguyện buông bỏ sự kiêu ngạo và vinh quang của ngày thường, đón nhận sự thanh tẩy của hương khói trước Phật, chờ đợi Phạm âm làm tinh khiết tâm hồn. Những người này, ai nấy đều có duyên pháp của mình, họ trào dềo lội suối chẳng quản nghìn dặm xa xôi đến đây, là vì không nhìn rõ được cuộc sống sướng khổ mơ hồ nơi thế gian, hay là chán ghét khói lửa mù mịt chốn hồng trần, chỉ muốn ở chốn hoa sen nở rộ, dùng linh hồn làm lời chú giải, đối lấy tâm trạng bình tĩnh và yên lành.

Sinh mệnh có hạn, có lẽ đến nay không ai thực sự hiểu rằng, Phật tổ rút cuộc đã dùng sức mạnh gì mà có thể giữ chặt được linh hồn của khách hành hương, để họ luôn đau đáu tình thâm tìm đến. Làm thế nào khiến họ lưu luyến không rời như thế, chỉ muốn tìm một chốn có thể dừng chân ở núi Cửu Hoa, bình yên ung dung sống hết một đời một kiếp dưới ánh sáng của bồ đề?

(4) Núi chính Thiên Đài

Cảnh trí núi non xưa nay luôn nằm giữa chốn mây mù vạn tượng, trong mây khói nhìn thấy núi non trùng điệp, cảm nhận trời đất huyền ảo, luôn thấy rằng, phong cảnh cũng như đời người, đều có nhân quả riêng của nó. Có bao nhiêu núi sâu rừng rậm, thì có bấy nhiêu suối chảy thác trào, núi rừng sâu thẳm chứa biết bao đền miếu cổ sát bị mây khói che phủ giống như chốn Bồng Lai tiên cảnh, không vương bụi trần.

Núi non Cửu Hoa như một bức tranh thủy mặc đậm nhạt đan xen, mà núi Thiên Đài là một nét bút đậm màu gộp lại của rất nhiều núi non, kết tụ hết thủy thảng cảnh của núi Cửu Hoa, thế nên du khách từ ngàn xưa đã hết lần này đến lần khác tụ hội phong vân trên đỉnh Thiên Đài. Từ đường Cửu Hoa lên Thiên Đài, dọc đường vừa kiếm tìm phong cảnh, lại vừa bị phong cảnh đuổi theo. Đến chính đỉnh của Ngũ Đài, phóng tầm mắt nhìn núi non nhấp nhô, cúi xuống ngắm Trường Giang như lụa. Khi cái tôi nhỏ bé đứng trước trời đất mênh mông vô tận, bạn không biết là sinh mệnh đã tạo nên sự thần kỳ của vạn vật, hay là vạn vật nung nấu lên sự thần kỳ của sinh mệnh.

Ngọn gió núi trong lành lướt qua, làm thức tỉnh những suy nghĩ còn u mê, từng trận gió rì rào như sóng biển mang đến mùi trầm hương cổ mộc thơm ngát. Trong thời đại vừa theo đuổi đỉnh cao vừa sùng bái tự nhiên này, và cũng trong thời đại vừa chạy theo trào lưu lại vừa vứt bỏ trang sức bề ngoài, trở về với bản ngã, càng có nhiều linh hồn cần đi từ nóng vội đến trầm tĩnh, càng nhiều sinh mệnh cần đi từ rực rỡ lóa mắt đến bình dị thực chất, vẫn nói người ở ngôi cao lạnh không chịu nổi^[5], nhưng chỉ có đăng cao, mới có thể nhìn rõ núi sông trùng điệp, hiểu được vạn tượng gió mây.

[5] Nghĩa bóng chỉ người có địa vị cao thường không có tri kỷ.

Khi mây khói mù mịt lan tới, bạn vẫn có thể nhìn thấy rõ một tảng đá lớn, bên trên khắc ba chữ “Phi Nhân Gian”. (không phải chốn nhân gian) Nơi đây chỉ nghe thấy tiếng chuông, chỉ nhìn thấy đỉnh núi cheo leo trong mây khói chờn vờn, nhân gian dường như càng lúc càng xa mãi muôn trùng. Những người đến đây đều muốn trong một thời gian ngắn ngủi được đắm mình hoàn toàn vào trong mộng cảnh. Trong mơ, bạn là một tiên khách chốn núi thiêng, không ném trái khói lửa nhân gian nữa, trong mơ bạn ngồi nghiêm trang trên đài sen, ngắm hết những khách qua đường lặng lẽ tới tới lui lui.

Trong mộng, mấy độ sen rụng rồi sen lại nở, khi tỉnh lại tuổi xuân tươi đẹp đã chẳng còn. Lúc mây khói nhạt nhòa tan đi, bạn nhìn thấy bản thân đang đứng giữa ranh giới của mộng và tỉnh, cõi lòng xao động đó như những gợn sóng lăn tăn trên mặt hồ phẳng lặng.

Một đời người luôn đi tìm phong cảnh hoàn mỹ nhất, há không biết phong cảnh hoàn mỹ nhất lại thường không hẹn mà gặp hay sao? Bạn trao cho Thiên Đài một quãng thời gian, Thiên Đài sẽ trả lại bạn một khoảng năm tháng.

Ai nói thời gian dễ dàng vứt bỏ con người, nhân lúc tháng ngày không chú ý, bạn có thể ném bỏ nó, giảm

lên cầu thang mộng tưởng, phiêu du trong thánh địa tinh thần. Có những chuyển biệt ly mà không cần ngoảnh đầu nhìn lại, giống như một số chuyện cũ không cần phải hồi tưởng. Núi Cửu Hoa chính là như thế, nó đem đến cho bạn quá khứ hữu tình, rồi lại đem đến cho bạn tương lai bình thản, mà cuộc sống của thời khắc này hoàn toàn thuộc về chính bạn. Nếu như vẫn quên lãng, thì hãy mượn núi Cửu Hoa như chiếc bút tuyệt diệu, lấy núi làm giấy, lấy sông làm mực, vẽ hết vẻ đẹp thiên thu, phong nhã vạn đời.

Há chẳng biết, văn chương phi thường, cần phải có phong cảnh phi thường, và còn cần có cuộc đời phi thường. Bạn đến với một tâm trạng nặng nề, thì có thể sẽ ra đi với một tâm thể thanh thản thoải mái. Sau này, mặc dầu tháng năm như nước, sông núi già đi, phong cảnh của núi Cửu Hoa vẫn như ngày hôm qua. Đóa hoa sen tinh khiết đó vẫn âm thầm tỏa hương giữa phong cảnh nhân sinh người đến kẻ đi.

13. Chương 13: Thánh Địa Ngũ Đài

Luôn có một phong cảnh trong sáng thanh tịnh cần bạn phải hồi hã vội vã tới đó; luôn có một khoảng tháng năm như nước, khiến chúng ta không thể thờ ơ phụ bạc nó. Suốt chặng đường đi vòng vèo ấy, bước chân giữa phong cảnh tươi sáng của nhân gian, giữa hành lang lịch sử sâu hun hút, góp nhặt những khoảnh khắc như gió cuốn mây trôi. Đi qua hết núi hết sông, ngắm tận mưa khói lá rụng, ngọn núi chót vót ấy, Ngũ Đài trong lành chính là hình bóng mà bạn cần tìm lúc này. Trong cảnh Thiên nguyên sơ này, những khói lửa của linh hồn khi mờ khi tỏ đến vô cùng, dù bạn có đến đây với những suy nghĩ hào hùng ngông cuồng đến đâu, chỉ cần bước chân vào thánh địa gọi là Ngũ Đài này, trăm mối ngổn ngang đều biến thành bình tĩnh ung dung.

Chỉ là trong khoảnh khắc một chiếc lá lìa cành, hồng trần đã ở sau lưng, khiến bạn ngỡ rằng cửa Phật hóa ra không cao vời đến vậy, bước đi một thước, ngoái nhìn một cái, bạn đã có mặt giữa đất Phật. Đi xuyên qua núi Ngũ Đài, không khí mát mẻ bao trùm khắp núi non, còn cả mùi đàn hương thoang thoảng từ những đèn miếu khác nhau thoảng về, khiến bạn ngất ngây say đắm.

Cho dù bạn biết rằng, cố chấp bước vào thánh địa mát lành này có thể sẽ bị rơi vào vòng xoáy của khói mây vạn trạng, không thể nào thoát ra; nhưng bạn vẫn cam tâm tình nguyện vứt bỏ sự ám áp của khói lửa hồng trần, truy tìm sự minh mẫn hơn nữa trong cảnh Thiên mộng lung này. Những tháng ngày mát lành nơi đây sẽ dần dần phủ lấp và làm dịu hàng nghìn hàng vạn suy nghĩ nóng vội, khiến cho những chúng sinh còn mê lầm giữa bùn lầy của nhân gian đến được con đường nhân sinh yên ả và thông đạt.

Kiểm tìm dọc theo những ngõ nhỏ sâu hút trong lịch sử, quãng đường nối liền từ thời Hán đến thời Đường trồng đầy cây bồ đề. Đứng trên núi Ngũ Đài, nhìn thấy Đại Hán xanh xanh, nhìn thấy triều Đường huy hoàng chói lọi, nhìn thấy biết bao đế vương cuồng vọng tay cầm kinh kệ thành khẩn nguyện cầu trước Phật, cầu cho Phật tổ phù hộ giang sơn, vạn đời nối tiếp. Những cuốn kinh ngả vàng ấy có thể mài giũa sự ngang ngược ngút trời của đế vương, cũng có thể trừ bỏ sự bi quan khiếm nhục của thế nhân, để trong một cuốn sách nhỏ hẹp, bạn có thể nhìn thấy bờ cõi rộng lớn của đời người.

Đặc biệt là triều Đường, đây là một triều đại tôn sùng Phật giáo, thịnh hành Phật giáo, vì hai vương triều Lý – Đường khởi binh từ Thái Nguyên mà có được thiên hạ, vì thế nên gọi núi Ngũ Đài là “Tổ tông thực đức chi sở” (nơi tổ tiên gầy dựng công đức). Mấy đời đế vương đều xây dựng chùa chiền trên núi Ngũ Đài, tầng lầu lớp lớp xuất hiện, bạn có thể tưởng tượng khí thế vạn Phật ngồi trang nghiêm trên đài sen đó, Phạm âm quán quít giữa mây khói mờ mịt, mà ngàn vạn khách hành hương từ Ngũ Hồ Tứ Hải lặn lội lên núi ngắm cảnh. Đây là nơi Phật Đà gặp gỡ chúng sinh, là dịp thuyết pháp giảng kinh ngàn năm mới gặp, là chốn phong vân hội tụ.

Đứng bên bờ năm tháng thên thang, nhìn lại núi Ngũ Đài, giai đoạn Thịnh Đường huy hoàng sáng lạn năm đó đã biến mất trong mây khói mệnh mang của lịch sử. Thế nên giang sơn hao gầy mà đế vương nhìn thấy trong chiếc chén, chính là cảm giác đổ vỡ hoang lạnh đến kinh người trong tim bạn. Cho dù núi Ngũ Đài ngày nay không được phồn thịnh như thời Đại Đường, nhưng vẫn còn đó sơn tự sừng sững, tầng lầu như mây. Trong khung cảnh núi trong nước mát này, những ngọn lửa Thiên vẫn luôn nhấp nháy, kinh kệ trước

Phật vẫn luôn ngâm nga, không hề vì sự thay triều đổi đại mà ngừng nghỉ gián đoạn, cũng không vì năm tháng trôi qua mà bỗng chốc mệt mỏi.

Chỉ cần bạn đến đây bằng cả trái tim, bạn sẽ có thể nhìn thấy biết bao nhiêu chùa miếu mọc lên san sát giữa cơn gió mát già cỗi, biết bao nhiêu khói hương trở nên bừng sáng rực rỡ trong ngày tháng hoang lạnh. Sinh mệnh vốn là cái này chết đi cái kia sinh ra, khi bạn ngẩng đầu nhìn ra xa, vầng mặt trời đỏ ối từ từ nhô cao giữa dãy núi non trùng điệp ấy đã lại tỏa sáng soi chiếu thế gian, vương giả phong lưu.

Núi Ngũ Đài là đạo tràng của Văn Thủ Sư Lợi Bồ Tát, chùa miếu giữa núi đều thờ cúng tượng Phật của Văn Thủ Bồ Tát. Người toàn thân dát vàng, dáng vẻ như đồng tử, tóc búi cao năm chòm, tay trái cầm hoa, tay phải cầm kiếm, dùng Thiền lý trí tuệ, Phật nghĩa từ bi để độ hóa người đời. Mỗi khách hành hương cười gió mà đến, dưới trời xanh biêng biếc bước vào từng tòa điện miếu thanh tịnh, hương khói thoang thoảng bông bành, Phạn âm vang vọng xa xa, sẽ khiến bạn chợt tỏa hào quang, có lẽ những đạo lý bao năm nay vẫn chưa thấu ngộ, chỉ trong một sát na bỗng nhiên hiểu rõ.

Mà Văn Thủ Bồ Tát trước mắt đang nhìn bạn, sẽ vì bạn mà mở cánh cửa lòng còn đóng kín, để bạn hiểu rằng, cuộc sống ngoài rượu thịt ê hề, vẫn còn có trăng thanh gió mát.

Có lúc, dù có ngàn vạn lời nói cũng không bằng một cái mỉm cười giờ cành hoa của Phật tổ. Bức tượng Phật có muôn vàn thần thái ấy, chẳng phải là một loại nhân sinh bách tượng khác hay sao? Trong thánh địa Ngũ Đài gió mây vạn dặm, công lợi mà người đời chăm chăm tìm kiếm, trong con mắt Phật tổ chẳng qua chỉ là phú quý phù vân, công danh hão huyền. Ngài có thể biến sinh mệnh tươi đẹp như hoa, cũng có thể coi vạn vật như tro bụi. Thời gian âm thầm trôi đi, những người đến đây cũng chỉ cần dừng lại trong giây lát, hiểu thấu một chút Phật pháp, giác ngộ một vài nét Thiền tâm, rồi sau đó tiếp tục đi đến chân trời.

Ở núi Ngũ Đài, đâu đâu cũng là núi lạ vách thiêng, dù vô tình hay hữu ý đều có thể gặp những ngọn núi này, vẻ đẹp tự nhiên sẽ khiến tư duy của bạn biến hóa muôn trùng. Đường như mỗi một ngã rẽ lối quặt đều là một bước ngoặt khổ tận cam lai, phong cảnh tự nhiên sáng sủa ấy, kiến thức lịch sử lớn lao, Phật học Thiền lý sâu sắc ấy, lại tưới tắm cho cõi lòng khiến bạn trở nên thông đạt ôn hòa. Năm ngọn núi như năm cột chống trời đâm thẳng lên trên, sừng sững cao vút, đỉnh núi lại bằng phẳng như cái đài, cái tên Ngũ Đài cũng từ đây mà ra.

Đứng giữa thắng cảnh Ngũ Đài, ngắm nhìn làn khói ngưng tụ xanh thắm, ráng trời như gấm như hoa, ngấm sương khói phù vân, trăng treo đỉnh núi, khiến bạn lên à không thấy lạnh lẽo, ở nơi huyền ảo mà chẳng thấy mong lung. Bởi vì mỗi đám mây màu lướt qua người bạn, mỗi làn gió mát thoảng qua áo khăn, đều nói với bạn rằng, bạn đang ở Ngũ Đài, bạn đang ở dưới chân Đại Phật, những câu chuyện bạn từng bỏ lỡ đều đã được gửi gắm trong năm tháng trôi đi. Bạn đến Ngũ Đài, đứng trên đỉnh cao, từ mây tụ đến mây tan, từ hoa nở đến hoa tàn, cho đến khi khói ráng nhuộm màu hoàng hôn, trăng tròn chiếu sáng trời đêm, giấc mộng mơ hồ vẫn chưa hề tỉnh lại.

14. Chương 14: Nước Hồ Xanh Biếc

Chống một cây sào dài, một mình leo lên chiếc thuyền lan, chèo đến cao nguyên đầy tuyết nơi xa tít tắp, đi tìm hồ nước tinh khiết. Một hồ nước trong vắt như tấm gương, chiếu rõ vạn vật phồn tạp nơi nhân gian, soi thấu bản thân chân thực nơi nội tâm. Bộ lạc Văn Gian trong bức họa đó phải chăng là một vùng tịnh thổ cuối cùng trên cõi đời? Công chúa Đại Đường bị gả tới nơi xa xôi, trải qua ngàn năm mây nước, nàng vẫn khỏe chứ? Lão ni đến hồ thiêng lấy nước kia, trong ánh mắt ngoài nhìn rớt cuộc chất chứa bí ẩn gì? Đám rong rêu dập dềnh trong nước hồ ấy, mỗi ngày đều nói lời ly biệt với khách qua đường, đã từng hỏi họ có thực sự muốn ra đi hay không? Nếu luôn gặp nhau ở non nước bên ngoài, chẳng thà, hãy bình thản đợi chờ nơi bến đỗ nhân sinh. Nhìn nước hồ xanh biếc đó, làm thế nào để lần nữa sắp xếp duyên phận của chúng ta?

Bốn mùa Tây Hồ

Là ai cầm một chiếc ô giấy dầu, đi xuyên qua mùa mưa đa tình, tìm mộng cũ phồn hoa chốn Giang Nam?

Là ai nhấp một ly trà trong, tựa lan can lặng lẽ dõi chốn xa, đợi một đóa sen nở trong cô đơn?

Là ai cười một chiếc thuyền con, dưới trời sương trắng sáng như nước, chống chèo qua tháng năm vội vã?

Lại là ai ngắt một nhành hàn mai, viết nên bài thơ tài hoa phong lưu?

Tây Hồ, Tây Hồ trong vắt như ngọc, trên đê hoa bờ liễu đó, phải chăng là bóng dáng cố nhân trầm ngâm đang quán quanh? Trong nhà thủy tạ bên hồ đó, phải chăng còn lưu giữ phong cảnh đã bỏ sót của ngày hôm qua?

(1) Mưa xuân đê Tô

Thủy quang liễm liễm tình phương hảo, sơn sắc không mộng vũ diệp kỳ.

Dục bả Tây Hồ bỉ Tây Tử, đậm trang nùng mật tổng tương nghi.

(Dưới nắng long lanh màu nước biếc. Trong mưa huyền ảo vẻ non tươi.

Tây hồ khá sánh cùng Tây tử. Nhặt phần nồng son thấy tuyệt vời[1])

[1] Tô Đông Pha, “Ấm hồ thượng sơ tình hậu vũ”, dịch thơ Nam Trân.

Tây Hồ khói mưa lãng đãng, tựa như một bức tranh thủy mặc thanh tân trang nhã, tông màu ẩm ướt, hương thơm nhàn nhạt, cổ kim hòa quyện, mê hoặc cõi lòng của biết bao khách đi đường đi tìm giấc mộng?

Bên bờ dòng người huyên náo tụ hội, lòng hồ lại là bóng lặng sóng trong. Khói mưa mờ mịt đổ trên những cành liễu rủ thướt tha, ánh sóng lay động, sóng gợn lăn tăn mê đắm hồn người. Khi ánh mắt mơ màng, mộng cảnh cũng trở nên yên bình... Đoạn Kiều[2] phía xa vắt ngang qua hồ nổi lên đôi bờ, ngọn gió xoáy vòng trôi đi dường như xuyên qua thời gian ngàn năm, những năm tháng xưa cũ gột sạch truyền thuyết ngàn năm, trải dài trong non nước tú lệ của Tây Hồ, mới mẻ và lung linh. Cây cầu kỳ thực không hề đứt đoạn, đứt đoạn là tình duyên một kiếp của Bạch Nương Tử và chàng Hứa Tiên. Chiếc ô giấy dầu đa tình đó, có thể níu lại giấc mộng xưa đã vội vã trôi qua của họ hay chăng?

[2] Đoạn Kiều: Tên của cây cầu, Đoạn có nghĩa là đứt, gãy.

Tình tiết ngàn năm sớm đã định sẵn, cái còn lại là truyền thuyết vĩnh hằng. Những người tay cầm ô che mưa, đứng trên cầu ngắm phong cảnh đó sẽ rơi vào giấc mộng của ai?

Khói mây nhuộm màu lên vẻ thanh tú mỹ lệ của dương liễu Tây Hồ, ráng trời sớm mở ra quang cảnh tươi đẹp của hoa đào trên đê Tô. Những khách đi đường ngang qua, bước xuyên con đường lát đá, họ rũ hết khói bụi trên người, gửi gắm ngày tháng mệnh mang vào mùa mưa ngán ngủi.

Bóng dáng áo xanh, nho nhã ung dung đó là Tô Tử chăng? Còn nhớ năm xưa, ông cùng Triều Vân[3] chèo thuyền trên Tây Hồ, chén sông đối nguyệt, thi từ bay bổng, bất tận triền miên. Cớ sao năm tháng phiêu dạt, giai nhân mờ mịt, không chừa tung tích, để đau thương níu mộng.

[3] Triều Vân là người thiếp của Tô Thức, vốn là kỹ nữ ở Tiền Đường, khi Tô Thức đến Tiền Đường làm quan đã thu nhận nàng làm thị nữ, khi đến Hoàng Châu thì nạp làm thiếp. Ban đầu nàng không biết chữ, sau theo Tô Thức học hành, cũng hiểu Phật lý. Khi Tô Thức làm quan ở Huệ Châu, các thiếp đều rời bỏ ông, duy có nàng Triều Vân đi theo.

Chuyện thiên cổ ưu sầu, duy chỉ còn lại chữ Tình. Tô Đông Pha khoáng đạt hào phóng, cho dù tài cao có thể cười nhạo vương hầu, nếu như không gặp Triều Vân, không người tri âm, sao có thể phong lưu tài mạo nhường ấy? “Thương tâm nhất niệm thường tiền trái, đàn chỉ tam sinh đoạn hậu duyên.”[4] (Tạm dịch: Đau lòng nghĩ đến nợ kiếp trước, chớp mắt ba kiếp đứt hậu duyên) Cái Tô Đông Pha hoài niệm là trăng sáng ngày xưa, còn vàng trắng sáng mới cong cong như móc câu hôm nay, một nửa là ly, một nửa là hợp. Đa tình, trước sau vẫn là người ngấm trăng.

[4] Thơ của Triều Vân.

Bước đi trên đê Tô dài thăm thẳm là ai, suốt trên dọc đường nhặt mãi ánh trăng khi mờ khi tỏ? Thế nhưng, người đó tìm được những gì? Cho dù lặn xuống Tây Hồ, thì có thể vớt được những gì?

(2) Sen hạ Tây Lãnh

Thiếp thừa du bích xa, lang kỵ thanh thông mã.

Hà xứ kết đồng tâm, Tây Lăng từng bách hạ.

(Thiếp đi xe du bích, chàng cười ngựa đốm xanh. Đồng tâm nơi nào kết? Dưới từng bách Tây Lăng).

(Nam triều, Tô Tiểu Tiểu[5], “Tô Tiểu Tiểu ca”, dịch thơ Diệp Luyến Hoa[6])

[5] Nàng Tô Tiểu Tiểu, danh kỹ hàng đầu ở Tiền Đường thời Nam Tề, năm mười chín tuổi, Tô Tiểu Tiểu vì tương tư mà nhiễm bệnh phong hàn, lại thêm nàng từ nhỏ đã có bệnh ho ra máu, không bao lâu sau thì ngọc nát hương chìm. Sau khi Tô Tiểu Tiểu tạ thế, một cao thủ võ lâm chung tình chiều theo nguyện vọng bình sinh của nàng mà chôn nàng dưới gốc liễu bên cầu Tây Lãnh.

[6] Bản dịch thơ trên thivien.net.

15. Chương 15

Mộng tựa sen xanh, chậm chậm xòe cánh giữa sóng biếc Tây Hồ. Bên bờ có người đang chậm chậm thả bước, giữa đình có người đang lặng lẽ thưởng trà. Họ đều mượn cảnh trí thanh tĩnh mát mẻ của Tây Hồ, tiêu phí những năm tháng nhân nhã. Những gợn sóng biếc xanh trải dài đó, phản chiếu bóng hắt của lầu cao thành thị, Hàng Châu – tòa cổ thành ngàn năm thấm đẫm mưa gió nảy sinh những thi ý và nhân nhã vô tận.

Ánh mặt trời trong trẻo dịu dàng hắt xiên lên mặt Tây Hồ, những sóng nước lăn tăn đang trêu ghẹo tâm sự của ai? Một chiếc thuyền con neo giữa hoa sen, lặng ngắm trăng tròn hoa nở, biển thế nổi chìm. Lúc này, mắc kẹt là năm tháng của ai; cô đơn, là cuộc đời của ai?

Những viên ngọc long lạnh như sương mai đó phải chăng là những giọt lệ đa tình của Tô Tiểu Tiểu? “Thiếp thừa du bích xa, lang kỵ thanh thông mã. Hà xứ kết đồng tâm, Tây Lăng từng bách hạ?” Nhớ lại cảnh tượng tình mềm tựa nước năm đó, mỗi tình “nhất kiến khuynh tâm[7]” của Tô Tiểu Tiểu và Nguyễn Uất, Tây Hồ dường như lại thêm sắc màu ám cúng.

[7] Nhất kiến khuynh tâm: Vừa gặp đã say mê.

Phồn hoa như mộng, năm tháng dễ tan. Biết bao lần chong đèn mà vẫn không ngủ được, biết bao lần từ trên lầu cao ngóng người mà chẳng thấy. Cuối cùng nàng vẫn ném hết nỗi tương tư, bỏ lỡ vẻ đẹp của hoa thắm trắng tròn.

“Sinh vu Tây Lãnh, tử vu Tây Lãnh, mai cốt vu Tây Lãnh, thứ bất phụ ngã Tô Tiểu Tiểu sơn thủy chi tích.” (Sinh ở Tây Lãnh, chết ở Tây Lãnh, vùi xương nơi Tây Lãnh, ngô hầu chẳng phụ tính mê non nước của Tô Tiểu Tiểu ta) Non nước Tây Hồ, đã nuôi dưỡng linh tính của Tô Tiểu Tiểu. Người con gái này đã viết quá nhiều những câu thơ đa tình, đã từng ngắt những nhánh dương liễu biệt ly, đã từng rơi giọt lệ tương tư. Ở Giang Nam đình viện sâu hun hút, ánh trăng là chiếc giường ấm áp cho nàng nằm, hôn phách chẳng nơi ký thác đó đã hoàn toàn dung hòa với non xanh nước biếc Tây Hồ, có lẽ chỉ có như Thế Âm mới có thể an ủi tâm tình “nhập thế” của nàng, không phụ mỗi tình một đời của nàng.

(3) Trăng thu hồ biếc

Giang Nam ức, tối ức thị Hàng Châu

Sơn tự nguyệt trung tâm quế tử, quận đình chầm thượng khán hồ đầu.

Hà nhật cánh trùng du?

(Giang Nam nhớ, nhớ nhất chính là Hàng Châu. Chùa núi dưới trăng tìm quế tử, quận đình trên gối ngắm trào đầu. Nào dịp lại trùng du?[8])

[8] Bạch Cư Dị, tác phẩm “Ức Giang Nam” (Nhớ Giang Nam), dịch thơ Nguyễn Chí Viễn.

Gió mát kinh động ánh trăng, lá đỏ nhuộm rực non xanh. Tiếng chuông bay bổng chốn xa đang chậm chậm vọng lại sơn tự, hoa quế bóng hương lững lờ đậu trên con đường đá xanh rêu. Những hành lang vẽ tranh sơn thủy màu sắc ngập ánh hoàng hôn, để lại một khung nên thơ khó tả thành lời cho Tây Hồ.

Những cụ già đang thưởng ngoạn phong cảnh trước gió dưới ánh chiều tà hắt xiên, cạnh mình đeo một bầu rượu hoa quế hoa thơm nồng, nhàn tản, điềm tĩnh, cái họ theo đuổi là một cảnh ý không sơn không thủy. Những du khách đang chèo thuyền trên mặt hồ trong đêm trăng soi sương giăng đó, trong tay nâng một ly trà Long Tỉnh Tây Hồ, tao nhã tự tại, cái họ đang thưởng thức chính là một chén nhân sinh ý vị sâu xa.

Trên mặt hồ in bóng những ngọn đèn lung linh của thành thị, khoảng trời đầy sắc màu lấp lánh đó tô điểm cho suy nghĩ của người đời nay. Trên Tây Hồ trắng sáng treo cao, sóng nước lấp loáng, những nhân vật trong những câu chuyện đang chảy qua vẫn rõ rệt như xưa.

“Dục tương thử ý bằng hồi trắc, báo dữ Tây Hồ phong nguyệt tri.” (Muốn mang tình ý quay về, để cho trăng gió Tây Hồ cùng hay) Bóng dáng thanh tú gầy guộc ấy, là Bạch Cư Dị chán nản tha phương chăng? Từ khi nào ông đã coi thường danh lợi, gửi tình vào sắc nước non sông, lưu tình vào họa cảnh khói sóng, làm một nhà khách tìm gió câu trăng, tung tích tựa mây trắng? Có lẽ chỉ có non nước Tây Hồ mới có thể hiểu được phong sương nửa đời của ông.

Tiết trời lạnh lẽo, ngôn ngữ cũng mất đi màu sắc. Năm tháng tịch liêu, núi sông cũng quên mất hên thề. Còn trăng thu Tây Hồ, lại chọn lựa lặng im.

(4) Tuyết lạnh vườn mai

Chúng phương dao lạc độc huyền nghiên, chiếm tận phong tình hướng tiểu viên. Sơ ảnh hoành tà thủy thanh thiên, ám hương phù động nguyệt hoàng hôn.

(Chúng hoa rụng hết chỉ mai còn, độc chiếm khu vườn một mảnh con. Thừa bóng đậm nghiêng lan mặt nước, thoảng hương tỏa xuống động hoàng hôn)

(Tống, Lâm Bô, “Sơn viên tiểu mai”, dịch thơ Diệp Luyến Hoa[9])

[9] Bản dịch thơ trích từ thivien.net.

Những đoá hoa tuyết dày, nhẹ rơi khắp trên mặt hồ phẳng như gương chớp mắt đã tan đi trong nước, tan thành nước lạnh trong suốt của hồ Tây Tử, thấm đẫm tâm tư nhạy cảm của thi nhân, trở thành cảnh thơ hồn hoa “sơ ảnh hoành tà thủy thanh thiên, á hương phù động nguyệt hoàng hôn.”

Tuyết trắng trong veo bên hồ, lấp lóa như in bóng bầu trời điểm xuyết những vì sao nhấp nháy. Nơi ánh sáng, nước hồ và bầu trời giao nhau, nhụy hoa trắng tinh từng bung nở trên tuyết, dùng hương thơm mát lành tấu lên một khúc từ phong nhã thiên cổ.

Gió cũng có hình bóng, nó đi qua xuân thu Tây Hồ, trong hoàng hôn vắng lặng, với ráng chiều rực rỡ mà rõ nét. Hoa mai mỏng mảnh mà lạnh lẽo, cô độc gói đầu lên ánh trăng. Điệu sáo dặt dìu say đắm lòng người tách ra khỏi sự vắng lặng của đêm đông, cuốn theo hương thơm thoang thoảng, tinh tế của hoa mai. Trong đình Phóng Hạc còn có một thi nhân hao gầy, trong những tháng ngày nhàn nhã coi mai là vợ, coi hạc là con, lặng lẽ giữ chút yên tĩnh của tâm hồn này[10]. Giống như ánh trăng chờ đợi ở Tây Hồ, ngàn năm trôi qua, trầm lặng tựa nước, nhưng lại lưu chuyển cả sóng biếc âm trong chẳng đổi thay.

[10] Lâm Bô thích mai và hạc, lấy mai làm vợ, lấy hạc làm con.

Bên đê tuyết bờ liễu đó, là ai say mê thi phong từ vận, giải bày cảm hứng hiện thời, tìm tìm kiếm kiếm ở Tây Hồ cổ kính, lại đi đi dừng dừng giữa đô thị phồn hoa tựa giấc.

Thư văn hết mà lòng chưa dứt, đàn băng dứt mà âm còn vương. Hôm qua, đã cùng với sóng hồ in bóng ráng chiều, say ngủ thành một đoá sen rã ánh trăng loang loáng như nhảy múa. Tây Hồ sóng biếc lẫn tần của ngày hôm nay, tựa như điệu sáo xưa đã chìm đắm cả ngàn năm. Rất nhiều ký ức xưa cũ nào giữ lại được, chiếc thuyền con buông trôi dưới gốc liễu rủ đã chèo qua cả đời người sáng rõ, trong vắt, nhàn nhạt.

Đi xa rồi vẫn sẽ về gần, đợi chờ không còn kéo dài. Quẩn quanh trong giấc mộng bốn mùa uyển chuyển của Tây Hồ, trong mộng, vẫn còn Giang Nam xóa chẳng tan, chẳng hết.

Thái Hồ mây khói

(1)

Vội vàng đến với mưa khói Thái Hồ như thể vội vàng đến với một cuộc hẹn đã có từ kiếp trước. Hẹn ước này, ngàn cánh bướm trôi qua, khiến tôi đã dạo đủ ba kiếp ba đời trong nhân gian mệnh mông, mới đến được góc nhỏ chứa đầy mây khói đó. Chỉ đến lúc mưa rơi, tại điểm dừng của sinh mệnh mới xuất hiện sự khởi đầu của nỗi cô đơn tịch mịch.

Người nói, non nước luôn ở trong tim ta, chỉ cần chảy qua dòng sông thời gian là có thể tìm đến nơi mơ ước. Tôi từ nơi xa xôi cách biệt thế gian, giẫm lên những đường hoa văn đậm nhạt của vận mệnh, nhưng vẫn không đi thoát khỏi một đoạn thảng năm trường thành.

Tất cả con đường đều bị trùng trùng sương khói che phủ, đi xuyên qua, là sẽ đến con đường về với hồng trần hỗn độn. Nhưng tôi nên tiếp tục đi, hay là nên dừng chân nhìn ra xa? Có thể khi vứt bỏ được những chi tiết thăng trầm nhỏ nhoi, giữa vùng núi non bị lá nhuộm đỏ ối tôi sẽ thông thả chậm bước qua về.

Thực ra, tất cả mọi con đường trên thế gian đều giống nhau, bờ bên này và bờ bên kia chỉ cách có một màn mưa mù mịt. Nhưng tôi có thể viết sự hoang lạnh thế lương thành tươi đẹp sáng lạn, viết sự cô đơn tịch mịch thành xuân thu hoa lệ.

(2)

Hơi ẩm ướt đầm trong không khí, những làn khói nhẹ màu trắng sữa biến hóa kỳ ảo trên tầng mây cao cao, những hạt mưa trong suốt như khảm vào khung cảnh non xanh nước biếc. Thi thoảng có cánh chim cô lẻ lướt qua những cành cây xanh thẫm, trong mưa khói mịt mờ, chúng đi tìm khung trời thuộc về riêng mình. Còn tôi vẫn không hề dừng lại, mà cứ đi thẳng về phía trước.

Dạo bộ trong mưa là một hứng thú nhân tản tuyệt diệu không thể nói thành lời. Nước lan tràn khắp nơi, tựa như những bi thương chảy ào ào vô tận. Lá cây giữa núi bay lá tả trong im lặng, những cây thạch lựu trong bụi cỏ hoa vẫn còn đỏ rực, hoa sen trong hồ vẫn im lìm cô đơn say ngủ. Có lẽ, chỉ có khoảnh khắc này đây, tôi mới có thể dừng bước tạm nghỉ, để cho tâm hồn lãng đãng trôi xa.

Ngồi trên tảng đá ngắm những hoa súng đủ màu, bông trắng, bông vàng, bông đỏ, bông tím, khoác những chiếc áo màu của tự nhiên, xòe những cánh hoa nhỏ nhắn xinh đẹp, thì thầm như nói mơ. Hoa sen lay động như múa, mang một vẻ nên thơ tao nhã, cánh hoa trắng muốt lặng lẽ rơi giữa ngàn vạn chiếc lá, tư thế tựa hoa tuyết, gợi nên nỗi nhớ nhung đằng đẳng. Những bông hoa cánh hồng phơn phớt, nhụy vàng, đài xanh nghiêng đầu soi bóng xuống mặt hồ lăn tăn gợn sóng. Những hạt sương trong vắt như ngọc còn đọng trên cánh sen ấy ánh lên sắc long lanh, lăn qua lăn lại trên lá sen, như những giọt lệ đa tình của thiếu nữ Giang Nam, thấm đẫm cái lạnh lẽo đến tận xương cốt.

Hoa súng và hoa sen dường như đã gắn với rất nhiều gút mắc tình cảm trong suốt cuộc đời tôi. Linh hồn tôi ký thác vào mỗi khi hoa nở hoa tàn, mỗi buổi hoàng hôn buông xuống, tâm sự trùng trùng cũng theo đó dần dần tiêu tán bớt đi. Ngắm lại, hoa sen hay hoa súng rồi cuộc đời phải tàn úa, đời người vẫn phải hạ màn. Những đau thương của thế sự, quá nhẹ nhàng thì khó tránh khỏi không chân thật, quá nặng nề thì khó tránh khỏi gánh vác nặng trên vai. Đến khi già đi, tất cả đều chỉ còn là vết tích.

Bốn mùa trầm lặng, ngôn ngữ mất đi sắc màu; thảng năm tịch mịch, non nước lãng quên thế hẹn.

(3)

Thái Hồ sương khói mờ mịt, mệnh mang nhìn chẳng thấy bờ, núi xanh lặng lẽ ẩn mình. Gió mát khe thổi, mặt hồ gợn lên từng vòng sóng hình tròn ốc, mưa rơi trên mặt hồ tạo thành từng bông hoa nước nho nhỏ, xinh xinh. Tảo xanh trôi dạt xô bờ, xanh tĩnh lặng hiền hòa, xanh trầm tĩnh bình thản, xanh rờn rợn chảy trôi, trong không khí ngập tràn mùi hương ngai ngái của màu xanh ấy.

Một hòn tiên đảo nổi giữa hồ, lên thuyền qua cầu là đến nơi Thái Hư ảo ảnh. Tìm một chiếc thuyền gỗ chèo ra đảo, cụ già chèo thuyền mặc áo tới nón lá, những nếp nhăn trên gương mặt như làn sóng lan chẳng chịt

trên mặt hồ. Ngồi trên thuyền, bỗng cảm thấy thân mình nhẹ bỗng, cúi đầu xuống nước, những xóc nổi do hồng trần tiêm nhiễm đã trở nên trầm lắng.

Trong mây mù xuất hiện chiếc thuyền cổ có bảy cột buồm, lướt qua bên cạnh, hướng về phương xa, dần dần chỉ còn là một chiếc bóng nhỏ bé mờ nhạt, khiến bạn ngậm ngùi mãi lâu. Suốt chặng đường mưa dập gió vùi, chẳng biết đến bao giờ mới đến được bến cảng để dừng thuyền cập bến?

Bờ bên này dẫn xa, bờ bên kia dẫn gần. Lầu gác và tháp cổ trên đảo càng lúc càng hiện ra rõ ràng, mây khói bao phủ, tựa như lạc vào chốn Bồng Lai tiên cảnh. Xuống thuyền lên bờ không quay lại nhìn về hướng ta vừa tới nữa. Mấy chiếc thuyền bắt cá con con buộc neo bên chiếc đình bên bờ, ngư dân trên thuyền mời mọc du khách mua ít đặc sản của hồ vừa mới đánh bắt được. Mặc áo tơ lá đi qua mưa gió, chứng kiến cuộc đời không oán không hận của họ. Cảm xúc ấy khiến khóe mắt bỗng ẩm ướt như thủy triều trào dâng.

Cây cầu cổ vắt ngang mặt hồ, gió nhẹ nhẹ thổi, luồn lách trong hành lang ven hồ. Nhìn ra phía xa, chỉ thấy một màu, ấy là màu mênh mênh mang mang. Đi qua cây cầu này, có lẽ có thể tìm được nơi chốn để một đời hướng về.

(4)

Bên bờ hồ có vài cụ già đang buông cần câu trong mưa khói, bên hông còn đeo một bình rượu lâu năm hoặc một bình trà đặc, trông vô cùng nhàn tản, thú vị. Khi con người ta già đi, ân oán tình thù đều tiêu tan hết thấy, có lẽ chỉ có khung cảnh đầy cổ kính sáng câu cá kiếm củi, chiều nhóm bếp nấu cơm là khiến ta tu tâm dưỡng tính nhiều hơn.

Mấy thân liễu phát phơ như múa lượn trong gió, dáng liễu thướt tha buông rủ xuống thung năm xanh biêng biếc. Chim bay trong màn mưa, trên những lầu gác im lìm, cối xay nước bằng gỗ chuyển động không biết mệt mỏi, phát ra những âm thanh kéo cà kéo kẹt, như lặp lại những bản dân ca từ thời viễn cổ.

Trong núi, lá thông rụng đầy mặt đất, trúc biếc từng bụi um tùm, rất nhiều loài hoa dại không biết tên rụng rải rác trên mặt đất ẩm ướt, khi giẫm chân lên chúng, trái tim ta bỗng trở nên yếu mềm trong khoảnh khắc. Lá sáng bóng, quả hấp dẫn, tiếng chim kêu lạnh lớt, tiếng ve kêu râm ran, tất cả hòa trộn trong màn mưa khói giăng giăng kín trời, như thể đang cử hành một buổi yến tiệc vui vẻ rực rỡ sắc màu giữa trời đất, khiến cho nỗi cô đơn cũng phải nở hoa.

Dừng chân trên con đường đá xanh rêu, ngắm mây màu biến ảo lúc tụ, nhìn những vệt sóng sáng loang loáng trong hồ, ngắm mưa phùn rây rắc như tơ bay bay. Ngọn núi phía xa xa chìm trong tầng mây đỉnh cao gần đó xanh đến nhức mắt, còn có hồ nước bằng phẳng khói sóng, từng bách cheo leo trên vách đá, suối trong réo rắt trong sơn cốc, đạo quán giữa gió mát núi xanh. Đứng giữa nơi núi non sương khói trong mộng ấy, sao có thể không kinh ngạc cảm thán trước sự thần kỳ của tạo hóa? Phải có khí vị phong độ đến nhường nào mới có thể tạo nên vạn vật linh thiêng thuần túy đến nhường ấy?

Con người bước đi giữa thiên nhiên, giống như chú chim mỗi một muốn tìm chiếc tổ của riêng mình. Chỉ là, núi trống nước xa, không bờ không bến, rời khỏi tự nhiên, biết tìm đâu sự chân thực vĩnh hằng?

(5)

Tiếng chuông lặng lẽ trong không trung đang đánh thức người chìm trong giấc mộng, đạo quán tọa lạc trên đỉnh của tiên đảo, giữa sâu thẳm mây mù. Tôi cứ đi về phía chân trời, mới có thể đến được nơi Thái Hư ảo cảnh. Dòng thác trắng xóa từ trên núi đổ xuống suối rồi linh hoạt chuyển dòng. Nhặt một viên đá ném xuống nước, nhìn sóng nước lăn tăn hồi lâu, cho đến khi làn sóng ấy biến mất không còn dấu vết.

Bước vào đạo quán, khói nhẹ chờn vờn, vài người khách hành hương đang thấp hương khấn vái ở những nơi khác nhau. Mấy cây cổ thụ trước cửa, bị thối nát năm ăn mòn nên đã để lại những vệt loang lổ in dấu thời gian. Những vết tích ấy mang lại một màu sắc tang thương, buồn bã cho tòa đạo quán này.

Bước qua ngưỡng cửa bằng gỗ, mấy đạo sĩ trẻ tuổi tay cầm phát trần, ngồi xem bói cho du khách bên trong. Ngày thường tôi chỉ biết sự cô đơn của chữ nghĩa, mà không đọc ra được sự cô đơn của nhân sinh? Tuổi trẻ của họ đã bị phong bế trong tường cao viện sâu này, cuộc đời trở nên cô đơn, kinh văn cũng trở nên cô đơn.

Trên bức tường có khắc hình mấy nhân vật Đạo gia, toàn thân toát lên vẻ tiên phong đạo cốt, gột sạch những trần ai của tục thế. Lên lầu nhìn ra xa, trong mưa khói, trời đất mờ mịt, núi non im lìm. Những

vết thương từng ăn mòn xương cốt và những niềm vui đã quên mất dáng hình đều đã lãng quên, không biết đây là một sự mất mát hay là một sự hồi sinh?

Gặp gỡ ngăn ngủ có thể chỉ trong khoảnh khắc, nhưng cũng có thể là cả một đời.

(6)

Con đường về là con đường khi tới, mà cũng không phải là con đường khi tới, dường như đã không còn nhớ nổi nữa.

Mưa và sương xỏ thành bức rèm châu nhỏ tí tách từ trên những cành cây, giống như từng hạt trái tim trong vắt, đang ước ao được như một tinh linh biết nói chuyện. Sắc chiều dần buông, ánh sáng trong hồ tắt mất hết, chim bay tìm chốn trú ngụ, người đánh cá quay về, chỉ có ông lão buông cần vẫn đang nhàn nhã đối mặt với non nước, uống rượu vui thú một mình.

Một chiếc thuyền gỗ buông lơi bên bờ, cụ già chèo thuyền hút điếu cày chờ đợi dòng người thừa thớt. Cũng có cả chiếc thuyền lớn đậu bên bến, chuyên chở những du khách muốn quay lại bờ bên kia. Mặc dầu không có tâm trạng nhàn nhã như khi đến, nhưng vẫn ngồi lên thuyền gỗ để qua hồ. Mặc dầu không có ánh chiều tà làm bạn, nhưng vẫn khua mái chèo gạt mưa khói để quay về.

Không thể dựng nhà tranh để ở, không thể nướng nấu nơi cảnh Thiền non nước. Đi men theo bờ hồ ẩm ướt, hái một cành hoa sen, trên con đường núi chìm trong sương khói, không biết đường về nơi nao, không biết ngày về bao giờ.

Tôi chỉ là một trong vô số người lữ hành trong Thái Hồ, không cần ai nhớ tôi đã tới đây hay chưa, đã đi hay chưa. Chỉ là, mưa khói Thái Hồ khiến tôi nhớ đến giấc mộng kiếp trước đã đánh mất, mà đời này, lại vẫn đi xuyên qua giấc mộng.

Vậy hãy để tôi thu nhặt những hạt sương trong làn đọng trên lá sen, ủ một ly rượu hoa sen, chôn xuống nơi sâu kín của năm tháng. Giữa non nước nâng chén sinh mệnh yếu mềm, mặc cho tuổi xuân già đi, mặc cho vẻ đẹp hoang tàn, cũng phải uống thỏa thuê cõi đời này!

16. Chương 16: Hồ Kanas Bốn Mùa

Nếu như cho bạn một khoảng thời gian trống vắng, bạn sẽ lựa chọn đồng hành cùng Kanas, dùng nước hồ Kanas để lấp đầy sự trống trải trong tim. Bước vào Kanas, là tìm đến một thánh địa thanh tịnh của bộ lạc cổ xưa, là lần gỡ một bức tranh thần kỳ đã bị đóng kín ngàn năm, cũng là mở ra một con đường tâm linh thấu suốt của nhân sinh.

Luân chuyển trong sự lãng mạn nên thơ muôn vàn hình thái, trầm lắng trong nước hồ tinh khiết bốn mùa của hồ Kanas. Bạn không thể tin rằng, sinh mệnh sẽ được sinh ra một lần nữa vì một mặt hồ này, đời người sẽ trở nên trong vắt vì một cõi tịnh thổ, linh hồn sẽ cảm động vì một nền văn minh.

Mùa xuân – Hồ nước trong vắt

Lắng nghe tiếng nước suối chảy róc rách giong già, cứ thế là bước vào mùa xuân của hồ Kanas. Vạn vật bình tĩnh dưới sông băng nhảy nhót phát ra những âm điệu linh động, tấu vang khúc nhạc mùa xuân của Kanas, cùng vén bức rèm thần kỳ bí của vùng đất này. Ở nơi đây, mây trắng là nhà của linh hồn bạn; ở nơi đây, nước hồ là câu chuyện cổ tích vĩnh viễn; ở nơi đây, sẽ không có tuổi xuân bị già đi.

Tháng năm đã lưu giữ lại một khoảng yên tĩnh tự nhiên ở hồ Kanas, sau đó, chẳng còn bụi trần nào có thể rơi xuống nữa. Mùa xuân Kanas mang một vẻ thanh tân như đã qua nước xanh leo lẻo lọc rửa, bạn đến nơi đây là có thể tìm thấy một quãng thời gian đẹp đẽ nhất cuộc đời.

Đây là một mùa đâm sắc xanh, từng đàn bò, cừu nhón nhơ gặm cỏ, những người chăn bò, chăn cừu uống say ráng mây màu mùa xuân, nước hồ như ngọc bích khảm vào dãy núi, từ trong rừng xanh thăm thẳm lờ

mờ vắng đến tiếng chim hót líu lo. Ngày xuân oanh chao én liệng, hoa cỏ tốt tươi, khiến cho cuộc kiếm tìm lưu giữ được vẻ tươi đẹp, cuộc tương phùng tràn đầy vui sướng, câu chuyện thăm dầm tình cảm dịu dàng.

Đi lang thang trong biển hoa muôn hồng ngàn tía, bằng sự thần kỳ của mình, hồ Kanas đã nhìn thấu tâm hồn chúng ta. Bạn nghĩ thấy một mùi vị quen thuộc trong cơn gió thoảng trong lành, dường như bạn đã từng gặp gỡ cỏ cây, hồ nước của nơi này từ rất nhiều năm về trước, nhưng rõ ràng cũng xa cách biết bao. Cho dù bạn mang đến đây bao nhiêu tâm sự thế tục, cho dù nơi đây ẩn chứa bao nhiêu bí mật thâm kín, thì chính giờ khắc này, bạn đã hoàn toàn hòa mình vào phong cảnh thanh khiết của Kanas. Chính vào giờ khắc này, bạn và người của dân tộc Đồ Ngõa đã cùng sống dưới một bầu trời xanh, cùng có một mặt hồ trong suốt, cùng chung một mộng tưởng diễm nhiên vui vẻ.

Ánh nắng mùa xuân nơi đây sáng bừng như lưỡi dao, tháng năm đến trong im lặng, con người sống ở nơi đây đời này qua đời khác, đã chung sống cùng thiên nhiên từ rất lâu đời. Thế sự trôi chảy theo nước hồ, không lưu lại bất kỳ dấu vết nào. Bạn đứng bên bờ hồ Kanas sáng như gương, trong chiếc bóng rõ ràng phản chiếu dưới hồ, dường như chưa từng có ngày hôm qua, mà tương lai cũng chắc chắn sẽ tinh khiết như ngày hôm nay. Thời gian nơi đây sẽ nói cho bạn biết, chỉ cần còn là một chiếc lá xanh, còn một giọt nước hồ, còn một làn mây trắng, hồ Kanas sẽ vĩnh viễn tươi đẹp, vĩnh viễn thiêng liêng và trong sạch.

Trong những ngày gió xuân say đắm, không hẹn mà gặp rất nhiều mục dân đang di chuyển, họ đang lùa bầy dê, đi lên mục trường trên núi cao, dựng lều dạ, xây nhà mới. Quá trình ấy như lạnh chuyển sang ấm, là phong tục lưu truyền đã ngàn đời nay. Mà sau mùa xuân là mùa hạ, dường như sẽ tới vào ngày mai.

Hồ nước trong veo, phản chiếu bóng dáng những người dân ấy đang vung roi tiến bước, cũng phản chiếu cuộc đời êm đềm và giản dị của họ. Phút giây này, bạn sẽ hiểu rằng, núi có vẻ trong sáng của núi, nước có sự thoát tục của nước, bạn có sự ung dung của bạn, họ có sự diễm tĩnh của họ.

Mùa hạ – Hồ nước tươi mát

Đều nói hồ Kanas trong những ngày hè đẹp như một giấc mộng, chỉ khi bạn tiến lại gần, đi qua làn sương mù bàng bạc tươi mát của thời gian, bạn mới biết rằng, giấc mộng nơi này vốn đều được khoác lên một chiếc áo màu rực rỡ của tự nhiên. Có lẽ, hồ nước Kanas có thể thực sự xây dựng nên mộng ước. Cho dù bạn là khách qua đường, hay là người trở về, đều có thể áp ủ một giấc mộng của riêng mình và ký gửi giấc mộng ấy ở nơi đây. Đợi đến năm sau, lại đến mở ra, hoặc là, mượn tình cảnh non nước Kanas để đóng kín một đời.

Hồ Kanas vào mùa hạ thường tràn ngập sương mù mờ mịt mông lung, sương mù mờ ảo khiến người ta như đang dạo chơi chốn tiên cảnh Dao Trì. Những người đến đây đều muốn đi qua màn sương ấy, tìm kiếm bí mật thất lạc nơi sâu thẳm của núi hồ, tìm hiểu văn hóa xa xôi lâu đời của bộ lạc cổ xưa. Nơi đây còn lưu giữ totem của văn minh thượng cổ, ngưng tụ những biến đổi lịch sử, và cũng chuyển tải biết bao câu chuyện nhân sinh. Năm đó, khi vị anh hùng Thành Cát Tư Hãn giương cung bắn đại điều khởi quân chinh Tây, thúc ngựa vung roi, vượt sông băng núi, vùng đất rộng lớn bị cờ quạt phản phạt phát qua này, đến nay vẫn siêu trần thoát tục như thế. Nghe nói, trong núi hồ Kanas còn có thể tìm thấy dấu tích của Thành Cát Tư Hãn. Một câu chuyện cũ từ ngàn thu đã lấp đầy nước hồ tinh khiết Kanas như thế đó.

Như cảnh vật giữa làn sương mù dày đặc, ban đầu bạn có thể nhìn thấy mây bay vạn trạng, đến phút cuối cùng, cảnh vật đó lại quay trở về trạng thái trong suốt ban đầu. Hái một đóa hoa thơm, để nhuộm dầm vẻ đẹp của hồng trần; vốc một chút nước hồ mát mẻ, để rửa sạch gió sương của nhân thế. Linh hồn trở nên sống động trong cảnh tượng xanh biêng biếc của mùa hạ, cuộc sống trở nên yên lặng trong thế giới thiên nhiên mới mẻ. Hồ nước thanh tịnh này có thể khiến bạn thực sự nắm giữ được hiện tại, cũng có thể triệt để tìm về quá khứ, càng có thể nhìn thấu rõ ngày mai.

Những căn lều dạ nhà gỗ trải dài dưới bầu trời xanh, mỗi một căn đều có thể ký gửi hành lý nặng trĩu, đều là cố hương của linh hồn. Mục dân nơi đây cho dù trải qua bao nhiêu vận mệnh chuyển dời, cho dù chịu bao nhiêu luân hồi tụ tan, Kanas vẫn là mái ấm suốt đời của họ. Dấu chân họ không bưng qua dẫm thối này, tình cảm của họ không vượt ngoài non nước nơi đây, họ chặn thả mây trắng của Kanas, mà nước hồ Kanas đã bảo vệ che chắn cho những giấc mộng thuần phác của họ.

Ánh trắng rớt xuống mặt hồ, phản chiếu chiếc bóng mát rượi, giống như một lời hẹn ước của mùa hạ. Nơi khói bếp bốc lên, chính là mái nhà đơn sơ của dân du mục. Rượu sữa thơm lừng, trà nóng hôi hổi, ăn phở

mát sữa, dù bạn đến từ chân trời cũng biết rằng, có một vùng tịnh thổ là nỗi nhớ của cuộc đời bạn. Không có sóng to gió lớn, không có phong nhã vô biên, hết thấy đều bình dị mộc mạc như thế. Trước khi bạn đến, hồ Kanas là một câu chuyện thần thoại xa vời; sau khi bạn đi, hồ Kanas đã là mái nhà vĩnh viễn của linh hồn bạn.

Mùa thu – Hồ nước trầm tĩnh

Dưới ánh sáng mùa thu, hồ nước trở nên trầm tĩnh, giống như một viên mỹ ngọc tự nhiên không tỳ vết, bị năm tháng mài mòn đến mức trơn bóng vô cùng chứa đựng đầy linh tính. Bạn bước vào hồ thu Kanas, cuộc đời cũng dần dần viên mãn, con người dần trở nên trưởng thành trong khoảng ánh sáng, sóng nước màu vàng kim này.

Kanas vào thu như một bức tranh hoa lệ rực rỡ, mây trắng là bối cảnh, hồ nước là phong nền, sinh mệnh là tình cảm. Núi cao rừng rậm, sóng nước cây thưa, dân du mục đuổi theo bóng dáng của bầy dê, bầy cừu, đều được đặt trong bức tranh ấy. Những cây bu-lô trắng tấp, những cây thông rụng lá (Larix) cao chót vót, thông trắng Nhật Bản xanh mướt mát, còn cả vân sam ngay ngắn và lãnh sam xinh đẹp, đều trải dài thành một bức tranh hùng vĩ. Cảm xúc dạt dào tuôn trào trong thủy mặc, những tâm tình được buông xả, nay trở nên trầm tĩnh trong cảnh hồ nước.

Hồ Kanas mùa thu tựa như một bàn cờ bày trước thiên nhiên, phong cảnh tươi đẹp như những quân cờ đặt nhầm chỗ nhưng không hỗn loạn, dày đặc nhưng không ồn ào. Cho dù bạn là một người khách mưu cầu danh lợi thế gian, nhưng đối diện với trời mây cao tít tắp, nước hồ mệnh mang của mùa thu này, bạn sẽ cam tâm tình nguyện trầm luân một đời nơi đây. Bởi vì, chỉ có dùng một trái tim, một linh hồn thuần khiết, mới có thể giải được thế cờ thần bí này của Kanas.

Bước đi vội vã hối hả để rồi cúi đầu trầm tư trước nước hồ mệnh mang. Nước hồ của tiết trời thu muộn đã chuyển sang màu trắng sữa, tựa hồ những đám mây trắng xóa như tuyết đều rót hết vào lòng hồ. Những người Đồ Ngõa cần cù chân chất, buông lưới bắt cá trong Bạch Hồ rộng lớn, cảm nhận được niềm hân hoan của sự thu hoạch. Đối diện với sự tự nhiên và hài hòa này, bạn chỉ muốn hạ chiếc cần câu sinh mệnh, buông câu tìm lấy sự thanh bạch của mặt hồ. Là ẩn sĩ của hồng trần, vứt bỏ muộn phiền ham muốn, giữ lấy trái tim đậm bạc, câu về cảnh tượng nhân nhả nước thu leo lẻo, trời rộng thênh thang. Một mặt hồ thăm thẳm, một mặt hồ đầy khí vị riêng, buông câu nơi đó, sẽ không câu được thiên tử vương hầu, cũng không câu được phú quý nhân gian. Chỉ là nhân nhả ngồi lặng yên giữa tầng mây, không cần chờ đợi thời cơ, không cần giữ bỏ có không, chỉ nghe âm thanh dịu dạt của thiên nhiên, hòa xướng với tiếng lòng tĩnh lặng của tự nhiên.

Bạn trầm ngâm suy tưởng trên hồ thu, vớt lấy chiếc lá đỏ, ngâm một bài thơ ý diệu sâu xa. Còn người Đồ Ngõa, lại gìn giữ vùng đất giàu có này, mãi mãi sinh sống hòa bình nơi đây. Chính mùa thu đã biến ảo thành biết bao màu sắc khác nhau trên mặt hồ Kanas. Dân du mục đã gửi gắm những tình cảm thuần khiết thiêng liêng vào đây, để mỗi lần quay người, đều lưu lại cái ngoạn nhìn đầy cảm động.

Trước khi mùa đông ập đến, hồ thu Kanas đã dùng nét bút phác họa, tình cảm sâu nặng để ghi lại những gì bạn có vào giây phút này. Giữa phong cảnh nhân sinh tuyệt diệu tự nhiên, lặng lẽ chờ đợi, sẽ có cuộc gặp gỡ với một hồ nước, một linh hồn đầy ý vị khác.

Mùa đông – Hồ nước đóng băng

Có lẽ, trước khi bạn nhìn thấy hồ Kanas vào mùa đông, bạn đã từng ấp ủ ảo tưởng về cảnh tượng băng tuyết vô cùng vô tận. Khi bạn thực sự bước gần đến nó, nhìn rõ ràng dáng vẻ hồ nước mùa đông, linh hồn chấn động sẽ nói với bạn rằng, hồ nước mang trong mình vẻ băng thanh ngọc khiết của chốn nhân gian đến nhường nào. Đây là hồ nước nguyên thủy của năm tháng, là hồ nước chân thật nhất của nhân sinh, cũng là hồ nước vĩnh hằng của người Đồ Ngõa.

Không cần hỏi, đây là lần đầu bạn đến, hay là lần trùng phùng. Cũng không cần hỏi, đây là một chuyến ra đi, hay là lần trở về. Cho dù là cảnh tượng trong mộng, cũng phải cảm ơn cơ duyên của giấc mộng này. Cho dù là đi lướt qua, cũng phải trân trọng thời khắc gặp gỡ ngắn ngủi này.

Những đỉnh núi sáng trắng như nước, những mặt hồ băng tuyết đóng kín, toàn bộ hồ Kanas đều bị lớp châu ngọc bao bọc, trong không gian bao la, lộ vẻ trầm tư khôn xiết. Không có vẻ quyền rũ của nước chảy, không thấy vẻ dung đưa của hoa núi, trước mắt là băng tuyết ngọc trời giá buốt, sắc diệu thanh tịnh không tranh

cầu. Dưới hồ băng dày cộp, ẩn chứa một truyền thuyết liên quan đến thủy quái của hồ. Giống như ký ức xa xưa, cùng những câu chuyện cổ của người Đồ Ngõa, hết thủy đã chìm sâu xuống đáy hồ. Tựa như phá vỡ tầng băng này là có thể lấy được nguồn nước sinh mệnh bất tận. Thời gian này chỉ tạm thời phong kín nó, đợi đến khi xuân ấm hoa nở, vạn vật sinh sôi, bạn sẽ phát hiện ra, hạnh phúc hóa ra giản đơn đến thế.

Trong thế giới bị tuyết trắng bao phủ còn có một sự ấm áp không bị đóng băng, đó là cuộc sống nhiệt thành, tình cảm nồng cháy của người Đồ Ngõa. Họ vùng những chiếc roi thần của dân tộc, thúc nhanh vó ngựa lao qua sự tĩnh lặng của đất trời, một bầu rượu sữa là có thể ủ ấm linh hồn lạnh giá. Tổ tiên của họ là những anh hùng rong ruổi biên cương, về sau chuyển đến vùng tịnh thổ nhân gian này, trở thành những ẩn sĩ chốn núi sâu vực tuyết. Họ đem sinh mệnh giao phó cho bầu trời Kanas, từ đây về sau, hiền hòa phẳng lặng chính là tư thế của cuộc sống, ung dung chính là tâm tình vĩnh hằng.

Tuyết rơi không một tiếng động, hồ Kanas hết thủy long lạnh trong vắt. Vì mặt hồ thuần túy này, vì trái tim băng khiết trong bình ngọc này, biết bao người đã đi đêm về hôm, lặn lội tìm kiếm trong mưa gió bão bùng. Bạn đi theo những dấu chân của người đi trước, suốt chặng đường rưng rưng cảm động, rồi lại truyền sự xúc động cho những người đến sau. Mà người Đồ Ngõa chất phác, nhìn những khách đến rồi lại đi, trước sau vẫn bình tĩnh như lúc ban đầu, không vì một ai mà thay đổi câu chuyện về Kanas.

Trong hồ nước ngưng đọng ấy, bạn có thể nhìn thấy mặt hồ nơi đáy trái tim mình đang hối hả chảy trôi. Có một con suối nguồn đang chảy về phía mùa xuân. Có một ngôi nhà, đang tồn tại ở vùng đất hạnh phúc.

Đi qua hồ Kanas bốn mùa, cùng trải nghiệm tình cảm suốt bốn mùa với hồ nước, đời người cũng vì một lần giao hòa tươi đẹp mà chân thực này, mà trở nên tràn đầy sắc màu kỳ ảo mê ly. Hãy tin chắc rằng, chỉ cần có một hồ nước, thì chốn tịnh thổ nhân gian Kanas này sẽ không bao giờ biến mất, người Đồ Ngõa cũng vĩnh viễn giữ được quê nhà tự nhiên của mình. Vậy thì, hãy lựa chọn rồi đi một cách ung dung thanh thản. Nhiều năm về sau, nếu như lại đến nơi này, thứ hồ Kanas trao cho bạn, vẫn là phong thái tinh khiết của ngày hôm qua.

Hồ Thanh Hải xanh thăm thẳm

Vì nghe thấy gió mát mời gọi, hay vì nhìn thấy mây trắng vẫy tay, mà tôi đã gặp gỡ hồ Thanh Hải như thế. Lúc này, không chỉ là rung động sững sờ, mà hơn nữa còn là cảm giác quen thuộc đến điếng lòng. Đắm chìm trong màu xanh thăm thẳm, hun hút, thực sự cảm nhận được vẻ đẹp của nhân sinh, sự quyến rũ của tự nhiên.

Hồ Thanh Hải nằm trong lòng bồn địa Thanh Hải, phía đông bắc tỉnh Thanh Hải, hình thành do sự đứt gãy địa tầng giữa núi Đại Thông, núi Nhật Nguyệt và phía nam núi Thanh Hải. Diện tích hồ vào khoảng 29661 kilômét vuông, hồ nằm ở độ cao 3196 mét cách mặt nước biển, là hồ nước mặn lớn nhất đại lục Trung Quốc.

Hồ Thanh Hải sâu thẳm mà tinh khiết, nó cam tâm tình nguyện rũ bỏ phồn hoa, âm thầm gìn giữ vùng đất xa xôi này. Tránh xa huyên náo ồn ào, không phải để ẩn đi vẻ đẹp của mình, cũng không phải sợ thế nhân quấy nhiễu, mà chỉ là yên tĩnh ở trên cao nguyên, lấy núi tuyết làm khung cốt, mượn trời xanh làm xiêm y, giữ lại cho thiên nhiên mái nhà nguyên thủy và thuần túy nhất.

Năm xưa, khi Văn Thành công chúa xa xôi ngàn dặm đến Tây Tạng, lúc tới núi Nhật Nguyệt, quay đầu chẳng nhìn thấy Trường An, nhìn sang phía Tây bốn bề hoang vu lạnh lẽo. Những giọt nước mắt nhớ quê nhà của nàng, rơi xuống lòng sông, mà điểm cuối của dòng sông ấy, chảy thẳng vào lòng hồ Thanh Hải. Đến đây cùng với một truyền thuyết đẹp, trong trái tim tôi chất chứa thêm một nỗi xúc động dịu dàng, rất muốn biết, nàng công chúa Đại Đường bị gả chồng đến nơi tha hương ấy, đi qua mây nước ngàn năm, nàng có hạnh phúc không?

Bước giữa làn sóng như lụa gấm sắc vàng của hoa cải dầu, hương thơm lãng đãng vương vấn khắp trời. Những cơn gió mát đã dùng bút mực linh hoạt, phác nên một bức tranh hoành tráng giữa non nước tú lệ của hồ Thanh Hải. Hân hoan dạo bước trong khung cảnh ấy, tắm dưới cơn mưa cánh hoa màu vàng rực, và thả hồn bổng bềnh giữa vạn khoảnh sóng nước hồ xanh. Bầu trời xanh thăm thẳm ấy, khiến người ta nguyện đem trái tim nhuộm đầy phong trần của mình chìm sâu trong đó, rồi lại với lên, để nó trong vắt vô trần.

Đến hồ Thanh Hải, cái bạn theo đuổi tìm kiếm không phải là tình thơ ý họa, mà là những phong tục tập quán hết sức chất phác hồn nhiên. Những người mục dân hồn hậu đuổi bầy dê bầy cừu, những bóng dáng trôi dạt như mây, nhõn nhõn giữa thảo nguyên mênh mông với vợi. Lều trưởng chỉ chít như bàn cờ là mái nhà che mưa che gió cho người dân du mục. Khi nhìn núi tuyết, từ lâu nó đã biến giấc mơ tươi đẹp trở thành băng giá. Bầu trời như sa xuống sát mặt đất, dường như chỉ cần tùy ý gơ tay, là có thể nắm giữ được mảnh gấm lụa xanh biếc ấy.

Đây là quê hương của tâm linh, xuyên qua hành lang của thành phố, đi qua non nước xa vời, là để kiếm tìm sự thanh tịnh của hồ nước. Ngay đến hơn mười loài chim quý như ngỗng đầu sọc, chim mòng biển, mòng biển đầu nâu, cốc đế... cũng tụ lại thành đàn, làm tổ trên đảo chim. Chúng tuân theo quy luật của tự nhiên, di trú từ phương Nam sang phương Bắc, nhưng vẫn không quên an cư lạc nghiệp ở hồ Thanh Hải, đời đời nối tiếp. Hễ nhìn mặt hồ mênh mông như vô tận, núi tuyết trắng xóa soi bóng, ngắm bầy cá tung tăng bơi lội, muôn chim tung cánh vút bay, mặc cho ngày tháng trôi qua, vùng tịnh thổ này mãi mãi thuộc về chúng ta. Nơi đây cất giữ những giấc mơ và những giấc mơ ấy lại truyền hạnh phúc đến cho từng người đi đường ngang qua.

Bất cứ ai đặt chân lên mảnh đất hồ Thanh Hải này đều đã coi nơi đây là nhà của mình. Thông thả cưỡi ngựa, cưỡi bò Yak, chầm chậm dạo chơi trên thảo nguyên thênh thang, thả trôi những suy nghĩ thanh tịnh. Nghe nói, ngựa sinh ra ở vùng hồ Thanh Hải đã sớm nổi tiếng từ thời Xuân Thu Chiến Quốc, còn có tên là “Tần mã” (ngựa Tần). Thời Tùy Đường, nơi đây còn sản sinh ra rất nhiều loài ngựa quý. Chúng được Bá Nhạc là người có con mắt tinh đời tuyển chọn, đưa đi, từ đó về sau, rong ruổi biên cương, vạn dặm tung vó, ngạo nghễ nhìn gió mây. Những chú ngựa dạo chơi trên thảo nguyên ngày nay đã bớt tính nóng nảy của ngày trước, lại thêm phần thuần hóa và hiền lành. Chúng hứng chí dạt dào, dừng vó chậm bước, im lặng ngắm vẻ đẹp thâm trầm của hồ Thanh Hải, lắng nghe tiếng vọng của thời gian.

Bước vào lều vải của mục dân, cảm nhận nhân tình tập tục của vùng đất này. Người dân nhiệt tình mang trà sữa, phô mai, rượu đại mạch ra mời du khách nếm thử. Từng đôi mắt triu mến, thuần khiết dường như thấu hiểu tâm ý của bạn. Ở nơi này, bạn sẽ quên mất mình là khách qua đường, mà chỉ chìm đắm trong sự ấm áp chân thực, cùng chia sẻ niềm vui với mục dân. Và một câu chuyện đã vô tình được ấp ủ trong thời gian chung sống, rồi lại bị tuế nguyệt cất giấu trong cuốn sách giản dị của hồ Thanh Hải, để cho bạn lật giở đọc một cách bình thản.

Bắt đầu từ năm 2002, từ tháng 7 đến tháng 8 hằng năm, tỉnh Thanh Hải đã tổ chức giải đua xe đạp quanh hồ Thanh Hải. Đây là giải đấu hàng đầu châu Á, cũng là giải đua xe có tính quốc tế, diễn ra ở độ cao nhất so với mực nước biển. Người ta đã lấy hồ Thanh Hải sống biếc vô tận, hàng đàn chim mòng biển tung cánh làm trung tâm. Suốt đường đua, những tay đua tư thế ngồng nghênh cuồng ngạo, tựa như đang đấu một trận thư hùng với dũng sĩ cao nguyên. Phong cảnh tráng lệ, hào hùng ấy đã mang đến cho thảo nguyên vốn chỉ dành chần thả gia súc này một phong thái quyền rũ khác biệt. Đi men theo bờ hồ, chúng ta còn có thể thu nhận được biết bao tiếng cười vui hơn hờ còn vương vãi của mọi người chứng kiến.

Dừng bước chân tìm kiếm, đầu đầu ngắm nhìn mặt hồ nước dưới trời xanh vực tuyết. Hồ Thanh Hải, người trong vắt như thế, lại giàu có biết bao. Hành lý giản đơn trên vai này, làm sao để nhét vừa được người trong đó? Có lẽ, chỉ có một trái tim trong sáng, khoáng đạt vô cùng mới có thể cất giấu và chứa đựng được người.

Vậy thì, hãy cất đi sự thuần tịnh xanh biêng biếc này của hồ, cất đi sự hạnh phúc chất phác này của cao nguyên. Để nhiều năm về sau, ta mãi mãi không thể nào quên được vẻ đẹp của hồ Thanh Hải.

17. Chương 17: Namtso Thiêng Liêng, Thuần Khiết

Từ biệt hồ Thanh Hải thanh tịnh, tôi đi tìm một hồ đẹp khác trên cao nguyên. Ánh dương thật là linh diệu, chỉ cần cưỡi một làn gió mát bay bổng là có thể xuyên qua tầng mây vạn dặm, bay khắp tuyết chiều ngàn non. Đến với Namtso thiêng liêng và thuần khiết. Hồ nước này là ký ức trong vắt mà năm tháng đã để lại cho Thiên Sơn.

Namtso nằm giữa huyện Bàng Ngạch và huyện Đường Hùng, phía bắc Lhasa (Lạp Tát), đích xác ở phía bắc ngọn núi chính của cao nguyên Thanh Tạng – núi Niệm Thanh Đường Cổ La, cách Lhasa 240 kilômét, là hồ thiên nhiên cao nhất thế giới so với mực nước biển. Hồ Namtso thần kỳ xiết bao, mới đây vẫn còn đang thường ngoạn phong cảnh hiện thực, chỉ một sát na, đã chìm vào trong giấc mộng xanh thắm của hồ. Nhấn chìm sinh mệnh trong đó, cảm nhận được màu xanh thắm thanh tịnh, màu xanh sa-phịa cao quý, màu xanh ngắt buồn bã của nước hồ. Người ta e dè chỉ cần vô ý xông vào, là sẽ khuấy động giấc mộng u tĩnh của hồ Namtso, mà không hay biết rằng, giấc mộng ấy đã sớm nâng niu chúng ta.

Những ngọn núi tuyết trắng nhấp nhô nối tiếp như mộng như ảo, trong mỗi một khoảnh khắc sinh động, chúng đều biến thành những phong cảnh khác nhau. Dùng ánh mắt để nắm bắt vẻ đẹp muôn vàn hình thái, trong tích tắc chớp mắt, phong cảnh đã có thể tràn ngập tâm hồn ta, khiến những người đến nơi này đều không muốn bỏ lỡ bất cứ điều nhỏ nhặt gì. Từng chiếc lều vải giăng giăng dưới bầu trời xanh bao la, những làn khói xanh vẫn vờ bay lên từ đỉnh lều đều kể với chúng ta rằng mảnh đất thanh tịnh này thực ra đang dấy lên và tỏa ra thứ khói lửa giận dữ nhất của chốn nhân gian.

Vào mùa đông, tầng băng dày nặng nề kết lại chắc chắn bên bờ hồ, nhưng nước hồ vẫn chảy dào dạt như trước. Thiên hồ[11] thần thánh, trong sạch tựa như đang nhắc nhở, ở nơi này đã cất giữ biết bao câu chuyện thần thoại kỳ kỳ mà tươi đẹp. Ngọn gió thổi lướt qua, bị những truyền thuyết mà nước hồ lưu lại làm cho run rẩy, lặng lẽ kể câu chuyện bãi biển nương dâu của chúng. Mà hết thấy những gì những câu chuyện này gửi gắm, đều là chủ đề tốt lành, bình an và hạnh phúc.

[11] Trong tiếng Tạng, Namtso có nghĩa là hồ thần, hồ thiên đường (thiên hồ) hoặc là hồ thiêng.

Nhờ vẻ đẹp tao nhã của truyền thuyết, sự thiêng liêng của nước trời đã khiến cho hồ Namtso có sinh mệnh, có tình cảm. Mỗi dịp đến năm con Dê, chư Phật, Bồ Tát, thần hộ pháp đều tụ hội ở hồ Namtso, lập đàn pháp hội Đại Hưng. Lúc này, đi quanh hồ đọc kinh một lần, còn hơn cúng bái hàng ngàn hàng vạn lần lúc bình thường. Các tín đồ hành hương không quản gian khổ, từ những miền đất khác nhau, trèo đèo lội suối vượt thác vượt đèo đến đây, chỉ vì muốn mượn nước từ bi của hồ thiêng để rửa trôi những bệnh tật và khổ nạn, cầu được viên mãn phúc huệ. Lá cờ phướn ngũ sắc phấp phới trong gió khắc ghi sự hiện hữu chân thật của khoảnh khắc này. Gò Mã Ni bên hồ Namtso như thể linh pháp chỉ của Phật tổ, dùng linh hồn để bảo vệ sự thiêng liêng này. Tín ngưỡng của các tín đồ cũng giống như những tảng đá bên hồ, đều rót vào hồ thiêng, làm cảm động chính bản thân, cũng làm cảm động người khác.

Sóng biếc xao động chậm rãi kể một câu chuyện tình lãng mạn. Chuyện kể rằng, Namtso là con gái của Đế Thích Thiên, là vợ của Niệm Thanh Đường Cổ La. Họ sống bên nhau tại Thiên Sơn, từng có một khoảng thời gian sống chết có nhau giữa nhân gian. Non và nước giao hòa, nước và non trùng điệp, tựa như đôi đá vợ chồng đứng sừng sững bên hồ đó, đôi bên nặng tình với nhau. Có lẽ, họ không nhớ nổi rốt cuộc đã ở bên nhau bao lâu, cùng nhau ngắm bao lần mặt trời mọc rồi lại lặn, biết bao người đến rồi lại đi. Không thể non hẹn biển, nhưng lại có thiên đường địa cửu. Bên hồ còn có một tảng đá hình hai bàn tay chấp vào nhau, là để cầu phúc cho vạn vật, cầu phúc cho người dân đời đời sống bên hồ Namtso, cũng như cầu phúc ối khác qua đường đến với Namtso.

Mặt hồ dưới ánh hoàng hôn, lúc này sóng biếc xanh lam đã nhạt nhòa, ánh sáng vàng lấp lánh phản chiếu, như ánh sáng từ bi, ánh sáng cát tường phát ra từ giữa khoảng mây mi của Phật tổ, vô tư chiếu rọi khắp non sông trời bể. Những người tắm trong thứ ánh sáng đó đang tận hưởng sự bình đẳng và nhân hậu mà tự nhiên ban cho.

Namtso tựa như một chiếc bình ngọc rơi xuống Tuyết Sơn xa xôi, khí chất lóng lánh mà nó tỏa ra làm khuấy động nội tâm, khiến con người ta không kiềm được ham muốn cất giữ sự thiêng liêng, thuần khiết này cho riêng mình. Xưa có một ni cô đến lấy nước đã cúi xuống, dùng chiếc vò trong tay múc đầy linh tính của nước hồ, chứa hết sự thanh tịnh của sinh mệnh, và đón nhận thời gian của ý Thiên. Đây là một quá trình hướng Thiện, giống như thuyết nhân quả của Phật gia. Lão ni lấy nước xong, lưng đeo vò nước, mỗi bước lại ngoái đầu nhìn lại, ánh mắt ẩn chứa Thiên cơ đó bộc lộ sự xót thương đối với chúng sinh, lại vừa chứa đựng sự ung dung ta và vật cùng quên lãng lẫn nhau. Cái để lại cho chúng ta, chỉ là một bóng dáng đã rời xa, một vệt ánh sáng mờ mờ.

Vậy thì, trước lúc từ biệt hồ Namtso, bạn hãy múc đầy một bình nước hồ đi! Tương lai, cho dù là để uống hay là giấu kín, đều biết rằng, hồ nước tuyệt đẹp này chảy giữa trái tim, có thể tưới tắm cho linh hồn, thanh

lọc nhân sinh.

Cửu Trại Câu thần kỳ

Hãy đi đến Cửu Trại Câu theo cách này: đi từ chốn hồng trần sâu nhất, đến giữa hồ nước xanh thẳm, diễn lại một câu chuyện thần thoại tươi đẹp. Bước lên bậc thang của thời gian, ánh mắt sẽ đậu xuống hồ Thiên Nga. Mặt hồ trong vắt như gương sáng, mỗi người đều có thể soi thấy bản thân chân thực trong đáy tim mình. Ở nơi đây, chúng ta quên đi nhân gian đầy khói lửa cùng hết thảy tôn quý lẫn vinh hoa của hồng trần. Chúng ta giống như những chú chim, ấm áp quần tụ bên nhau khi dừng bay, và mỉm cười tạm biệt khi khởi hành một chuyến đi xa.

Tất cả mọi kiếm tìm, đều là để đến được một nơi trong sạch của cuộc sống. Những mặt hồ tụ tan ẩn kín sau chốn rừng xanh sâu thẳm, tựa như những ngôi sao ban sớm sáng bừng giữa dải Ngân Hà. Mà những hồ nước này hoặc long lanh, hoặc kỳ ảo, hoặc trầm tĩnh, hoặc mỹ lệ, chính là những ngôi sao rơi lạc trên Cửu Trại Câu. Bố cục ấy phẳng phất như tuân thủ theo tinh tượng[12] và cũng đóng khung trong tâm can con người. Những hồ nước ấy gìn giữ lãnh địa của riêng mình, rõ ràng và minh bạch, không để cho bất cứ người nào bước vào mà bị mất phương hướng.

[12] Tinh tượng: Số tử vi.

Cho dù là Hùng Miêu Hải (hồ Gấu Trúc) ở giữa biển cát xanh lục, hay Ngư Tê Hải (hồ Ngư Tê) đa sắc thần kỳ, hoặc sông Khổng Tước hoa lệ chảy qua sạn đạo[13], đều là những kỳ quan thần kỳ mà năm tháng ban tặng cho Cửu Trại Câu. Những ngôi sao sâu thẳm mệnh mang này, không hề ẩn chứa bí mật, mà là phong cảnh của tạo hóa thiên nhiên.

[13] Sạn đạo: Là đường xây bằng cầu treo hoặc ván gỗ xếp hai bên sườn núi đá, dùng để đi qua các khu vực núi non hiểm trở.

Chúng ta đem linh hồn giao cho hồ nước của Cửu Trại Câu, không cần lời hẹn thề như non xanh, cũng không cần sự chứng giám của mây trắng. Thực ra, sinh mệnh vốn là một câu đố, mà chúng ta lại không nhất thiết phải dò đoán lời giải cuối cùng ngay từ khởi đầu của chuyến đi. Chỉ cần thuận theo những vết hằn của năm tháng, lấp đầy quá trình dài lâu, để hoàn thành sứ mệnh mà cuộc sống đã giao cho. Vậy thì, cho dù nhỏ nhoi như một cây cỏ, một con kiến, một hạt bụi trần, đều có thể hiểu thấu chủ đề của cuộc đời.

Phải có cõi lòng bao la như thế nào mới có thể chứa hết được quần thể hồ bày bố như bàn cờ của Cửu Trại Câu. Nếu nói những hồ đặt tên bằng tên động vật là những vì sao rải rác trong sông Ngân Hà, thì những hồ đặt tên bằng tên thực vật lại chính là những bức tranh sắc màu sắc sỡ. Chúng dùng tâm tình đượm sắc tô điểm cho ký ức của tháng năm. Chúng nạm vào nước hồ những câu chuyện hoa nở hoa tàn, những gập gờ bèo tụ bèo tan nơi trần thế.

Dưới ánh nắng vàng ruộm, hồ Hoa Hỏa (hồ Đóm Lửa) lấp lánh sóng bạc, những ngọn sóng xô đẩy xao động thời gian, lá phong rực màu rụng lá tả trên mặt hồ, thấp sáng ngọn đèn mùa thu. Nơi đây như một mộng cảnh lung linh, lại có thể bất chợt nghe thấy tiếng thở khe khẽ của bên trong tĩnh lặng. Những thân lau sậy đung đưa trong gió, tựa như những cụ già đã trải qua biết bao sương gió, khiến cho những dòng sông nước chảy trong vắt quanh co cũng đượm biết mấy mùi vị thâm trầm của thế gian. Núi xanh biêng biếc, một vùng trúc xanh mơn mớn, soi bóng xuống hồ, tạo thành hồ trúc tĩnh lặng tự nhiên. Lúc bấy giờ, chỉ muốn chặt trúc làm sáo, dùng âm điệu du dương thổi nên một khúc tâm tình trống trải như sơn cốc, và cũng thổi nên âm điệu trong vắt trăm chuyển ngàn hồi.

Ánh mắt dừng lại trên những trại ấp giữa sơn cốc, dừng lại trong những nhà xây bột bên dòng nước, những kinh đồng[14] chuyển động, những lá phướn phất phơ, khiến bạn quên mất những ngày tháng tiên cảnh nhân gian. Nuôi dưỡng tuổi xuân trong nước, đợi đến khi rời đi, lại vớt lên, tuổi xuân ấy vẫn biếc xanh như khi ta mới đến.

[14] Còn gọi là chuyển kinh đồng, chuyển kinh luân, là pháp khí của tín đồ Phật giáo.

Lựa chọn trôi chảy như nước, cũng như thời gian đã đi qua thì sẽ không quay đầu lại. Thế nghiệm và lĩnh ngộ nhân sinh trong nước, còn sinh mệnh đã được nước thanh lọc, trở nên trong sạch. Những thác nước như những chiếc rèm ngọc buông lơi của Cửu Trại Câu cuộn tung sóng trào trong dòng chảy nhân sinh, biến ảo thành những gió mây hào sảng khảng khái của tự nhiên.

Cho dù là thác nước từ trên trời đổ xuống Nặc Nhật Lăng, hay là dải lụa trắng như châu như ngọc Trân Châu Than, đều tự chìm đắm trong cách tuôn trào của mình, dường như chúng phải chìm đắm trong cách tuôn trào của mình, và dường như chúng phải dốc hết nhiệt tình vốn có để chinh phục năm tháng thời gian. Tư thế vút bay của những thác nước ấy, tựa như lãng tử áo trắng múa kiếm, hoa kiếm lay động, có thể chém vụn hết thảy hoa lệ của thế gian; lại tựa như nhả khách gãy đàn, dây đàn rung lên, có thể xuyên thấu ngàn vạn mê lầm của thế sự.

Bạn hãy mượn hồ nước Kính Hải để trấn tĩnh lại mọi tâm tình xáo động. Hồ nước này hội tụ tất cả vẻ đẹp vô cùng vô tận của Cửu Trại Câu. Nó dung nạp tất cả núi tuyết, rừng xanh, trời biếc, mây trắng, chim bay, cá lượn vào trong, và lưu giữ hết thảy tốt tươi khô héo của tự nhiên, chìm nổi vinh nhục của nhân thế nơi này. Há chẳng phải nước hồ này mềm dịu và trong vắt, cũng có thể chảy xuyên lòng ngực của chúng ta, soi chiếu tâm linh của ta, và đủ cho chúng ta uống thỏa thuê hết cả một đời này hay sao?

Rất nhiều phong cảnh đẹp lại luôn ở bờ bên kia. Khi ấy, bạn đứng giữa khung cảnh này, nắm bắt được sự chân thực linh diệu mà huyền bí. Nước hồ của Cửu Trại Câu trong vắt như thế, không phải mưa cũng chẳng phải sương; nước hồ của Cửu Trại Câu cũng mông lung như thế, lúc xa xôi lúc lại thật gần. Khi vạn vật tụ hội, chúng ta vẫn chọn lựa tiếp tục bước đi như trước. Non nước khi đó đã trải qua một cuộc kiểm tìm trong cuộc đời, hàm chứa ý nghĩa sâu xa của việc xuân cây thu gặt[15].

[15] Xuân cây thu gặt: Thành ngữ, nghĩa chỉ việc làm bấy giờ sẽ cho báo đáp, kết quả sau này.

Đường đến cũng là nẻo về. Trong hồ, một khóm rong rêu đung đưa dưới nước, nó đang kể chuyện trong ánh nắng ảm áp, và nó không dễ dàng nói lời ly biệt với bất cứ khách qua đường nào.

18. Chương 18: Sóng Nước Trong Mộng

Mỗi người đều có một vùng sông nước trong mộng, vùng sông nước này chính là Giang Nam. Có lẽ Giang Nam níu giữ bạn chỉ bằng một ngọn sóng, một mảnh hồi ức, một gốc cây cảnh. Nhưng sự hiện diện của bạn, đều là vì một duyên tình không dứt từ kiếp trước. Không quên nổi con thuyền nhỏ mũi đen đó, không quên nổi ngày hôm qua xuân sắc khắp thành vào thời Tống đó. Đây là nơi hễ bạn đã bước vào thì không gì chia cắt nổi, khiến bạn từ một người khách qua đường biến thành một người quay trở về. Đã nói, nhất định phải gom góp một quãng thời gian của vùng sông, nước trong một quán trà cũ kỹ, lặng lẽ chờ đợi, không gặp không về.

Ký ức sông nước

Người ta nói sông nước Thiệu Hưng là một dòng sông, bạn đứng ở bên bờ đá xanh, muốn qua sông, chỉ có cách ngồi lên thuyền nhỏ mũi đen mới có thể đi qua. Bất cứ phương thức nào khác đều không thể thực sự đưa bạn vào giấc mộng sông nước. Dòng sông mang đậm phong cách cổ xưa của Giang Nam, sẽ thanh lọc sạch sẽ cõi lòng đầy mây khói phù hoa của bạn, gạt bỏ mọi bụi rối của khách qua đường là bạn, mang đến cho bạn hơi ấm của người trở về. Lội nước mà đi, trong sương khói mờ mịt bao trùm sông nước, phong cảnh hai bên bờ sẽ làm ướt đầm áo khăn của bạn, mà sau đó, lại từ từ thấm thấu vào tận sâu thẳm linh hồn bạn.

Mái chèo khua qua ký ức cổ xưa của Thiệu Hưng, những sóng nước nhẹ nhàng lan tỏa sẽ trùng phùng gợi mở những sự tình mà bạn đã quên lãng hay đóng kín. Những khoảnh khắc từng khắc sâu tâm khảm vốn đã nhạt nhòa, mà giờ đây, từng chi tiết mơ hồ lại trở nên sống động, sắc nét. Phong cảnh cổ kính khóa kín mọi nét hoa lệ của thế gian, khiến bạn có thể thưởng ngoạn mây trôi gió vờn ngay từ những dấu tích đã xanh rêu. Ở vùng sông nước không có điêu khắc, không thấy trang hoàng, và đâu đâu cũng là nên thơ tự nhiên này, rất nhiều cuộc đời tối tăm, trong một sát na, đã trở thành linh hồn sống động.

Men theo những cảnh trí thơ mộng, thanh tân, linh khí từ xa đến gần tựa như một cơn gió nhẹ ulla đến, lịch sử từ cổ đến kim cũng như một cuốn cổ thư từ từ mở ra. Vô vàn nhân vật, sự tình của vùng sông nước chưa từng được thống kê một cách tỉ mỉ, đã lọt vào giữa năm tháng cuộn cuộn như nước trào, bởi vì chỉ có

đi xuyên qua thời gian mưa khói hàng ngàn năm, mới có thể thực sự nắm bắt được những câu chuyện chìm sâu trong dòng nước Thiệu Hưng.

Những thứ đã xa nay quay trở lại, lịch sử như một tấm gương đồng han gỉ, treo trước song cửa sổ vùng sông nước, trong những ngày tháng sắc nhọn, để lộ ra chiếc bóng tang thương của mình. Vua Đại Vũ đã từng trị thủy cứu dân đen nơi đây, Việt Vương Câu Tiễn đã từng ném mật nằm gai trên mảnh đất này để giành lại thiên hạ. Ai đã có mối tình bi thương không lời ở vườn Thắm đó, còn có chuyến du hành hoài niệm chuyện cũ người xưa như văn hào Lỗ Tấn? Thậm chí, khi bạn hít thở, mùi thơm của mực trong bức “Lan đình tập sự” của Vương Hy Chi còn làm bạn nghệt thở đến mức không dám thả trôi dòng suy tưởng, thứ mực nước nghìn năm ấy đã tẩy nhàn tâm cho bạn, lọc tẩy hết thấy những nóng vội của con người, chỉ giữ lại một khoảng trời trong vắt.

Là một người có tâm trí trong sáng, bạn có thể du ngoạn trong không gian đơn sơ phóng khoáng của lịch sử, mơ mộng trong phong cảnh tú lệ của sông nước, không cần lo lắng bị thế sự phồn tạp ngăn cản, không cần tính toán những tình cảm chua xót vây cuốn. Bạn nhắm mắt lại, cảm nhận vẻ đẹp đắm say của sông nước, bạn mở mắt ra, ngọn gió xuân dịu dàng ấy đã lặn sâu trong linh hồn bạn, nói với bạn rằng, phút giây này, cuộc sống thật mới mẻ và chân thực biết bao.

Chiếc thuyền mui đen nho nhỏ chảy xuôi theo dòng, ngược mắt lên rồi dựa cửa sổ để ngắm nhìn Giang Nam tươi đẹp, gặp gỡ trong phút giây đã đủ níu kéo tuổi xuân và mộng tưởng mà gió bụi từng che lấp. Thời gian tựa như một lưỡi dao sắc lẹm, cắt đứt tuổi hoa xanh biêng biếc, và cũng có thể cắt đứt ký ức sâu thẳm, giải phóng những suy nghĩ bị giam cầm. Những câu chuyện cũ từng bị tuế nguyệt hong khô đã bắt đầu ướt đẫm, dưới ánh dương rực rỡ sáng lòa, chúng lại mang hơi ấm của tháng ngày.

Khi bạn tán thưởng phong tư dịu dàng yếu điệu của các giai nhân Giang Nam, sao không nhớ tới người hồng nhan cân quốc chẳng kém đáng mảy râu ấy? Trong thời đại mây đen ngập lối đó, một câu “Thu phong thu vũ sầu sát nhân” (Gió thu mưa thu buồn đến giết người) của Thu Cẩn[1] đã vạch thẳng sự đen tối của thời đại, đến nay vẫn còn được hậu nhân truyền tụng không quên. Thân là nữ nhi, bà hành tẩu trên đoạn đường đầu của cách mạng, rong ruổi giang hồ, cười sóng đập gió. Cuối cùng máu nhuộm Hiên đình, xương vùi Tây lãnh, sự tích lẫy lừng đó đã làm xúc động tâm can con người mọi thời đại.

[1] Thu Cẩn (1875-1907), chí sĩ cách mạng dân chủ cận đại của Trung Quốc, tên gốc là Thu Khuê Cán, tự Toàn Khanh, hiệu Nhật Ngộ, nhũ danh là Ngọc Cô, sau khi sang Nhật đổi tên là Thu Cẩn, tự xưng là Giám Hồ nữ hiệp, bút danh Thiên Thu. Thu Cẩn quê Sơn âm Chiết Giang (nay là Thiệu Hưng), sinh ở huyện Mân, tỉnh Phúc Kiến (nay là Phúc Châu), coi thường lễ giáo phong kiến, đề xướng nam nữ bình đẳng, tính tình hào sảng, văn ôn võ luyện, từng du học tự túc ở Nhật Bản, về sau tham gia các tổ chức cách mạng như Tam Hợp hội, Quang Phục hội, Đồng Minh hội... Năm 1907, bà cùng bọn Từ Tích Lân tổ chức Quang Phục quân, đồng khởi nghĩa ở Chiết Giang, An Huy ngày mùng 7 tháng 6. Sự việc bại lộ, bà bị bắt. Ngày 15/7, bà bị xử tử ở Hiên Đình Khẩu, Chiết Giang. Thu Cẩn là hình mẫu của nữ chiến sĩ cách mạng trong tác phẩm “Thuốc” của Lỗ Tấn.

Hồn phách trầm tĩnh như nước thu đó liệu có nhìn thấy vầng trăng sáng đầu tiên của đất nước Trung Quốc mới hay không? Hiệp khách chân chính, kiếm còn chưa rút, thì sự sắc bén đã làm kinh hãi thế gian, người nữ nhi nổi danh Giang Nam này quả thực có khí phách cười gió vạn dặm, xông thẳng tầng mây. Khi bạn đang say đắm trong sự nên thơ của khung cảnh cầu con nước chảy, thì vẫn có một mặt hồ trong tâm hồn, sóng vỗ xô bờ, xao động mãi không thôi.

Di chuyển trên sông nước khó tránh khỏi bị ướt, hơi lạnh thấm buốt cõi lòng. Chọn một bờ bên để lên, đi trên con đường lát đá, những phiến đá bị thời gian mài mòn thành trơn bóng, bạn xóa đi những bụi phấn mà người đi trước còn lưu lại, còn những trần ai mà bạn để lại, sẽ lại có người khác xóa mờ giúp bạn. Trong lúc vô tình, những giọt nước từ những giò lan u tĩnh treo lên ban công tí tách nhỏ xuống, làm ướt tóc bạn, nhưng lại thoang thoảng mùi hương xao động tâm hồn.

Một giọt sương lan thanh nhả tuyết trần, tựa như một giọt mực vẽ nhỏ trên giấy Tuyên Thành, thấm nhòe hồi ức sắc sảo. Là thư thánh Vương Hy Chi đã đem thủy mặc hội tụ thành suối lan, dùng ngòi bút như nước chảy mây trôi viết thành “Lan đình tập sự”, để tiếng thơm truyền đến ngàn đời. Lan đình của ngày xưa từng có một cuộc tụ họp mây trắng gió xuân, các danh sĩ Ngụy Tấn đã ký gửi tâm tình vào non nước nơi

này, uống rượu ngâm thơ, khi cảm thán chuyện không hợp thời cuộc, khó tránh khỏi bị vạn vật đa tình nơi đây chuốc cho say túy lúy.

Sinh mệnh vốn có rất nhiều cách kiếm tìm, nếu như khi tìm kiếm mà ta có một cõi lòng bình thản ung dung thì ử dật cũng có thể sáng láng, khốn đốn cũng có thể tỉnh táo. Còn dùng tài cao để cầu danh lợi, chưa chắc đã là hành động của bậc minh trí; dùng sự độ lượng để chứa đựng tự nhiên, lại há chẳng phải là một cuộc đời khoáng đạt hay sao? Khi bạn nhìn lại quá khứ, không biết là ai đã tặng một chén sương trong vắt trên cành u lan, quay người nhìn lại, nàng đã biến mất trong ngõ đá mưa khói mất rồi.

Ánh dương mềm dịu cháy tan theo từng lớp ngói đen, trong khoảnh khắc bạn chớp mắt, những lá tử kỳ[2] phát phơ đón gió có thể thấy ở bất cứ nơi đâu, gấp gáp muốn chỉ cho bạn thấy bình rượu ngon đã bị thời gian Thiệu Hưng ử kín. Cho dù bạn có kìm nén được trước sự mê hoặc của mùi rượu thơm hay không, bạn đều không thể tự chủ mà chọn một quán rượu, bước qua bậc cửa gỗ cũ mòn, say tỉnh mặc sức thỏa ý.

[2] Tử kỳ: Lá cờ bằng gấm, trên thêu chữ “Tử” (rượu) thường được treo trước quán rượu, nhà hàng thời cổ để đánh dấu và mời mọc khách quan.

Trong phòng tràn ngập mùi rượu thơm nồng, bạn chưa nếm rượu thì đã ngà ngà say. Bộ bàn ghế gỗ cổ, những khách uống rượu đến từ trời nam đất bắc ngồi vây quanh, không ai hỏi ai từ đâu đến, đi về đâu, một bình Hoa Điêu đã chuốc say mọi cuộc đời buồn vui sướng khổ của mỗi người. Câu chuyện của mỗi người đều là một vò rượu cũ chôn sâu, bạn mượn cây kéo thời gian nhàn tản của Thiệu Hưng để mở nó ra, trong ánh nắng nhàn nhạt, đôi mắt ngây ngậy, nhớ lại ngày hôm qua đầy biến động của chính mình.

Chỉ như thời gian được thưởng thức một ly rượu, chuyện cũ chớp mắt đã mười năm. Tuế nguyệt trong ly rượu không còn sắc nhọn, nó sẽ không truy đuổi bạn, bạn có thể uống đến say mềm, từ sáng sớm bình minh, đến khi đêm về trăng lên, cũng chỉ có một ngọn đèn thấp sáng vì bạn. Khi bạn nhìn thấy một chiếc áo dài cũ rách, và lầm tưởng đó là Khổng Ất Kỷ[3], mới hay rằng, mình đã say thật rồi. Khi tỉnh lại, câu chuyện của bạn đã kết thúc, khi say mềm, câu chuyện của người khác lại mới bắt đầu.

[3] Khổng Ất Kỷ: Một nhân vật trong truyện ngắn cùng tên của nhà văn Lỗ Tấn.

Giả như bạn là một khách từ phương xa tới, không kiếm lòng được trước sự cổ kính của sông nước, nói không chừng sẽ lạc lối trong một ngõ nhỏ man mác khói xanh nào đó, không nhớ nổi đường đến. Hoặc là bị cơn gió thoảng lãng quên trên một cây cầu không biết tên nào đó, không biết được đường về. Lúc ấy, bạn chỉ cần tìm nơi có nước chảy, tại bất cứ một bến đậu nào, những phu thuyền trên những con thuyền mũi đen ấy, sẽ đưa bạn đến mọi nơi có liên quan đến Thiệu Hưng.

Mỗi một cây cầu cổ là một điểm dừng chân của nhân sinh, mỗi một bến dò là một khởi đầu của vận mệnh, bạn đặt người khách qua đường đi lướt qua nhau trước một song cửa sổ sát dòng nước, rồi lại gửi gắm phong cảnh mà bạn du ngoạn vào chân trời phù vân. Bạn cho rằng cách xa sông nước là có thể đặt chân lên đất liền, mặc cho gió dập mưa vui, ai có hay rằng, quanh đi quẩn lại sẽ lại quay về trên chiếc thuyền mũi đen. Ở nơi đây, sông nước là dòng chảy, bạn muốn đến bờ bên kia, thì buộc phải di chuyển trên dòng nước. Người có trí tuệ sẽ hiểu được chân lý “tòng thiện như nước chảy”, “nhu có thể khắc cương”, và tấm lòng dù rộng lớn đến đâu, cũng chẳng vượt nổi sự mệnh mông của nước.

Chảy xuôi theo dòng, không cần đo đếm độ dài của dòng chảy, để lịch sử đã hé mở chìm sâu dưới đáy nước, để câu chuyện chưa từng được đọc trôi nổi trên mặt nước. Trong kết cục đi tìm khởi đầu mới, nói cho con gió nhẹ hay rằng, bạn sẽ đến vườn Thắm, sẽ tìm kiếm một giấc mộng cũ bị thương thời Tống. Nói với mây trắng rằng, bạn sẽ đến vùng thôn quê, yên lặng ngắm sân khấu đã già nua của tuổi xuân.

Ly biệt ngắn ngủi là để có niềm vui lúc trùng phùng, ly biệt vĩnh viễn lại là một vẻ đẹp không thể tả bằng lời của nhân sinh. Bạn từng hồi tưởng sâu sắc về sông nước, có một ngày, sông nước cũng sẽ lơ mơ nhớ lại bạn của ngày hôm qua.

Gặp gỡ vườn Thắm

Hồng tô thủ, hoàng đằng tửu, mãn thành xuân sắc cung tường liễu. Đông phong ác, hoan tình bạc, nhất hoài sầu tự, kỷ niên ly sách, thác, thác, thác!

Xuân như cội, nhân không sâu. Lệ ngân hồng áp giao tiêu thấu. Đào hoa lạc, nhân tri các, sơn mình tuy tựa, cảm thư nan thác, mặc, mặc, mặc!

(Tống, Lục Du, “Thoa đầu phượng”)

(Dịch thơ Nguyễn Xuân Tảo:

Tay trắng muốt, rượu vàng rót, cây liễu cung sân xuân cách bức. Gió đông dữ, tình thắm lỡ, một mối tơ sầu, bao năm tan vỡ. Dở, dở, dở!

Xuân như trước, người gầy rạc, ngần lệ đỏ ngầu khăn lụa ướt. Hoa đào rữa, lầu gác trở. Non thê còn kia. Chớ, chớ, chớ!

Thế tình bạc, nhân tình ác, vũ tống hoàng hôn hoa dịch lạc. Hiếu phong can, lệ ngân tàn, dục tiên tâm sự, độc ngữ tà lan. Nan, nan, nan!

Nhân thành các, kim phi tạc, bệnh hồn thường tự thu thiên tác. Giốc thanh hàn, dạ lan san, phạ nhân tâm vắn, yên lệ trang hoan. Man, man, man!

(Tống, Đường Uyển, “Thao đầu phượng”)

(Dịch thơ Đông A:

Tình đời bạc, tình người ác, mưa tiễn hoàng hôn hoa tan tác. Gió mai lan, lệ hoen tàn, muốn thư tâm sự, rất ý lan man. Nan, nan, nan!

Người đơn bạc, nay mai khác, bệnh lòng như thể ngàn thu tạc. Tiếng tù vang, bóng đêm tan, sợ người tra hỏi, nuốt lệ tân trang. Gian, gian, gian!)

Chưa một ai bước vào vườn Thắm[4] mà cảm giác như gió mưa quay về, cho dù cảnh trí và sự tích nơi đây đã sớm lặp lại hàng trăm ngàn lần trong giấc mơ của bạn. Nhưng rốt cuộc bạn chỉ là một áng mây màu phiêu lãng, có lẽ bạn có thể nhận ra mối tình quá khứ năm xưa của vườn Thắm, nhưng lại không có một cành cây ngọn cỏ nào nơi đây đợi chờ bạn. Nếu như nói là đến đây để hồi tưởng, thì cái bạn hồi tưởng là ký ức của Lục Du; nếu như bạn nói là đến đây để tìm mộng, thì cái bạn tìm kiếm là mộng cảnh của Đường Uyển. Vườn Thắm như một hồ nước xuân sáng như gương, có thể soi bóng chuyện cũ ngày xưa một cách rõ ràng, nhưng bạn vĩnh viễn chỉ là một kẻ bên ngoài nhìn vào, mà không thể là người bước vào trong tấm gương.

[4] Vườn Thắm (Thấm viên): là khu vườn cảnh nổi tiếng đời Tống ở Thiệu Hưng, gắn liền với câu chuyện tình bi thảm của nhà thơ Lục Du và người vợ Đường Uyển. Năm 20 tuổi, Lục Du kết duyên cùng người em họ Đường Uyển, hai người là thanh mai trúc mã, vừa tâm đầu ý hợp, thi thư xướng họa, nhưng Đường Uyển lại bị mẹ chồng ghét bỏ, bà buộc Lục Du phải bỏ Đường Uyển, Lục Du đành phải chia tay Đường Uyển, nhưng vẫn lên thuê nhà riêng để hai vợ chồng có thể gặp gỡ. Sau này mẹ Lục Du phát hiện, đến tận nơi mắng nhiếc, khiến Lục Du và Đường Uyển phải chia tay thật sự. Lục Du cưới vợ khác, còn Đường Uyển lấy Triệu Sĩ Trinh. Hơn mười năm sau, Lục Du dạo chơi vườn Thắm, tình cờ gặp Đường Uyển và chồng, Đường Uyển kể hết cho Triệu Sĩ Trinh, Triệu Sĩ Trinh là người cao thượng, không những cảm thông mà còn cho phép vợ làm tiệc rượu đãi Lục Du. Lục Du đã đề một bài từ trên tường để bày tỏ nỗi lòng mình, chính là bài “Thoa đầu phượng”. Đường Uyển đọc xong cũng cảm động, đề một bài từ đáp lại. Sau buổi hôm ấy, Đường Uyển buồn rầu nghĩ ngợi, rồi ốm mà mất. Cái chết của nàng khiến Lục Du đau khổ, ân hận suốt đời, không thể nguôi ngoai.

Mặc dầu chỉ là một hạt bụi trần lơ lửng giữa thời gian của vườn Thắm, nhưng vì khúc thiên cổ tuyệt xướng đó, mà du khách như nước lũ đến dạo quần quanh trong vườn như xưa. Đương nhiên, cánh cửa dày nặng đã từng đóng im ỉm đó của vườn Thắm đã ung dung mở ra chào đón tất cả mọi người. Vườn Thắm vốn là một khu vườn của họ Thắm ở Giang Nam, cho dù thắm đậm trắng sáng thời Tống, lại trôi qua mây nước Minh, Thanh, còn nhuộm màu mưa khói thời nay, nhưng năm tháng ở nơi này trước sau vẫn dừng lại trong một bài từ tên là “Thoa đầu phượng”.

Là “Thoa đầu phượng” của Lục Du và Đường Uyển, cũng là vườn Thắm của Lục Du và Đường Uyển. Họ bị hiện thực tàn khốc chia cắt vận mệnh, trở thành tù nhân của lễ giáo phong kiến, mà vườn Thắm lại tạo cho họ một vận mệnh khác, khiến ly biệt có thể trùng phùng đầy thương cảm, khiến tan vỡ có thể viên mãn

một cách tàn khuyết. Dù cho suốt đời chẳng được bên nhau, nhưng họ lại trở thành một phong cảnh chẳng thể chia lìa trong vườn Thắm, vườn Thắm cũng nhờ câu chuyện của họ, mà trở thành một địa điểm khiến người ta phải nhẩn nại nghiền ngẫm nghĩ suy.

Thẳng như bạn không muốn làm một người cổ hủ, khi đến vườn Thắm, không nhất thiết phải mang theo sắc thái bi thương, không cần phải thở than đau đáu, cũng không cần phải cảm thấy trống trải chua xót. Bởi vì, nơi đây đã từng có cuộc ly biệt rõ ràng sáng tỏ, cũng đã từng có những hồi ức tươi đẹp khôn xiết. Bất cứ vương vấn vô cơ nào, đều là sự hốt hoảng không tên. Phong cảnh nơi này, câu chuyện nơi này, sẽ không khiến ai vô tình bỏ lỡ, và cũng không vì ai cố ý dừng lại. Đi theo những dấu tích thừa thớt còn sót lại của câu chuyện xưa, bước đi trong giấc mộng cũ của mưa gió vườn Thắm, bạn có thể cảm động, nhưng không nên bi thương; bạn có thể say đắm, nhưng không nên mơ hồ.

Vườn Thắm năm đó kỳ thực đã bị chôn vùi trong gió bụi thời gian, chính những người đời sau vì đi tìm giấc mộng, nên đã trùng tu lại di tích lịch sử còn sót lại này, để người đời có thể nhìn thấy được tình cảnh năm xưa từ những cảnh vật hiện thời mà mình có thể chạm tay vào được. Không người nào so đo xem vườn Thắm trước mắt có chân thực như xưa không, bởi vì bạn nhắm mắt lại là có thể ngửi thấy mùi hoa thơm, nghe thấy tiếng mưa rơi, còn có cơn gió thoảng nhẹ nhẹ bước đi trong vườn, hết thấy đều đang nói với bạn, là thật, chân thực như mộng cảnh, và mộng cảnh cũng là chân thực.

Bước vào khu vườn vốn là bối cảnh sáng tác đó, chỉ mấy chữ “bối cảnh sáng tác” đã khiến bạn quên mất dòng tư duy ban nãy vẫn còn thật giả lẫn lộn kia. Đá Thái Hồ sừng sững đứng riêng, bị tuế nguyệt mài sáng, khắc lên trên đó sắc màu của tháng năm, nó dùng tư thế thơ mộng, kể với bạn rằng có một thi nhân tên là Lục Du, đã từng ở nơi đây cô độc đợi chờ Đường Uyển. Đá Thái Hồ tang thương chép lại quá vãng đã trôi qua, cho dù bị tháng năm đeo gót thành trăm ngàn lỗ hổng, nhưng vẫn vì một câu chuyện cảm động, đôi nhìn từng đôi mắt mật mờ một cách đầy tình thơ ý họa như xưa.

Một làn hương mai thanh nhã bay qua non nước xa vời vợi của lịch sử, chậm rãi ulla tới. Vãn Mai Hạm là một tòa lâu đài thủy tạ mô phỏng phong cách Tống, vì thi nhân yêu hoa mai ấy mà hành lang phong cảnh của vườn Thắm cũng tràn đầy dấu hương của loài hàn mai. Nếu như bạn đi theo hương hoa lúc mai đương nở, thì những đóa hoa chúm chím môi cười ấy sẽ trang nhã giao hòa với bạn. Cho dù bạn đến vườn Thắm vào những mùa khác, thì lòng bạn vẫn hướng về phong thái lạnh lùng cao ngạo dứt khoát của nàng. Một tiếng hỏi mai dẫn dắt trăm ngàn tình ý, một giai nhân yếu điệu như hoa mai đã từng nhàn tản dưới khung cửa sổ lạnh lẽo của bạn, đến nay, lại bị ai chia cắt nơi chân trời?

Lục Du nói: “Ngõ nhỏ thành nam lại vào xuân, chỉ thấy hoa mai chẳng thấy người.” Tháng ngày xanh ngắt, sắc xuân tràn ngập trên đường, Lục Du một mình dựa vào lan can ngắm hết hoa thơm, nhưng chẳng thấy dấu thơm bóng lẽ của Đường Uyển. Chỉ có hàn mai ngập lối vườn xuân ấy, dùng phong cốt đoan trang tao nhã của nàng, mấy độ hương thơm cách tuyệt tục thế, trên bờ xanh um của hồng trần, một mình nhàn nhã thanh tịnh. Hồi tưởng chỉ là sự bối rối trống trải hiện thời, dù cho có tài cao kinh thế, tấm lòng độ lượng, cũng chỉ có thể ở giữa vườn Thắm sắc xuân giăng mắc, âm thầm hỏi thăm quá vãng thơm hương của một cây mai.

Đi trên cây cầu đá cổ kính mộc mạc trong vườn Thắm mới hay, tên cầu là “Thương Tâm”. Hoa hạnh mưa khổi, dương liễu cầu đá, vốn là những cảnh tượng dịu dàng nhất của Giang Nam, giờ đây, giữa cảnh trí tự nhiên mới mẻ này, lại có thêm ít nhiều ký ức ẩm ướt. Khi tóc trắng phơ phơ, Lục Du mới trở lại vườn Thắm, đứng bên cạnh cầu, những tình cảm đã đè nén nhiều năm không dám chạm vào nay lần nữa tuôn trào như thác lũ, xối xả thành dòng, xoay qua chuyển lại trong sâu thẳm trái tim. Ông trầm thiết ngâm rằng: “Thương Tâm kiều hạ xuân ba lục, tặng thị kinh hồng chiếu ảnh lai.” (Dưới cầu sông biếc trông đứt ruột, Đây bóng hồng soi thoắt lúc nào[5]) Chính là lúc Lục Du quay đầu nhìn lại chuyện cũ tình xưa, để lại mối thương lòng ngàn lời khó tả dưới cây cầu đá vườn Thắm. Trong mộng, chim hồng kinh sợ soi bóng, hồng nhan như xưa, tỉnh lại vườn Thắm đã mài sáng đôi mắt mờ đục, nàng đã biến mất trong vầng sáng của trần thế.

[5] Trích trong bài Thắm viên, kỳ nhất. Dịch thơ Khương Hữu Dụng.

19. Chương 19

Kỳ thực, kẻ thương tâm không phải cây cầu đá, cũng chẳng phải sông xuân chảy dưới chân cầu, mà là danh sĩ cô độc đó. Bầu không sáng tỏ, vườn Thắm thơ mộng, gió xuân xanh mát, cầu đá mát lạnh đều không mang đến bất cứ sự vãn vương ảm áp nào cho ông. Bạn chỉ cần đứng trên cầu một lát là có thể cảm nhận được cảm giác tịch liêu đến rợn người mà ông đã từng thấy. Trên cây cầu đá của vườn Thắm, vị thi nhân đầu bạc đó làm thế nào để khắc cốt ghi tâm hồi tưởng lại giai nhân trong gương năm đó, làm thế nào để đợi chờ một cách cô quạnh hồn thơ đã đi xa đó?

Chính là như một chú hạc cô lẻ, đợi chờ bốn mùa nóng lạnh luân hồi, đợi chờ thời gian đổi thay ngày tháng, không chịu rời đi. Khi bạn đến Cô Hạc Hiên, bạn sẽ hiểu, phải có tòa hiên đình u nhã thanh cảnh như thế, mới có thể là chốn nghỉ ngơi cho linh hồn cô độc, cao ngạo của người cao sĩ ấy. Gió mây nhân gian biến ảo, nơi đây hoa soi bóng nước, người thi sĩ yêu nước phóng khoáng mà bi ai đó, thân ở giang hồ, lòng hướng giang sơn, tình thuộc vườn Thắm.

Ông là chú hạc cô lẻ, bị khói súng lịch sử thiêu cháy, bị vận mệnh tàn khốc bỏ rơi, chỉ có quay về vườn Thắm, mới có thể tẩy rửa sạch sẽ tâm thân mệt mỏi phong trần, ngắm bóng dáng cô độc gầy đàn, ngâm vịnh tuyết xướng thiên cổ. Bạn là du khách ghé qua Cô Hạc Hiên, trong tiếng đàn dịu dặt, giữa vãn thơ sinh động, có lẽ có thể hiểu rõ hơn tâm sự của ông, nhưng vĩnh viễn không thể thấu tỏ được nỗi thê lương lạnh giá cõi lòng ông.

Khi bạn đến trước tấm bia đá khắc ba chữ “Thoa đầu phượng”, bất giác bạn sẽ không tránh khỏi buồn bã. Những dòng thơ gầy guộc che giấu quá nhiều chuyện cũ đằng đẵng; nỗi tiếc nuối ngàn đời đó đã chảy qua biết bao xuân thu mưa gió. Họ đã dùng khoảng thời gian ly biệt hơn mười năm ròng để đổi lấy cuộc gặp gỡ ngắn ngủi, để đổi lấy ly biệt suốt cả cuộc đời.

Bao năm nay, những người nghe câu chuyện của họ đều cho rằng đánh đổi như thế là xứng đáng, còn nhân vật trong câu chuyện, họ không hề hối hận vì sự đánh đổi ấy. Đến nay, chỉ còn lại hai bài từ khắc trên bia đá cô liêu, đứng đối diện nhìn nhau, tình sâu tựa biển, một người là giai nhân “hồng tụ thiêm hương”, một người là khách thơ “hồ mưa gọi gió”, họ lau lệ gượng cười trong trần thế, và dốc hết nỗi lòng than thở trong thơ từ. Những người đã qua đây đều cảm thấy trong tim mỗi người đều có một khu vườn Thắm, đều khắc một bài “Thoa đầu phượng”, mỗi tình chất chứa trong bài từ khiến bạn chìm đắm mãi lâu, nhưng lại chẳng hề liên quan đến bản thân mình.

Rời khỏi khung cảnh không liên quan đến mình, nhưng chẳng còn phong cảnh nào có thể níu chân bạn lại. Mà người rời đi đó, có thực sự nhẹ nhõm thanh thản, nhàn nhã tiêu sái hay không? Trước khi đến, có lẽ bạn lo lắng mình sẽ chìm sâu vào câu chuyện vườn Thắm, không biết có thể ra khỏi hay không.

Nhưng hề bước qua cánh cửa ấy bạn sẽ hiểu rõ rằng, mình chỉ là bụi trần của vườn Thắm, dù bạn có ngắm hết phong cảnh nơi đây, đến phút chót, rốt cuộc cũng chẳng qua là quần quanh bên ngoài cánh cửa. Bởi vì, vườn Thắm là của Lục Du, vườn Thắm là của Đường Uyển, bắt đầu từ một ngày xuân sắc ngập thành thời Tống đó, bắt đầu từ bài “Thoa đầu phượng” đó, cho đến ngày nay, cho đến mãi mãi sau này, đều là của họ.

Cho dù bạn có dùng phương thức gì để rời khỏi đó, đều không quan trọng nữa, bạn mang đi phong thái ngày xuân của vườn Thắm, nhưng không thể mang đi mối tình mưa bụi của khu vườn. Vậy thì, hãy nhẹ nhàng rời đi trong cơn gió xuân ảm Ứt ở vườn Thắm, không cần cáo từ, không cần nhìn lại, để ai ngủ say hãy tiếp tục ngủ say, để ai tỉnh táo vẫn tiếp tục tỉnh táo.

Đi về cố thổ

Có một nơi như thế, vốn là lần đầu gặp gỡ, nhưng lại khiến cho bạn cảm thấy giống như quê cũ cách biệt nhiều năm, một lần gặp gỡ ngắn ngủi, mà không sao quên nổi nhau. Đây chính là sông nước Thiệu Hưng, nó giống như một bức tranh cổ treo trên bức tường Giang Nam, miêu tả giấc mơ của những du khách qua đường lai vãng, mặc cho năm tháng để lại biết bao dấu vết cũng không làm thay đổi dáng vẻ ban đầu. Sông nước là tranh vẽ, bạn chính là từng nét chấm, nét phẩy trong đó, trong phong cảnh im lìm, bước những bước chân đây vãn điệu thơ từ, dùng sự phong tình của bản thân để nhuộm màu khắp vùng sông nước, và làm chính bản thân mình trở nên sống động hơn giữa cảnh trí sông nước này.

Tường cổ ngói xanh cũ mềm, dây leo chằng chịt, khói bếp la đà trên mái ngói đen của những tòa nhà cổ, trong không khí phảng phất mùi hương cũ kỹ của dưa muối khô, cảnh trí trước mắt là một tấm ảnh cũ đã bị bụi mờ phủ kín trong chốn sâu thẳm của thời gian, bỗng nhiên rút xuống trước mặt, khiến bạn chìm sâu vào cảm xúc hoài niệm xưa cũ, không thể tự mình thoát ra khỏi. Cho dù bạn đến từ nơi nào, bạn có duyên phận định mệnh với nơi này hay không, bạn đều cho rằng chính mình là ẩn sĩ từ phương xa quay về, có một cây cầu nhỏ cổ xưa kiên trì cố chấp đợi chờ bạn, có một dòng nước chảy trong vắt nguyên tẩy rửa bụi trần cho bạn, có một con thuyền mui đen đơn sơ sẽ chở bạn đi đến nơi mà cuộc đời bạn hướng đến. Buông hành lý nặng trĩu khỏi vai, sẽ có một giọng nói thì thầm bên tai bạn, đây không chỉ là cổ hương của Lỗ Tấn, không chỉ là cổ hương của rất nhiều nhân vật phong lưu trong lịch sử, mà cũng là cổ hương của bạn, từ đây về sau, linh hồn bạn sẽ tá túc ở nơi này, sẽ không còn nảy sinh cảm giác nghi hoặc mình là người lữ khách qua đường nữa.

Con đường lát đá nơi đây cũng mang một luồng linh khí đến cho Giang Nam, bạn không cần nói gì cả, mà tự nó sẽ hiểu bạn muốn đi đâu. Mỗi người bước chân trên đó, đều tưởng rằng đây là đường về nhà. Thế nhưng, tại sao lại có một cảm giác quen thuộc đến dường vậy, còn có một cảm giác mát lạnh lâu ngày không gặp khê lách qua tim? Người thiếu niên từ đối diện đi tới, đội một chiếc mũ dạ nhỏ, trên cổ đeo một chiếc kiềng bạc sáng lóa, dáng vẻ ngại ngùng khi gặp người lạ, rõ ràng thiếu niên đó tên gọi là Nhuận Thổ[6].

[6] Nhân vật trong truyện ngắn “Cổ hương” của Lỗ Tấn.

Nghe nói về sau anh cũng già đi, về sau nữa lại vì cuộc sống quẩn bách, nên đã ốm mà chết. Nhưng tại sao anh vẫn hiện ra trước mắt rõ nét như thế? Đôi mắt đen lay lắt vẫn trong trẻo và sáng ngời như xưa. Xuyên qua ánh mắt lấp lánh, tựa như nhìn thấy cảnh tượng dưới trăng sáng, một tay anh cầm cây đinh ba, và một con tra luôn qua háng anh bỏ trốn.

Thời gian thật có tình có nghĩa, nó biến chàng thiếu niên cơ trí dũng cảm này “chết cứng” dưới ngòi bút của Lỗ Tấn, để mỗi một du khách đến Thiệu Hưng đều có thể lần nữa lật giở trang cổ thư bị tuế nguyệt cất giấu ấy. Nó mang đến cho bạn một khoảng hồi ức, thời gian vừa đủ, mà sau đó lại âm thầm đưa bạn đi, bạn còn chưa kịp đau buồn, thì đã có cảnh tượng tươi mới khác lấp đầy suy tư của bạn.

Ánh nắng mặt trời lúc này rất nhạt, rất thanh, nó mở to đôi mắt nhìn tất cả mọi người như bụi trần. Bạn có thể đi qua khe hở của ánh sáng và bóng nắng, tìm kiếm vẻ đẹp mà những chuyện cũ mây nước để lại nơi này. Tìm Bách Thảo Viên để nếm một khoảng xanh ngắt vào hoang mạc linh hồn, để cỏ xanh đâm sương phẩy qua bụi bặm, kết lắng sâu tận đáy tim.

Bước vào nhà cũ của Lỗ Tấn, một mùi hương cũ kỹ của năm tháng và hơi hướm của sách vở xộc tới, bàn ghế cổ, bình hoa xưa, sàn lạnh lẽo, khung cửa sổ khắc hoa, in rõ dấu vết của thời gian, nhưng lại sạch sẽ không vương chút bụi. Đến cả không khí cũng bao phủ thời đại phồn hoa, nhớ chuyện cũ người xưa dường như đã trở thành một khuynh hướng mới mẻ, nếu không phải là thời gian truy đuổi, ai lại nỡ từ bỏ giấc mộng đầy những tình cảm ám áp dịu dàng, lại đầy hoài niệm này mà tỉnh lại?

Đi xuyên qua hành lang là đến Bách Thảo Viên, màu xanh ngăn ngắt đến bức người ấy đã gột rửa sạch trơn tâm tình cổ xưa ban nãy, trong sinh mệnh tràn ngập hương thơm của cỏ cây, tiếng chim hót trùng kêu. Trong đầu xuất hiện mấy cảnh tượng như đám trẻ đang chơi đùa nơi đây, những ký ức mờ nhạt bắt đầu từ xa đến gần, từ mơ hồ đến rõ nét. Tuổi thơ mỗi người đều có một khu vườn Bách Thảo, trước khi rời khỏi quê hương, chúng ta đã đem tuổi ấu thơ vụng dại ấy gửi lại nơi đây, đợi nhiều năm sau khi quay trở lại, nơi này vẫn tỏa ra một mùi vị ngây thơ non nớt của thuở đó.

Từ Bách Thảo Viên đến Tam Vị Thư Ốc chỉ cách nhau một cây cầu đá, hành trình ngắn ngủi ấy đã khiến thời gian quay ngược trở lại, chuyện cũ tái hiện. Ánh dương có thể lọc tẩy vẻ đẹp, nhưng không thể khiến nó bay hơi; gió mát có thể lay tỉnh giấc mộng xưa, nhưng không thể chôn vùi nó. Nhân sinh có trăm vị, yêu hận tình thù, buồn vui sướng khổ đều nằm trong trăm vị ấy, nếm qua hết mới hiểu được thế nào là chân lý. Trong sách có ba vị[7], từng là kinh, sử, chư tử trăm nhà, đọc qua hết mới hiểu thế nào sâu sắc.

[7] Tam vị: Có hai thuyết nói về ba loại cảm nhận của người xưa đối với việc đọc sách, thứ nhất là “đọc kinh vị như lúa gạo, đọc sử vị như sơn hào hải vị. Đọc bách gia chư tử như gia vị”, thứ hai Lý Thục đời Tống nói rằng: “thi thư như canh ngọt, sử là đồ ăn ngon, tử là gia vị, gọi là ba vị.” Tam vị là sự ví von sách vở là thức ăn tinh thần cho con người.

Bước qua ngưỡng cửa, ngược mắt nhìn tấm biển treo phía trước “Tam Vị Thư Ốc”, mùi vị cổ kính thanh mát đó giống như gặp lại bạn cũ, chỉ trong sát na đã khóa lấy tâm hồn mềm yếu của bạn, muốn thoát khỏi cũng đã quá muộn rồi. Để bạn hiểu rằng, rất nhiều duyên phận trong cuộc đời đều cảm nhận thấy trong lúc vô tình, đôi khi tưởng như một cái nhìn bình thường, nhưng ý vị lại vô cùng sâu xa.

Đây là Tam Vị thư ốc của Lỗ Tấn, còn nhớ âm thanh cổ của các trường tư thực thời xưa đã đem lại những ảo tưởng vô tận cho lớp nhi đồng thời đại mới, còn nhớ một chữ “Tảo” (sáng, sớm) trên bàn học đã khiến lớp học trò nổi nhau học theo, thịnh hành một thời. Đến nay có thể thực sự nhìn ngắm cảnh tượng trong mơ, nhìn dấu cũ như còn đó, lại thêm phần hoài niệm đối với người xưa. Thời gian tựa như một tấm gương sáng, quá khứ là bóng hình trong gương, thực sự tồn tại, nhưng lại không thể chạm vào, nó vĩnh viễn nhốt lại những người hoài cổ trong hồi ức.

Đều nói quá khứ hữu tình, nhưng thứ hữu tình rốt cuộc là quá khứ, hay là người truy tìm quá khứ? Trên đường đi qua quán rượu Hàm Hanh, Khổng Ất Kỷ mặc chiếc áo dài rách nát, đối diện với một đĩa đậu hời hương[8], trên gương mặt dường như đã nở thêm một nụ cười nhàn nhạt. Ánh nắng ấm áp xua tan ngày hôm qua lạnh giá, những người đến đây đều đã đi cả rồi, chỉ còn ông vẫn kiên trì giữ gìn vẻ đẹp cũ kỹ trong quán hàng cổ kính, là do đợi chờ người khách qua đường của quá vãng đến đau lòng hay sao? Đau lòng vì ông đã lạc mất hồn phách trong vận mệnh quanh co, đau lòng vì ông say tỉnh suốt cuộc đời mơ hồ? Hay là vì ông đã nợ mười chín đồng tiền nên chẳng thể rời đi?

[8] Đậu hời hương: Một loại đậu to như hạt cô ve, hương vị rất nồng, là một món ăn vặt ưa thích của người Thiệu Hưng.

Thực sự không biết, những người vào quán đó khi nhìn thấy tấm biển treo trên đó có viết, “Khổng Ất Kỷ, nợ mười chín đồng, ngày mừng sáu tháng ba” bằng chữ lớn, trong lòng cảm giác sẽ ra sao? Từ bao giờ, món nợ của Khổng Ất Kỷ đã trở thành đạo cụ để người đời hời tưởng quá khứ? Thế nhưng, tại sao lại phải trưng món nợ mà một người cùng quần cả đời không thể trả nổi ra cho những người qua đường chỉ trở, bàn tán? Rõ ràng là đang nhắc nhở điều gì, hay đang ám chỉ điều gì. Có khi cũng chẳng vì điều gì, một phong cảnh như thế, những người đã từng thấy nó đều sẽ quên đi. Thế gian này có cuộc đời nào mà không nợ nhau? Chính vì nợ nhau, nên mới có duyên phận không thể tách rời. Không cần ném ly rượu nồng của tuế nguyệt lẫn nữa, giữa tháng ngày ngồi im lặng trong giấy lát, bạn đã say ngất ngây rồi.

Có từng say mới biết mùi vị thực sự, khi tỉnh lại mới hay ý tứ đượm nồng. Trong hoàng hôn say đắm gió xuân, chèo một chiếc thuyền mũi đen đi đến một sân khấu kịch là một hành trình không thể thiếu của mỗi người khi đến vùng sông nước. Cứ xuôi dòng mà đi như thế, vút bỏ vầng mặt trời đang lặn sau lưng, để mau mau đến kịp buổi diễn kịch dưới ánh trăng vàng vạc. Cho dù là mở màn, hay là kết thúc, thậm chí chỉ có thể đứng trong lúc chiều tàn nhìn sân khấu trống trơn, vẫn phải âm thầm đến trong sự ngưỡng mộ nhưng nhớ.

Phủi đi lớp bụi thời gian, dưới ánh trăng, sân khấu sát mép nước tỏa sáng lấp lánh soi rọi bóng thời gian của khúc nhạc kịch, một chiếc thuyền mũi đen neo trên dòng nước, có phải đang nghiêng ngả ý vị buồn vui ly hợp trong vở kịch hay không? Còn đào kép trên sân khấu, đã nhìn quen cảnh khách đến khách đi, nên chẳng đợi chờ một ai. Chỉ có người xem kịch, không cần thận đã bị rơi vào trong muôn ngàn cảnh tượng, cố chấp không chịu rời đi. Nước đã tạo nên một cảnh tượng huyền ảo cho bạn, bạn muốn thoát khỏi cảnh tượng ấy thì buộc phải xé tan mặt nước phẳng lặng, ra đi trong sóng vỗ nát tan, để lại những mảnh trăng vỡ vụn, để những người đến sau sẽ lại lần nữa hợp thành trong mộng cảnh khác.

Dừng cảm truy tìm sự khoáng đạt trong cơn khiếp nhược, tỉnh táo truy cầu sự linh ngộ trong lúc trầm mê, đời người ấy có được coi là hoàn mỹ trong khiếm khuyết? Theo đuổi ánh sáng chân chính trong bóng tối, buộc phải thấp lèn ngọn lửa của tâm hồn, hành trình trở về một cách chói lọi sẽ không còn bao xa. Chiếc thuyền mũi đen trên mặt nước đã bị sương sớm thấm ướt, lại được rắng chiều tô điểm, nay đội trăng đội sao, tạm dừng một khoảng thời gian ngắn ngủi trên mỗi bến bờ, sau đó lại tiếp tục trôi đi trong dòng sông số phận. Khi bạn từ điểm kết thúc quay trở lại điểm khởi đầu, sinh mệnh đã không còn trẻ trung như thuở ban đầu. Tỉnh lại sau cơn hồi ức, đối diện với sự buồn bã, bạn còn có đợi chờ điều gì trong vô vọng nữa không?

Nếu như cuộc gặp gỡ rục rờ, đã định trước chuyển ly tan quay người ra đi, bạn có hối hận vì đã từng có

một lần như thế hay không? Nếu như sự quanh quẽ của linh hồn, bạn có thể bình tĩnh hưởng thụ nỗi lạnh lẽo này chăng? Nếu như có thể, bạn hãy tìm một lý do để đeo đuổi. Ở Giang Nam sông nước như thủy mặc này, bạn thấu hiểu được sâu sắc từ trong giản đơn, nhìn thấy được ánh sáng từ trong bóng tối, thì đó chính là hy vọng của đời người.

Con ngõ viết nên kết cục ấy, có một con đường thông tới điểm khởi đầu. Khi đến, bạn ngỡ rằng đã tìm thấy cổ hương, nhưng lưng đeo tay nải, bạn vẫn trở về làm một người khách qua đường như cũ.

20. Chương 20: Tháng Năm Dung Thành

Luôn ngỡ rằng, đô thị được gọi là “Thiên phủ chi thành” (thành phố thiên đường) - Thành Đô rất xa xôi. Khi tôi đến đây, mới hay rằng, kỳ thực khoảng cách đó chẳng qua chỉ là một chặng non xanh nước biếc. Nơi đây còn được gọi là Dung Thành, đó không phải mỹ nhân như hoa, xa tít tận tầng mây mù; cũng chẳng phải là trắng sáng mênh mang, rơi tận sâu đáy nước trong vắt. Mà là một vùng khói lửa dịu mềm, lãng đãng trong những đường ngõ thơ mộng, chảy trôi trên đường Đàn Đài cổ kính, bao trùm trên những cầu mái xây mộng. Thời gian của Thành Đô sẽ không quay cuồng ca múa, mà nó lặng lẽ đậu trên từng cành cây, ngâm trong từng ly trà. Tôi là cô gái giản dị đó, nhân tản dạo bước ở Thành Đô, cùng Thành Đô đi một đoạn tháng năm thơm nồng.

Đời người ngõ phố

Cắt một khoảng thời gian nhàn nhã, một mình, áo trắng phong trần, bước trong ngõ rộng, ngõ hẹp và ngõ giềng^[1] của Thành Đô, tựa như bước đi trong một hành lang dài thông thẳng tới quá khứ. Trong ngõ không có sự nồng nhiệt như áo màu cười ngựa, mà có sự vui vẻ như hoa nở trên đường. Tháng năm đã chiếu những chiếc bóng tối sáng khác nhau ở nơi này, đi dạo trong những con ngõ sâu dài hun hút, tôi ngửi thấy mùi vị của thời gian, lắng nghe hơi thở của ngày tháng. Ba con ngõ lát đá chứa đựng biết bao phong tục tập quán này đã kết nối với muôn vàn linh hồn người Thành Đô. Trong đường đời như mây nước, sự tồn tại của nó là xiết bao tình sâu nghĩa nặng.

[1] Ngõ rộng, ngõ hẹp, ngõ giềng nằm trong Khu bảo tồn văn hóa lịch sử của thành phố Thành Đô.

(1) Ngõ rộng hẹp

Người ta nói thứ mà ngõ rộng hẹp chứng kiến chính là cuộc sống “nhàn tản” của Thành Đô xưa, cái mà nó tái hiện chính là ký ức của người hiện đại đối với một thành thị. Mà ngõ rộng hẹp kể về cuộc sống “chậm rãi” của Thành Đô xưa, cái nó phô bày chính là văn hóa sân nhà của Thành Đô. Khi tôi giẫm chân lên ánh nắng mềm mại đi vào ngõ nhỏ, không khí nhàn tản và nhịp điệu thong thả nơi này khiến tôi tưởng rằng năm tháng đã quên thay đổi, câu chuyện vẫn còn dừng lại ở ngày hôm qua. Bất cứ cái quay người hoặc ngoái nhìn nào đều khiến tôi lạc vào một hồi ức xa xôi nào đó của Thành Đô xưa cũ. Tôi tin rằng, ngõ rộng hẹp chắc chắn là một áng thơ dân gian mà năm tháng cố tình để lại, khiến cho những người đã từng bỏ lỡ và những người chưa từng gặp gỡ đều có thể có được sự thân thiết và tươi đẹp thanh thần này.

Trong ngõ không có đàn sáo huyền ảo của thế giới phù hoa, mà là một khoảng khói bếp phổ chợ bình dị. Tôi gần như có thể ngửi thấy hơi thở quen thuộc của phong tục dân tình đất Ba Thục từ trong kẽ hở của con đường lát đá xanh này. Ngõ rộng, hẹp của Thành Đô, tuy ở giữa chốn đô thị phồn hoa, nhưng vẫn giữ nguyên được kiến trúc thời cuối Minh đầu Thanh. Ngói đen gạch xanh sạch sẽ, những cánh cửa, ô cửa sổ kiểu cổ bằng gỗ, những hòn đá buộc ngựa bên mép tường cổ, những quán trà già nua bên hè phố, cây ngô đồng rậm rì, những cảnh vật rõ ràng cổ kính ấy, cách sự ồn ào của thành thị một bức tường âm thanh, mà đã thanh lọc hết thảy bụi bặm của trần thế thành trong sạch thanh tịnh. Mà mộng xưa Ba Thục của nghìn năm trước, chỉ mất một sát na, là đã gặp gỡ ở thời nay.

Đi vào khách sạn Long Đường, đặt hành trang gọn nhẹ của mình xuống, tôi liền cảm nhận được cảm giác vui sướng mà “thành phố hạnh phúc nhất” này đem lại. Ở Thành Đô, có rất nhiều khách sạn đặc biệt nên thơ như thế này, núp chân biết bao giai khách gần xa đến từ khắp trời nam đất bắc. Họ cũng giống như tôi,

vội vã hối hả để đến với niềm hạnh phúc thư thái của nơi đây. Đi trong ngõ rộng hẹp, ánh dương sáng ngời lướt qua áo tôi, tựa như sẽ đem sức sống thanh xuân trên người tôi truyền sang ổi người. Còn tôi lại ngất ngây say đắm không khí phố chợ nồng đậm nơi đây, từng quán trà gọi lại hết thảy hồi ức của các cụ già, từng gương mặt cười thu hút tôi, khiến tôi muốn lập tức được chia sẻ niềm vui của họ. Tôi tận tình “lượn lờ” qua hết mọi khung cảnh thanh thoi của ngõ nhỏ, cao đàm khoát luận với đủ mọi loại người, không cho phép bản thân bỏ lỡ bất cứ cảm giác hạnh phúc nào.

Chọn một quán trà ven đường để ngồi nghỉ, uống một ly trà ướp hoa phù dung. Nơi đây hội tụ những người Thành Đô xưa và những người qua đường nhân tản, hai bên gặp gỡ chẳng hỏi nhau từ đâu đến, cũng chẳng hỏi bao giờ quay về. Tôi mang theo tuổi trẻ và sự phồn hoa của thành thị, vô cơ xông vào con ngõ cổ bình yên này, cùng họ tận hưởng sự yên tĩnh mà tháng ngày đem lại, kể về những gió mây biến đổi ngày hôm qua của Thành Đô. Trên người họ phảng phất một sự yên ả bẩm sinh, giữa chốn phố thị sương khói bao trùm này, họ vẫn sống những ngày “tri túc thường lạc[2]”. Mùi vị của trà, ngôn ngữ của nước, tôi hiểu được tâm ý của chúng. Có những duyên phận chỉ cần một ly trà là đủ.

[2] Tri túc thường lạc: Biết đủ thì luôn vui, chỉ thái độ sống biết hài lòng với hiện tại và những gì đang có.

Tháng ngày trong ngõ nhỏ có thể tùy ý lãng phí, bất cứ một cách sống nào cũng không phải là sống hoài sống phí. Ngắm phong cảnh trong ngõ, bị lối kiến trúc cô đọng, mộc mạc mà cổ kính dẫn vào câu chuyện của người khác. Nhân nhả uống một ly trà là đã hết một buổi chiều. Trong thời gian chậm chậm trôi, cảm nhận được sự gấp gáp của đời người, nhưng vẫn yên tĩnh một cách trầm lặng, nhân rồi. Dọc đường đi, có thể nhìn thấy những người già uống trà, túm tụm tán gẫu với nhau, những chú mèo lười biếng ngồi dưới chân họ gật gù ngủ, thấy những cành lá xanh mướt mát bò lan trên những bức tường có cánh cửa nửa đóng nửa mở, còn một đôi chim họa mi treo trên cây ngô đồng. Khói lửa phố thị nguyên chất nguyên vị ấy khiến người ta bước theo tiết tấu của người Thành Đô xưa, bị họ làm cho rung động một cách sâu sắc.

Khoảng sân xanh rêu, vài khóm tre già đang tu thân dưỡng tính, mấy bụi hoa giấy đã thò ra khỏi đầu tường. Tư thế chậm chạp thông thả của chúng khiến bạn cảm thấy mùa xuân nơi đây vẫn còn đang chần chừ, hỏi xem đã đến thời khắc giao mùa hay chưa. Người đến người đi dừng chân trước khoảng sân có điêu khắc mấy bức tranh cổ dân gian này, không chỉ vì muốn ngắm nghía khung cảnh bên trong bức tường, mà là muốn có một chốn quay về trong cuộc đời. Đây là mái nhà của người Thành Đô, họ bảo vệ những ngày tháng xanh rờn trong sân, không còn ước cầu gì hơn. Mặc cho những cánh én bay xa ngàn dặm, cũng sẽ quay trở về mái hiên quen thuộc, nghỉ ngơi trong những chiếc tổ đơn sơ của chúng, và người chủ nhân già đi, kể lại những câu chuyện cũ ngày ngày bồi đắp xây mộng năm xưa.

Nếu có thể giữ lại được tuổi thanh xuân, tôi sẽ đặt cược tất cả vốn liếng để bản thân đắm chìm trong ngõ rộng, hẹp và dưới ánh mặt trời chói lọi. Không cần thề hẹn, quên đi tháng năm, chỉ dùng sinh mệnh trẻ trung đón nhận quãng thời gian hạnh phúc này. Không để mỗi chặng đường đi qua lưu lại dấu tích, không để bất kỳ ký ức nào tan tác thành tàn tro.

(2) Ngõ giếng

Nếu nói ngõ rộng, hẹp là một cuốn sách giản đơn hoài niệm chuyện cũ người xưa, viết về cuộc sống phố thị phồn hoa nhất của Thành Đô xưa, vậy thì ngõ giếng chính là một nét bút thanh tân hiện đại trong trang sách. Trùng tu tô điểm lại kiến trúc cổ xưa, vừa bảo tồn được phong cách mộc mạc năm nào, lại gia tăng thêm nét thơ mộng của thời đại mới. Có nghĩa là, dùng tình cảm để trang hoàng lại một quãng thời gian đã qua, thì quãng thời gian ấy sẽ không bị mất đi hương vị nguyên sơ thuở đầu, mà lại được thêm phẩm chất “ôn cố tri tân.”

Đi trong ngõ giếng cổ kính, tôi lại nảy sinh một cảm giác lần đầu gặp gỡ dưới bóng hoa đào. Bức tường văn hóa dài 400 mét đó có đặc diện mạo lịch sử như ban đầu của Thành Đô xưa, giống như một người già đã kinh qua mọi dâu bể, thì thầm kể lại chuyện kiếp trước của Thành Đô. Mà dọc con đường này đầy rẫy những quán bar, nhà hàng mang đậm hơi thở thời đại, thu thập đủ mọi phương thức tự do sinh sống, giống như một thiếu nữ tươi cười tựa hoa phù dung, diễn lại một kiếp hoa lệ của Thành Đô. Có lẽ, chỉ có người Thành Đô mới có thể dung hòa lịch sử và hiện đại một cách hoàn mỹ và nhuần nhị đến thế, thanh sắc rực rỡ đến thế.

Trước khi đến với ngõ giếng Thành Đô, trong ba lô của tôi nhét đầy mộng ước tuổi xuân và những khát

vọng hạnh phúc đối với thành phố này. Ngỡ rằng, có mơ ước thì sẽ có hạnh phúc. Khi tôi nhìn thấy những con người Thành Đô yêu cuộc sống trong ngõ giếng đó, có người đang lười biếng phơi nắng, có người đang túm tụm tán gẫu, có người đang ôm một bình trà ngủ gà ngủ gật. Những cảnh tượng thanh bình an lạc đó chính là hạnh phúc trong mơ của tôi. Trời cao xanh ngắt, mây trôi bồng bềnh, dưới ánh nắng vàng như mật ngọt, tôi dường như sắp thiếp đi. Nhưng lại cảm thấy niềm vui dấy lên trong trái tim, khiến tôi không dám bỏ lỡ bất cứ điều gì, chỉ muốn cùng họ sống qua quãng thời gian này ở Thành Đô.

Một đám đông thanh niên đang cùng chơi và nghe nhạc, tôi lập tức bị hút qua đó, hòa mình với họ để ủ những giai điệu thành một bình mỹ tửu, để tuổi thanh xuân được say khướt một trận. Cuộc gặp gỡ vô tình này không liên quan đến tan tụ, chỉ vui vẻ trong khoảnh khắc rồi sẽ cùng quên nhau. Còn tôi, đến đi đều vội vã, lòng không hề vướng bận, dù cho hoa nở hoa tàn, vẫn thoải mái vô tư. Bởi vì, duyên phận nơi này vốn không có trong số mệnh, chỉ là vĩnh viễn lưu lại nụ cười mỉm trên gương mặt của người khách lữ hành. Đây chính là thời gian trong ngõ giếng, vĩnh viễn mang một phong thái huyền ảo yên ổn, mặc cho tôi và bạn dùng bất cứ phương thức nào để tận hưởng đời người.

Không cần nhiều lời thêm nữa, tôi sẽ dùng ngòi bút của tuổi trẻ viết nên sự tươi đẹp của tuổi xuân đầy thơ và rượu. Để mỗi người đến với ngõ giếng này, trong những tháng ngày hạnh phúc, họ đều có thể nhàn tản thưởng ngoạn sự nên thơ của Thành Đô, nhận lấy thiên hạ đất Dung Thành.

Đều nói, đây là thành phố mà đâu đâu cũng đầy ắp sự dịu dàng, cho nên khi rời khỏi ngõ phố, trong lòng vẫn tràn ngập cảm giác dịu dàng ấy. Kỳ thực, ly biệt cũng như tương phùng, đều là những điều hết sức bình thường. Khe khẽ quay người, tôi đã biết rằng, ở ngõ rộng, hẹp của Thành Đô, thứ nó quan tâm là ký ức xưa nay của một thành thị, cái nó mở ra lại là đời người rồi rầm dao động của ngàn vạn khách qua đường.

Ngõ rộng ngõ hẹp

Dưới ánh nắng nhàn nhạt

Những con ngõ rộng hẹp dài hun hút

Ánh sáng rụng rơi đầy mặt đất

Chuyện xưa lướt qua tay áo người lữ khách

Đây chính là Thành Đô

Biết bao hạnh phúc nhàn tản

Chạm tay là với tới.

Đường phố ngập tràn khói lửa

Tỏa ra mùi vị của Thành Đô xưa

Cửa gỗ ngả màu

Mở ra ký ức của ngày hôm qua

Quán trà thời xưa

Kể lại cuộc sống phố thị Dung Thành

Còn có những mảng tường xanh rêu

Năm này qua năm khác

Giữ chân những người khách bình thường

Không để thời gian thay đổi dung nhan của thành phố

Một con ngõ nhỏ tuổi đời trăm năm

Trải qua hết thấy tươi héo phàm trần

Ngắm hết vô số chúng sinh

Có người đem tuổi thanh xuân
 Treo trên những khung cửa chạm trổ
 Có người đem tâm tình nhàn rỗi
 Rải trên con đường lát đá tinh khôi
 Còn có người đem câu chuyện
 Vội vã gói ghém vào hành trang của mình
 Đời người thật quá chậm, quá chậm
 Ngắm hết phong cảnh trong ngõ
 Cuộc sống Thành Đô xưa vẫn còn nguyên dáng vẻ ban đầu
 Đời người cũng thật quá nhanh, quá nhanh
 Tựa như một chén nhàn trà
 Từ ấm sang lạnh, từ đặc sang nhạt
 Chỉ trong khoảnh khắc mà thôi
 Mở toang cánh cửa khóa im lìm trong hồi ức
 Ngõ rộng ngõ hẹp của Thành Đô
 Mỗi ngày đều đợi chờ khách qua đường với sự nên thơ cổ hữu
 Chẳng bao giờ là sớm nhất
 Cũng chẳng bao giờ là quá muộn.
 Thiên phủ Cẩm Lý

Nhắc đến Tứ Xuyên, điều khiến người ta nhớ đến là phong tục tập quán của vùng Xuyên Tây, nhớ đến những sự kiện lịch sử thời Tam quốc, nhớ đến văn hóa nông hậu của đất Ba Thục. Nơi đây đất đai rộng lớn, sản vật dồi dào, lịch sử lâu đời, tự cổ đến nay đã có tiếng khen là “đất nước thiên đường”. Thành Đô chính là thủ phủ của Tứ Xuyên - được gọi là “thành phố thiên đường”, về nhân nhã, phong thái và cả sự dịu dàng của nó khiến những người tới đây rồi đều không muốn rời đi. Cẩm Lý được tôn xưng là “Thanh Minh thượng hà đồ bản Thành Đô[3]”, đây là tòa kiến trúc tinh túy của thành cổ. Những người bước vào bên trong chỉ khi lật giở bức tranh phong tục dân gian truyền thống này, mới có thể thực sự lĩnh hội được vẻ đẹp rực rỡ của Thành Đô, thưởng thức được sự phong lưu hào hoa của đất Thục.

[3] “Thanh Minh thượng hà đồ” (tranh vẽ cảnh bên sông vào tiết Thanh Minh): là tên tác phẩm hội họa khổ rộng của Trung Quốc, bản đầu tiên và nổi tiếng nhất là của họa sĩ Trương Trạch Đoan đời Tống. Tác phẩm mô tả cảnh sống của người dân Trung Quốc đời Tống tại kinh đô Biện Kinh (tức Khai Phong ngày nay) với đầy đủ những sinh hoạt thường nhật, trang phục, ngành nghề, các chi tiết kiến trúc, đường xá cũng được mô tả kỹ lưỡng với nhiều màu sắc trên một diện tích rộng. “Thanh minh thượng hà đồ” được vẽ trên một trường quyền có kích thước 24,8×528,7 cm.

Danh tiếng của “Thanh minh thượng hà đồ” tại Trung Quốc rất lớn, chính vì vậy đôi khi nó được gọi là “Mona Lisa của Trung Quốc”. Nó là báu vật của nhiều triều đại phong kiến Trung Quốc và hiện được trưng bày tại bảo tàng Cố Cung, Bắc Kinh.

Cẩm Lý, tức là Cẩm Quan Thành. Thường Trắc đời Tấn viết trong “Hoa Dương quốc chí”, phần “Thục chí” rằng: “Châu chiếm học phủ của quận để làm học phủ của châu, học phủ của quận liền chuyển từ phía nam cầu Di Lý đến phía đông cầu, bắt đầu gây dựng nền học, học phủ của quận có bờ tường thấp bao quanh, dẫn thẳng đến phía tây thành, do đó gọi là Cẩm Cung. Thợ dệt dệt gấm, giặt nước sông ở đây thì gấm rực rỡ tươi đẹp hơn hẳn, các sông khác không bằng, vì Thế Âmà được gọi tên là Cẩm Lý vậy.” Cẩm Lý do bảo tàng Văn Hầu tự khôi phục trùng tu, hiện là phố thương mại đi bộ nổi tiếng nhất thành phố Thành Đô, được xây dựng phỏng theo phong cách kiến trúc cuối thời Thanh đầu thời Dân Quốc. Con phố này lắng kết

tinh hoa cuộc sống Thành Đô, có khu ăn vặt điểm tâm nổi tiếng Tứ Xuyên, khu trưng bày và bán hàng thủ công mỹ nghệ truyền thống Tứ Xuyên, khu khách sạn phủ đệ, khu giải trí thời trang... và được gọi là “Đệ nhất phố Tây Thục”.

Bước vào bên trong Cẩm Lý, mới biết đây là nơi khói lửa mịt mù. Nhưng ngày tháng nơi đây sẽ không bị rối ren loạn động, trong hỗn tạp lại đan xen một cảm giác yên tĩnh cổ xưa. Từng cửa tiệm trên phố đều lay tỉnh hết thấy ký ức của Thành Đô, cho dù bạn là con đi xa trở về, hay là khách qua đường, đều không thể đặt mình nằm ngoài nó. Mà những người cam tâm tình nguyện trọn vẹn hòa vào trong dòng người, cùng họ ngấm ngấm khói lửa nhân gian, nếm trải trăm vị thế tình. Cẩm Lý như một bức tranh cổ quá nhiều ý vị, hội tụ đầy đủ cuộc sống thuần phác của dân chúng phố chợ, lại như một bình trà xanh, được pha bằng những câu chuyện, đợi chờ người có duyên dùng tâm thưởng thức.

Khi đến Cẩm Lý, lưng đeo tay nải rỗng không, bởi vì tôi biết, sẽ có quá nhiều điều kinh ngạc và câu chuyện hiện hữu ở nơi đây lấp đầy hành lý của tôi. Dạo bước trên ngõ phố đầy hành lý của tôi. Dạo bước trên ngõ phố của Cẩm Lý, nếp sống của người dân Xuyên Tây từ lâu đời ủa tôi, chỉ trong tích tắc, tôi đã bị sự náo nhiệt quen thuộc của nơi này cuốn say. Tựa như tôi có tính cách của người Thành Đô, có tâm tình nhàn rãi của người Thành Đô, hơn nữa có thể cùng với họ hưởng thụ niềm hạnh phúc và sự ấm áp mà thành phố này mang lại.

Một con phố cổ dẫn ra nguyên vị của cuộc sống phố thị, đi xuyên qua nó, không cần suy nghĩ điều gì, chỉ cần hết lòng chìm đắm trong giấc mộng đất Thục này, để tuổi xuân một lần nữa được buông thả vui vẻ. Tôi của lúc này có thể tìm thấy câu chuyện của ngày hôm qua trong phong cảnh sự vật của ngày hôm nay, lại có thể diễn lại truyền kỳ của ngày hôm nay trong đáy sâu của ngày hôm qua.

Những đồ trang sức thủ công muôn màu muôn vẻ trong các cửa tiệm không ngừng vẫy gọi tôi dừng chân, như một thứ ngôn ngữ không lời đang kể cho tôi nghe về văn hóa phong tục của Xuyên Tây, vì bản thân chúng vốn là văn minh của Thục Trung, là chuyện cũ của Thành Đô. Khiến tôi tình nguyện trả trước những ngày tháng quý báu, giao phó tuổi hoa của mình, vì chúng mà ở lại. Trút bỏ hành trang, quên mất mình là lữ khách, bước vào một quán trà phường rượu nào đó, gọi một bình trà, ăn một bát mì thịt bò, ngồi mãi không muốn đi. Không rời xa được tháng ngày tươi đẹp cổ kim đổi dời, không rời được cuộc đời nhàn nhã say tỉnh đan xen này. Mỗi một món đồ thủ công ở đây đều khiến tôi lưu luyến, mỗi một món ăn đều khiến tôi nhớ mãi, mỗi một gương mặt người, đều khiến tôi cảm động.

Cẩm Lý là một con phố cổ thích hợp với việc hoài cổ, cũng là một địa điểm mà người nhả kẻ tục có thể cùng thưởng ngoạn. Rất nhiều người đến đây có thể tìm lại ký ức tươi đẹp, cũng có thể hưởng thụ cuộc sống chậm rãi, an nhàn giữa phố thị sôi động xô bồ. Ánh dương luôn hiểu lòng người, nhìn thấu hết thấy sự náo nhiệt của Cẩm Lý. Đứng trên phố nhìn những người thợ thủ công quẩy gánh nặn tò he, mua sức vải gấm của đất Thục trong những cửa tiệm sắc sỡ sắc màu, dưới khăn đài xem một đoạn kịch có kỹ thuật đổi nét đặc sắc. Tựa như mượn một sức vải thêu, vải gấm đất Thục là có thể dệt nên sơn hà tráng lệ, nghe một đoạn kịch Xuyên là có thể diễn hết buồn vui ly hợp, uống một bát rượu cay là có thể gia nhập buổi kết nghĩa vườn đào. Cẩm Lý chính là một con phố cổ đầy rẫy huyền thoại, rõ ràng đứng giữa hồng trần phồn hoa, mà lại thản nhiên như nằm ngoài hồng trần.

Có người nói, đi loanh quanh ở Cẩm Lý của Thành Đô cũng giống như đi dạo ở Lệ Giang của Vân Nam, nhưng tôi lại cảm nhận được tục lệ thói quen giữa hai nơi này khác nhau hoàn toàn. Ở Cẩm Lý, điều khiến tôi kinh ngạc nhất là kịch rối bóng. Tạo hình rối bóng sinh động, linh hoạt, những hình vẽ tinh tế tỉ mỉ, động tác linh động, khéo léo, âm điệu tròn trịa uyển chuyển, sức lôi cuốn của loại hình nghệ thuật cổ điển mộc mạc mà tao nhã này tạo ra có thể khiến những mây gió đã chìm khuất lại nổi lên, khiến quá vãng đã lùi xa được tái hiện trở lại. Nó có thể khiến người ta ôn lại những phong tục thuần phác của Xuyên Tây, tìm lại những niềm vui giản đơn của tuổi thơ ấu. Tôi nhìn thấy người Thành Đô sống một cuộc đời vui vẻ sung sướng ở Cẩm Lý, đem những tâm nguyện tốt đẹp nhất hong dưới ánh nắng ấp ấp, đem những câu chuyện bình thường phản chiếu lại trong một vở kịch rối bóng.

Kịch chưa kết thúc, ánh đèn vẫn sáng. Đứng trong phố cổ Cẩm Lý tràn ngập hơi thở của ngành kinh doanh, nhìn ra xa chỉ có Vũ Hầu tự (miếu Vũ Hầu) sát ngay gần đó, lúc này đang im lìm trầm mặc. Sự trầm mặc của nó, có phải là đang chờ đợi một câu chuyện ngàn thu ba lần đến nhà tranh khác hay không? Lưu Bị và Gia Cát Lượng của năm đó, có phải vẫn còn đang ở thánh địa Tam Quốc, ngồi đối diện nhau, gẩy đàn nâng

chén hay không?

Cầm Lý, bạn hãy nhìn hành trang rỗng không này xem, nó đã bị lấp đầy bằng cuộc sống chân thực và văn hóa lịch sử nơi đây. Mang theo những ký ức sinh động đầy ắp này, đủ để nuôi dưỡng tâm tình một đời, và truyền ột người khác. Hãy để họ biết rằng, ở Cầm Lý có một bức tranh “Thanh Minh thượng hà đồ” phiên bản Thành Đô hết sức thú vị.

21. Chương 21: Tháng Năm Dung Thành

Luôn ngỡ rằng, đô thị được gọi là “Thiên phủ chi thành” (thành phố thiên đường) - Thành Đô rất xa xôi. Khi tôi đến đây, mới hay rằng, kỳ thực khoảng cách đó chẳng qua chỉ là một chặng non xanh nước biếc. Nơi đây còn được gọi là Dung Thành, đó không phải mỹ nhân như hoa, xa tít tận tầng mây mịt mù; cũng chẳng phải là trắng sáng mênh mang, rơi tận sâu đáy nước trong vắt. Mà là một vùng khói lửa dịu mềm, lãng đãng trong những đường ngõ thơ mộng, chảy trôi trên đường Đàn Đài cổ kính, bao trùm trên những cầu mái xây mộng. Thời gian của Thành Đô sẽ không quay cuồng ca múa, mà nó lặng lẽ đậu trên từng cành cây, ngâm trong từng ly trà. Tôi là cô gái giản dị đó, nhân tản đạo bước ở Thành Đô, cùng Thành Đô đi một đoạn tháng năm thơm nồng.

Khúc thứ nhất: Nếp cổ Cầm Đài

Ngồi trên một chiếc xe ngựa thời Hán, lần theo một làn điệu sinh động, hoặc đi theo một làn gió mát trong lành, là có thể đến được Cầm Đài của Thục Trung. Đứng trên đường Cầm Đài mới phát hiện ra, tôi giống như một người lữ khách hiện đại nhớ nhà, mà quên mất mặc bộ Hán phục phấp phới. Mà đường cũ Cầm Đài không phải là đường phố thời Hán, chỉ là thời đại Đại Hán đã đánh rớt một phong cảnh, treo một bức cổ họa nơi đây.

Tôi nghĩ, mưa khói của hơn hai nghìn năm trước trôi đi, cái còn lưu lại hẳn là tinh túy nhân văn như thế nào? Thời gian hơn hai nghìn năm mài mòn, cái bị cất giấu hẳn là báu vật bút mực ra sao? Không có năm tháng xa xôi, chẳng có đao quang kiếm ảnh, nhưng vẫn có thể tái hiện một cuộc vinh hoa Đại Hán, lễ nhạc yến tiệc, ca vũ thênh thang trong những bức tranh trên gạch nung thời Hán.

Quất ngựa tung vó bụi mù, bánh xe của lịch sử lăn qua mọi thời đại gió thét mây gào, lăn đến thời thái bình thịnh thế ngày nay. Đường Cầm Đài - một cảnh quan tráng lệ nguy nga, lẽ nào lại không đẹp đẽ hơn, to lớn hơn triều đại trước? Nếu luận về phong cốt, thì hán phong cổ vận choáng ngợp trời cao này đủ khiến người ta si mê. Nếu nói về lãng mạn thì đôi tình nhân mười ngón tay đan vào nhau cùng dạo bước trên con đường lát đá đỏ nghiêng nghiêng chính là Trác Văn Quân và Tư Mã Tương Như năm nào.

Là Cầm Đài của Đại Hán, là Cầm Đài của Trác Văn Quân, cũng là Cầm Đài của Tư Mã Tương Như. Năm xưa, một khúc “Phượng cầu hoàng” đã hé mở tiếng đàn lòng đầy tình cảm, từ đây những người liên quan và cả những người không liên quan nghe thấy đều không bao giờ quên nó. Sự nên thơ đến say đắm lòng người ấy đọng lại qua tuế nguyệt hơn hai nghìn năm, khiến một con đường Cầm Đài dài đằng đẵng vẫn vang vọng tiếng đàn tao nhã tính tang.

Khi âm luật vang lên miên man, đèn đuốc dưới hiên nhà bên hè phố nhảy hót theo nhịp âm thanh, dường như chúng đang cảm động, cảm động vì sự kiên trì tâm như trắng sáng, cảm động vì một lời hẹn ước bên nhau đến bạc đầu. Thời gian rất có nghĩa tình, nó bồi đắp những nỗi tiếc, giữ lại những hoàn mỹ chân thật, và tiếng sóng vẫn rì rào như xưa trong dòng sông lịch sử.

Nghìn năm đã qua, tại sao tân khách vẫn nườm nượp trên lầu Văn Quân? Vì người ta không quên được tuyệt đại hồng nhan bán rượu trong quán năm xưa, hay không quên được giai thoại phong lưu phượng cầu hoàng thời Hán? Chuyện cũ phong tư tha thướt ấy, giữa những người đã già nua giữa tháng ngày hôm qua. Đều nói đời người như một cái phẩy tay, mà sát na thôi đã có thể biến thành vĩnh hằng. Phong tình Đại Hán còn tiếp diễn đến tận ngày nay, vậy phần hoa của ngày hôm nay há chẳng phải sẽ tiếp diễn đến ngày sau sao?

Khi tôi đứng trên đường xưa Cẩm Đài, ngắm một vùng phong cảnh cẩm tú hoa lệ, ngắm mọi người sinh sống dưới ánh mặt trời. Bỗng nhiên tôi hiểu rằng, khói mây lưu chuyển suốt hai nghìn năm, chúng ta không hề bỏ lỡ thời gian, mà là thời gian bỏ lỡ bản thân nó.

Khúc thứ hai: Tìm chân lý ở phường Văn Thù

Có lẽ, non nước đất Thục thực sự có thể nuôi dưỡng tâm tình nhân tản. Nếu không tại sao ở Thành Đô, cho dù ngày tháng có vội vã hối hả rồi ren đến mấy, cũng vẫn có thể sống rất an nhàn tự tại? Ví như ở phường Văn Thù lúc này, tôi hái một đám mây trắng, có thể nhàn nhã nằm mộng, ngắt một cành lá xanh, có thể tĩnh tâm tham thiền.

Đứng ở đầu phố của phường Văn Thù của Thành Đô, chợt nhìn lên trên, là khói lửa hỗn loạn nhân gian, đến khi lòng lắng xuống, thì rõ ràng đó là sự thanh mát trong sạch của rừng Thiền. Nhân sinh có trăm vị, bước vào phường Văn Thù, là thấy tôi và bạn đã dung hòa hơi thở của phong tục dân gian với cổ vận Thiền Phật như thế nào, hết thấy đều ngấm thành một bình trà trong, nhấp lên mùi vị tuyệt vời.

Ánh nắng mặt trời ở đây mềm mại như tơ, và dẹt nên thi ý như mưa bụi, khẽ khàng đậu xuống cõi lòng tôi. Quá trình ấy tựa như hoa nở rồi hoa tàn, trăng khuyết rồi trăng tròn, tình ý lay động lòng người, vĩnh viễn dài lâu như thế.

Vật áo bay phần phật trong gió, những ngọn đèn ven đường, những thân cây rậm rì xanh ngắt, dòng người đông như mắc cửi, đều cảm thấy hơi ẩm của gió - một loại hơi ẩm thấm thía, một loại hơi ẩm say đắm. Nơi đây hội tụ những tòa kiến trúc phòng cổ, cổ ngoạn châu báu, văn hóa ẩm thực, thủ công dân gian... hết thấy phong tình của Thành Đô xưa. Phường Văn Thù chính là nơi gặp gỡ một cách hài hòa của hiện đại và truyền thống, dân tộc và Thiền cảnh, khiến mỗi người khách qua đường đều bước vào vòng xoáy dịu dàng này, khi bước ra tâm trí đã sáng tỏ trong sạch. Thời gian nơi đây tràn ngập sự ngưỡng mộ ngọt ngào, khi tôi ngưỡng mộ người khác, có lẽ đã có người nào đó cũng đang ngưỡng mộ tôi.

Dọc đường, phong tục nồng đượm và Thiền ý nhàn nhạt tuy lướt qua tôi, nhưng lại hoàn toàn chảy sâu vào lòng người. Đây là cơ duyên khiến mỗi giai khách trời nam bể bắc gặp nhau trên đất Thục, hai bên trao cho nhau nụ cười thân mật, để lại cho nhau những câu chuyện mới mẻ sinh động của chính mình. Ở giữa một nơi dịu dàng thế này, tôi cho rằng, đời người chỉ cần một tia sáng mặt trời là đủ rồi.

Một phong cảnh chân thực, dù là ai cũng muốn lưu giữ lại khoảnh khắc dịu dàng này. Nếu tôi là họa sĩ, nhất định sẽ vẽ lại, nếu tôi là nhà thơ, nhất định sẽ viết lên trang giấy trắng, nếu tôi là nhạc sĩ, nhất định sẽ gửi vào cung đàn, dù là người bình thường, cũng phải cố chấp chụp lại một tấm hình. Đến khi ngày tháng trôi qua, quay lại tưởng nhớ, cảnh trí đã từng gặp gỡ của nơi này vẫn còn trẻ trung như ngày hôm qua, chẳng thay đổi một mảy may nào.

Thật chẳng nở rời xa, may mắn là, lòng không cần cách biệt. Nếu vẫn còn có khoảnh khắc bỏ lỡ, thì hãy để cho lòng tôi chìm đắm ở nơi đây, vĩnh viễn trẻ trung, vĩnh viễn tình thơ ý họa.

Đã là kiếm tìm chân lý, thì sẽ không quên được ngôi chùa cổ nghìn năm chỉ cách có một bức tường - Văn Thù Viện. Bây giờ nó tọa lạc ở bờ sông chốn nhân gian phồn hoa, tựa như một khối ngọc cổ bồ đề, chiếu soi cho linh hồn trong vắt của chúng sinh, và cũng chiếu soi cho bức tranh Thanh Minh trời đất và con người hòa hợp.

Khúc thứ ba: Mộng cũ cầu mái

Liệu có người nào vì hoài niệm, mà viết một câu chuyện chưa từng xảy ra thành quá khứ? Như thể đến cầu mái An Thuận của Thành Đô, tôi và nó chưa từng gặp gỡ, nhưng lại muốn tìm một giấc mộng đã lạc mất ở nơi này. Không biết rằng khi tôi khe khẽ bước vào, rốt cuộc là lần đầu gặp gỡ hay là khoảnh khắc trùng phùng?

Cầu mái An Thuận, một cây cầu theo lối cổ điển, tường bao màu xanh, cột màu đỏ, ngói đen hiên cong vút, bình thản cùng với Hợp Giang Đình chiếu rọi lẫn nhau. Dòng sông Phủ Giang dưới chân cầu mái miết trôi không ngừng nghỉ, lặng lẽ chảy xuyên qua những giỏ mây lịch sử, mưa khói nhân tình của Thành Đô. Rất nhiều người đi qua cầu mái, nhưng những người nhớ đến nó thì thật hiếm hoi. Nơi đây cất giữ vô số những lần quay mình hoa lệ, và còn có cả những cái ngoái nhìn trong veo.

Thân cầu tựa như một dải cầu vòng, nhìn tưởng rất xa, nhưng kỳ thực lại ở rất gần, nó cúi nhìn dòng nước biếc chậm chậm trôi, lại độ lượng trông trời mây thăm thẳm. Cầu mái, cho dù đã được người đời sau chuyên tâm tu sửa, đổi lấy một dung nhan mỹ lệ, nhưng vẫn không giấu được biết bao chuyện cũ tang thương. Không biết Lý Bạch có từng vớt trăng sáng ở đây, Đỗ Phủ có chống chèo nhìn xa dưới chân cầu, Lý Thương Ẩn có ngâm vịnh mưa đêm Ba Sơn nơi này, và dòng sông này có tương thông với linh hồn suối Hoán Hoa của Tiết Đào hay không?

Cầu mái là nơi xây mộng, chúng ta có thể gửi mơ ước của mình vào nơi đây, chuyển qua mấy năm xuân thu, lại đến đây để tìm về giấc mộng. Mà trong mộng đã ủ một loại hương thơm ngàn năm. Người đi qua cầu mái đã tìm thấy giấc mộng của mình ở nơi này, đến phút cuối, vẫn là lựa chọn ly biệt trong nụ cười mỉm, bởi vì ra đi, là để lại có thêm một lần tụ hội trong nước mắt đọng đây. Như thuyền bè trôi nổi dưới chân cầu, có lẽ chúng ta đã từng đậu lại, nhưng vẫn phải chèo thuyền rẽ sóng nước mệnh mang, để đối diện với mây sớm mưa chiều.

Chính vận mệnh đã in những dấu ấn đậm nhạt khác nhau trên cầu mái, lại truyền sự ấm lạnh ỏi người đi đường. Ở nơi này, họ đã từng yêu sâu sắc, khắc cốt ghi tâm những gì đã từng có. Khi ấy, họ vẫn trên cầu, ngấm ến chao như dao cắt, nhìn ánh xuân tựa năm xưa, ngấm vịnh hoa nơi nhân thế dần lùi xa.

Thời gian quả thật trôi qua vội vã, chính trong khoảnh khắc chúng ta trầm tư, chớp mắt thôi mà đã đến đước sáng trưng. Lúc này, cầu mái trong màn đêm đã nhạt dần về thanh nhã tự nhiên, mà trở thành một tòa cung khuyết lung linh sắc màu trên mặt nước. Còn tôi đứng dưới bầu trời sao lấp lánh, cảm nhận một sự tĩnh mịch lặng yên đến xa vời.

Có lẽ sẽ có một ngày, cầu mái cũng già đi, nhưng dòng Phủ Nam chảy dưới chân cầu vẫn lặng lẽ đợi chờ một giấc mộng xưa về cầu mái quay về, trong ký ức già nua của nó.

Ngắm qua ngàn vạn phong cảnh, Thành Đô giờ đây vẫn chỉ là gió thoảng mây trôi. Dưới ánh chiều bàng bạc, nó không một chút mờ mịt, mà vẫn tỏa ra mây khói nhân nhậ lững lờ. Không cần vì một chút xúc động mà cố chấp đợi chờ, bởi vì, thời gian của Thành Đô vĩnh viễn thanh đạm nhân tản. Ly biệt của ngày hôm nay, hà tất phải để lại sự bồi hồi lưu luyến? Sát na mà tôi quay người đi, một đóa phù dung tao nhã đã từ từ hé nở trong tim.

22. Chương 22: Mây Khói Thảo Đường

Vốn cho rằng chỉ có sinh ra vào triều Đường, phải đầy bụng thơ văn, hơn nữa phải có cơ duyên mới có thể đến được thảo đường[4] của Đỗ Phủ. Nhưng nghìn năm sau, tôi không hề gõ cửa, mà cánh cửa của thảo đường tự mở đón chào tôi. Mang theo lòng thành kính là có thể thoải mái bước qua ngưỡng cửa đó, cùng thảo đường trải qua thời gian một ngày, cùng chung một nỗi tâm sự.

[4] Nhà đọc sách, trai phòng của các thi nhân, văn nhân được gọi là thảo đường.

Thả bước giữa một vùng phong cảnh u tĩnh, thảo đường mộc mạc cổ kính này tựa như chất chứa ký ức lịch sử sâu xa, nhưng cũng cơ hồ như chẳng có điều gì, chỉ là ngày tháng mệnh mang như nước. Giờ đây, tôi nhìn thấy một đám mây trắng đang mỉm cười, trong bụi cỏ còn có một chú dê đang rỉ rả kêu.

Mây trôi qua nghìn năm, câu chuyện cũ đất Thục Trung đã sạch trơn mây khói. Trúc biếc rợp bóng con đường lát đá, tôi đi ngang qua, chỉ nhìn thấy chiếc bóng của thời gian. Sự yên lặng xa thẳm của nơi đây, tuy ở bên ngoài nhân thế, nhưng thanh nhã thoát tục, nghiêm nhiên là chốn cố hương của những linh hồn đau khổ. Năm đó, Đỗ Công Bộ[5] vì tránh loạn An Sử, dời nhà đến đất Thục, dựng thảo đường ở Thành Đô. Ông tỉnh dậy sau một giấc mộng tan nát, mặc dầu hơi ẩm trên giường vẫn còn đó, nhưng câu chuyện trong mộng đã nguội lạnh. Ông mang theo tráng chí ngút trời “Hội đương lăng tuyết đỉnh, nhất lâm chúng sơn tiêu” (Lên chớp đỉnh mà trông, là tề muôn núi dưới[6]) lặn lội đến Trường An, nhưng không biết rằng thời cơ đã muộn, màn kịch lớn xuân thu đỉnh thịnh của triều Đường đã gần đi đến hồi kết.

[5] Đỗ Công Bộ: Một tên gọi khác của Thi thánh Đỗ Phủ.

[6] Trích bài “Vọng nhạc” kỳ nhất của Đỗ Phủ, Khương Hữu Dụng dịch.

Dù cho người đẹp như mây tụ hội bên dòng Khúc Giang, khách thơ chật chỗ trong các quán rượu Trường An, vòng hoa trước trán quý phi vẫn lóng lánh chói mắt, nhưng thiên tử Đại Đường đã không còn chói lọi vạn trượng như năm nào. Một thân ngựa gầy công lý tưởng và gánh nặng nặng trĩu, đến bụi trần cũng không thể phủ đi được. Cửa nhà quan đóng kín im im, khiến bạn thăm thía cái lạnh lẽo “Quan cái mãn kinh hoa, tư nhân độc tiêu tụy.” (Nào lòng che nào mũ đội đầy rẫy khắp kinh đô, sao người ấy bơ phờ riêng một kiếp[7]) Trường An liễu biếc oanh kêu, Trường An vàng son rực rỡ, người thỏa mãn tâm nguyện hùng vĩ của biết bao nam nhi tan nát như tro tàn.

[7] Trích bài “Mộng Lý Bạch”, kỳ nhị của Đỗ Phủ, Trần Tuấn Khải dịch.

Cho dù không cam tâm biết mấy, nhưng đối diện với sự chìm đắm của vận mệnh, sự thất thủ của Trường An, ông chỉ có thể vứt bỏ danh vọng cao chạy xa bay, say mèm quay về đất Thục, lạc phách trở về đồng hoang. Ông không thể như Trích tiên khách (Lý Bạch), tuy giấc mộng Trường An tan vỡ, vẫn có thể du hiệp giang hồ, tự do bay nhảy; có thể cười mây cười gió, cúi nhìn trận chiến tranh này. Cũng chẳng thể như Đào Tiềm, kinh qua chìm nổi quan trường, rút cuộc quay về quy ẩn Nam Sơn, chỉ làm mấy mẫu ruộng vườn. Thảo đường năm đó - há chẳng phải người đã như vậy hay sao?

Rừng trúc sâu thẳm, cửa gỗ khép hờ, ngòi bút gãy guộc của ông vẫn từng nét từng đường khắc lên những áng thơ trang trọng của lịch sử. Căn nhà tranh thô lậu đơn sơ này, sao có thể gánh được đại sự thiên hạ, oán hận quốc gia mệnh mông đó? Ông hy vọng thảo đường này có thể trở thành lâu đài thênh thang, có thể che chở cho hàn sĩ thiên hạ, muôn vàn bách tính. Thế nhưng phong hoa thịnh thế của Đại Đường, đã như nước chảy về đông, đường xưa dấu cũ của Trường An, đã càng ngày càng lùi xa.

Ông ngâm rằng “Bạch nhật phóng ca tu túng tửu, thanh xuân tác bạn hảo hoàn hương” (Ngày đẹp hát ngao thì chuốc rượu, trời xuân theo bước thẳng về làng[8]) thì có sao không từ bỏ được giang sơn cô tịch, ngao du trời mây vạn dặm? Đã biết “Văn chương tăng mệnh đạt” (Văn chương ghét mệnh đạt[9]), lại có sao không từ bỏ được công danh bút mực, vẫn lưu luyện nhiệt huyết anh hùng? Vị thánh thi tài rạng thiên cổ, tâm xót muôn dân này ắt hẳn không quên nỗi ngày hôm qua phồn hoa của Trường An, không sống nổi những năm tháng bình dị tầm thường.

[8] Trích bài “Văn quan quân thu Hà Nam, Hà Bắc” của Đỗ Phủ, Doãn Kế Thiện dịch.

[9] Trích bài “Thu nhật hoài Lý Bạch” của Đỗ Phủ, Nam Trân dịch.

Đã sống ở thảo đường nhưng hào tình chẳng dứt, không chịu cầu an trong hơi men, say ngủ trước sân. Dưới ánh đèn xanh lơ mờ, ông khoác áo ngồi trông, chống tay ngắm sóng mây, bút đưa ngang ý thu dào dạt, văn thơ thành vạn quyển. Cửa sài[10] lúc chiều bằng lăng, có thể nhìn hết những gì tuyệt diệu chốn nhân gian, vầng mặt trời sắp lặn đó, còn có thể thấp sáng cuộc đời gió táp mưa vùi của ông không?

[10] Cửa sài: Cửa làm bằng tre, nứa, ám chỉ nhà nghèo.

Hải âu bị chặt cánh, không thể tự do bay vút tầng không; tướng sĩ cởi bỏ chiến bào, không thể rong ruổi cưỡi ngựa biên cương. Chỉ đưa cho ông một chiến thuyền, là tìm đến chốn về sâu thẳm ở chân trời góc bể. Thảo đường nhà tranh, tuy đơn sơ, nhưng cũng có phong cốt riêng của nó. Đỗ Công Bộ lúc này không còn ngựa khỏe vút phi, khí ngạo tâm cuồng, ý chí xung thiên như thời niên thiếu, mà chỉ là một ông già tóc đã điểm sương, thân hình gầy yếu.

Có lẽ là thời gian mềm dịu của Thành Đô, cảnh xuân tươi sáng của thảo đường dần dần đã xoa dịu những nếp nhăn tang thương trong đáy lòng ông, nếu không, sao ông có thể đứng bên bờ suối Hoán Hoa ngâm vịnh những dòng thơ thanh tân “Lưỡng cá hoàng ly minh thủy liễu, nhất hàng bạch lộ hướng thanh thiên” (Hai cái oanh vàng kêu liễu biếc, một hàng cò trắng vút trời xanh[11]) đến vậy? Thả bước lên bờ suối xanh trong của thảo đường, dường như còn nhìn thấy bóng dáng dựa lan can buông cần mà say ngủ năm xưa của Đỗ Phủ. Cây cầu đá mưa khói đó, có ai đã bẻ cành mai bước qua, bỏ lỡ mây trắng tựa tuyết, lại phụ trắng sáng từng thấp, chỉ vì lưu lại chút hương lạnh cách tuyệt thế gian này.

[11] Trích bài “Tuyệt cú” của Đỗ Phủ, Tấn Đà dịch.

Suối lượn quanh co như số phận chìm nổi lênh xuống của thi nhân. Đôi tay buông cần câu được nước biếc, câu được mây nhàn, nhưng vẫn không bỏ được cây bút lớn, tấm lòng kinh bang tế thế không hề suy giảm so với năm nào. Chính ở thảo đường thanh u này, chính trong thời gian ẩn dật này, sáng tác thơ ca của Đỗ Phủ lại ào ạt như sông lớn, cuốn trôi gió mây lịch sử, rung động lòng dân xã hội. Bút mực dạt dào, thấu triệt như đầm sâu, soi chiếu vạn vật sơn hà, muôn cảnh sinh linh, nhưng khó có thể nghịch chuyển cần khôn trong một vùng đất đai cằn cỗi, khó có thể níu giữ sóng cả bên vách núi hiểm trở cheo leo.

Biết bao lần khi màn đêm ập xuống, mỗi lần khêu đèn thấp sáng, chỉ vì đợi chờ một bình minh không còn xa xôi. Trong những tháng ngày mờ mờ tỏ tỏ ở thảo đường, ông không quên được hào tình mở miệng ra là ngâm vịnh phượng hoàng năm xưa, không quên được chí hướng “Trí quân Nghiêu Thuấn thượng.” (Giúp vua vượt Nghiêu Thuấn[12]) Cho dù cả đời không thể quay về Trường An lần nữa, ông cũng không chịu bỏ lỡ ngày tháng, trẻ tràn xuân thu. Chỉ có ở nhà tranh thảo đường này, đem sinh mệnh đơn sơ, nghiền mài thành hương thơm của mực, để cho dân chúng thiên hạ cùng nếm thưởng nhân sinh trăm vị.

[12] Trích bài “Phụng tặng Vi tả thừa thập nhị tượng vận” của Đỗ Phủ, Nhượng Tống dịch.

Dưới bóng cây cổ thụ xanh tốt, nhà tranh giàu trúc trước mắt, suối chảy bao quanh, thật mát mẻ, đơn sơ không gì sánh được. Tuy biết rằng đây không phải là mấy gian nhà tranh trong bài “Mao ốc vị thu phong sở phá ca” (Bài ca về ngôi nhà tranh bị gió thu tốc) nổi tiếng của Đỗ Phủ, nhưng lại quá đỗi thân quen. Ví như ngôi nhà tranh này xây ở nơi khác, cùng là ngọn cỏ cạnh cây ấy, nhưng không thể ấp ủ ra mùi vị như ở nơi đây. Bởi vì nơi này toát lên một phong vận rơi rớt lại từ thời Đường, chỉ có ở thảo đường của Đỗ Phủ, nhà tranh của Thi thánh, mới có thể lĩnh ngộ được cảnh giới cao thượng “Anh đắc quảng hạ thiên vạn gian, Đại tí thiên hạ hàn sĩ câu hoan nhan” (Ước được nhà rộng muôn ngàn gian, khắp thiên hạ, kẻ sĩ nghèo đều hân hoan[13]), thấu hiểu được nỗi lòng rộng lớn thương xót thế gian của Đỗ Phủ. Sau cơn kinh tâm động phách, là một vùng yên tĩnh trúc biếc gió trong. Cảnh tượng điền viên thư thái: sân rào, vườn rau, giếng cổ, bàn đá... tuy chưa từng thấy, nhưng tựa như đã quen biết từ ngàn năm.

[13] Trích bài “Mao ốc vị thu phong sở phá ca” của Đỗ Phủ, Khương Hữu Dụng dịch.

“Hoa kinh bất tăng duyên khách tảo, bông mông kim thủy vị quân khai.” (Chưa vì khách quét lối hoa, cửa bông nay mới mở ra vì người[14]) Nhìn xuyên qua cánh cửa sổ bằng gỗ giản dị, bên trong hết sức thô mộc, tĩnh mịch. Ở thảo đường cách xa phiên lo sầu muộn này, nghìn năm trước chắc chắn đã từng có một bức tranh an nhàn tĩnh lặng như thế. Đỗ Phủ và người bạn cũ Nghiêm Vũ ngồi uống rượu trước bàn, người vợ già của ông đang hâm rượu bên lò, đứa con gái nhỏ đang dựa lan can buông cần câu cá.

[14] Trích bài “Khách chi” của Đỗ Phủ, Trần Trọng San dịch.

Lá chuối cuộn tròn, bóng trúc đung đưa, còn có một chú ve thu quên cả ca hát, chỉ mãi ngắm họ đối ẩm vui cười. Mà tôi lúc bấy giờ, chỉ nguyện làm ông cụ hàng xóm của thảo đường, lụ khụ chống gậy tre, đeo một bình rượu cũ, khẽ gõ cửa sài, nói rằng: Lão hủ mang theo bình rượu lâu năm, cùng uống mấy chén, có được không? Thảo đường lúc này ngừng hết lại mọi lời than thở. Còn giấc mộng xưa Trường An của Thi thánh, cũng ngả nghiêng trong ly rượu, say mãi không tỉnh.

Rốt cuộc thảo đường vẫn không thể là mái ấm của cuộc đời Đỗ Công Bộ, ông trước sau vẫn thuộc về nhân gian khói lửa chiến tranh liên miên, đã định sẵn kết cục như cỏ bông phiêu bạt. Ông đi rồi, mang theo trái tim lo lắng cho bách tính lê dân, rời xa khói thảo đường thô lậu này. Không biết, chuyến đi đó có phải là con đường nhỏ tường đổ ngõ hẹp, trúc rợp lối đi này không? Không biết, dòng nước bèo trôi lãng đãng năm đó, đã già đi biết mấy tháng năm?

Chỉ là chuyến đi này sẽ không thể nào quay lại, còn thảo đường sẽ trở thành cố hương vĩnh viễn cho linh hồn ông. Cho dù là nghìn năm sau, hoặc trải qua nghìn năm nữa, những người đến đây, hoặc là những người chưa từng đến, đều biết rằng, ở thảo đường của Thành Đô đã từng có một vị Thi thánh ở đây, tên người ấy là Đỗ Phủ.

Tạm biệt một ngày vội vã trong thảo đường. Hãy nhớ rằng, cửa sài cùng uống rượu hoa mai, chân trời góc bể hỏi anh đường về.

Thảo đường Hoán Hoa

Là máy cảnh lau chim én ngâm mang về thời Đường.

Là một đoạn ký ức thời gian từ nghìn năm lướt qua
Thảo đường bên suối Hoán Hoa
Đã sớm được Thi thánh Đỗ Phủ
Viết thành một tập thơ giản dị
Đường hoa, cửa gỗ, đập nước, cầu đá
Phong cảnh mộc mạc biết bao
Đủ để an ủi trái tim sinh chẳng gặp thời
Giậu trúc nhà tranh
Mở toang nỗi lòng mênh mông
Chở che uôn ngàn hàn sĩ
Non nước nhàn tản của Thành Đô khi ấy
Đẹp hơn mộng tưởng huy hoàng của Trường An
Có thể dạy mây trắng buông cần câu cá
Có thể Mời hoa mai nâng chén đối ẩm
Trên chiếc bàn sạch sẽ
Bày một ly rượu nồng người vợ già đã hâm
Bên lan can cũ kỹ
Thả chiếc cần câu của người và con nhỏ
Trên bàn cờ
Còn một ván cờ dang dở
Của người và bạn hữu năm nào
Nghìn năm trước
Thảo đường Thành Đô là thế
Nghìn năm sau
Thảo đường Thành Đô vẫn thế
Cho dù thi nhân đến đây
Hay là đã đi
Thảo đường vẫn mãi là cố hương của linh hồn người
Cho dù là người tha phương quay về
Hay là lữ khách
Cánh cửa ấy
Trước sau vẫn mở rộng đón người

23. Chương 23: Hoàng Thành Bắc Bình

Tử Cẩm Thành được cả thế gian ngưỡng mộ, đã từng ngạo nghễ cúi nhìn thiên hạ, hô mưa gọi gió. Đến nay nó chỉ còn là một thành trì trống rỗng, cô đơn lặng lẽ soi bóng chính mình. Nhìn vào tòa hoàng thành này mới phát hiện, những thứ rút ra được chẳng qua chỉ là một vài mảnh vỡ rơi rớt của thời gian, thứ lấp đầy lại chính là những hồi ức dạt dào như nước. Hết thấy thành bại, đều có số kiếp, để vương có số mệnh của đế vương, hoàng thành có nhân quả của hoàng thành. Lịch sử như một bộ kinh thư không chữ, đặt trên chiếc bàn rộng lớn của năm tháng, cần phải đọc nó bằng cả trái tim. Giữa vòng luân hồi định mệnh, chúng ta nhìn khách đến khách đi, duyên khởi duyên diệt. Ngắm vũ đài chiêng trống rộn rã, làm thế nào để diễn lại một đoạn phong vận kinh thành đã dần dần già cỗi...

Vào trong Tử Cẩm Thành

Đây là một tòa thành mà bạn phải đi vào với sự nhiệt tình, xúc động, đây là hoàng thành mà bạn phải đi vào với dũng khí mạnh mẽ. Bạn vứt bỏ sự huyền ảo lại sau lưng, giữ lại những suy nghĩ thuần khiết, Tử Cẩm Thành sẽ mở rộng tấm lòng với bạn. Trong lịch sử thời gian và không gian biến đổi xáo động, tòa hoàng thành này đã dùng đại khí huy hoàng để đúc nên sự hiển hách và uy danh. Tựa như một hạt bụi lướt qua, sẽ hóa thành vạn tượng; một giọt mực lặn xuống, sẽ mặc ý mệnh mông.

Cánh cửa cao dày của Cổ Cung đã đóng chặt lại sau lưng đế vương, nhưng lại mở rộng trong đời sống của bách tính. Tử Cẩm Thành bị hoàng quyền khóa chặt cửa ngày xưa, ngày nay, bình dân bách tính chỉ cần một tấm phiếu có in hình vật tượng trưng của Cổ Cung là đã có thể sải bước đường hoàng tiến vào cung điện của hoàng đế, tùy ý thưởng ngoạn những phong cảnh đằng sau tường cao nhà sâu. Chính trong lúc bạn bước qua cánh cửa cung tráng lệ nguy nga đó của hoàng thành, bước vào ngưỡng cửa cao vời khôn tả của thâm cung, ký ức của Cổ Cung giống như sông băng vỡ nứt, trong sát na, ào ạt cuộn cuộn chảy xô, băng qua ngàn dặm trên dòng sông lịch sử.

Tử Cẩm Thành đã từng huy hoàng hiển hách, dấu cho nay vẫn còn rực rỡ vàng son như cũ, nhưng đã trở thành một thành trì hư không. Ban ngày du khách huyền ảo dạo chơi, ban đêm lại chỉ có những chiếc bóng của vong hồn quần quanh. Hai mươi tư vị hoàng đế trong sử sách, đã từng hô mưa gọi gió, ngông nghênh càn rỡ trên bầu trời chỉ thuộc về riêng mình. Còn văn võ bá quan, phi tần hậu cung và cung nữ thái giám trong cung hết đời này đến đời khác, chẳng qua chỉ là những hạt bụi phiêu lãng trong Cổ Cung, một trận gió nhẹ cũng đủ quét sạch hết thảy, người đời sau còn có thể tìm thấy dấu tích gì trong ảo cảnh trong suốt đó? Chỉ có thể lờ mờ thấy bóng dáng hoa lệ năm nào trong những ngói lưu ly, những đá cẩm thạch và ngàn vạn con rồng sơn son thiếp vàng cùng vô số đồ trang trí biểu thị cho cát tường may mắn ở nơi này.

Hơi ẩm trên long sàng của hoàng đế Sùng Trinh thời Minh vẫn còn đó, Sấm vương Lý Tự Thành phá thành xông vào, trong cơn máu nóng bốc đồng đã ngồi xuống ngai vàng. Giặc cỏ đánh bại đế vương, áo thô đổi lấy long bào, nhưng ông chẳng qua chỉ là một ngôi sao băng vụt qua bầu trời Tử Cẩm Thành, dùng máu nóng để vạch nên một dấu ấn đỏ tươi, cuối cùng vẫn tan thành tro bụi. Trần Viên Viên thậm chí còn chưa kịp đến múa một khúc Nghê thường vũ y cho Lý Sấm vương thì tướng sĩ Bát Kỳ đã tràn đến như thác lũ, xóa sạch giấc mộng đế vương của Lý Tự Thành.

Vạn loại cuồng phong ập đến, đất vàng chôn lấp cổ đạo, khói súng bao phủ chiến trường, đao kiếm uống máu, chém giết thành sông, chia cắt núi non xā tắc. Những sợi dây thừng xiết chặt dục vọng, những lá cờ quạt giương cao quyền thế, dùng sự dã man tàn nhẫn để chiến thắng các bậc chí tôn vương giả, từ đây già từ biên tái nghèo đói cằn cỗi, nắm chắc sơn hà, xưng đế thiên hạ ở lãnh thổ văn minh. Đại địa cuồng phong thét gào, đến khiếp nhược cũng trở thành kiên quyết; bầu trời không lửa cháy ngút trời, đến cái chết cũng thành bi tráng.

Cơn động loạn trôi qua là đến hòa bình tĩnh lặng, ngự liễn long bàn[1] của hoàng đế Đại Thanh chở đầy phú quý và vinh hoa, lăn bánh suốt mấy trăm năm trong Tử Cẩm Thành. Sau thời kỳ đỉnh thịnh là u ám và im ắng, bắt đầu từ bao giờ, con em Bát Kỳ[2] vứt bỏ chiến mã, buông đao buông kiếm, đắm chìm trong các thú vui nuôi chim hát kịch, đua ngựa chơi dế trong hương ấp giàu có ấm êm. Trước tình hình thuyền chiến pháo lớn áp sát biên cương, những chiến mã mất hết ý chí chiến đấu vẫn còn có thể tung vó oai hùng như trên thảo nguyên năm nào sao? Những con em Bát Kỳ tiêu tan hùng tâm tráng chí vẫn còn có thể hùng dũng như ngoài biên ải hay sao?

[1] Ngự liên long bàn: Xe của nhà vua

[2] Con em Bát Kỳ: Chỉ người Mãn Châu, những người đã lập lên triều đình nhà Thanh trong lịch sử Trung Quốc.

Giang sơn không phải là sắt thép đúc nên, hoàng thành không phải là sắt thép đúc nên, quốc thổ Đại Thanh cũng không thể không khuất phục dưới gót sắt của các cường quốc, khi hoàng đế cuối cùng của Đại Thanh - Phổ Nghi bị đuổi ra khỏi Tử Cấm Thành, Cố Cung thực sự trở thành một tòa thành trì chết chóc. Những cung điện rộng lớn nguy nga chỉ còn lại ký ức vỡ nát, mỗi một ngày đều nhìn thấy khói mây lịch sử bao trùm bầu trời Tử Cấm Thành, không dấu không vết, nhưng lại chẳng xua tan đi được.

Tử Cấm Thành đã trút bỏ long bào che lấp đi sự ngang tàng và trang nghiêm ngày nào, bạn có thể đường hoàng bước vào kim loan điện, ngạo mạn du lãm nơi đế vương thiết triều và cử hành đại lễ năm xưa. Thái Hòa điện, Trung Hòa điện, Bảo Hòa điện là trung tâm ngoại triều, cũng là ba tòa điện chính của Cố Cung. Trong đại điện trang sức long lẫy vàng son, trang nghiêm rực rỡ, những cánh cửa son chạm khảm nạm vàng, hình rồng cuộn trên cột trụ tựa như đang tung người bay lên. Đế vương các đời ngồi trên bảo tọa khắc hình rồng, cả bá nghiệp của họ đã sớm rút khỏi vũ đài lịch sử, chỉ còn lưu lại một bóng dáng hoa lệ ảm áp và mấy tiếng thở dài đầy tiếc nuối mà thôi.

Xuân thu mấy độ, mây loạn bay qua, biết bao anh hùng vì tranh chiếc ngai vàng này mà máu chảy thành sông, xương trắng thành gò. Chớ nói ngồi trên chiếc long ỷ để thống trị thiên hạ, mà đến bức tường đỏ của Cố Cung còn chưa thể vượt qua đã cùng với cán cờ gãy gập, chết nơi sa trường. Hùng đồ đại chí của họ rốt cuộc không cao hơn trời mây Tử Cấm Thành, trong lịch sử không có trận tranh đoạt nào không động phách kinh tâm, sau cơn cuồng loạn, cái lưu lại há chẳng phải là một sự thức tỉnh hay sao?

Lịch sử thực sự không dễ dàng chấp nhận những lời nói dối, cũng như cung Càn Thanh của Tử Cấm Thành, sáng rõ bằng phẳng, nhìn rõ ràng rành mạch những hiện tượng thế gian vẫn đục. Trên điện đường còn treo bức đại tự khảm vàng “Chính đại quang minh”, nó không có đôi mắt nuốt hận trời xanh, mà chỉ trong như gương sáng, soi rõ quá khứ khoáng đạt, bây giờ lại bị ánh sáng sắc lạnh của lưu ly rạch nát, bờ sông đế vương đã từng cuộn cuộn trôi không ngừng, nay đã nứt toác. Những vẫn còn một người khai hoang trắc tuyệt, san bằng gò hoang hoa mỹ, tưới tắm máu nóng, trả lại con sông trong vắt cho dòng sông. Đằng sau triều đường uy nghiêm tráng lệ, lại có cung điện hoa gấm như mây, cất giấu biết bao tuyệt đại hồng nhan của thiên tử.

Tử Cấm Thành được tô điểm bằng một bức tường cao hào nhoáng phú quý, giam cầm biết bao cá nhân tuyệt diệu xinh tươi, lại khóa kín những linh hồn cô độc lạnh lẽo. Cung Khôn Ninh đã từng điểm lệ muôn vàn, đến nay lại yên tĩnh lạnh lẽo, chủ nhân hậu cung - bậc mẫu nghi thiên hạ uy nghiêm trong cuộc đời dài đằng đẵng từng được hoàng đế thương xót mấy lần? Ai cũng nói, sự dịu dàng làm hùng tâm mềm yếu, phú quý hủy hoại ước mơ, khi đế vương mệt mỏi với những cuộc chém giết thanh trừng, thì sao không quyến luyến với sự mềm dịu của phần son lục cung? Một nụ cười của hồng nhan đã hơn cả thiên quân vạn mã, có biết bao quân vương siêu việt phi phạm, làm chìm đắm cơ đồ giang sơn huy hoàng rộng lớn chỉ trong một ly rượu nồng mỏng manh?

Ngự hoa viên là một vườn địa đàng chốn nhân gian, những đỉnh đài lầu gác, nhà thủy tạ mái hiên vàng son long lẫy dường như đã chiếm hết thấy mọi cảnh trí tươi đẹp trong thiên hạ. Ngự hoa viên là mê cung, cả Tử Cấm Thành đều là mê cung, người bước vào trong không chú ý sẽ lạc lối trong khung cảnh hư ảo đầy rẫy rồng bay phượng múa, oanh ca yến lệ. Nghe nói, toàn bộ bố cục kiến trúc Tử Cấm Thành đều được thiết kế, sắp đặt theo bố cục của tinh tượng, gồm chín nghìn chín trăm chín mươi căn phòng, giống như chín nghìn chín trăm chín mươi chín vì sao, giăng mắc chỉ chít trên bầu trời Tử Cấm Thành, kẻ ngoại lai như bạn vô tình bước vào, sao có thể không lầm đường lạc lối?

Trong quần tinh sáng chói, người khoác long bào, hào quang lóe ra muôn trượng đó chính là đế vương, Cố Cung của ngài chỉ có một vầng thái dương duy nhất. Chỉ có vầng thái dương này, tuy đã có quần tinh bao trùm, nhưng không thể nào mang lại hơi ấm cho từng người, giữa vạn vì sao, ngài trở nên cô độc khôn xiết. Những vẻ đẹp muôn hình muôn vẻ này được các họa sĩ cung đình đưa vào trong những đường nét hội họa, được văn nhân đưa vào trong thơ từ ca phú, được những nghệ nhân đưa vào đồ gốm. Đã từ khi nào, linh hồn của Tử Cấm Thành bị rút đi mất, chỉ còn trơ lại cái vỏ ngoài lưu ly lỏng lách, màu sắc sắc sỡ, chống đỡ cho toàn bộ tòa hoàng thành to lớn này.

Mặt trời lặn ngang lâu cao, ai là người vỗ vào lan can[3], trên khoen đồng của cánh cửa màu đỏ son đó, nay còn lưu lại hơi ấm bàn tay vị đế vương nào? Suy nghĩ như một chú ngựa cô độc, bạn hồi tưởng lại quá vãng, nhưng bỏ qua hiện tại, bạn đi tới hiện tại, nhưng lại đánh mất quá khứ. Đi qua lãnh cung im lìm, sẽ không vì hồng nhan mà buông những lời oán thán, dạo quanh những bậc thang bằng đá cẩm thạch trắng, sẽ không vì đế vương mà lưu lại những tình cảm hào hùng.

[3] Vỗ vào lan can: Có câu thơ rằng “Độc thư ngộ ngã tử thập niên, kỷ hồi túy bả lan can phách” (Độc sách mà ta mê lầm mất bốn mươi năm, mấy phen say rượu gõ nhịp lan can), cho nên “vỗ vào lan can”, “gõ nhịp lan can” dùng để chỉ hành động vỗ vào, gõ vào lan can để phát tiết những âm ức, phiền muộn không thể nói trong lòng.

Giữa đất trời là một vùng nghiêm túc vĩnh hằng cổ xưa, máu tươi xối xả cũng dần dần chậm rãi bình hòa trong tĩnh lặng. Dòng thủy mặc ý tuôn chảy nay đã nguội lạnh và ngưng đọng, đến hồng trần phiêu tán cũng tìm được chốn nghỉ ngơi. Tử Cấm Thành lúc này thâm sâu khôn tả, thâm sâu đến mức có thể dung nạp ngàn vạn thế giới; đồng thời cũng cô đơn vô cùng, cô đơn đến mức chỉ còn lại chiếc bóng của thời gian.

Ngẩng đầu ngắm trời sao, vầng trăng sáng treo trên bầu trời Tử Cấm Thành đã bị ai đó tước đi vòng hào quang, nhưng vẻ tinh mịn, thuần khiết, thiêng liêng vẫn còn đó. Dừng cảm bước vào tòa thành trống không, dùng một trái tim trong sáng để tạo nên kỳ tích, đón nhận thái bình thịnh thế. Khi quá khứ đã trôi qua trên bầu trời sao, khi vẻ đẹp như nước triều lên xuống, khi bước chân của bình minh đã tới gần, một vầng mặt trời sáng lạn đang lấp ló nhô ra, chiếu sáng cho khắp thủy non sông tuyệt mỹ.

24. Chương 24: Di Hòa Viên - Non Nước Như Tranh

Những người đến với Bắc Kinh luôn để mình rơi sâu vào biến đổi lịch sử hùng hồn, tận tâm thưởng thức hết sự uy nghiêm và hùng tráng của cảnh trí hoàng thành. Nhưng lại không để ý rằng Bắc Kinh cũng là một nơi nuôi dưỡng nhân tình và phong nhã, chứa đựng sự nên thơ và lãng mạn. Có một vùng non nước như tranh, vừa mang sự phú quý hiển hách của cung điện hoàng gia, lại vừa có vẻ phong tình yếu điệu của bờ hồ Tây Tử, còn có những đặc trưng thiên nhiên trang nhã của vườn cảnh vùng Tô Châu. Đó chính là Di Hòa Viên, một vườn cảnh hoàng thành hội tụ đầy đủ phong cách vương giả, lại vừa dung nạp phong thái sông nước vùng Giang Nam.

Nó giống như một vị quân vương trác tuyệt phi phạm, nhận ân sủng mà kiêu căng, một mình cao quý giữa cung đình áo mũ như mây. Nó tựa như một bậc giai nhân phong tư yếu điệu, lạc xuống trần gian mà không nhuốm thói tục, một mình tao nhã giữa bụi hoa muôn hồng ngàn tía. Nó lại như một danh sĩ thanh cao phóng khoáng, giữa hồng trần mà không mất lòng ai, một mình an định giữa loạn thế gió cuốn mây trôi. Cứ như thế ngạo nghễ đứng giữa đất trời, trang nghiêm trên nước, ẩn mình giữa thành đô, bình thản nhìn ngàn vạn khách qua đường đến đây du ngoạn, mà sau đó lại khắc sâu ghi nhớ, cả đời chẳng quên.

Những linh hồn bị vương triều phong kiến cầm tù hàng nghìn năm, dưới sự chiếu rọi của ánh sáng đất nước Trung Quốc mới đã được giải phóng, giống như làn gió xuân ấm áp, thổi qua hết lượt non sông rộng lớn đang say ngủ, nền văn minh cổ xưa đã bừng tỉnh trong buổi bình minh, như một cụ già héo hắt, nay chỉ trong một đêm đã ngồi ngồi sức sống. Vầng mặt trời màu vàng kim ngưng tụ sức mạnh to lớn, ngang tàng nhìn gió mây với tư thế nước lớn nổi trội, sừng sững phương Đông. Kinh thành bấy giờ, vạn vật hỗn hởi, phong lưu nhất phái, có hào khí của vùng Yên Triệu[4], tráng ca của Dịch Thủy[5], lại thêm sự trang nhã và véo von của phong tình nước Nam.

[4] Yên, Triệu: Hai nước lớn thời Tiên Tần, bao gồm khu vực Bắc Kinh, Thiên Tân và phía bắc Hà Nam, phía nam Nội Mong Cổ ngày nay.

[5] Dịch Thủy: sông Dịch Thủy, phía tây tỉnh Hà Bắc. Tương truyền là nơi năm xưa thái tử Đan nước Yên tiến Kinh Kha lên đường hành thích vua Tần.

Khi bạn bước vào Di Hòa Viên, mặc ý dạo chơi trong non nước của bức tranh cung đình, sao không thể cảm thán các họa gia hoàng cung năm xưa khéo léo cầu kỳ đến nhường nào mới có thể dùng những đường nét tinh xảo sống động vẽ ra bức tranh sơn dầu đậm nhạt đan xen này? Triều Thanh đã biến mất, đế vương nay không còn, những người thợ vẽ cũng mất dấu, chỉ còn lại mỹ nhân tuổi đã về chiều, tuy kinh qua hết hưng suy vinh nhục, nhưng vẻ đẹp vẫn còn, phong tình vạn chủng.

Đi vào cánh cửa Đông Cung cao xa vòi vọi năm nào, dạo quanh Nhân Thọ Điện và Lạc Thọ Đường như thể vừa bước vào trong giấc mộng vinh hoa của một đế vương nào đó triều Thanh, ngài vừa mới thức giấc mà bạn đã bắt đầu mơ rồi. Mi cửa thềm phòng màu đỏ son, những hình vẽ hoa văn như gấm thêu vẽ bằng màu sếp đều làm nổi bật sự phú quý và hào hoa. Đây là vương quốc của rồng, chúng được khắc, vẽ một cách tinh xảo trên khắp mọi vị trí trong các cung điện, hình thái sinh động như thật, tựa như chỉ cần bạn không chú ý, chúng sẽ bay vọt lên, xóa bỏ cảnh tượng hư ảo trong bức tranh này, nói cho bạn biết, chúng là bậc vương giả có khí huyết, cười mây vượt gió với tinh thần của rồng.

Vị hoàng đế mình mặc long bào, đầu đội vương miện ấy là Càn Long hay là Quang Tự? Họ đều là bậc cửu ngũ chí tôn, nhưng lại mang vận mệnh chẳng giống nhau, cho dù là ngang tàng ngạo nghễ hay khiếp nhược đón hèn, đến nay đều chỉ còn lại bóng dáng như gió như mây, là thành hay bại đều mặc đời sau bình luận. Há chẳng biết quân vương nhất thống thiên hạ, trị lý sơn hà, cần phải có khí phách của đế vương, chí khí lỗi lạc, còn phải có tu dưỡng tâm tính, hết sức dịu dàng, thậm chí còn phải tìm hiểu vũ trụ, thấu hiểu thiên lý. Sau cơn gió mưa vô hạn, là bình tĩnh đến thâm sâu, mà trong khu vườn cảnh của đế vương này, người đời sau có thể không kiêng kỵ gì thăm hỏi lịch sử, nhân nhả tự tại tìm hiểu chuyện xưa.

Con người sống trong hồng trần mệnh mang, nhìn vạn vật thịnh suy, luôn muốn tìm một linh hồn trong sạch thuộc về chính mình. Lên núi Vạn Thọ, chính là mượn khí vận tươi mát của thiên nhiên để thanh lọc tâm trí, mặc cho tư duy bay bổng trong không gian tịch liêu, ngắm trông non sông tráng lệ, nhìn hết gió mây vạn dặm. Đây là một tổ hợp kiến trúc hoàng gia bậc nhất của phương Đông, vắt ngang núi Vạn Thọ, khí thế hùng vĩ, nguy nga hoành tráng. Tựa như một cơn gió mát lướt qua là có thể lay động lòng người, một đám mây trắng bồng bềnh trôi là có thể dạt dào vô cùng.

Dừng lại ở Phật Hương Các, cảm nhận đế vương tự nghìn xưa đang truy tìm sự thức tỉnh trong Thiền giới vô trần, chứng đắc được minh tâm kiến tính ở Phật cảnh linh đài thanh tịnh, sáng rõ, đó là phúc tuệ viên mãn đến nhường nào? Đứng trên đỉnh núi, vạn tượng mây khói hội tụ, chỉ có dùng sự nhỏ nhoi của bản thân để chiêm bái sự rộng lớn của tự nhiên, mới có thể lĩnh ngộ được sự mệnh mông như biển cả, khí thế dào dạt như sóng lớn của trí tuệ. Thành Bắc Kinh nhìn từ xa là một bức tranh cuộn phồn hoa diễm lệ, bách tính thiên hạ cùng tắm trong sự thịnh vượng và yên bình. Cúi xuống nhìn hồ Côn Minh, đây là một khối mỹ ngọc được khảm bên cạnh, lặng lẽ nằm trong Di Hòa Viên, cất giữ khối tình ý mềm dịu tận đáy tim của bậc đế vương đó.

Lên cao không khỏi bị lạnh, sát nước sẽ được tịnh tâm. Muốn thưởng lãm hết phong cảnh hùng vĩ rộng lớn của núi Vạn Thọ, thì phải nén chặt những cảm xúc bất định, chìm lắng trong một hồ nước trong vắt phẳng lặng. Chìm nổi trắc trở mới bộc lộ khí khái, trong sáng như gương mới có thể thấy tâm tính. Vứt bỏ bụi cuốn đầy trời, quên lãng lịch sử nặng nề, dần thân trong nước hồ trong vắt, dùng sự phong tình để quét sạch sự hùng hồn, dùng sự nên thơ để tẩy trừ hoang lạnh. Hồ Côn Minh là hồ lớn nhất trong khu vườn cảnh hoàng gia, nước hồ đầy ắp để thanh tẩy linh hồn, khơi thông kinh mạch cho đế vương và các phi tần.

Liều rủ bờ đê khiến bạn cảm thấy mình như đang đứng bên hồ Tây Tử, ánh nước loang loáng diễm lệ vẽ nên một giấc mộng đẹp Giang Nam, ở nơi phương Bắc mà có thể thưởng thức sự lãng mạn và dịu dàng của hồ núi, hỏi sao chẳng khiến người ta quyến luyến không rời? Sức mạnh trong cương có nhu, trong nhu có cương này còn hơn cả đao kiếm lạnh lẽo, không cần chém giết, mà đã có thể tiêu tan hồn cốt. Đế hậu năm nào chèo thuyền trên hồ Côn Minh, trên dòng nước uốn lượn, đi qua muôn trùng non nước, trải hết mọi nỗi khổ đau đến vui sướng, mượn nước hồ để nuôi dưỡng tâm sự, tẩy rửa nhân sinh. Nếu như có duyên, còn có thể nhìn thấy bóng dáng xinh đẹp của họ trên hồ Côn Minh trong xanh như ngọc bích, dù cho cách biệt thời đại, nhưng phong thái vẫn như xưa.

Từ trong giấc mộng tinh khiết, trong veo lên trên bờ, lại say đắm bởi Trường Lang[6] khúc khuỷu quanh co trước mắt. Trái tim của một người hóa ra lại là nơi mềm yếu nhất trên thế gian, một chiếc lá rụng, một giọt mưa thu đều ập ủ những giả tượng vô tận, nuôi dưỡng những cảm xúc ứ át. Kiến trúc cổ kính, đoan

trang và thanh nhã này là một con đường cổ thông với văn minh lịch sử, bạn chỉ cần đi dọc hành lang là có thể thỏa thích xuyên qua phong cảnh nghìn năm, từ thời Minh, Thanh cho tới Đường, Tống, lại đến Ngụy, Tấn, thậm chí còn có thể đến những niên đại xa hơn nữa.

[6] Hành lang dài 728m nổi tiếng của Di Hòa Viên, trên phần vòm mái và cột kèo có nhiều hình vẽ tinh xảo.

Bởi vì trên nóc hành lang và cột trụ là những hình vẽ và hoa văn rực rỡ mỹ lệ, ngoài hoa điều muông thú, non nước nhân vật ra, còn chất chứa vô vàn câu chuyện lịch sử, truyền thuyết thần thoại. Hành lang đầy tranh vẽ như một bộ sách lịch sử, bạn đắm mình vào những điển cổ, hoàn toàn quên mất mình đang ở triều đại nào, có thể bước chân ra ngoài được hay không? Nét vẽ phác họa tinh tiết, màu sắc điểm tô tang thương, các họa sư cung đình đã rót vào đó biết bao tình cảm mới có thể đem lại sức sống hùng hực cho những bức tranh này. Chúng có thể sống lại trong bất cứ ảo giác nào, diễn lại những ngày tháng đa sắc màu của quá vãng. Những câu chuyện đã từng xảy ra chìm trong mực nước, rồi sinh sôi theo năm tháng, để người đời sau có thể thấu hiểu tinh thần, bản tính và phong cốt của người Trung Quốc.

Ký ức là một vầng trăng sáng treo lơ lửng trên tầng không, là nước hồ lặng chìm sâu dưới lòng hồ, nó sẽ ẩn mình, nhưng lại không bỏ trốn. Dạo chơi trong khu hồ cảnh phía sau Di Hòa Viên, đôi mắt trông xa con đường Tô Châu mô phỏng các thị trấn sông nước Giang Nam ở hai bên bờ, tưởng tượng ra sự ngưỡng mộ đối với sông nước Giang Nam, sự khát khao đời sống phố thị của đế vương năm xưa. Cái thú chơi nhàn dật giàu có hoa lệ này khiến người ta không khỏi tiếc nuối trong lòng.

Một hoàng đế nắm giữ thiên hạ, nhưng lại chưa từng được nếm trải đời sống an nhàn tự tại của bình dân bách tính, há chẳng phải sự giàu có của cuộc sống không thể lấp đầy những nghèo nàn của tâm hồn hay sao? Ngài đã tu sửa khí thế huy hoàng của vườn cảnh hoàng gia thành sự thanh nhã, tú mỹ của vườn cảnh Giang Nam, là vì muốn vứt bỏ vương quyền nặng nề, đổi lấy hạnh phúc bình dị. Nhưng vận mệnh có thể sáng tạo, chứ thực sự khó có thể sửa đổi, dùng sự giàu sang để đổi lấy sự giàu sang, thì chỉ là sự giàu sang thêm gấp bội; dùng sự trống rỗng để thay thế sự trống rỗng, lại càng là trống rỗng gấp bội. Một khi đã rơi vào vòng luân hồi của sinh mệnh, cho dù là bậc trí giả cũng thật khó mà tỉnh táo bước ra.

Trên con đường nhân sinh, có người thấu hiểu từ rất sớm, có người lại giác ngộ quá muộn, đến phút chót, tất cả đều sẽ quay về điểm cuối cùng. Người cảm tính sẽ nói, có bắt đầu rồi mới có kết thúc; người phóng khoáng sẽ nói, có kết cục rồi mới có bắt đầu. Cho dù bạn thuộc về kiểu người nào, đều có thể coi là đã hiểu rõ cuộc hành trình của mình, mỗi một con đường đều tràn ngập hy vọng, chỉ đợi bạn đến theo đuổi nó, để bạn đi xa hơn. Bạn mượn ngọn gió của núi Vạn Thọ để chuyển tải khí độ tiêu sái, mượn nước hồ Côn Minh để thấm đẫm nhu tình, mượn những hình vẽ của Trường Lang để tư tưởng thêm phong phú. Bước ra khỏi Di Hòa Viên, là một khởi đầu thực sự, hay chỉ là một kết thúc tạm thời?

Bạn hãy nhìn xem, thời gian vẫn còn đó, thứ trôi qua chỉ là những nhân vật xoay chuyển trong thời gian mà thôi.

Đi xuyên Trường Thành

Trường Thành là một con rồng khổng lồ ngủ say trên đại địa Hoa Hạ, là một đấng vương giả sừng sững trên núi xanh vạn cổ, là một dòng sông chảy ngang thời gian và không gian lịch sử. Nó kéo dài và vắt ngang thiên hạ từ xưa đến nay, rong ruổi trời mây vạn dặm, tạo thành bá chủ một thời, gánh đỡ cho vô số anh hùng nhiệt huyết. Con rồng khổng lồ khí thế nuốt non sông năm xưa nay chỉ còn là một cụ già lụ khụ chứa đựng ký ức dân tộc, trở nên sâu lắng mà trầm ngâm.

Một tòa Trường Thành đã mất đi sự sắc sảo của mình, tòa Trường Thành đã dập tắt chiến tranh, tòa Trường Thành đã ngừng gào thét, chúng ta còn có thể tìm kiếm ý chí chiến đấu dâng cao, thuốc súng phun trào, và cả nền văn minh giàu có trên những nếp nhăn tang thương của nó không?

Đương nhiên có thể. Bạn nhìn nó giống như một con rồng lớn vút bay, ở trên cao vọi vọi cúi nhìn chúng sinh, ngạo nghễ nhìn hoàng thành. Bạn thấy nó tựa con chim ưng sải cánh, dùng khí lượng tuyệt thế rẽ đôi tầng mây, hít nhả mây khói. Đây là Trường Thành mà con cháu của Viêm Hoàng[7] đã dùng máu nóng để dựng nên, đây là Trường Thành mà trai gái Trung Hoa dùng xương thịt đắp nên, nó có thể ngủ say, nhưng tuyệt đối không chết; nó có thể nín thở, nhưng tuyệt đối không tê liệt.

[7] Người Trung Quốc coi mình là con cháu của Viêm đế và Hoàng đế.

Bạn là một người lữ hành tìm mộng hiện đại, từng bước lại gần nó, không cần ngựa quý gươm báu, không cần dây dài cung cong, chỉ đẩy bức tường thành kiên cố này ra là có thể đến được phong cảnh của bờ bên kia. Nó sẽ kể tường tận cho bạn nghe những chuyện ẩn giấu sau bức màn của năm tháng, vô số câu chuyện vương giả phong lưu, giáo vàng ngựa sắt, đuổi hươu giữa đồng; vô số câu chuyện chém lừng anh hùng, ngang dọc biên cương, máu biếc cát vàng; thậm chí còn ẩn chứa xiết bao câu chuyện nhi nữ tình trường, đoạn trường tâm can, xui người rơi lệ...

Chỉ có bước ra khỏi mảnh trời đầy giăng cỏn con nhỏ hẹp của đời người, mới có thể nhìn thấy phong cảnh tận cùng mệnh mông. Trèo lên trên Trường Thành là để có được một phần hoài bão nhìn xa trông rộng; chân giẫm lên đại địa là để giữ gìn một phần vững chắc bình yên. Khi bạn đi trên những bậc thang lát bằng đá, sờ vào bức tường thành còn hơi ấm, xa trông thấy Phong Hỏa Đài[8] mịt mù sương khói, suy tư như sóng biển dạt dào, cuộn cuộn không dứt.

[8] Thời xưa, người ta đốt lửa trên những đài cao để truyền những tin tức quan trọng, trên các công trình quân sự quan trọng, người ta xây ụ đài cao, mỗi khi có kẻ địch xâm lấn thì ban ngày bắn pháo hoa, ban đêm đốt lửa để báo động.

Tần Thủy Hoàng là người khai thiên lập địa, xây dựng Trường Thành trên lãnh thổ đại quốc mệnh mông, dùng một bức tường thành để vạch ra giới hạn giữa hai vùng văn minh lễ nghi và man di, dùng bức tường thành dày nặng để củng cố giấc mộng đế vương của ngài. Và truyền thuyết rung động lòng người về nàng Mạnh Khương khóc đổ Trường Thành được viết nên để nhấn mạnh rằng, muốn tạo ra một tòa Trường Thành kéo dài vạn dặm, tất yếu phải cần chịu tổn thất và hy sinh trong suốt quá trình, đúng sai công tội đã tự có lịch sử chứng giám. Xưa nay, kẻ muốn làm đại sự ắt không câu nệ tiểu tiết, khi đeo roi chịu tội, quất ngựa vung roi, mới có thể thu phục lãnh thổ rộng lớn hơn nữa. Tần Thủy Hoàng dựa vào tài trí và mưu lược hơn người, sự sắc bén và bạo ngược của mình để thống nhất đất nước, còn Trường Thành vạn cổ đã dựng nên một tấm bia bất hủ trên mảnh đất màu mỡ Đại Tần.

Một tòa Trường Thành vượt qua trùng trùng núi cao, từ đây vô vàn quân vương lỗi lạc ra đời, anh hùng các lộ đua nhau nổi dậy, tranh giành giang sơn. Tần Hoàng Hán Vũ, Đường Tông Tống Tổ[9], cho đến Thành Cát Tư Hãn bắn rơi chim điêu, có ai là không phải giành lấy giang sơn trên lưng ngựa? Sau này giang sơn của Đại Minh lại bị Đại Thanh cướp mất, Trường Thành khi đó đã không địch nổi gót ngựa của quân đội Bát Kỳ do Nô Nhĩ Cáp Xích thống lĩnh. Trường Thành sụp đổ, lại đúc nên biết bao nam nhi nhiệt huyết, những anh hùng đó tựa như vì sao buổi sớm nằm trên bầu trời lịch sử, như ký ức khắc trên vách Trường Thành.

[9] Tần Hoàng tức Tần Thủy Hoàng Doanh Chính, Hán Vũ tức Hán Vũ Đế Lưu Triệt, Đường Tông tức Đường Thái Tông Lý Thế Dân, Tống Tổ tức Tống Thái Tổ Triệu Khuông Dẫn, được coi là các vị vua có công lao và sự nghiệp hiển hách trong lịch sử Trung Quốc.

Năm đó, hoàng đế Sùng Trinh nhà Minh giết Viên Sùng Hoán, thậm chí bị người đời sau nói là tự hủy Trường Thành, sự thực có phải là như thế hay không? Sự thay triều đổi đại cũng giống như ngày đêm giao nhau, khi đó giang sơn của Sùng Trinh chuyển sang buổi đêm, đối mặt với sự sụp đổ trong nay mai, ai là thực sự đang chìm trong giấc ngủ say, cần gió mây của thời đại đánh thức nó. Sau khi ngưng kết vẫn còn tan rã, sau Niết Bàn lại càng cần tuổi trẻ nhiệt huyết hơn, chúng ta hãy dùng những suy nghĩ tỉnh thức, lý tính để nhìn nhận sự huy hoàng, không hề hối hận đời này, kiếp này của nó.

Vẫn nói “Bất đáo Trường Thành phi hảo hán” - chưa đến Trường Thành thì chưa phải là hảo hán, khi bạn đứng trên trường thành, nhìn núi non nhấp nhô, rồng lớn cuộn vòng, lẽ nào bạn thực sự trở thành anh hùng rồi sao? Thời thái bình thịnh trị này, thực sự khiến người ta trân trọng, giữa thời loạn thế, muốn lên Trường Thành, cần phải trải qua biết bao chém giết máu tanh, đao kiếm tàn sát, cũng chưa chắc đã có thể đứng vững nơi đây, nhìn một dải đại địa Thần Châu[10] hào hùng. Bây giờ, bạn không chỉ có thể sải bước leo cao trên Trường Thành, mà còn có thể cao đàm khoát luận về lịch sử, thậm chí có thể hét lớn với non sông bao la, bạn là anh hùng, bởi vì bạn đã lên tới Trường Thành, bạn đã giẫm lên thân của con rồng khổng lồ, cúi trông càn khôn sáng rõ.

[10] Thần Châu: Một cách gọi khác của Trung Hoa.

Đúng thế, bạn đương nhiên cũng là anh hùng, làm anh hùng vị tất đã phải đổ máu hy sinh? Đây là một

thời đại có thể coi bỏ chiến bào, say đắm trong việc du ngoạn lãnh thổ của tổ quốc. Quay đầu nhìn lại quá khứ, năm đó, ba nước Tần, Triệu, Yên tu sửa Trường Thành ở phương Bắc là để chống lại sự xâm lược của Hung Nô, rợ Hồ. Còn Trường Thành ngày nay là địa điểm bảo tồn ký ức của dân tộc có từ lâu đời, là sợi dây nối liền văn minh tiến bộ, nó đo lường lịch sử bằng độ dài của rồng, từng sống ở phương Đông bằng tinh thần của rồng. Cho nên, bạn có thể thoải mái hát vang, tiếng vọng của núi rừng là tiếng vỗ tay, tiếng sóng ì oạp của Hoàng Hà chính là tiếng hoan hô vang dội.

Một tòa Vạn Lý Trường Thành chính là một bộ sử văn hóa, bạn đến với hai bàn tay không, nhưng có thể nặng trĩu tay khi ra về. Thế nhưng Trường Thành lại là một bộ sách không có chữ, đặt trên chiếc bàn rộng lớn miền Đông Trung Quốc, để những người ngắm cảnh phải đọc nó bằng cả tâm hồn. Tường thành, khe ngấm bắn, Phong Hỏa Đài mà bạn chạm vào được chính là văn hóa, những kiến trúc vững chãi, bố cục tinh xảo đó và cả điêu khắc trang trí, tranh vẽ đều là nghệ thuật. Còn có thể phiêu lãng trong gió, ngâm thơ “Tần thời minh nguyệt Hán thời quan” (Trăng sáng thời Tần, quan ải thời Hán), bức tranh thủy mặc treo tít trên tầng mây, đều đang kể cho bạn sự tráng lệ và trang nghiêm của chốn quan ải hiểm yếu cổ xưa này, cùng với sự huy hoàng và hùng vĩ của đại địa Thần Châu này. Lịch sử là một tấm gương sáng, những câu chuyện có mơ hồ phức tạp hơn nữa cũng được soi sáng tỏ, cặn kẽ, và lịch sử đã soi tỏ hết thấy sự biến ảo khôn lường suốt dọc đường Trường Thành.

Nhân sinh là một sự thách thức, mà Vạn Lý Trường Thành sẽ khích lệ khí phách cương trực và khí khái anh hùng trong tim bạn. Con rồng khổng lồ này, vì ngủ say quá lâu nên năm tháng đã đeo khắc quá nhiều dấu ấn trên cơ thể nó. Khi nhìn từ xa, bạn sẽ thấy nó nguy nga tráng lệ, ngang ngược cheo leo; khi lại gần, bạn sẽ thấy nó vấy bong tróc, tang thương chất chồng. Cho dù Trường Thành vắt qua rất nhiều tỉnh thành, nhưng Bắc Kinh trong tâm thức của người đời mới là thành phố gần với Trường Thành nhất. Đây là thành phố sinh ra các bậc đế vương, đời đời anh hùng nối tiếp, cô đặc những chuyện xưa tình hoa nhất của lịch sử Trung Quốc.

Đến nay đoạn Trường Thành Bát Đạt Lĩnh còn được người đời sau không ngừng xây mới, tu sửa những dấu tích bị thời gian ăn mòn. Chỉ là sau khi tu bổ, còn có thể phục hồi lại dáng vẻ trước đây không? Trường Thành được xây dựng qua nhiều triều đại khác nhau, muốn khôi phục nguyên dạng, trừ phi thời gian quay ngược mà thôi. Trong lịch sử có những câu chuyện tương tự nhau, nhưng không cuộc chiến nào giống cuộc chiến nào. Hoài cổ là một phẩm chất đẹp của cuộc đời, sáng tạo cái mới lại là sự phi thường của tinh thần. Trường Thành đã không hề chùn bước trong việc bảo vệ trai gái Hoa Hạ, đến nay, nó cũng xứng đáng được hưởng thụ sự tôn vinh tối cao của dân tộc Trung Hoa. Nó là tượng trưng cho vương giả, tượng trưng cho anh hùng, là niềm kiêu hãnh của dân tộc Trung Hoa, cũng là sự tự hào của người Trung Quốc.

Trường Thành như một dòng sông ngưng đọng, sự im lìm của nó không phải là lạc hậu, không phải là bảo thủ, càng không phải là khép kín, mà là một sự kiên nhẫn sâu xa, lặng lẽ bảo vệ nền văn minh cổ xưa. Nên biết rằng vô thanh thắng hữu thanh, chỗ không lưu danh thì sẽ tự lưu danh. Nên biết rằng, chốn im lìm còn rung động hơn cả chốn huyên náo, nơi không vô danh sẽ tự nổi danh. Mà kênh đào Đại Vận Hà Kinh Hàng[11] từ nơi xa xôi nhìn nó, ngược lại lại bị thời gian lạnh nhạt, đã không còn thấy cảnh tượng phồn hoa trăm thuyền nghìn tàu thuở nào. Cùng là quân vương, khí thế khi Tần Thủy Hoàng ra sức quét sạch thế lực sáu nước vượt xa tội ác hoang dâm vô độ của Tùy Dạng Đế, thế nhưng, công trình to lớn Đại Vận Hà do Tùy Dạng Đế khai thác lại không hề thua kém Tần Thủy Hoàng về độ dài của thời gian tu sửa. Cho dù động cơ khác nhau, nhưng sự phồn vinh đỉnh thịnh mà hai công trình đem lại cho hậu thế là như nhau.

[11] Đại Vận Hà Kinh Hàng: Con sông nhân tạo nối liền Hàng Châu với Bắc Kinh.

Đôi khi, giữa sai và đúng, thịnh và suy là một giới hạn mơ hồ. Thiên hạ mệnh mông như một ván cờ, hễ sẩy chân là thua thảm hại. Có bao nhiêu tan vỡ trong toàn vẹn, thì sẽ có bấy nhiêu mạnh mẽ trong yếu mềm. Khi Tùy Dạng Đế mơ đến sự thanh tú của bờ nước Giang Nam, hoa mai dưới trăng lạnh, thì Tần Thủy Hoàng lại hoài niệm đến hào tình chốn đại mạc biên cương, vạn dặm trời mây. Cho dù thắng làm vua, thua làm giặc, tất cả rồi cũng đều tan tác thành khói bụi mịt mù, vạch những dấu chấm nông sâu không đều trên bầu trời lịch sử.

Trên bức tường không chữ này bạn có thể sờ thấy những gì? Xuyên qua cái lạnh lẽo của đá tảng để chạm vào sự ấm áp của đế vương? Xuyên qua đường vân của gạch cổ để tái diễn lại lịch sử đã qua? Đại khái có rất nhiều thanh âm đang căn vặn, liệu Trường Thành vĩ đại hùng hồn này cũng có một ngày không thoát

khỏi lời nguyên của số phận, oanh liệt đổ ập xuống trong gió mây lịch sử không? Chúng ta hãy bình thản, lý trí đối diện với chìm nổi thăng trầm, thuận theo lẽ tự nhiên. Phải tin rằng, trên thế gian này còn rất nhiều linh hồn bất tử, ví như những anh hùng bị khóa chặt trong tháng năm đó, ví như con rồng khổng lồ uốn khúc trên đỉnh núi xanh này.

Há chẳng biết, sau khi ném mặt nằm gai, lại có thể chỉ kiếm hỏi giang sơn, hăm rệu luận anh hùng hay sao?

25. Chương 25: Sự Thất Truyền Của Viên Minh Viên

Mỗi người từng đến Viên Minh Viên đều nhìn thấy một phong cảnh giống nhau, đó là một vùng đồ nát hoang tàn sau khi bị chiến tranh thiêu đốt. Đương nhiên, đây là cách nhìn bằng con mắt thiên cận. Nếu như nhìn nhận bằng tâm hồn sâu sắc, thì bạn sẽ thấy đây là một tòa hải thị thần lâu[12]. Thời gian là ảo ảnh, có thể làm ký ức vỡ vụn, cũng có thể ghép lại ký ức.

[12] Hải thị thần lâu: chỉ ảo ảnh.

Viên Minh Viên từng được ca ngợi là “vạn viên chi vương” (vua của vạn khu vườn), bắt đầu từ ngày bị hỏa hoạn đã tạc lại vết sẹo không thể xóa mờ trong lồng ngực của lịch sử, khiến cả thành Bắc Kinh và toàn thể Trung Quốc đều đau đớn trong vết bỏng. Hòn đá dưới chân bạn còn lưu lại hơi ấm tàn dư sót lại sau vụ cháy, chôn đồng ruộng mệnh mông lại hàm chứa một sự tỉnh táo như bị rút cạn kiệt. Khói lửa bao trùm bầu trời Viên Minh Viên, khiến bạn không thể suy tưởng một cách vui vẻ thoải mái. Có lúc, làm một người sâu sắc, lại không đậm bạc trầm ổn được như một người nông cạn.

Viên Minh Viên từng là thiên đường chốn nhân gian, giàu có tú lệ và huy hoàng, nhưng thiên đường đã bị cháy trụi. Sau hỏa hoạn, Viên Minh Viên chỉ còn lại tàn cục ngổn ngang, vị đế vương ngày xưa bị trọng thương và phải chạy trốn, còn ai có thể chuyển bại thành thắng? Nó không còn đứng tách biệt với thói tục nữa, không còn quốc sắc thiên hương nữa, bắt đầu từ khoảnh khắc bị hủy hoại dung nhan, nó đã bị định sẵn kết cục không thể tiếp tục khuynh quốc khuynh thành. Một vị đế vương cưỡi bỏ long bào, gỡ vương miện xuống, đánh rơi quyền trượng, còn có thể thống trị thiên hạ, hô hoán phong vân chăng? Trời cao lấy lại quyền lực hô mưa gọi gió của ngài, từ đây, đến tư cách của một bình dân bách tính cũng chẳng còn nữa. Có lẽ, đã từng có một Viên Minh Viên mang phong cách vương gia, không cam chịu làm một người bình thường, còn sống lúc nào cũng phải huy hoàng đỉnh thịnh, chết đi cũng phải rực rỡ thành tro.

Khi bạn khóc thương cho nó, đau lòng vì nó, bị phần thay nó, thì nó lại thức tỉnh một cách ngạo nghễ. Sau khi đá ngọc đều đã tan thành bụi tro, giấc mộng tàn vẫn còn lưu dấu, cho nên nó chẳng hề cô đơn. Trong những tháng ngày sống yên khởi lạnh, gìn giữ vùng gò hoang này, gìn giữ lầu gác trống không, mặc người đời cảm thán hồi tưởng, thậm chí nghĩ muôn ngàn cách để gương vỡ lại lành. Đây là kỷ nguyệt thực dài nhất trong lịch sử, chỉ là sau cơn trầm luân, trăng lại càng sáng tỏ hơn xưa.

Vẫn nói, mây khói thoáng qua, thế nhưng rõ ràng có thể tìm thấy bóng dáng rơi rớt của chuyện cũ ngày xưa trên những tảng đá xếp chồng. Trong khoảng không gian rộng lớn này, vẫn thấp thoáng vương khí tàn dư. Những kỳ trân dị bảo đã bị cướp sạch, bị thay thế bằng sự tàn khuyết, vỡ vụn một cách ung dung, hoa lệ, Viên Minh Viên đã chảy cạn máu, chỉ còn lại linh hồn là chưa từng bị rút đi. Đi tìm hình bóng của ngày hôm qua trong linh hồn còn ở lại, Viên Minh Viên khô héo dần dần đầy tràn trong ký ức.

Viên Minh Viên ra đời vào những năm Khang Hy, trưởng thành trong vương triều Ung Chính, rực rỡ trong thời thịnh thế Càn Long. Vua Ung Chính còn giải thích rất cặn kẽ rõ ràng hai chữ “Viên Minh”: Viên mãn mà tinh diệu, ấy là sự hợp thời hợp lẽ của người quân tử vậy; sáng suốt mà chiếu khắp, ấy là trí tuệ của bậc thông đạt vậy. Những người dân tộc Mãn Châu sống trên đại mạc hoang vu, thích ngắm nhìn xanh biển biếc, khi mới bước chân vào Tử Cấm Thành, họ bị giam cầm bởi những kiến trúc tường đỏ ngói xanh, trong lòng đã nảy sinh sự chán ghét và mỗi một. Thế nên, họ trưng thu rất nhiều ruộng đồng hồ nước để tu sửa và xây dựng vườn cảnh ở ngoại ô thành Bắc Kinh.

Viên Minh Viên nằm ở ngoại ô phía tây thành Bắc Kinh, vùng đất tập trung dày đặc các vườn cảnh, tựa như ẩn chứa long mạch của hoàng tộc khiến đế vương các đời si mê không dứt. Khi mới cho xây vườn, hoàng đế Khang Hy không hề ngờ rằng Viên Minh Viên sẽ đạt tới tình trạng phồn thịnh như thế, và càng không ngờ, thời đại thịnh vượng của Đại Thanh hơn một trăm năm sau sẽ gặp phải một kiếp nạn thế này. Nước đầy sẽ tràn, trăng tròn sẽ khuyết, khi đến như thủy triều dâng, khi đi như thủy triều rút, cơn sóng ào ạt mạnh mẽ này đã đầy tràn đến mức vô tiền khoáng hậu vào thời thịnh thế Càn Long, và nó cũng dần dần tiêu biến trong vương triều của ngài. Đến nay, chúng ta chỉ có thể ôn lại giấc mộng xuân trong vườn Viên Minh trên những ký hiệu của lịch sử, những gì mà thời gian có thể để lại cho chúng ta thực sự chỉ Thế Âmà thôi.

Lịch sử vẫn như xưa, chèo thuyền mà đi tới, nhất định sẽ vớt được những mảnh vỡ chìm sâu dưới đáy thời gian. Đứng trên những tảng đá bị vứt bỏ, chạm tay vào những dấu vết của Tây Dương Lầu, đi qua luồng gió chống chọi, kết hợp những ký ức vụn vặt của Viên Minh Viên với nhau. Không còn tồn tại nữa có nghĩa là đã từng tồn tại, chỉ cần bạn đến với một trái tim vui vẻ hiền hòa là có thể khôi phục nguyên trạng những tảng đá chất đống, những vật cũ ngổn ngang, khôi phục nguyên trạng cảnh tượng thịnh vượng của năm nào.

Viên Minh Viên, là một quần thể vườn cảnh hoàng gia kết hợp kiến trúc vườn cảnh cổ điển Trung Quốc và vườn cảnh châu u. Có bốn mươi danh thắng nổi tiếng hấp thu tinh hoa của vườn cảnh trong thiên hạ, thu thập sự tuyệt diệu của vạn vật tự nhiên, chứa đựng xúc cảm của gió mây nhân gian, những địa điểm truyền kỳ và thần thánh, hùng vĩ và tráng lệ của nó thì chữ nghĩa và hội họa đều không thể nào tả xiết được. Chỉ có thông qua tư duy sáng suốt cởi mở, xuyên qua lĩnh vực rộng lớn của tinh thần mới có thể ngắm hết vẻ lộng lẫy của Viên Minh Viên.

Bạn nhìn thấy một khu vườn của vạn vườn - nơi trăm sông đổ về một biển, thì sao có thể không kinh ngạc mà cảm thán trước sự bác đại tinh thâm của văn hóa dân tộc Trung Hoa? Người ta đã dùng tài nghệ kỹ năng thần thông tinh diệu đến đâu mới có thể sáng tạo điêu khắc nên khu vườn cảnh tuyệt thế này? Giữa mây khói tàn lụi, sao không thể quên được năm xưa nó đã từng đỉnh thịnh và giàu có đến nhường nào. Có lẽ, chỉ có thời thịnh thế Khang Càn mới có được khí phách vững chãi ấy, mài vàng ròng thành mực nước, rẩy khắc một vùng trời chói lọi.

Rê đắm cỡ đại, ánh tà dương đang cản tầm mắt, hồn phách Viên Minh Viên đã và đang quay về trước sự nhiệt tình kêu gọi của vô số du khách. Trong Càn Chính Thân Hiên Điện vẫn còn nhìn thấy bóng dáng của hoàng đế Ung Chính đang cầm cúi phê duyệt tấu chương, vị quân vương tin thờ Phật giáo này có thể đã từng tu đạo tham Thiền ở chốn Bồng Lai Dao Đài chăng? Trong cung điện Tây Dương vàng son chói lọi phải chăng chính là tổ ấm tình yêu mà Càn Long xây tặng cho Hương phi? Vị giai nhân lạnh lùng tuyệt sắc ấy bị cầm tù trong giấc mộng hoàng thất phồn hoa, cho đến lúc chết đi, linh hồn còn có thể tỏa ra mùi thơm kỳ lạ hay không?

Giữa mê trận Hoàng Hoa[13], từng ngọn đèn hoa sen chiếu sáng cả bầu trời Đại Thanh, khi hoàng đế Càn Long say đắm vui vẻ trong mê cung, sao có thể đoán được sự mơ hồ của thế sự? Trên đỉnh cao rạng rỡ của vương triều, cho dù là hoàng đế cũng không thể tiên tri được, những gì họ có thể làm chỉ là ôm ấp yến oanh, giải bày hết niềm vui sướng bình sinh. Thế nên, trong đầm hoa sen, ngài nhẹ nhàng vung mái chèo là đến được Giang Nam, nhìn thấy mưa khói hoa lạnh, nhìn thấy đình viện thâm sâu.

[13] Hoàng Hoa trận là một mê trận hình chữ nhật, mô phỏng mê cung kiểu Tây, kiến trúc trung tâm là một ngôi đình kiểu Tây có tám mặt. Mê trận phía Nam Bắc dài 89 mét, phía Tây Đông rộng 59 mét, tường trận tổng cộng kéo dài hơn 1600 mét, xung quanh trồng các bụi cây thấp, cho nên mê trận dễ vào khó ra. Trung tâm của Hoàng Hoa trận xây đình dài cao, khi giải trí, hoàng đế thường ra lệnh cho thái giám bày trò trốn tìm trong Hoàng Hoa trận, còn mình ngồi trên đài cao để xem. Thời kỳ thịnh vượng của Viên Minh Viên, tương truyền vào đêm Trung thu, hoàng đế cử hành lễ hội hoa đăng tại đây, các cung nữ tay cầm đèn hoa sen bằng lụa vàng, đi đi lại lại trong mê trận, người nào đến được viên đình ở trung tâm trước tiên sẽ được ban thưởng. Vì Thế Âmê trận này được gọi là Hoàng Hoa trận.

Rất nhiều vườn cảnh và danh hồ như thủy mặc của Giang Nam đã bị nhuộm màu trong khung cảnh Viên Minh Viên từ lâu, mưa khói làm ẩm ướt long bào của Càn Long, sương sớm thấm đầm xiêm áo của Hương phi. Khi trăng sáng chìm trong lòng nước, liệu họ có biết giấc mộng Đại Thanh sẽ mau chóng bị những

người Tây Dương lặn lội vượt biển lớn đánh thức hay không? Hóa ra, bờ bên này và bờ bên kia chỉ cách nhau một dòng nước mà thôi.

Khi cơn hỏa hoạn tựa như thủy triều dâng trào, cho dù bạn đã trốn vào tận sâu của tiên cảnh Thiền Phật ở chốn Bồng Lai Dao Đài, nấu mình trong xuân sắc Võ Lăng chốn suối Đào Hoa thì cũng bị chôn vùi. Viên Minh Viên thứ gì cũng có, được sở hữu những thứ tốt nhất thế gian, vậy mà khi khiếp nhược lại chẳng chống chọi nổi một ngọn lửa. Khi liên quân Anh Pháp phá vườn xông vào, hoàng đế Hàm Phong đang trên đường cuống quýt chạy trốn. Gót sắt Bát Kỳ rốt cuộc đã hiểu rằng giáo mác và cung tên không địch nổi với đạn pháo Tây Dương. Vì kinh sợ mà đào vong, cờ chiến tan nát vì pháo đạn đốt cháy, liên quân Anh Pháp giẫm lên thi thể của tướng sĩ quân Thanh mà tiến lên phía trước.

Viên Minh Viên tựa như một trang giấy mỏng manh, chúng không cần mất công thổi lửa mà vẫn có thể xua quân tiến vào, cướp bóc phá phách bằng sạch muôn ngàn bảo vật hoàng gia lưu giữ, cuối cùng, đốt một ngọn lửa lớn, thắp sáng cả bầu trời để quốc Đại Thanh. Nếu không phải là nỗi đau cắt da cắt thịt, vương triều Đại Thanh ngủ mê man suốt trăm năm có lẽ vẫn không thể thức tỉnh giấc mộng này. Thế nhưng, tỉnh giấc vào lúc này liệu có phải đã quá muộn rồi chăng? Họ chỉ có thể cử hành lễ chôn cất nỗi bi thương trong ván cờ thảm bại này, sau đó, đen tối vẫn hoàn đen tối, đau đớn vẫn hoàn đau đớn, ngu muội vẫn hoàn ngu muội.

Mối họa này thực sự là do Càn Long gieo rắc sao? Khi Khang Hy ý thức được sự tân tiến phát triển của văn hóa phương Tây rồi sẽ có ngày trở thành mối lo của Trung Quốc, Càn Long vẫn còn cố chấp cho rằng đế quốc Đại Thanh chính là ông vua của thế giới. Trong vườn Viên Minh, ngài mặc ý thỏa sức, đối giang sơn lấy rượu nồng hoan ca. Khi bạn nhận thấy sự cố chấp nhiệt tình xây dựng Viên Minh Viên của Càn Long, liệu có nhìn thấy Tần Thủy Hoàng dựng cung A Phòng, Tùy Dạng để đào Đại Vận Hà hay không? Nếu không phải vạch một nét mực màu tô đậm trong sử sách, làm sao có thể đối lấy sự huy hoàng được cả thế gian ngưỡng mộ? Rốt cuộc chẳng ai ngờ rằng, công trình kiến trúc vĩ đại ấy lại bị thiêu cháy thành tro trong một giấc mộng chưa bao giờ tỉnh thức?

Ngọn lửa lớn cháy rừng rực ba ngày ba đêm không ngừng nghỉ, khói mù mịt nghi ngút bao trùm cả thành Bắc Kinh, làm cay xè muôn vạn đôi mắt của con dân Trung Quốc. Sự nhu nhược của vương triều Đại Thanh đã bị ngọn lửa Viên Minh Viên soi tỏ, không chừa lại điều gì. Sau khi toàn thân dập nát, ai sẽ đến trị thương cho nó? Thế nhưng, chẳng ai sẽ lau máu và lệ của Viên Minh Viên, mảnh đất cháy đen đó đã tàn tạ lại càng tàn tạ hơn.

Khi quốc nạn đến nơi, có bao nhiêu người bước vào Viên Minh Viên tro bụi mịt mù, nhặt lại những viên ngói vỡ cháy sém đỏ, không phải để đánh thức ký ức đau buồn, mà là để che chắn cho khu vườn nhà mình. Họ không đến trị thương, mà ngược lại, nhân cơn hỏa hoạn để hôi của cướp bóc, đó là vì thương đau đã khiến họ tê liệt hay sao? Những người đã bước qua mảnh đất này còn có thể đứng giữa càn khôn sáng láng nói mình thanh bạch hay không? Viên Minh Viên vô tội, nó đã từng bị người khác làm tổn hại, đã từng bị chính mình làm tổn thương. Nước mắt cạn khô, không còn đau buồn nữa; cuối cùng rồi những người đi trước thời đại sẽ đánh thức nó, những trái tim có lòng thương xót sẽ bảo vệ nó.

Cung đàn Đại Thanh đã đứt, lại có người tấu một khúc đã thất truyền trên cây đàn không dây. Viên Minh Viên đúng là chỉ còn lại một vùng hoang vu lạnh lẽo không tình thần, không tình cảm hay sao? Không, không phải, nó rõ ràng đang giữ gìn một cách có tình có nghĩa khu vườn cảnh bị tàn phá của chính mình. Khu vườn cảnh trống không này vẫn còn đang hít thở, những phiến đá dưới chân vẫn còn hơi ấm, bạn có cảm nhận được chăng? Có lẽ sẽ có một ngày, sự trống rỗng của Viên Minh Viên sẽ được lấp đầy, sẽ tái hiện lại được cảnh tượng huy hoàng của “vua của vạn vườn”. Có lẽ tháng ngày tương lai nó vẫn giữ dáng vẻ hoang vu như trước, không phải để cho bạn đau lòng, không phải để nhắc nhở bạn nhớ đến điều gì đó, chỉ đơn giản là tồn tại trong lịch sử mà thôi.

Sắc chiều vầy bủa, trắng treo bầu không, vàng trắng sáng treo lừng lờ trên bầu trời Viên Minh Viên năm ấy, cũng tròn như lúc này.

Đệ cử Thành Nam

Ở Bắc Kinh, thời gian là một đám khói mù, luôn đem đến cho người ta một loại ảo giác: Đường như đến lúc nằm mơ cũng mơ thấy tình cờ gặp gỡ một vị đế vương nào đó, đến nằm mơ cũng phải ngang tàng, cũng

phải cao quý. Những gì nhìn thấy đều là phong cảnh phú quý vàng son trong cung đình, những gì lưu lại đều là hồi ức trong hoàng thất. Nhưng không biết vẫn còn có một nơi gọi là Thành Nam, chiếm cứ nửa giang sơn của Bắc Kinh, nơi đó hội tụ phong tục của bách tính, cất giữ tình dân thuần phác đơn sơ.

Thành Nam, là một cách gọi đầy thâm tình ngụ ý, khiến người ta bước vào trong không gian hoài cổ một sát na, tỏa ra một không khí cổ xưa mộc mạc. Trong mơ, để vương trở thành bình dân, trút bỏ long bào, khoác áo vải lên người, vứt bỏ tôn quý để trở về thuần phác. Bạn phát hiện ra rằng, đời người vốn là trạng thái nóng lạnh đan xen, ngũ vị đầy đủ. Trong khoảng thời gian già đi, sẽ hoài niệm lại một câu chuyện cũ Thành Nam, như thể tìm thấy cổ hương ở nơi chân trời góc bể, cả hai đều thân tình giản dị mà cảm động tới tận tâm can.

Thành Nam của Bắc Kinh là một cuốn sách ghi chép những chuyện thể thái nhân tình, là một tấm ảnh cũ thuật lại chuyện xưa, là một quyển tranh vẽ phong tục rơi rớt đầy bụi bặm của tháng năm, cũng là một bộ Hý khúc cổ chuyên diễn xướng các làn điệu Kinh xoang Kinh vận. Câu chuyện của Thành Nam, có chuyện rơi trong chén một quán trà, có chuyện lại vang lên trong tiếng chiêng trống của sân khấu kịch, có chuyện phơi trên sào phơi quần áo trong tứ hợp viện, còn có chuyện lẫn trong mưa khói của những ngõ hẻm.

Nơi đây dường như từng có lũ khách nào ngang qua, bước vào trong Thành Nam, bạn liền như được thêu lên khung cảnh cổ xưa nguyên thủy này, cảm thấy mình cũng là một người Bắc Kinh chính gốc, tổ tiên đời đời sinh sống ở Thành Nam, sống dưới chân hoàng thành, chưa từng rời đi nơi khác. Thế nên, bạn có tính cách của người Thành Nam, bạn kiên trì gìn giữ linh hồn cổ kính này, không muốn bị các trào lưu thời thượng làm kinh hãi sức tĩnh. Dưới bánh xe lịch sử bon bon, Thành Nam cũng có rất nhiều biến đổi, thế nhưng lòng dân, phong tục của dân trong đời sống phố thị vẫn y như năm nào.

Đi vào ngõ hẻm, cũng như lần gỡ những câu chuyện xưa cũ mà vẫn nồng hương, một hơi ấm quen thuộc ủa tới phủ vào mặt. Ánh dương soi rõ những hạt bụi bay trong không khí đang run rẩy ướt xuống những viên ngói, bạn ngắm nhìn vẻ cổ kính nhuốm màu thời gian này, thậm chí mê đắm một nhúm rêu xanh mượt mát vừa mới mọc trong góc tường. Con ngõ cổ này tựa như không có điểm kết thúc, những người khách qua đường đến và đi lướt qua bạn, họ bước chân hối hả, thế nhưng cả đời vẫn chẳng thể đi ra khỏi ngõ hẻm phồn tạp này.

Cô gái có đôi mắt linh lợi trong veo ấy có thể chính là Tiểu Anh Tử trong “Chuyện cũ Thành Nam[14]”, ánh mắt sáng rực của nàng lôi kéo những hồi ức ấu thơ ngây ngô, một chút lòng thành đã làm rung động muôn vạn người đi đường. Những người phụ kéo xe tay đi đi lại lại trong khung cảnh đó phải chăng chính là Tường lạc đà[15], người Thành Nam ngồi trên xe đang mơ những giấc mơ của mình, còn anh đang mơ được sở hữu một chiếc xe kéo. Cho dù giấc mơ của họ thành hiện thực hay tan vỡ, họ đều là những người không thể nào xa rời khỏi Thành Nam.

[14] “Chuyện cũ Thành Nam” (Thành Nam cựu sự) là tuyển tập truyện ngắn tự xuất bản của nữ nhà văn nổi tiếng Lâm Hải m, lấy cuộc sống từ năm bảy tuổi đến năm mười ba tuổi của mình làm bối cảnh, xuất bản năm 1960. Toàn bộ tập sách thông qua đôi mắt trong sáng thơ ngây của Anh Tử, để quan sát những vui buồn giận dữ, bi hoan ly hợp của thế giới người lớn, nỗi sầu muộn nhàn nhạt và nhớ nhung sâu lắng đã làm xúc động hết thế hệ độc giả này đến thế hệ độc giả khác, trở thành tác phẩm tiêu biểu trong các sáng tác của bà. Sau này, tác phẩm được đạo diễn Ngô Di Cung chuyển thể thành phim và đã đạt nhiều giải thưởng, có sức ảnh hưởng lớn.

[15] Tường lạc đà hay còn gọi là Lạc đà Tường Tử, một nhân vật trong truyện ngắn cùng tên của nhà văn Lão Xá.

Nơi đây hội tụ biết bao bình dân áo vải, trong số đó có những đào kép Lê Viên[16], cũng không thiếu người ở tay sai, thậm chí còn có rất nhiều kỹ nữ cư trú ở đây. Thế nhưng, không thể vì sự hèn mọn tầm thường của đời sống mà bóp méo bôi nhọ cuộc đời họ, xóa bỏ ký ức về họ trong lịch sử. Bởi vì trong sự hỗn loạn của chốn ngõ hẻm cũng ẩn tàng rất nhiều huyết thống quý tộc, linh hồn tao nhã. Nơi đây từng lưu giữ sự ảm áp trong cơn hoạn nạn, tình nghĩa rút đao tương trợ, khi chìm đắm ở nơi đây, cái người ta bị cảm nhiễm hẳn là vô vàn tình người chân thật.

[16] Lê Viên: Nơi Đường Huyền Tông dạy các cung nữ hát múa, sau dùng để chỉ sân khấu hát kịch nói chung.

Khói lửa Thành Nam mịt mù dày đặc, nhưng bạn không thể nào kháng cự được thói đời đã khói lửa hun nhèm. Đứng giữa dòng người hỗn tạp, còn có thể suy ngẫm một cách trầm tĩnh, phát hiện ra suốt nhiều năm qua, thứ mà ta theo đuổi lại không phải là sự nhàn nhã không tranh cầu với thế gian, mà là một kiểu nhân sinh đơn giản và hài hòa. Thành Nam áo vải là nơi có thể xếp đặt linh hồn mình yên ổn, có thể gửi gắm tuổi xuân của mình ở đó, thoát nhìn tưởng như khói bụi mờ mịt giăng kín, nhưng thực ra hết thảy lại đứng ở bên ngoài.

Một quán trà cổ kính sẽ lay gọi những tình cảm hoài cổ nào đó trong sâu thẳm nội tâm của bạn thức tỉnh, bước qua ngưỡng cửa tuế nguyệt là nhìn thấy bóng dáng Lão Xá[17]. Những bộ bàn ghế gỗ của quán trà vẫn còn tốt như trước, nhưng lại bị khách dùng thời gian lau đến sáng bóng, sạch sẽ không một hạt bụi. Thường thức một bình trà trong pha bằng những câu chuyện kể, như thể đang thưởng thức nhân sinh trăm vị, hương trà thanh đậm ấy càng làm say lòng người hơn là vị rượu nồng cay.

[17] Lão Xá (1899 - 1966): Nhà văn Trung Quốc, đại diện tiêu biểu cho dòng văn học Kinh phái.

Ở nơi đây, có thể mặc sức bộc bạch sự cô độc đã tích tụ lâu ngày trong trái tim, cũng có thể một mình tự tận hưởng nỗi tịch liêu giữa đám đông ồn ã. Đây là nơi nghỉ ngơi của linh hồn, bạn có thể sống uống phí ngày hôm qua, tiêu ma ngày tháng, lần nữa ngày mai mà không một chút lo ngại, những gì đã từng có và mất đi đều không còn quan trọng nữa. Bởi vì, không ai có thể so đo với bạn, khoảnh khắc này, khoảnh khắc chênh choáng ngất ngây này, đã hoàn toàn thuộc về bạn.

Ở Thành Nam mọc lên rải rác vô số hội quán cũ, lầu kịch cũ to có nhỏ có, chúng đã diễn vô số câu chuyện, đã khép lại biết bao mộng cũ Lê Viên. Trong sân khấu của Thành Nam, ném trải văn hóa phố thị, đồng thời nhìn qua một bức rèm là có thể thưởng thức được văn hóa của hoàng thành. Thực ra, khoảng cách giữa Thành Nam và hoàng thành chỉ là một bức tường cổ mỏng manh và dễ vỡ, dưới cùng một bầu trời, chúng thậm chí còn có thể nghe thấy hơi thở của nhau.

Bước vào ngõ hẻm cổ kính của Thành Nam, trong quá khứ đã trôi qua như nước chảy mây trôi, hồi tưởng lại một đoạn nếp cũ nền xưa của chốn kinh kỳ, kiếm tìm những anh hùng trong Kinh kịch. Họ dùng các kỹ thuật biểu diễn như thay đổi khuôn mặt, hát nói, bước đi, phát tay áo, dáng điệu... để chinh phục lòng người, đồng thời cũng là để vượt qua chính mình. Sức hấp dẫn của Hý khúc chính là khiến những anh hùng đã chết, những câu chuyện đã cũ kỹ theo thời gian sống lại trong những vở kịch, lần nữa dốc hết vào sinh mệnh, nuôi dưỡng tâm hồn.

Một đoạn “Bá Vương biệt Cơ[18]” đã tạo nên vai diễn tuyệt thế vô song của Mai Lan Phương, kỹ thuật hát nói lên bổng xuống trầm, thành thực đầy đặn, phong thái uyển chuyển dịu dàng của ông đã từng chấn động cả kinh thành. Họ từng bình phẩm chuyện quốc gia đại sự trên sân khấu, nhìn tận khách nhiệt tình kích động dưới khán đài, linh hồn đôi bên giao thoa gặp gỡ lẫn nhau, phô bày bằng hết thời gian vô hạn trong kịch quán Lê Viên. Tháng năm âm thầm đổi thay, những diễn viên nổi danh đã từng uy vũ hùng tráng rời sân khấu trong bối cảnh bốn mặt Sở ca, tin rằng trải qua sự trầm lắng của lịch sử, phượng hoàng tới Niết Bàn, họ sẽ lại lên sân khấu trong sự náo nhiệt của tiếng trống chiêng rộn rã.

[18] “Bá vương biệt Cơ”: Tên một vở kịch nổi tiếng, kể về giai đoạn Hán Sở tranh hùng, Hán vương nghe theo kế sách của Trương Lương, hội hợp với chư hầu đánh Sở. Khi Sở vương đóng quân ở Cai Hạ, quân ít lương thực hết, bị quân Hán bao vây vòng trong vòng ngoài. Bá vương Hạng Vũ không ngủ được, bỗng nghe bốn phía tiếng Sở ca vang lên, hóa ra là mưu kế của Trương Lương. Trương Lương biết quân sĩ của Hạng Vũ đều là người đất Sở, thế nên sai quân Hán cao giọng hát Sở ca, để làm lay động lòng quân. Hạng Vũ nghe xong kinh hoàng, than rằng: “Lẽ nào Hán vương đã lấy được đất Sở? Tại sao người Sở trong quân Hán lại nhiều đến thế?”. Thế nên ông bước xuống giường, uống rượu trong lều. Bá vương có người thiếp yêu là Ngu Cơ và con ngựa quý Ô Chuy, đã khăng khải sâu thẳm hát ca, hát rằng: “Sức nhỏ núi chừ, khí trùm đời. Thời vận không may chừ, Chuy không chạy. Ngựa không chạy chừ, làm sao được. Ngu Cơ ơi Ngu Cơ, biết làm sao?”. Ngu Cơ múa theo tiếng ca, Bá vương trông thấy, tự biết mình sẽ bại, nước mắt ròng ròng. Tả hữu nhìn thấy Bá vương biệt Cơ đều khóc lóc thảm thiết theo.

Mộng cũ Lê Viên tự nó có tình cảm, còn chốn đình viện thâm sâu lại im lìm không tiếng động. Những khu tứ hợp viện nằm khuất sâu trong ngõ hẻm phủ đầy gió bụi của lịch sử, như một người già đã trải qua hết những nỗi tang thương, bình thản kể lại câu chuyện mây gió của Thành Nam. Những sân vườn nơi đây có nhiều nét tương tự với sân vườn ở Giang Nam, hoa hạnh mưa khói cũng rải rác khắp nơi, cũng ẩn chứa ánh

trắng vàng vạc; nhưng lại khác với Giang Nam ở chỗ, nó thiếu những con đường nhỏ quanh co uốn lượn, mà thay vào đó là khí khái đơn giản mà lớn lao của chốn kinh thành.

Kiến trúc tứ hợp viện áp dụng kết cấu đối xứng theo phương thức truyền thống Trung Quốc, tọa bắc hướng nam, hai bên phía đông tây là nhà ngang. Trên cửa sổ, cột nhà đều vẽ và chạm khắc trang trí một số hình vẽ mang ngụ ý tốt lành, ví dụ như “tùng hạc diên niên”, “hỷ thưc đăng mai”, “phúc thọ song toàn”... Bách tính ở Kinh thành sinh sống trồng hoa trồng cỏ trong khuôn viên tứ hợp viện, mấy đời chung sống dưới một mái nhà, sống một đời sống hết sức thanh nhàn thanh thoi, cùng hưởng chung niềm vui của đạo luân thường. Họ đem những lời cầu nguyện, những mong ước tốt đẹp khắc vào trong những bức bình phong chạm hoa kiểu cũ, đem những câu chuyện bình thường khóa vào trong những ngăn kéo bằng gỗ, tứ hợp viện chính là nơi cư trú của sinh mệnh, là cội hương của tâm hồn.

Ở Bắc Kinh, cho dù Thành Nam hay Thành Bắc đều tập trung vô số toà nhà tứ hợp viện, cho dù vương công quý tộc hay bình dân áo vải, họ đều sống cuộc sống tự kiếm tìm niềm vui trong những khoảng sân hoặc hoa lệ hoặc giản đơn thô lậu này. Lão Xá đã từng sống, Lỗ Tấn đã từng sống, Lương Khải Siêu đã từng sống, Mai Lan Phương đã từng sống, Tề Bạch Thạch đã từng sống, còn có vô số danh nhân và muôn vàn bách tính không biết tên đã từng sống ở tứ hợp viện tựa như một phong cảnh không thể biến mất khỏi nơi này, ở Kinh thành, vĩnh viễn dõi trông và bảo vệ cho giấc mộng của họ.

Đi giữa phong cảnh và cảnh vật cổ xưa sâu sắc nơi Thành Nam của Bắc Kinh, vẫn còn khu chợ Thiên Kiều mang đậm đặc sắc Bắc Kinh xưa, đều cắm rễ đâm chồi trong Kinh thành. Cho dù trào lưu thời đại đã sớm như gió xuân quét qua toàn bộ thành phố Bắc Kinh, nhưng vẫn không thể cuốn đi sạch sẽ những nền nếp cũ của Thành Nam. Bởi vì sự mới mẻ không thể thay thế được sự cổ xưa thuần phác, cũng như những tòa nhà cao tầng chót vót không thể thay thế được những khuôn viên tứ hợp viện, tương lai không thể thay thế được quá khứ.

Dẫu có một ngày, Thành Nam sẽ phải đối diện với vận mệnh bốn mặt Sở ca, nhưng chúng ta hãy tin rằng, nhất định sẽ có một ngõ hẻm, một quán trà, một lầu kịch, một khu tứ hợp viện được lưu lại trong lịch sử, cho dù đơn độc giữa đời, nhưng vẫn tồn tại một cách rõ ràng, mang tới cho người đời những sự vật, hiện tượng chân thực, mà không phải là những hồi ức hư ảo. Trong thời đại tôn sùng sự đơn giản, trở về cái chân thực, bảo vệ và giữ gìn văn vật cổ xưa này, còn có giá trị đến mức khiến người ta lo lắng? Chúng ta đang giữ gìn những kỷ tích mà xưa kia hủy hoại, đang cố gắng trân trọng những gì xưa kia đánh mất, đang lựa chọn đứng cảm trước những gì xưa kia sợ hãi, Thành Nam của Bắc Kinh sẽ vĩnh viễn không để cho cái mới thay thế cái cũ, để những vết thương nứt chằng niềm vui.

Có người nằm mộng dưới ánh nắng mặt trời của Thành Nam, có người lại đi tìm giấc mộng trong những tháng ngày của Thành Nam. Bạn đang ở Thành Nam kể lại câu chuyện quá khứ, mà tương lai sẽ có người kể lại câu chuyện của bạn. Trong vẻ đẹp cổ xưa này, đến luân hồi cũng đáng được vui vẻ thanh thản, bởi vì những gì biến mất có thể trở lại, những gì ly tan có thể hội tụ. Trong ngõ hẻm sâu thẳm của Thành Nam đó, không biết ai là người đang hát khúc “bên ngoài trường đình, bên con đường cổ, cỏ thơm xanh biếc tận chân trời”, một khúc “Ly biệt” đã lời kéo biết bao cảm động kết tụ trong đáy tim, bạn đến với trái tim, bạn làm nhòa ướm khung cảnh phía xa bằng đôi mắt mờ lung. Khi tiễn biệt, có cuộc tiễn biệt bi tráng hoang lạnh như tiễn Kinh Kha trên sông Dịch Thủy, lại có cuộc tiễn biệt tình nghĩa ấm áp như ngắt cành liễu gửi tặng cố nhân. Nhưng tiễn biệt ở Thành Nam, lại là nỗi buồn chẳng biết bằng hữu đã lưu lạc phương trời nào, lại là sự lạnh lẽo một bình rượu đục uống cho bằng hết.

Là ai đã nạm sắc chiều tà lên những vật cũ của Thành Nam, và lại là ai đã khắc hoàng hôn của Thành Nam lên những dấu tích của thời gian, gió đêm lướt qua bờ dương liễu, tịch dương còn mãi ngoài núi xanh. Đứng trên con đường cổ nhân sinh lưu luyến, giữ mãi khung cảnh không lời của Thành Nam, thời gian đã mài mòn tuổi xuân, nhưng thời gian lại chưa từng già đi. Bạn hãy nhìn xem, Thành Nam vẫn là Thành Nam của năm ấy, chuyện cũ vẫn là chuyện cũ của ngày hôm qua.

26. Chương 26: Trùng Phùng Trên Biển

Bước lại gần thành phố này, có lẽ chỉ cần một khoảnh khắc; phân tích một đoạn nhạc, cần thời gian bao lâu? Trong tim mỗi người đều có một bến Thượng Hải thuộc về riêng mình, trong thành phố khí thế hào hùng, phong tình lãng mạn này, chúng ta đều đang kiếm tìm một tình tiết liên quan đến văn hóa âm nhạc. Bởi vì, trong giang hồ sâu không thể dò này, chúng ta đều là những con thuyền xa bến, cần một khúc ca vượt sông, cần một chốn về cho tâm linh...

Ngọc sáng phương Đông

Đây chính là bến Thượng Hải. Một thành phố gió cuộn mây trào, một thành phố trăm sông đổ về một biển, một thành phố hoa lệ tuyệt sắc. Thành phố này, đến không khí cũng tràn đầy sự mê hoặc, từ trong cốt tủy đều toát lên sự cao ngạo, nó thời thượng đi trước trào lưu, khí thế hào hùng mà phong tình lãng mạn. Nó chính là “Thập Lý Dương Trường[1]” của ngày xưa, và là viên ngọc của phương Đông ngày nay. Thành phố này có tấm lòng rộng như biển cả, nó dung nạp muôn vàn câu chuyện, sau cơn sóng to gió lớn, lại bị lung lay trước những tình cảm yếu mềm dịu dàng. Rất nhiều người đến với thành phố này và đã sáng tạo nên những cuộc đời phi thường của họ. Bởi thế, bản thân Thượng Hải chính là một huyền thoại. Nhân dịp triển lãm thế giới tổ chức ở Thượng Hải, chúng tôi đến Thượng Hải, bước vào cuộc sống tươi đẹp của người dân Thượng Hải, thưởng thức một quãng thời gian gió mây trên biển nơi đây.

[1] “Thập Lý Dương Trường”: Là tô giới Thượng Hải xưa hoặc là cảnh tượng phồn hoa ở tô giới, đây là biệt hiệu ô nhục khi giai cấp thống trị cuối thời Mãn Thanh đền đất đền tiền cho các nước phương Tây.

Bến Thượng Hải vào buổi tinh mơ như mới vừa thức giấc. Những tòa nhà cao tầng ẩn trong sương sớm đã làm mờ hết những đèn hoa rực rỡ trong đêm, khoác lên mình màu sắc mờ lung kỳ ảo. Bên bờ sông Hoàng Phố, tiếng còi tàu hú vang như phá vỡ mặt nước phẳng lặng, biến cảnh tượng mặt trời ló dạng trên sông thành một phong cảnh lay động lòng người, tất cả ký ức được mở tung trong khoảnh khắc này. Những tấm ảnh đen trắng đó, còn có tháng ngày quá khứ, tất cả đều chưa bị thành thị phồn hoa này lãng quên.

Tiếng chuông Đông Phương Hồng trên tòa nhà Hải Quan vang lên phía xa, cuộc sống mới mẻ mỗi ngày của Thượng Hải đều bắt đầu từ tiếng chuông ngân vang. Tháp truyền hình Đông Phương Minh Châu từng từng bên bờ sông, đã bắt đầu viết tiếp câu chuyện ngày hôm qua của Thượng Hải. Dòng người như thủy triều dâng, tỏa đi đến những tòa nhà cao tầng khác nhau, họ đã quá quen thuộc với phương thức sinh hoạt gấp gáp, vội vã này. Trong lúc vội vã, họ vung vãi nhiệt tình đến mọi ngóc ngách của thành phố, và để lan truyền cảm xúc đến những người hối hả tới đây từ những địa danh khác nhau.

Hai bên bờ sông Hoàng Phố, tiếng sóng vỗ rì rào như xưa, hàng ngày đều có vô số thuyền bè đến đi trên sông. Mặt nước thanh thang, mở rộng tấm lòng, lặng lẽ lắng nghe mọi người kể lại câu chuyện đời mình. Ở nơi này, họ đang trực vớt những câu chuyện, thu nhặt tâm tình và giải phóng những mơ ước. Những chìm nổi thăng trầm trong ngọn sóng, có biết bao người bên bờ sông Mẹ, vứt bỏ hết buồn vui ly hợp. Nhưng thời gian không lưu lại chút thương tích nào cho con người, cũng không mang đến cho con người bất cứ lý do nào để thất vọng và lười biếng, lười nhác và quẩn quanh.

Thượng Hải có một ưu thế bẩm sinh. Quần thể kiến trúc Vạn Quốc ở bến Thượng Hải mang phong cách khác biệt độc đáo, đã khiến đô thị quốc tế này luôn đi phía trước, dẫn đầu thời đại. Thành thị rực rỡ này tựa như chỉ trong chớp mắt là có thể tạo nên một chiếc áo mới. Một khi đã bước vào đô thị muôn hình vạn trạng này, không ai muốn quay đầu trở lại. Lịch sử của Thượng Hải đã hòa tan vào dòng nước của sông Tô Châu, êm đềm chảy xuôi. Cũng đã từng sóng biếc xôn xao, hết lần này đến lần khác thanh tẩy linh hồn con người, mài sáng ký ức cổ xưa, khiến chúng ta càng thấu hiểu một cách tỉnh táo rằng, Thượng Hải - thành phố chịu trách nhiệm lãnh đạo dẫn dắt nặng nề này, đã dùng bộ xương sống dẻo dai, cứng cỏi của nó để gánh đỡ sự trông mong kỳ vọng của biết bao người khác. Sự phồn hoa của thành phố này, đã trở thành phong cách ăn sâu vào gốc rễ, không thể thay đổi được. Văn hóa Hải phái[2] nồng hậu mà độc đáo, đã lây lan đến từng ngóc ngách nhỏ, từng kẽ hở của thành phố. Những sự vật mới mẻ có thể làm phong phú tư tưởng, cũng có thể khiến quá khứ tỏa ra một thứ mùi vị đượm hương hơn nữa. Mỗi ngày của Thượng Hải đều được trân trọng lưu giữ trong hồi ức; mỗi ngày của Thượng Hải, đều tiếp tục truyền kỳ của ngày hôm qua.

[2] Hải phái: Chỉ chung trường phái mang phong cách Thượng Hải.

Nghे một đoạn trong chiếc đĩa hát cũ, tựa hồ giai điệu nhạc Jazz cũ của Thượng Hải đã dẫn chúng ta trở về Thượng Hải năm nào. Đoạn nhạc Jazz mang đầy âm hưởng phương Đông đó đã khiến những ký ức đen trắng bị lãng quên được phủ lên một màu sắc tình cảm tuyệt đẹp. Dưới chiếc máy phát cũ kỹ, chiếc đĩa màu đen kéo kết phát ra âm thanh đều đều như tiếng cửa mở ra đóng vào. Chìm đắm trong tiếng nhạc du dương uyển chuyển, trong sâu thẳm đáy lòng ập ứ một tình yêu vô hạn đối với thành phố này. Những âm điệu vụn vặt vừa xa xôi vừa mênh mang, lặn sâu vào linh hồn, những âm điệu ấy luôn luôn vô tình làm ướt đầm đôi mắt.

Kim đọc của máy quay đĩa xoay vòng, tựa như thời gian lưu chuyển, trong tình cảm sâu nặng lại mang theo sự phóng khoáng tự do. Mà cuộc sống sắc màu rực rỡ của Thượng Hải, vẫn tiếp diễn trong dòng chảy này. Thời gian tựa như một lưỡi dao sáng loáng và sắc nhọn, luôn cắt bỏ những chi tiết phức tạp, chỉ giữ lại những khoảnh khắc giản đơn. Miên man suy nghĩ hoài niệm, lại khó tránh khỏi bị thời gian thôi thúc, sợ rằng chỉ trong chớp mắt, sẽ không nắm giữ được bóng dáng thoáng qua của thành phố này.

Thượng Hải đẹp nhất khi vào đêm. Dưới những ánh đèn màu sắc sỡ, đường Nam Kinh hóa thân thành một cô gái ăn vận thời trang trẻ trung, yếu điệu để mời chào khách qua đường. Những ngọn đèn sáng rực bao quanh, chạm vào nhau lóe ra những đốm lửa đẹp tuyệt. Biết bao tối tăm đều trở nên thu hút mọi ánh nhìn chỉ trong khoảnh khắc. Những chiếc xe chở khách tham quan đi qua đi lại, dòng người chuyển động như tuôn trào, những cửa hàng san sát, những bảng hiệu hộp đèn dao động, đã phô bày hết cuộc sống tiểu tư sản ở Thượng Hải và sự lãng mạn thời thượng của đô thị lớn. Trên tòa nhà Công ty Bách hóa Vĩnh An, có người đang biểu diễn kèn saxophone. Những âm điệu tuôn trào như một ly rượu vang thơm nồng, khiến chúng ta phải thưởng thức một cách dịu dàng nhất. Cơn say ngán ngủ trong chốc lát rồi trở lại hiện thực, Thượng Hải vào đêm vẫn như xưa, vẫn khuynh thành như thế.

Ở Thượng Hải, biển biếc nường dâu có lẽ chỉ là một quá trình ngắn ngủi. Thế nhưng cái mới mẻ chưa bao giờ có thể thay thế hoàn toàn cái cũ, một nền văn hóa sâu đậm sẽ không thể bị trào lưu mới vùi lấp. Thượng Hải là một ly cà phê cần người ta phải chuyên tâm xay mịn, điều chế, tỉ mỉ pha và thưởng thức, hương thơm nồng ấm lan tỏa và bao trùm toàn bộ thành phố này, thời gian đã đi thật xa, nhưng dư hương vẫn còn đọng lại, xua mãi chẳng tan. Khi người ta đang hưởng thụ sự phồn hoa và dẫn đầu của Thượng Hải mới, đồng thời cũng sẽ ôn lại sự xinh đẹp và phong tình của Thượng Hải cũ.

Ngõ nhỏ ở Thạch Khố Môn như một con đường ký ức xa xăm, ngắm nhìn phong cảnh phía xa, kéo theo những rung động, cảm xúc về khói lửa Thượng Hải xưa. Một bầu không khí nên thơ lãng mạn của Thượng Hải xưa bỗng bồng bềnh trôi nổi bên trong Thạch Khố Môn, không có những khoảng sân trang hoàng hoa lệ, không có những phong cảnh muôn hồng nghìn tía. Thế nhưng, đàn tề cổ trăm năm ẩn sâu trong ngõ nhỏ, đã chuốc cho cả con ngõ chênh choáng say. Mấy cụm hoa vàng và rêu xanh đang tô điểm cho cuộc đời. Ngõ hẻm thực ra không sâu, không dài là bao, ánh nắng vụn vỡ lại như đang khắc vào lòng người, mở bung những tình cảm đã bị giấu kín bao lâu nay.

Một đóa hoa bím bím leo tường nhìn bao quát hết thấy cảnh xuân trong sân, ngắm đến tận cùng những hồi ức phù hoa. Cánh cửa sổ nửa đóng nửa khép, sào phơi áo trên lan can, cầu thang gỗ cũ mềm đều là những vai diễn chính của khung cảnh nơi đây. Những giọng Ngô mềm mại thỏ thẻ ấy đang hát vang trên chốn lầu gác nhỏ hẹp. Trong ngõ hẻm, một tiếng gọi khê Hoa Dành Dành, Hoa Bạch Lan, gợi nhớ quá khứ, mát mẻ nhàn nhạt.

Tường bao bên ngoài Bách Lạc Môn đã bị đổi thành những ô cửa sổ sát đất quay tròn. Trong cảnh đêm rực rỡ sắc màu, nó như chiếc áo sườn xám hoa mỹ, tư thế yếu điệu xinh đẹp đang đánh thức giấc mộng xưa Thượng Hải đã ngủ say suốt nửa thế kỷ. Những ca kỹ phiêu dạt hát bài “Dạ Lai Hương” đó đã mang đến một dấu tích thời gian cho Thượng Hải về đêm ngày nay. Thời thế chuyển dời, biết bao sự vật cùng chìm nổi thăng trầm vì Thượng Hải, và cũng tái sinh vì Thượng Hải. Ở Thượng Hải, sườn xám là một biểu tượng cổ điển trang nhã, vẻ đẹp đậm chất Á Đông mà gợi cảm luôn khiến người ta nảy sinh những tưởng tượng vô cùng vô tận. Cho dù nó có cổ điển đến đâu, thì nó vẫn luôn có năm tháng tươi trẻ nhất. Sự tinh tế của sườn xám đã làm tôn thêm vóc dáng mềm mại, thanh tú, khí chất tao nhã của những cô gái Thượng Hải, đã xinh đẹp lại càng thêm yếu điệu thanh tân. Họ vận lên người những chiếc sườn xám, miêng xinh chúm chím cười, thần thái trên khuôn mặt, giữa nét mày càng khiến người ta nhớ đến những người con gái xinh đẹp khuynh thành của Thượng Hải xưa. Sườn xám tựa như luôn chứa đựng một thứ tình cảm bẩm sinh đối với họ, và cũng mang một duyên phận không thể chia cắt với thành phố này.

Thượng Hải khi trút bỏ chiếc sườn xám, lại mang một vẻ đẹp kinh hãi thế tục. Sự rạng ngời hào hoa của nó, thiên nhiên không thể đeo gót nên, xưa nay đều cất giấu trong từng cái chau mày, từng nét cười. Chúng ta đổi những góc độ quan sát khác nhau, thì thành phố này vẫn phong cách và tươi đẹp y như vậy, kèm theo cả niềm hạnh phúc rạng rỡ như hoa phô bày khắp thành phố này.

Sông Hoàng Phố lúc này, vẫn lặn tẩn gọn sóng như xưa. Những con sóng dập dềnh xô về phía trước, từ không đến có, từ chậm đến mau. Còn chúng ta, không cần lặn xuống tận đáy sông để vớt những khối bụi của quá khứ. Chúng ta chỉ cần ung dung cất giấu những ký ức về sông Hoàng Phố, những truyền kỳ về Thượng Hải vào trong tay nải hành lý.

Nhớ mãi thành phố này, nó tên là Bến Thượng Hải.

27. Chương 27: Mùa Xuân Thượng Hải

Vẫn luôn cho rằng, những gì tình cảm nhất, có thể an ủi linh hồn nhất trên thế gian này đều thuộc về âm nhạc. Thứ âm điệu du dương uyển chuyển, sâu xa trong vạt ấy bông bênh trên bến bờ của thời gian, đẹp không sao tả xiết. Nó có thể khiến tâm tình hỗn loạn trở nên trầm lắng trong chớp mắt, cũng có thể khiến những mặt hồ phẳng lặng trong trái tim nổi sóng lao xao. Con người và âm nhạc là nhà khách tương phùng. Rất nhiều ca khúc quen thuộc luôn xuyên qua phong cảnh phồn hoa hỗn tạp, lướt đến bên chúng ta chỉ trong một sát na vô tình.

Vô tình gặp gỡ một tòa thành, là duyên phận; tương ngộ với văn hóa âm nhạc của một thành phố, cũng là duyên phận. Lễ hội âm nhạc quốc tế mùa xuân Thượng Hải lần thứ 28, đã mở màn một cách thi ý, tao nhã dưới ánh xuân muôn nghìn hồng tía. Đây là lễ hội âm nhạc kéo dài nhất trong lịch sử Trung Quốc, nó diễn ra vào tháng Năm, mùa hoa ngọc lan nở, để xướng lên muôn hình vạn trạng những giai điệu của nửa thế kỷ. Từng âm điệu linh động, réo rắt bùng nổ một cách yên tĩnh lại nhẹ nhàng, xúc động lại miên man giữa Thượng Hải - đại đô thị quốc tế này.

Trong Lễ hội âm nhạc kéo dài ba tuần, 35 buổi hòa nhạc kinh điển đến từ hơn mười quốc gia như Trung Quốc, Nga, Italia... đã lần lượt ra mắt một cách đặc sắc. Đó là nhân duyên định mệnh, khiến những người khách qua đường như tôi và bạn đều ở lại đô thị Thượng Hải phồn hoa này, khiến chúng tôi tụ hội với nhau giữa mùa xuân, trao cho nhau những chén nồng ngày tết, lắng nghe những âm điệu thiên nhiên tuyệt vời. Đây là một vũ đài hoa lệ, nó có đủ khí thế và hoài bão để trình diễn một cách hoàn hảo. Lễ hội âm nhạc quốc tế “Mùa xuân Thượng Hải”.

Cái gọi là “kiến trúc là âm nhạc hóa đá[3]”, phòng hòa nhạc Thượng Hải được mệnh danh là “Nhà hát Opera Paris của Thượng Hải”. Kiến trúc của nó mang phong cách châu Âu cổ điển, những đồ trang trí hoa lệ tuyệt mỹ, đã trang hoàng cho Lễ hội âm nhạc trở nên thi ý mà tao nhã gấp bội. Chính nhờ công trình nhà hát rực rỡ chói mắt này, đã khiến rất nhiều sự vật vốn xa lạ không hẹn mà cùng tới, giao hòa với nhau, rung động linh hồn. Đây hẳn là một bữa tiệc thịnh soạn bậc nhất, diễn ra khi sắc xuân nồng đượm đang vào độ chín, sẽ khép lại trong tiếng vỗ tay và hoa tươi khoe sắc. Vẻ đẹp cảm động đó, không phải đáng về yểu điệu là lướt, mà nó sẽ hóa thành những ngọn sóng dạt dào không dứt, chảy mãi không tan trên sông Hoàng Phố.

[3] Một câu nói của thi hào Goethe

Hết thủy đến di đều có nguyên do. Mùa xuân Thượng Hải phải nở bùng diễm lệ như thế, là vì nền văn hóa sâu sắc vững bền của Thượng Hải và thổ nhưỡng đặc biệt của đô thị này, cùng với những truyền kỳ đầu đầu cũng thấy ở nơi đây. Cho nên, cho dù chìm sâu trong lòng sông Hoàng Phố, hay là chảy trôi trên dòng Tô Châu, hoặc là xuyên qua ngõ hẻm cổ kính Thạch Khố Môn, thì vẫn luôn có thể tìm thấy phong thái đa dạng và mùi thơm lừng của đô thị này. Đây là thành phố nơi trăm sông đổ về một biển, từng câu thơ từ đều hàm chứa cả một câu chuyện hoa mỹ, mỗi một âm điệu lại có thể nảy sinh một mối tình tráng lệ. Mà cảnh trí của thành phố và vạn vật có linh tính, đều có thể yên vui trong âm nhạc.

Bước lại gần thành phố này, có lẽ chỉ cần một khoảnh khắc; phân tích một đoạn nhạc, cần thời gian bao lâu? Trong tim mỗi người đều có một Bến Thượng Hải thuộc về riêng mình, trong thành phố khí thế hào hùng, phong tình lãng mạn này, chúng ta đều đang kiếm tìm một tình tiết liên quan đến văn hóa âm nhạc. Bởi vì, trong giang hồ sâu không thể dò này, chúng ta đều là những con thuyền xa bến, cần một khúc ca vượt sông, cần một chốn về cho tâm linh. Âm nhạc hay, có thể khiến cả dòng nước mùa xuân đổi màu. Âm nhạc hay, là hòn đá bắc qua sông, là bếp than chia hơi ấm, và cũng là ngọn đèn sáng soi trong đêm tối.

Giai điệu dặt dìu, đẩy một cánh cửa gọi là Tuế Nguyệt ra, ký ức của mấy đời nhạc sĩ đều không tìm được mà mở bung ra trong Lễ hội âm nhạc này. Sự vinh quang của quá khứ, và sự sáng đẹp của ngày nay đã được phô diễn hết mực trong những tháng ngày nhàn nhạt. Thượng Hải đã dành một sân khấu tân tiến nhất, tao nhã nhất cho những sản phẩm âm nhạc kinh điển. Mà sân khấu này lại khiến ột loạt nhạc sĩ, nhà diễn tấu trở thành những diễn viên chính trong lịch sử. Có lẽ, thứ âm nhạc thực sự làm rung động lòng người, không phải là thứ âm nhạc sáng chói phù phiếm như bảy sắc cầu vồng, cũng không phải là thứ âm nhạc sáng lạn chói mắt như viên ngọc sáng phương Đông, mà là một tình yêu thuần khiết, nó chất phác đến độ khiến người ta chỉ biết cảm động mà than rằng nó tuyệt diệu khôn cùng, không gì sánh nổi.

Sinh mệnh vốn là một bài hát có nhạc đệm, mỗi một con người đã trải qua những năm tháng dài đằng đẵng của cuộc đời, mà vẫn có thể không hề đổi thay, đó chính là sự khẳng định thuần túy nhất đối với người hát. Khúc ca đó, là chỉ giữ nguyên một màu trong khung cảnh mùa xuân muôn ngàn màu sắc, là chỉ tìm một người duy nhất trong dòng người đi lướt qua nhau, là chỉ múc một gàu nước duy nhất trong ba ngàn Nhược Thủy. Khi cô độc, sẽ gắn với nhau như hình với bóng; khi mê đắm, sẽ không chia lìa xa cách. Cho dù trong đô thị quốc tế Thượng Hải này, người đến người đi vội vã biết bao, dòng người lưu chuyển nhanh gấp đến đâu, thì văn hóa âm nhạc vĩnh viễn sẽ không bị thời gian quên lãng.

Nước xuân trên sông, gió xuân khắp thành, thành phố thánh địa văn hóa âm nhạc Thượng Hải này, mang đến sự ngơi nghỉ an tĩnh cho những lữ khách đang dạo nước giữa chốn thế tục khói lửa. Đóa hoa ngọc lan tháng Năm đó, đã bung cánh nở rộ trong những ngày cuối cùng của mùa xuân. Thế gian mệnh mỏng ngút tầm mắt, vẫn còn biết bao sự vật có thể vĩnh hằng, biết bao năm tháng có thể tiêu phí. Duy chỉ có âm nhạc, nó như một cái cây nở đầy hoa của thời gian, yên tĩnh chiếm một góc nhỏ trong kiếp này, ngắm nhìn xuân qua thu tới, phàm trần lai vãng, mà vĩnh viễn không héo tàn.

Vốn cho rằng Bến Thượng Hải sóng cả cuộn trào, một ngọn sóng là đủ nhấn mình vào thứ tình cảm mềm dịu. Nhưng chẳng ngờ, quần quanh trong những âm điệu tao nhã, những hạnh phúc và điều tốt đẹp của ngày hôm qua đến hôm nay vẫn còn có thể chạm vào được. Cầu ủa xuân Thượng Hải sẽ đi qua năm tháng trên vũ đài nhân gian. Cầu ột khúc thanh âm của thời thái bình thịnh thế, ca ngợi vẻ đẹp của non sông, thể hiện quãng thời gian lãng mạn.

Dư âm trên biển

Đời người luôn là một chuỗi hồi ức liên mạch, cho dù bản thân có sống ở nơi phồn hoa đến mấy, có biết vinh hoa phú quý đến nhường nào, thì vẫn có lúc, một bài hát cũ cũng có thể dẫn dắt chúng ta quay về quá khứ, ôn lại một đoạn tuổi xuân như nước chảy trôi. Thượng Hải xưa như một giấc mộng cũ ngủ say, vốn tưởng rằng xa cách trăm năm, cảm giác ấy đã sớm tan biến, thế nhưng rất nhiều cảm giác quen thuộc lâu ngày không gặp đều hiện hữu trong một bài hát cũ. Chúng ta chỉ cần nhẹ nhàng đi xuyên qua con đường năm tháng, đến ngã rẽ của một mùa nào đó, là có thể cùng Thượng Hải thấu hiểu lẫn nhau.

Người ta nói, Thượng Hải đẹp đến mức không có cách nào phục chế được, đến khi phồn hoa rơi rụng thành bụi trần, thứ lay động tâm can vẫn là câu chuyện xưa như sương khói. Cho nên, đi trong thành phố Thượng Hải rộng lớn ngựa xe như nước, trong lòng trước sau vẫn có một khoảng trống rộng yên lặng. Luôn tưởng rằng, dòng người lướt qua nhau sẽ không bao giờ gặp gỡ một cách tao nhã. Kỳ thực, trong sự nên thơ ý vị có thể bắt gặp ở bất cứ đâu ở Thượng Hải, chúng ta đều ôm ấp cùng một giấc mộng, và cần dựa vào những ký ức cũ kỹ đó để thả lỏng tâm tình.

Đi vào đường Phương Tân, nơi này khác với sự sáng lạn, hoa lệ của Thượng Hải mới, nhưng lại gặp gỡ sự ý vị cổ kính của Thượng Hải xưa. Nơi đây được gọi là “phố cổ Thượng Hải”, nó mang phong cách điển nhã cổ phong thời Minh, Thanh, trưng bày rất nhiều tấm ảnh cũ, ảnh lịch, họa báo cũ. Những đồ vật cũ đã bị thời gian quên lãng nhiều năm ấy, vốn đã mất tăm tích trên những con phố thương mại nổi tiếng như đường Nam Kinh, đường Hoài Hải, nhưng lại có thể bắt gặp ở bất cứ nơi đâu trên con phố cổ này. Đèn lồng đỏ

treo cao dưới mái hiên cửa hàng, và lá tử kỳ phát phơ trong gió, bằng phương thức cổ điển, tao nhã nhất, thuật lại ngày hôm qua muôn vàn sắc thái của Thượng Hải xưa cho những lữ khách lai vãng nơi này.

Những người bạn từ các quốc gia trên thế giới, từ ngũ hồ bốn biển đến đây, họ mang theo gió bụi của trời nam đất bắc, và gặp gỡ nhau trên con phố cổ kính dài hun hút này. Họ muốn tìm kiếm giấc mộng đã bị thất lạc từ lâu trong phong cảnh thời xưa, hay chỉ vì muốn tô điểm thêm một khung cảnh khác thường vào hành trình sinh mệnh của bản thân? âm nhạc của Thượng Hải xưa chậm chậm chảy trôi trong đáy sâu của thời gian, rồi bao trùm và lan tỏa khắp thành phố. Chúng ta không kìm nổi chìm đắm trong tiếng ca, hy vọng giữa biển người mênh mông gặp được cái người duyên phận kiếp này đã định ấy. Chúng ta là con thuyền trôi nổi, còn phố cổ là bến đậu. Cuộc gặp gỡ giữa muôn vạn người, không thể quá sớm, cũng không thể quá muộn, cho đến khoảnh khắc đôi bên nắm tay nhau mới đột nhiên vỡ òa, hóa ra tất cả chờ đợi đều là xứng đáng.

Nếu như nói nhân sinh là một chuyến tu hành, vậy thì những gì chúng ta phải làm chính là tìm một phương trời thanh tịnh, nắm tay bên nhau, cười ngất gió mây, như Thế Âm mới không phụ những tháng ngày tươi đẹp của cả một đời. Trong tiết trời cuối xuân này, rất nhiều người đang chìm sâu trong âm điệu của chiếc máy hát cũ, và trong những ca khúc vừa chân thực vừa hư ảo, vừa hàm súc lại vừa hướng nội, để có được tình cảm ấm áp và sự vui vẻ.

Tòa nhà Tiểu hồng lâu Trung Xướng nằm trong công viên Từ Gia Hội, cuối thế kỷ 19, công ty đĩa hát EMI nước Pháp xâm nhập vào Thượng Hải, mang theo chiếc máy hát thời thượng. Loại máy móc này đã khiến cho người Thượng Hải đương thời cảm thấy hưng phấn lạ thường, rất mau chóng nó đã trở thành trào lưu thời thượng nhất toàn bộ bến Thượng Hải.

Tiểu hồng lâu Trung Xướng là một tòa nhà có phong cách khác biệt, đã kinh qua bảy, tám mươi năm mưa gió tang thương mà vẫn bảo lưu được phong thái phi phàm năm xưa. Lò sưởi xây liền tường, đèn treo, máy hát cũ đĩa than, những đồ vật cũ này mang một vẻ đẹp như ảo như mộng khiến người đến tham quan cảm tâm tình nguyện say đắm nó, gửi gắm cảm xúc ở nơi đây, và chắc chắn rằng đây chính là chốn quay về yên tĩnh nhất giữa trần thế huyền ảo.

Tiểu hồng lâu Trung Xướng đã cất giữ biết bao sự phồn thịnh và huy hoàng mà ngày nay không thể nào sánh kịp. Dường như tất cả những nhân vật đình đám trong lịch sử nghệ thuật Trung Quốc hiện đại đều từng để lại dấu chân, hoặc sâu hoặc nông ở nơi này. Ở nơi này, Nhiếp Nhĩ từng sáng tác “Khúc tiến quân ca của nghĩa dũng quân”, Lê Cẩm Quang đã sáng tác “Dạ Lai Hương”, bản “Hoa hồng, hoa hồng anh yêu em” của Trần Ca Tân cũng được thu âm lần đầu ở đây. Nắng trời bóng mây của quá khứ đã tan biến, khi gió mây lắng lại, sẽ lại có một truyền kỳ khác nối tiếp ngày hôm qua tuyệt đẹp.

Trong phim của hãng Paramount có một câu rằng: “Khi nhạc Jazz trong Bách Lạc Môn vang lên, bạn không thể cự tuyệt được mà xoay người một cách hoa lệ.” Nửa thế kỷ trước, Bách Lạc Môn đã từng nổi tiếng khắp trong và ngoài nước với danh hiệu “Đệ nhất nhạc phủ Viễn Đông”. Có rất nhiều nhạc sĩ xuất sắc của dòng nhạc Jazz xuất hiện ở nơi đây, họ đã khảm một tầng sắc thái tình cảm đậm đặc lên nhạc Jazz. Nghe nhạc Jazz, giống như điều chế một ly rượu dung hòa cả Đông lẫn Tây, vừa có sự cổ điển Phương Đông đầy lãng mạn, khiến những người đã từng thưởng thức sẽ vương vấn mãi không quên, và chìm đắm trong cảnh trí huyền ảo rực rỡ ấy. Gặp gỡ Bách Lạc Môn, bất cứ một lần quay người nào đều khiến người ta phải ngoái nhìn hồi tưởng nhiều lần.

Bách Lạc Môn càng trở nên lung linh muôn hình vạn trạng trong cảnh đêm rực rỡ sắc màu, bao nhiêu âm đậm đen tối đều bị tan chảy bởi vẻ đẹp diễm lệ của những “Ca nữ Thiên Nhai[4]”. Đôi lúc, một chiếc sườn xám hoa mỹ cũng đủ làm khuynh đảo tất cả khán giả Thượng Hải về đêm, là thành phố không có ban đêm, như thế bất cứ lúc nào bạn cũng có thể chứng kiến cảnh tượng ca múa thanh bình. Nhưng thứ chúng ta cầu ước chỉ là trong khi tuổi xuân vẫn còn rực rỡ, giữa tiếng nhạc đặt dịu, say một giấc túy lúy mà tươi đẹp. Đợi đến khi tia nắng đầu tiên rót trên ban công mới tỉnh mộng.

[4] Một ca khúc nổi tiếng do Chu Tuyên thể hiện.

Đi xuyên qua ngõ hẻm Bách Khố Môn dài thăm thẳm mà chật hẹp, hết thấy hồi ức bị phong bế đã tuôn trào chỉ trong chớp mắt. Lầu gác bằng gỗ, những dây leo xanh thẫm bò lan, ý vị nên thơ nồng đậm bao trùm khắp thành Thượng Hải xưa. Một khúc ca cũ quen thuộc không biết vắng đến từ khung cửa nhà ai,

trong không khí hoài niệm chuyện cũ người xưa lan tỏa mùi hương thanh nhã của hoa dành dành. Nếu như không phải ngõ hẻm có điểm tận cùng, thì tất cả lũ khách đến đây đều ngộ nhận rằng, thời gian đã trôi ngược trở lại đến mấy chục năm. Còn chúng ta chính là những người Thượng Hải cũ chính gốc, trong con hẻm đầy khói lửa, yên bình sống những tháng năm đậm bạc.

Thượng Hải như một tòa thành của số mệnh, những người đến đây, hễ bước lạc vào trong không gian âm nhạc hoài niệm, thì sẽ không thể quên nổi mối tình này. Những người này thích ngồi dưới ánh nắng chiều, uống một ly trà, trong giai điệu của chiếc đĩa hát cũ, lật giở từng tấm ảnh cũ, bắt đầu hồi tưởng lại ký ức xưa. Những người này thích đi xuyên qua ngõ nhỏ phố lớn, ngắm những cảnh vật nhân tình của thành phố này, để bản thân chìm đắm trong chuyện cũ thắm trầm của Thượng Hải xưa. Bao nhiêu năm trôi qua, vật cũ đã đổi chủ từ lâu, tiếng sóng bên bờ sông Hoàng Phố vẫn như xưa - buông lời hẹn ước không gặp không về với mỗi người khách qua đường.

Chúng ta đều tin vào gặp gỡ nhân duyên, nếu thực sự có duyên phận, cho dù phải trải qua ly biệt lâu đến đâu, rốt cuộc cũng sẽ có một ngày trùng phùng. Cho dù vật đổi sao dời, nhân thế đổi thay, những người đã đi xa ấy, vẫn sẽ quay về cạnh ta. Ngỡ rằng đã để lỡ những tháng năm như hoa như mộng của Thượng Hải xưa, nhưng không ngờ vẫn có thể tìm thấy tất cả những thứ quen thuộc trước đây dễ như trở bàn tay trong một ca khúc hoài cổ.

Thời gian không đứng lại bao giờ, chúng ta không còn trẻ nữa. Rất nhiều câu chuyện phức tạp cũng già đi trong êm đềm, mà phong vân xưa của thành phố này vẫn còn đó. Nguyên cho cuộc tương phùng của tất cả mọi người với Thượng Hải đều là “Hoa chi mãn xuân, thiên tâm viên nguyệt.” (Xuân đến hoa nở trĩu cành, ngẩng đầu trăng ắt tròn vành trên không[5])

[5] Hai câu trong bài kệ Hoảng Nhất đại sư (1880 - 1942) viết năm 60 tuổi, đại ý nói rằng: Không cần theo đuổi mù quáng, tất cả đều nên thuận theo tự nhiên.

Tương phùng là bài ca

Đều nói tương phùng là một bài ca, cho dù tương phùng với con người, hay tương phùng với non nước cây cỏ, hoặc tương phùng với một thành phố, đều là một bài ca dao xúc động tâm can, ý vị sâu xa. Không phải tất cả mọi người đều có thể sát cánh đồng hành với mình suốt cả cuộc đời, nhưng lại có rất nhiều ca khúc bầu bạn với bạn, với tôi như trước kia, đi qua thời gian mấy chục năm, mà vẫn hạnh phúc và ấm áp.

Tương phùng với một thành phố, cũng là tương phùng với một bài ca, Thượng Hải chính là một bài ca khiến người nghe một lần là không thể nào quên. Đây là một đô thị quốc tế hiện đại, trong mỗi góc ngách đều tràn ngập mộng ước thần kỳ, đều sáng tạo nên những truyền kỳ mà trước đây chưa từng có. Đây cũng là một thành phố cổ trải qua hết mọi mưa gió tang thương, mỗi ngõ hẻm của nó đều ẩn chứa những câu chuyện lâu năm, chất chứa nung nấu những mối tình êm dịu phong hoa tuyết nguyệt. Mà hết thảy những thứ này, đều được ngòi bút của lịch sử biết thành một ca khúc tuyệt mỹ sinh động. Thời gian sẽ lần lượt cáo biệt chúng ta, và thành phố phồn hoa cao quý này đã viết nên hết mây gió trăm năm, quá khứ khói bụi.

Đi xuyên qua những tòa cao ốc chọc trời thời thượng, dạo bước trong những ngõ hẻm cổ kính đơn sơ dài hun hút, cảm nhận về thành phố Đông Tây kết hợp, phong cách lạ lùng này. Những người lũ hành không biết đến từ nơi nào, và đi đến đâu, nhưng tất cả mọi cuộc tương phùng đều là một đoạn duyên phận hết như tâm ý. Dầu cho nhân sinh như bèo nước, trong những tháng năm như bóng câu qua cửa, mau chóng lướt qua này, chúng ta đều phải trân trọng duyên phận.

Thạch Khố Môn là một sản vật dung hòa nghệ thuật kiến trúc Trung Quốc và kiến trúc phương Tây, cũng là một khung cảnh không thể thiếu của đại Thượng Hải. Nơi đây đã dấy lên vô số sóng gió giang hồ, đã từng có biết bao thiếu nữ cô độc sinh sống ở đây. Tháng đối năm dời, rất nhiều cảnh vật đều đã đổi sang dung nhan mới, nhưng thời gian lại không thể nào xóa nhòa một nét ký ức của quá khứ. Thế nhưng ký ức cũng thật dễ quên, chỉ những người từng trải mới có thể sở hữu nó. Có lẽ chúng ta đều được số phận an bài không thể trở thành diễn viên chính của thành phố này nhưng lại có thể đứng dưới sân khấu đợi chờ phút mở màn và hạ màn của một vở kịch.

Lưng đeo tay nải đơn giản, nghe một bài hát cũ, chọn một phong cảnh, đi vào ngõ hẻm, đứng ở giữa nơi hồng trần khói lửa nhất, nhưng tận sâu thẳm trái tim vẫn sạch sẽ như đã từng được quét dọn. Chúng ta có thể phân biệt rất rõ ràng mùi vị của gió, và tình điệu độc nhất vô nhị của thành phố này. Không biết trên

giàn phơi quần áo trên ban công, đang hong khô chiếc váy hoa nhà ai; không biết trên lầu gác yên tĩnh của tòa thành đó, đã xảy ra biết bao câu chuyện nắng mưa tròn khuyết? Cho dù là lần đầu gặp gỡ, hay là phút tương phùng, thứ nơi đây đem đến cho bạn vẫn là sự quen thuộc và ấm áp. Cái gọi là “Nhân gian hữu vị thị thanh hoan[6]” (Điều thú vị nhất trên nhân gian này chính là niềm vui thanh đạm), khi chúng ta nhận ra và nếm trải tư vị của niềm vui thanh đạm nơi thành phố phồn hoa này, thì chúng ta đã thực sự đạt được tới cảnh giới tốt cùng đó.

[6] Một câu trong bài “Hoán kê sa” của nhà thơ Tô Thức đời Tống.

Hai bờ sông Phố, tiếng sóng như xưa, chẳng biết từ khi nào, chúng đã quen với việc say đắm trong một bài hát, yêu ý vị của ca từ, yêu giai điệu của ca khúc. Cho dù là buổi sớm mờ sương, hay là đêm tối rục rờ, những tòa nhà cao tầng hai bên bờ vẫn toát lên một phong thái mê hồn. Thượng Hải chính là một ly rượu nồng được cất kín ở nơi sâu thẳm của thời gian, khiến những người đến đây, giữa năm tháng như một khúc ca, đối lấy một chén, mới nhấp đã mềm môi.

Phố Tây là khu tô giới của Thượng Hải cũ, đại sứ quán của các nước hồi trước đều được xây dựng ở đây. Những đại sứ quán này như trang lịch âm treo trên bức tường năm tháng, chúng ta không cần cố ý hồi tưởng, mà đã có thể lần giở xem lại những tháng ngày đã qua. Trung tâm tiền tệ Lục Gia Chủ ở Phố Đông, quần thể kiến trúc mới cực kỳ đặc sắc, đã thay đổi diện mạo của thành phố này chỉ trong chớp mắt. Tháp truyền hình Đông Phương Minh Châu nổi tiếng ngạo nghễ cúi nhìn chúng sinh, bất cứ lúc nào, nó đều là một huyền thoại không thể vượt qua nổi của Thượng Hải. Đứng ở hai bên bờ sông Phố, ngắm nhìn kiến trúc Đông, Tây giao hòa, cổ kim kết hợp, trong lòng du khách trôi dạt một cảm giác thời gian và không gian dường như giao thoa. Dù cho là ban ngày hay ban đêm, bến Thượng Hải cũ hay mới đều khiến người ta phải tấm tắc ngợi khen.

Điền Tử Phường, một cái tên đơn giản mà đẹp dễ, một Thượng Hải nồng đậm. Đây vốn chỉ là một con phố nhỏ không tên tuổi, tồn tại lặng lẽ trong một góc nhỏ tầm thường nào đó của đại Thượng Hải. Không biết ai đã mở cánh cửa nghệ thuật, khiến văn hóa Hải phái đều ngưng tụ ở đây. Mà rất nhiều người chất chứa mộng tưởng trong lòng, từ các quốc gia, các thành phố khác nhau đến Điền Tử Phường, nguyện cùng văn hóa Đông Tây của nơi này giao hòa linh hồn, cùng chung một mối tâm tình đầy ý thơ.

Ở Điền Tử Phường có diễn xướng ca kịch do một số studio tổ chức thường xuyên, khách tới đây luôn chìm đắm trong các ca khúc, quên mất hành trình phía trước còn bao xa. Chính âm nhạc đã mở bung những linh hồn còn bị khóa kín, khiến ỗi câu chuyện bị lãng quên lần lượt quay trở lại theo giai đoạn xoay vòng. Trong trái tim của mỗi con người đều có một Điền Tử Phường, nó đem lại sự lãng mạn cho những người say mê nghệ thuật phương Tây, đem lại sự diễn nhả cho những người lưu luyến Thượng Hải. Ở Điền Tử Phường, không có sự phân chia khu vực vùng miền, tuổi tác cao thấp, giàu nghèo sang hèn, nghệ thuật và phong tình của nơi đây nguyện nắm tay sánh bước cùng mỗi người.

Thượng Hải - thành phố với phong cách kết hợp hài hòa giữa hiện đại và truyền thống đã thu hút ánh mắt của mọi du khách trên thế giới. Nó là một cô gái thời thượng, đi giữa những tòa nhà cao tầng, tư thế thướt tha tuyệt mỹ, và cũng là một thiếu nữ cổ điển tao nhã, mặc một bộ sườn xám, lưu luyến ngoái nhìn ngõ hẻm dài thăm thẳm. Chúng ta say đắm sự phồn hoa sáng lạn của Thập Lý Dương Trường, và cũng mê luyến sự ý vị nên thơ của những cảnh vật cũ của Thượng Hải xưa. Mà những tình cảm cổ kim giao hòa này xưa nay chưa từng mâu thuẫn, tựa như bất cứ lúc nào cũng đều có thể say đắm như nhau.

Tương phùng trong một khúc ca, từ đây đã yêu thành phố này, thương mến từng mái hiên, viên ngói, từng hạt bụi, mảnh đất nơi đây. Khi chúng ta ngỡ rằng thời gian đã lùi xa, những phồn hoa đã trở thành chiếc bóng của dĩ vãng, thì câu chuyện của Thượng Hải vẫn đang tiếp diễn. Năm tháng trôi đi âm thầm không tiếng động, nhưng nó để lại rất nhiều bài ca không lời, để lại những hồi ức sâu đậm cho chúng ta. Và khiến cho chúng ta mỉm cười giữa tiếng ca, cùng có niềm hạnh phúc như hoa nở giữa trần thế ấm áp này.

Đọc và tải ebook truyện tại: <http://truyenclub.com/nam-thang-tinh-lang-kiep-nay-binh-yen>